Vương Trí Nhàn
(Sưu tầm và biên soạn)

Trần Văn Chánh
(Tổng thuật và luận giải)

NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH

THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG CON MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thoạt đầu tôi cũng chỉ nghĩ thử đi tìm một số thói hư tật xấu thông thường, chuyện trong nhà chúng ta bảo nhau ngay được. Đọc kỹ vào những dòng chữ mà các bậc tiền bối đã viết bằng cả tình yêu và tâm huyết, thấy có lẽ phải đặt vấn đề một cách nghiêm chỉnh hơn. Nhiều nhược điểm nêu lên quá nghiêm trọng. Phải chăng đây là những nhận xét tổng quát có liên quan tới trình độ sống trình độ làm người của dân ta, chính nó là nguyên nhân hạn chế chúng ta trên đường phát triển?! Có một số nhược điểm cản trở nước ta gia nhập vào thế giới hiện đại.

VƯƠNG TRÍ NHÀN

NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH

THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT
TRONG CON MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC
NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH

THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG CON MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Vương Trí Nhàn
(Sưu tầm và Biên soạn)

Trần Văn Chánh
(Tổng thuật và Luận giải)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tựa

Tôi được biết đến tên tuổi nhà văn Vương Trí Nhàn từ khá lâu nhưng chủ yếu thông qua đọc sách báo, còn sự quen biết tiếp xúc thì chỉ mới vài năm trở lại đây khi có dịp gặp trao đổi với nhau về một số vấn đề văn hóa - lịch sử mà cả hai đang cùng quan tâm. Quan điểm thống nhất chung của chúng tôi (và có lẽ không chỉ riêng chúng tôi) là cùng cho rằng nước Việt Nam và dân tộc Việt hiện nay đang cần phải tích cực phát huy ưu điểm khắc phục khuyết điểm để cầu sự tiến bộ, mà phần khuyết điểm, hay nói khác đi, những thói hư tật xấu trong xã hội, phải được nhận thức đầy đủ và một cách công khai thẳng thắn trên cơ sở trước hết truy tìm nguyên nhân của chúng, không chỉ dựa trên nền tảng kinh tế - chính trị hiện tại mà còn phải truy nguyên vào nguồn cội văn hóa của dân tộc trong suốt quá trình phát triển lâu dài của lịch sử.

Cùng trong tinh thần đó, một số người (chưa nhiều) trong giới trí thức Việt Nam hiện nay đã bắt đầu chú ý đặt lại vấn đề đổi mới đất nước nhằm thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu theo hướng tiếp cận cội nguồn văn hóa, lịch sử vốn là nguyên

nhân gây nên những thói hư tật xấu như là căn tính của người Việt để tìm cách sửa chữa từ căn bản, thay vì cứ tiếp tục công kích vào những hiện tượng tiêu cực xã hội lẻ tẻ cứ ngày một phát sinh, gia tăng, kéo dài, và hầu như vô phương cứu chữa.

Theo Vương Trí Nhàn, *"Thông thường thì gọi là thói hư tật xấu của người Việt Nam, nhưng thực ra nó là trình độ sống, trình độ làm người của người Việt Nam… Điều quan trọng bây giờ là tự nhận thức mình xem anh là người thế nào, anh là ai. Tất cả tương lai của dân tộc nằm trong hành động này… Một trong những thói xấu của người Việt Nam là rất sợ nói đến thói xấu… Cả xã hội đóng băng trong sự tự khen thưởng… Nhưng thói xấu lớn nhất vẫn là sợ người khác nói xấu mình. Làm ăn với nước ngoài mà cứ lấy tinh vặt (ranh ma, khôn vặt) làm kế sinh lãi…"* (trích bài trả lời phỏng vấn báo *Tiền Phong*, 21.9.2006).

Nói về tính cách xấu, thì có lẽ một trong những tính cách xấu gần gũi nhất của người Việt Nam nói chung và của các nhà chức trách Việt Nam nói riêng là tính "tốt khoe xấu che": không chịu nhận những sự thật phũ phàng, đi liền với việc phô trương và thường phóng đại quá mức sự thật những mặt được tự coi là tốt, rất khớp với câu nói khá nổi tiếng của Vương Trí Nhàn: "Thói xấu lớn nhất của người Việt là rất sợ nói về thói xấu của mình".

Điều này không lạ, vì tâm lý chung của mọi người đều thích khen sợ chê, nên thói giả dối nịnh bợ trong quan hệ cá nhân cũng như trong quan hệ công tác luôn vẫn còn đất sống. Nói về thói xấu của cả một dân tộc như dân tộc Việt Nam lại

càng rất dễ bị "đòn roi", như tác giả Bá Dương đã từng phải chịu gian nan khốn khổ nhiều năm ở Trung Quốc bởi làn sóng dư luận tấn công dồn dập khi lần đầu tiên trong năm 1985 ông cho xuất bản cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* (do Lâm Bạch Xuất Bản Xã xuất bản tại Đài Loan, dưới tên chữ Hán "*Xú lậu đích Trung Quốc nhân*"), mạnh dạn nói huỵch toẹt ra hết những thói hư tật xấu của dân tộc ông, dù động cơ nói ra là từ nhiệt tâm yêu nước, tha thiết muốn cho dân tộc ông được tiến bộ, để các mặt trì trệ trong kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của đất nước ông được cải cách toàn diện.

Anh Vương Trí Nhàn tuy không nói ra, nhưng tôi đoán anh đã tìm được một cách tế nhị hơn, tuy cũng tâm huyết và nhằm vào mục đích không khác Bá Dương, bằng cách mượn lời người xưa để nói chuyện hôm nay, và đặt tên cho cuốn sách của mình là *NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH - THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG CON MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX*.

Như chúng ta đều biết, từ thời Đông Kinh Nghĩa Thục (1908), với phương châm "khai dân trí, chấn dân khí" như của cụ Phan Châu Trinh đề xuất, trên cơ sở phản tỉnh (tự xét lại), phản tư (suy nghĩ lại), nhiều nhà trí thức Việt Nam đã nhận ra sự thật là dân tộc Việt Nam trước hết cần phải tự xét lại mình về các mặt khuyết điểm để từ đó sửa chữa tiến bộ, thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nỗ lực phấn đấu theo kịp đà phát triển chung của văn minh thế giới. Vì vậy trước hết cần tập trung tự phê phán thói xấu, đả phá hủ tục, song song

với việc phổ biến tri thức mới, du nhập những tư tưởng tiến bộ và cổ vũ cho công cuộc mở mang công thương nghiệp.

Trong một bài báo đăng trên *Đông Dương Tạp Chí* (số 6 năm 1913), Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936) đã lý giải vì sao phải xét lại những thói xấu của người Việt: "*Các nết xấu, các hủ tục của người Việt Nam ta, cần nói hết ra, đừng có giấu giếm, ai cũng biết thì mới sửa được (...). Trong xã hội có nhiều hủ tục, đã thành thói quen của cộng đồng, một người hay một thiểu số không đủ sức đấu tranh để sửa mà nên phô bày ra, rõ ràng cái xấu, căn nguyên cái hại (...), thì mới sửa được*".

Cũng trong giai đoạn đầu thế kỷ XX này, cùng lúc và tiếp sau Nguyễn Văn Vĩnh, hầu hết những nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động cách mạng trong giới trí thức Việt Nam đều có phát biểu ý kiến xây dựng đất nước, dân tộc. Cuốn *NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH* này chính là một bản tổng hợp có hệ thống của Vương Trí Nhàn ý kiến phát biểu trên sách báo của các vị tiền bối đầu thế kỷ XX mà anh Nhàn đã cố công sưu tập được trong nhiều năm từ trong đống sách báo cũ, và để cho thế hệ trẻ thời nay dễ đọc, anh đã công phu làm thêm phần chú giải những từ ngữ khó. Ban đầu, công trình này được đăng dần trên báo *Thể Thao và Văn Hóa* năm 2005 - 2007, sau công bố lại trên Blog Vương Trí Nhàn. Có thể coi đây là một việc làm công phu, độc đáo, góp phần rất lớn vào việc "xét tật mình", mà người Việt thời nay, đặc biệt thế hệ trẻ có quan tâm tới tiền đồ dân tộc, nên coi là một tập cẩm nang xây dựng đất nước, trong tinh thần tham khảo học hỏi của

người xưa: "Học vu cổ huấn nãi hữu hoạch" (học ở những lời dạy của người xưa sẽ có thu hoạch bổ ích).

Tuy nhiên, để được khách quan và công bằng, nói đi rồi cũng phải nói lại cho khỏi rơi và chỗ cực đoan, tôi cho rằng những lời phê phán mạnh mẽ của một số trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX đối với thói hư tật xấu người Việt, mà tác giả Vương Trí Nhàn sưu tập được, đôi khi cũng có chỗ chưa hoàn toàn chính xác mà chúng ta ngày nay cần phải thận trọng xem xét, bởi nếu không, sẽ rất dễ rơi vào hướng ngược lại là tình trạng tự ti mặc cảm, bất lợi cho sự phát triển mọi mặt của dân tộc trong tương lai. Vì thế tôi cũng chia sẻ phần nào với ý kiến của một tác giả nọ đăng trên diễn đàn của báo *Tiền Phong online*: "*Người Việt có tính xấu chung của thế giới, có tính tốt rất riêng và rất đặc thù. Người Việt ở đâu cũng vậy, vẫn giữ những nét xấu riêng của mình, để đi đến đâu họ cũng bị nhận ra rằng: Đó chính là người Việt! Nhưng người Việt không bao giờ chỉ có tính xấu, người Việt cũng có rất nhiều cái tốt như mọi người đã biết! Tính xấu và tính tốt của người Việt hình như là bằng nhau*".

* * *

Nhà văn Vương Trí Nhàn sinh ngày 15.11.1942 tại Hà Nội (quê quán: xã Đông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), học đại học sư phạm hệ 3 năm, tham gia viết sách báo từ tháng 3.1965. Từng làm nghĩa vụ quân sự từ năm 1964 và tại ngũ cho đến 1979, sau đó chuyển sang làm việc tại Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Tác phẩm tiêu biểu có: *Sổ tay truyện ngắn* (1980, tái bản 1998), *Bước đầu đến với văn học* (1986), *Một*

số nhà văn hôm nay với Hà Nội (1986), *Những kiếp hoa dại* (chân dung và phiếm luận văn học, 1993, in lại 1994), *Cánh bướm và đóa hướng dương* (tiểu luận phê bình, 1999), *Những chấn thương tâm lí hiện đại* (phiếm luận, 2016)…

Anh Vương Trí Nhàn hiện nay tuổi đã quá "cổ lai hi", lại đang lâm trọng bệnh. Giữa tôi với anh chưa phải là chỗ thâm giao, nhưng anh đã ưu ái tin tưởng ủy thác cho tôi viết lời tựa này và chăm lo công việc xuất bản sách. Anh đề nghị đưa bài viết *"Tổng thuật thói hư tật xấu người Việt"* của tôi (đã đăng trên Tạp chí *Nghiên Cứu & Phát Triển*, số 3-4 [110-111], 2014, tháng 7.2014) lên đầu sách như một bài tổng thuật, luận giải thêm cho vấn đề đang xét, tôi vui vẻ đồng ý nhưng chỉ đưa để làm Phần II cho quyển sách này, như một cách bổ sung cho đề tài "người xưa cảnh tỉnh", đồng thời cũng là cách anh em chia sẻ tâm hướng lẫn nhau, có kỷ niệm chung với nhau trong cùng một quyển sách.

Tôi viết mấy lời trên đây trong niềm xác tín rằng, công trình *NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH* của Vương Trí Nhàn sẽ giúp ích rất nhiều cho thế hệ trẻ hôm nay trong việc nhận thức lại một cách chính xác về những ưu khuyết điểm của dân tộc mình, có phần khác hơn những gì họ đã từng được học trong các sách giáo khoa, từ đó nảy sinh tâm huyết đóng góp và biết cách đóng góp hữu hiệu xây dựng xã hội Việt Nam tốt đẹp hơn trong một tương lai không xa.

10.2018

Trần Văn Chánh

Thay lời nói đầu

TRÊN ĐƯỜNG TÌM HIỂU THÓI HƯ TẬT XẤU NGƯỜI VIỆT

Theo tôi "tìm hiểu thói hư tật xấu người Việt" đang là một nhu cầu của xã hội. Rút kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu đàn anh, và cũng là tự lượng sức mình, ngay khi xác định đề tài, tôi sớm đi vào sưu tầm tài liệu, tuyển chọn những khái quát, những nhận xét của lớp người đi trước, là các trí thức Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Đây là thời gian đất nước vẫn do người Pháp cai quản; nhưng ý thức dân tộc, nhất là phần tự ý thức về bản thân mình, có dịp nẩy nở hoàn chỉnh hơn bao giờ hết.

Tôi nói hoàn chỉnh với nghĩa tinh thần tự phê phán khá rõ.

Các nhà lịch sử khi nhắc đến Nguyễn Trường Tộ, thường chỉ nhắc đến những điều trần của ông, tức là những kế sách của ông trong việc cứu nước. Nhưng theo tôi, ông là người Việt Nam đầu tiên nhìn dân tộc một cách khách quan, xem xét và đánh giá cộng đồng theo những tiêu chuẩn thế giới.

Sau Nguyễn Trường Tộ, từ các nhà Nho trong tới các trí thức Tây học, tức là từ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế, Phan Khôi, Ngô Tất Tố, Tản Đà v.v.. tới Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Huy Liệu, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyên,... người nào cũng có đóng góp vào việc cảnh tỉnh, tức là việc vạch ra những thói hư tật xấu, để đưa cộng đồng bước vào giai đoạn lịch sử hiện đại.

Những phát biểu bao quanh chủ đề *thói hư tật xấu,* hoặc nói theo một danh từ đang trở nên thời thượng, những cố gắng dựng lại chân dung *người Việt xấu xí* mà tôi thu thập được trải rộng ra trên đủ mọi phương diện. Sau khi giới thiệu các đoạn này trên báo chí và các mạng, tôi tạm tổng hợp lại và chia thành một số cụm ý kiến như sau.

I. Ăn ở luộm thuộm, ăn xổi ở thì, vụng nói chuyện, nếp sống buông tuồng tùy tiện, a dua làm bậy, thị hiếu tầm thường, ham cờ bạc. Dễ tin nhảm, lòng tin sơ sài, biến thành mê muội. Quan niệm nông nổi về cuộc sống.

II. Bảo thủ, ngại thay đổi, cam chịu, đầu hàng hoàn cảnh, khiếp nhược trước những giáo điều ngoại nhập, suy đồi thoái hóa, hư vô trống rỗng. Bịp nhau chọe nhau, hay diễn trò, đạo đức giả, nhìn hàng xóm như kẻ thù, với người nước ngoài không thật lòng và đầy nghi kỵ.

III. Sống rời rạc đèn nhà ai nhà nấy rạng, kém ý thức pháp luật, đặt quyền lợi riêng lên trên cái chung. Tinh tướng khôn vặt "ăn cỗ đi trước lội nước đi sau", thực dụng vụ lợi vặt vãnh.

Coi nhẹ chữ tín. Thiếu khả năng đặt mình vào địa vị người khác. Quan hệ với thiên nhiên cẩu thả, thiếu tinh thần hướng thượng và óc lãng mạn chân chính.

IV. Đời sống tinh thần nghèo nàn, dễ thỏa mãn, không chuyên chú học hỏi nghiên cứu; học thiếu phương pháp, chỉ giỏi học lỏm. Nhiều nội dung văn chương học thuật phù phiếm. Bằng lòng với tình trạng tự phát, không đặt trí óc vào công việc.

V. Tầm nhìn hẹp, thiếu nhu cầu hoàn thiện, dễ bỏ cuộc, không đi tới cùng. Tình trạng phi chuẩn kéo dài, thiếu khả năng tự sàng lọc, không hình thành nổi bộ phận tinh hoa, dìm dập níu kéo nhau trong tình trạng bảo thủ trì trệ.

Sau nữa là sĩ diện, che giấu, dễ dãi với bản thân, không lo tự hoàn thiện mà chỉ sợ người ta biết thói xấu của mình.

Thoạt đầu tôi cũng chỉ nghĩ thử đi tìm một số thói hư tật xấu thông thường, chuyện trong nhà chúng ta bảo nhau ngay được. Đọc kỹ vào những dòng chữ mà các bậc tiền bối đã viết bằng cả tình yêu và tâm huyết, thấy có lẽ phải đặt vấn đề một cách nghiêm chỉnh hơn. Nhiều nhược điểm nêu lên quá nghiêm trọng. Phải chăng đây là những nhận xét tổng quát có liên quan tới trình độ sống, trình độ làm người của dân ta, chính nó là nguyên nhân hạn chế chúng ta trên đường phát triển?! Có một số nhược điểm cản trở nước ta gia nhập vào thế giới hiện đại.

Tuy nhiên chúng ta sẽ bình tâm hơn nếu biết rằng hầu như tất cả các dân tộc trên thế giới đều qua giai đoạn tự nhận

thức như thế này. Và họ thường nói về họ hết sức nghiêm khắc. Như với một nước gần với chúng ta là Trung Quốc. Lâu nay chỉ nghe nói đến cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* của Bá Dương. Nhưng nên biết là trước đó, dân tộc tính của người Trung Quốc đã được các nhà chính trị, các nhà văn hóa, các trí thức hàng đầu đất nước này đề cập tới. Lương Khải Siêu bảo dân Tàu quen óc nô lệ chỉ biết vì mình, các thói xấu như ngu muội, nhút nhát, lừa đảo, võ đoán, giả dối... không gì là không có. Với Tôn Trung Sơn thì người Trung Quốc trình độ kiến thức thấp, xã hội giống như một chậu cát rời. Lâm Ngữ Đường còn nói thẳng là đồng bào của ông xảo quyệt. Hiện nay tài liệu Trung văn có liên quan tới người Trung Quốc xấu xí rất nhiều, cả các cuốn sách, các bài báo của các tác giả phương Tây cũng được giới thiệu đầy đủ, để người trong nước cùng nghĩ.

Nghĩa là không nên hoảng sợ khi thử tìm cách gọi ra một số phẩm chất tiêu cực. Tất cả đều nên coi là những giả thiết để làm việc, nếu sau khi thảo luận chúng ta thấy rằng một số nhận xét nêu ra là không đúng, ta sẽ phải tìm một công thức khác để diễn đạt, cốt sao nắm bắt chính xác đặc tính dân tộc.

Cái chính là đằng sau mỗi "nhãn hiệu", người ta phải tìm ra nội dung cụ thể của nó. Ví dụ gần đây qua cuốn sách *Việt Nam và Nhật Bản - giao lưu văn hóa* của Vĩnh Sính, tôi được biết là nhiều người Nhật cho là người Việt có mắc căn bệnh *dạ lang tự đại*. Đây là một ẩn dụ, bắt đầu từ câu chuyện có thật về một nước nhỏ thời Hán, trong giao thiệp với thiên hạ

mắc bệnh hoang tưởng, từng tranh luận với các sứ giả quanh chủ đề "Nước Dạ Lang so với Trung Quốc bên nào lớn bên nào nhỏ". Và đấy là dấu hiệu của một tình trạng tư duy ấu trĩ. Thế nhưng trong 17 điểm mà chính Tôn Trung Sơn đã từng khái quát về người Trung Quốc thì điểm thứ 9 cũng là dạ lang tự đại (Dẫn theo *Bản đồ tính cách người phương Đông*, bản Trung văn của Sơn Đông họa báo xuất bản xã, 2005, tr 151). Vậy thì vấn đề đặt ra với người nghiên cứu là nội dung cụ thể của bệnh tự cao tự đại ở từng nước. Cũng bệnh ấy, nhưng ở ta nó sâu sắc, nặng nề và... buồn cười đến đâu, triển vọng sắp tới có chữa được không.

Với các đặc tính khác cũng phải khảo sát tương tự.

Vương Trí Nhàn

Phần 1

Thói hư tật xấu của người Việt trong con mắt các nhà trí thức nửa đầu thế kỷ XX

- Vương Trí Nhàn -

NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN

- Vì phần lớn văn bản được viết từ đầu thế kỷ XX, nên thường có lối đặt câu rườm rà, thêm nhiều từ "thì là mà" không cần thiết. Chúng tôi đã mạn phép lược bỏ những chữ thừa đó, nhưng cam đoan không làm sai lạc ý của tác giả.

- Các đoạn trích được sắp xếp theo một trình tự tương đối tự do, coi như một thứ "lượm lặt" gần xa, để bạn đọc theo dõi.

- Các đầu đề nhỏ là do người biên soạn mạn phép đặt ra theo cách nhìn hiện nay.

- Khi đoạn trích bỏ qua một số câu chữ không cần thiết mà tập trung vào ý tưởng chính chúng tôi dùng dấu ba chấm đặt trong ngoặc vuông: [ ].

- Những chú thích cuối mỗi đoạn nếu có đều do người biên soạn tra cứu từ các từ điển ngôn ngữ thông dụng.

I
ĂN Ở CƯ TRÚ SINH HOẠT - QUAN HỆ VỚI MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Đường sá nhà cửa luộm thuộm nhếch nhác

Nói riêng về một sự ở… Nay trong kinh thành, con đường lục bộ cho đến đường các nha thự, chợ quán, tường hào, vườn hoa và các bến sông, chỗ nào cũng có uế khí, thậm chí có kẻ trước mặt công chúng mà đi tiểu đại. Các cầu dọc theo sông, không luận ngày đêm đàn ông đàn bà, cứ ra nơi ấy mà phóng uế, quen lấy làm thường… Ở phương Tây, phàm những người nào bỏ rác làm nhơ đường đều bị phạt cả vì việc ấy bất nhã mà có mối hại chung. Ta cũng là người như họ, lại không biết xấu hổ sao?

Đến như gạch vỡ, ngói hư, cây nhành khô lá rụng, rác và tro than các nhà loại ra, người nước khác đều thu nhặt làm đồ vật hữu dụng. Mà người mình thì vứt ra cùng đường, ném xuống ao vũng, hoặc đổ ra ngoài hào quanh thành, chất đầy cả bến sông.

Dinh thự các quan, tường vách xiêu đổ. Ngoài đường thì bùn lầy, vườn tược thì rác bẩn, trước sân thì cỏ mọc. Ngoài hào thì nơi lồi nơi hủng, các nhà trong thành hai bên đường gần nhà chỉ theo giới hạn mà quét dọn. Những đường bên vách tường đó, mùi hơi hôi thối, người đi qua phải che mũi

đi mau. Như thế thì lòng tu ố[1] ở đâu? Sao gọi là nước biết giữ lễ nghĩa?

Nguyễn Trường Tộ[2]
Về việc cải cách phong tục, 1871

Buông tuồng bừa bãi

Nhà nào ở ta cũng chỉ những gỗ ngổn ngang, trên không có thừa trần[3], dưới ít khi lát gạch, chung quanh tường kín bốn bề, ít cửa thông hơi thật không hợp cách vệ sinh.

Trong nhà không mấy nhà phân biệt phòng nào là phòng ăn, phòng nào là phòng ngủ chỗ nào là chỗ làm việc, chỗ nào là chỗ ngồi chơi. Nhà nào cũng chỉ thấy bày la liệt những ghế những bàn những giường những phản, có khi ăn ở đấy ngủ ở đấy, làm việc ngồi chơi cũng ở đấy.

Đường mỹ thuật làm cửa làm nhà của ta còn kém mà tính người lại cẩu thả nhiều, quý hồ thế nào cho dung thân được thì thôi chớ không quản gì đến hoa mỹ. Các nơi nhà quê nhiều nhà nào trổ nào chạm, chẳng qua chỉ cho nhện dể chăng võng; kê lắm giường lắm phản chẳng qua chỉ để cho mối xông đất. Mái tụp hụp như chuồng ngựa, buồng kín mít như buồng tằm. Chẳng qua chỉ để cho chuột bọ rúc rích ra vào, gớm ghê bẩn thỉu như thế thì sao cho sạch sẽ được!

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

---

1. Ghét điều xấu ở kẻ khác.
2. Vì Nguyễn Trường Tộ có nhiều tư tưởng mới mẻ, vượt xa thời đại nên tuy ông sống vào cuối thế kỷ XIX, chúng tôi vẫn xếp vào đây.
3. Tức cái trần nhà. Chữ *trần* đây vốn nghĩa là bụi, *thừa trần* là chịu bụi, ngăn bụi.

Loanh quanh chỉ những ăn uống

Tục ta trọng việc sự thần lại trọng việc ăn uống, động một tí thì nào bò nào lợn, nào xôi nào thịt, nay tế bái thì mai lại giỗ hậu[1], nay việc công thì mai lại việc tư, quanh năm chỉ những ăn uống. Nhân việc ăn uống mới lại sinh ra nào khao nào vọng, nào lình nào lão, hết thứ tiền này đến thứ tiền khác, kể một đời người biết bao nhiêu sự đóng góp với làng. Mà có ra gì đâu, chỉ đến đóng vai theo chân ra ngồi chiếu trên chiếu dưới, phần nhiều phần ít là cùng. Ai lên đến hàng chức sắc, hàng tiên chỉ vắt vẻo ngồi trên, một mình một chiếu, là vinh hạnh tuyệt phẩm rồi. Mục đích chỉ trọng về nắm xôi miếng thịt và lấy hãnh diện với đàn con em mà thôi, chứ không có ý tứ cao kỳ gì hết.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

Khung cảnh trống rỗng

Trong sự bày biện của chúng ta thiếu hẳn sự hợp lý. Sự thiếu hợp lý này có đôi khi mang lại tính chất muôn màu muôn vẻ mà ở những nước hiện đại không thể có: họ mắc chứng rập khuôn hàng loạt.

Thế nhưng rút lại thì ở ta cái ấn tượng chung vẫn là một bức toàn cảnh tầm thường. Con người trì trệ, quần áo đồ đạc cũ kỹ và đáng sợ hơn cả là người ta luôn luôn gặp những khung cảnh đẹp mà bên trong rỗng tuếch, những trang trí sặc sỡ tham gia vào một vở kịch nhạt nhẽo, cái nọ triệt tiêu

1. Giỗ hậu: giỗ người chết đi mà không có con cái nhưng có ruộng đất cúng cho chùa.

cái kia, do đó mà chỉ có những vai phụ ra múa may để làm ra vẻ đang đóng những vai chính.

Nguyễn Văn Vĩnh
Đời sống và khung cảnh An Nam
(L' Annam nouveau), 1934

II
TỆ NẠN XÃ HỘI

Mê muội hưởng lạc

Có những người nộp một quan tiền thuế mà tựa hổ bị cắt mất một miếng thịt, rên siết than vãn, thế mà đến sòng bạc thì cầm nhà bán cửa không tiếc. Có những hạng giàu có phong lưu, ăn mày chầu chực trước nhà không xin nổi một đồng điếu, người làng thiếu thuế không vay lợi được một quan, thế mà đến chỗ ăn chơi thì ngàn vàng mua một trận cười, trong cơn sát phạt, trăm vạn chỉ đặt một tiếng. Hạng người này nhiều lắm, không xe nào chở hết…

Cũng có nhiều người mới học kha khá đã truy hoan, ngày nào cũng mài miệt trong cuộc đỏ đen, thường lui tới các chủ nợ hứa với người ta rằng: "Đợi tôi dạ một tiếng trước cổng trường[1] thì mọi việc sẽ đâu vào đấy". Rắp tâm hành động như thế, rõ ràng là quân trộm cướp của công chứ còn gì?

Nguyễn Trường Tộ
Tám việc cần làm gấp, 1867

1. Tức là thi đỗ, rồi ra làm quan, tha hồ kiếm chác.

Vô nghề vô nghiệp, lêu lổng qua ngày

Dân nghèo ra thân đi làm tá điền, nói tiếng làm ruộng, chớ kỳ trung đi kiếm ăn cho qua ngày tháng. Một năm mười hai tháng, làm ruộng thiệt sự có bốn năm tháng, dư linh[1] làm gì? Vì không có nghề trong tay, nên toàn rủ nhau đánh cờ chó hoặc đi coi đánh bạc, chà lết mòn quần rách áo. Dốt đặc hơn cả cá tôm, vụng về hơn trùn dế. Dân nước khác tiếc tới giờ tới phút như tiếc bạc, dân nước mình phí ngày tháng như nước trôi.

Uổng thay! Từ già đến trẻ từ nam đến nữ đều luống những đêm ngày. Nghe ai cho vay thì mừng hớn hở, hỏi rồi nào lo trông trả? Vì vô nghề nghiệp nên mới sinh tệ trong xứ như thế. Làm người phải biết thương cái thể diện của mình!

Trần Chánh Chiếu
Lục Tỉnh Tân Văn, 1908

Căn tính lười nhác

Người nước ta quý trọng các ông thầy đồ lưng dài tốn áo ăn no lại nằm đã thành ra một cái bệnh gần chết không có thuốc chữa. Đến lúc sóng Âu châu ập vào, người ta coi chừng đã tỉnh dậy, nhưng mà công phu về đường thể dục còn chưa nghiên cứu đến nơi. Cái căn tính lười nhác đã quen nết lâu ngày, lại nhiều điều thói đãng tính dàm dê[2] cho hại đến sinh mệnh, người ta lấy thế làm sự thường, không lo đường cải

1. Ngoài ra.
2. Thói đãng là cách sống buông thả; riêng dàm dê là gì, chúng tôi chưa tra cứu được, không rõ có phải là dâm dê hay không (?).

cách nào là công khóa[1] về đường thể thao, nào là lợi ích về cách vận động. Trong một ngày có 12 giờ nửa ngồi chết trước cuộc tài bàn[2], nửa nằm chết bên đèn thuốc phiện. Vận động đã không có công phu thì huyết mạch lấy gì làm lưu thông; huyết mạch đình trệ thì thân thể phải hèn ốm cho rồi, dân mới hóa ra dân nô lệ, nước mới hóa ra nước bạc nhược.

Phan Bội Châu
Bài diễn thuyết tại Trường Quốc học Huế, 1926

Đầy rẫy tệ nạn

Thử nhìn vào đám dân quê dư dật xem họ có việc gì, ta thấy ngoài công cuộc làm ăn, họ chỉ còn quân bài lá bạc thuốc phiện hay cô đầu. Đám dân nghèo cũng vậy, không phải là họ không biết cờ bạc, ngược lại càng nghèo họ càng lăn vào cuộc đỏ đen, hòng kiếm thêm ít tiền mà mồ hôi nước mắt không đủ mang lại cho họ. Thành ra, từ trên xuống dưới, giàu cũng như nghèo không to thì nhỏ, cờ bạc đã trở nên một tập quán ăn sâu vào đầu óc dân chúng, đó thực là một mối tai ương cho dân tộc ta vậy.

Ngoài ra nếu không cờ bạc thì người ta lại đua nhau đồng bóng, lễ bái nhảm nhí, từ đó sinh ra biết bao nhiêu mối tệ đoan khác.

Đỗ Đức Dục
Vấn đề tổ chức những thì giờ nhàn rỗi
của người bình dân ở xứ ta, *Thanh Nghị*, 1945

1. Những công việc khi vào học phải làm là công, những thứ học trò phải học là khóa, gọi chung là công khóa.
2. Một loại tổ tôm, nhưng chỉ có ba người, và đánh không có chừng mực nào cả (Theo cách giải thích của Phan Kế Bính trong *Việt Nam Phong tục*).

Tham giàu cho mau nên sinh cờ gian bạc lận

Cũng bởi người mình tục quấy[1] nhiều, cho nên mới sinh bài bạc nhiều. Bài bạc ham nghĩa chi? Nghĩa là tham cho mau có tiền, đặng khoe khoang nhà cao cửa lớn, đặng cho khỏi bị người giàu có khinh khi bỉ bác. Tại bởi quấy, ít thương nhau cho nên sinh ra tranh đua về lý tài[2]. Lý tài gấp thì có món chi mau hơn cờ gian bạc lận? Rõ là tục quấy làm cho người trở lòng tham lam.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1902

Những ham muốn tầm thường

Đau đớn thay cho những người nước ta, trước mắt không bao giờ thấy lợi chung, trong óc không bao giờ có tư tưởng cao thượng, túi những chất đầy tham mà tham không mực, chẳng qua là nghiện hơi đồng[3], hố vẫn lấp đầy dục[4] mà dục kỳ cùng, chẳng qua là hầu xác thịt, kết quả đến nỗi hy sinh hết lương tâm thiện lý mà làm nô lệ cho những món tư tình (...). Vợ vì sẵn của mà hóa vợ hèn, con vì sẵn của mà hóa nên con dại, tiền bạc hóa ra của phá nhà, ruộng vườn hóa ra mồ chôn sống...

Phan Bội Châu
Cao đẳng quốc dân, 1928

1. Thói quen xấu.
2. Cốt sao kiếm lợi.
3. Lấy ý từ câu Kiều: *"Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê"*.
4. Lòng ham muốn.

Những mộng tưởng hão

Nghề cờ bạc hại như thế, mà sao lại lắm người đam mê? Đó chẳng qua mấy bác ăn không ngồi rồi, không nghĩ cách xa xôi, trước còn cho là một cuộc tiêu khiển, rồi cay vào thành ra gỡ gạc. Các tay đại phú, các bậc hào thương thường cũng có kẻ đam mê mà bỏ cả công việc buôn bán. Hạng ấy thì lại mộng tưởng những sự may rủi lớn lao, tưởng những sự gỡ một ngày còn hơn buôn cả tháng.

Người ta không biết trọng cái thực lực mà muốn trông cậy về vận may thì chí khí cũng đã kém rồi, huống chi là cái may cũng không mấy khi được gặp.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Những cuộc khao vọng nặng nề vô nghĩa

Người thi đỗ, người được bổ làm quan, người được phẩm hàm… đều phải khao vọng. Nhà vua cũng đã đặt lệ giản tiện cho người ta dễ theo. Đại để như đỗ tú tài thì khao một con gà một đĩa xôi và ba quan tiền, đỗ cử nhân thì khao một con lợn một mâm xôi và năm quan tiền. Nhưng ngặt vì tục dân đã quen, chiếu lệ ra mà làm thì họ cũng phải chịu, nhưng tình ý không thỏa hiệp thì họ sinh ra lắm sự ngăn trở. Họ có câu rằng "Phép vua thua lệ làng", thực là một lời nói đáng khinh bỉ.

Lại có một câu nữa là câu "Vô vọng bất thành quan"[1]. Cứ như câu ấy thì ra có có xôi thịt cho họ ăn thì họ tôn kính,

1. Không khao vọng không phải là quan.

mà kém xôi thịt thì họ coi thường. Vậy thì họ chỉ vì miếng ăn mà đổi lòng khinh trọng, sao mà đê tiện hèn hạ làm vậy?

Lại ngán nỗi cho hạng kỳ mục, động ai có việc gì mời mọc đến ăn uống no say rồi thì giở ra cách chơi bời, thuốc phiện hút khói um nhà, bài bạc đùa cười rầm rĩ, ấy thế là thỏa thuê, ấy thế là hể hả. Giá đám nào kém thì đã thấy lắm kẻ hậm hà hậm hực, tiếng nọ tiếng kia, làm cho người ta khó chịu.

Than ôi! Ngoài chốn hương thôn không còn biết trời đất là đâu, ngoài sự ăn uống không còn có sự nghiệp gì, như thế thì trách làm sao mà dân chẳng hèn, nước chẳng nhược?

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Mê tín gây nhiều lãng phí

Lễ kỳ an[1] chủ ý là trừ khử ma quỷ cho dân xã bình an. Ta lại tin theo Phật thuyết, bày ra vàng mã, nào mũ Ngọc Hoàng, nào tượng Minh Vương, nào âm quan quỷ tốt, chiến khí binh thuyền. Sự quỷ thần huyền viễn[2] chưa biết đâu, mà sự "tiền thật mua đồ giả" thì đã rõ. Uổng tiền được việc cũng cam, nhưng nào có được việc gì đâu, rút lại chỉ tại ta tin nhảm.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

1. Kỳ ở đây là cầu.
2. Xa xôi cách trở.

Tang ma tốn kém chỉ cốt lấy tiếng

Có người nhân việc cha mẹ chết, muốn lấy tiếng là có hiếu mà giết bò giết dê thổi kèn đánh trống ầm ĩ suốt ngày lấy việc buồn làm việc vui. Bạn bè thân thích, họ hàng làng xóm đáng lẽ không nỡ nhìn cảnh xa xỉ phí phao ấy, như thế mới đúng. Nay lại đòi hỏi rượu tiền, sắm sanh lễ vật, thử hỏi đạo làm người có nên như thế không? Cốt cho no say, vô ích đối với người sống, vô ích đối với người chết, những việc hao tiền tốn của kể không biết bao nhiêu ức vạn triệu.

Phan Bội Châu

Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Ăn uống chơi bời bên cạnh nỗi đau của người khác

Cái tục tang ma ở ta, hiếu chủ[1] đã có nhiều cách phiền phí[2], đến như lệ làng lại càng phiền nhiễu nữa. Việc tử biệt là cái cảnh rất thương xót, mà sự trợ tang thì là một nghĩa vụ của xã hội. Đã gọi là nghĩa vụ thì khi người ta đau đớn có thể giúp được gì thì giúp chứ ai còn tưởng gì đến sự ăn uống. Mà hiếu chủ đang lúc buồn bã âu sầu, còn bụng nào mà nghĩ đến việc thù tiếp[3]. Vậy mà ép cho người ta phải cỗ bàn khoản đãi thì cái nghĩa vụ cứu giúp nhau ở đâu? Trừ người cùng kiết[4] quá, còn như người có thể lo được hoặc có thể vay mượn được,

1. Người đứng ra chịu tang.
2. Bận rộn tốn kém.
3. Tiếp đãi lịch sự (BT).
4. Nghèo túng.

không mấy ai chịu kém cái sĩ diện. Vậy tiếng là tùy tiện[1], mà cũng là buộc một cái nợ miệng cho người. Đến như các làng dẫu ai đau đớn khổ sở thế nào mặc lòng, hễ có ăn thì còn để cho người ta giữ hiếu nghĩa, không có ăn thì hiếu nghĩa của người ta cũng bỏ. Tục ấy là một tục rất thô bỉ, rất hủ bại, rất bạc bẽo, không có tục nào xấu xa đê tiện bằng!

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Cái gì cũng giả

Đọc báo hàng ngày, thỉnh thoảng lại thấy xã hội Việt Nam sản ra những bọn người giả. Giả mật thám, giả lính đoan, giả làm người của sở nọ sở kia. Hạng người nào cũng có kẻ giả, trừ ra một bọn ăn cướp.

Có lẽ trong các thực đơn của thế giới, không đâu có nhiều món giả bằng nước An Nam. Cũng thì một miếng thịt, người ta bày ra đủ trò: nấu với tiết gọi là giả trâu, nấu với riềng mẻ gọi là giả cầy, nấu với hành răm gọi là giả chim, nấu với đậu nghệ gọi là giả ba ba, đốt đi rồi bóp với thính đỗ tương thì lại bảo là giả dê.

Đồ ăn là thứ sẽ ăn vào miệng, hễ qua hàm răng thì nó là lợn hay trâu, hay gì gì nữa, cái lưỡi sẽ biết tức thì, thế mà chúng ta cứ làm giả, thì có khác chi xúi giục nhau rằng: trên đời không có cái gì mà không giả được? Cái nạn nhiều hạng người giả từ đấy mà ra.

Ngô Tất Tố

Thời Vụ, 1938

---

1. Dễ dãi sao cũng được.

Cần mẫn một cách bất đắc dĩ

Dân An Nam ta có nhiều tật xấu, duy có một tật làm biếng là không ai trách được[1]. Chỉ hiềm một điều làm ăn thì cần mẫn, nhưng lại không coi cái cần mẫn ấy là vinh hiển tựa hồ như một điều bất đắc dĩ phải làm thì làm, chớ không có gì vẻ vang. Hố[2] nhờ được cày cuốc mà có dư ra thì lo ngay danh miệng[3]. Đến lúc lên được ông nọ ông kia, mà có ai nhắc đến phận cày phận cuốc khi xưa thì xem hình như người ta xỉ vả mình.

Cái lý tưởng sai ấy là do trong bọn thượng lưu, trong các nhà chữ nghĩa lấy cái nhàn làm cái hân hạnh. Chỉ có dăm ba chữ ngồi rung đùi từ sáng đến chiều, còn gạo thổi cơm ở tay ai mà ra, vải may áo ở tay ai mà ra, không nghĩ đến.

Nguyễn Văn Vĩnh

Xét tật mình, *Đông Dương Tạp Chí*, số 12

Sự xa xỉ mang lại nhiều điều hại

Đua nhau may những hàng đẹp mặc những hàng mới, chửa được bao lâu lại đổi mặc hàng khác, ấy là cái thói đua mới chuộng lạ của người dân ta. Có sự xa xỉ bởi có sức trợ chưởng[4] từ bên ngoài. Những người thượng lưu không vụ lấy tài đức hơn người, chỉ cốt chăm chăm về đường hư sức[5], bề

1. Ý nói phải nhận là người chăm chỉ.
2. Nếu, giả như.
3. Tiếng hão.
4. Bàn tay giúp sức.
5. Vẽ vời giả tạo.

ngoài dễ khiến người đời xu thượng[1]. Lòng người đã khuynh hướng về sự xa xỉ, thời tất không thích dùng những hóa vật trong nước mà lại coi nhưng đồ ngoại quốc là lạ là quý hơn, ấy lại là một sự thiệt hại cho nước mình nữa.

Trịnh Đình Rư
Phép thực dụng kinh tế trong một nhà,
Hữu Thanh, 1921

Biếng nhác, vô cảm, lẩn tránh

Hiện tượng quá đông dân và thường xuyên thiếu việc làm khiến cho nhiều người có tâm lý sống ngày nào biết ngày ấy. Ở thôn quê, những kẻ có chút tiền bạc hoặc có đủ ruộng chỉ còn thích ăn không ngồi rồi.

Xét về phương diện tinh thần, xu hướng biếng nhác này càng trầm trọng thêm bởi một nền giáo dục cổ lỗ và chưa bao giờ có phương pháp. Thành ra có sự lười biếng về trí óc, có xu hướng dễ dàng chấp nhận hết thảy và bắt chước hết thảy. Sau khi chất đầy trí nhớ các loại kinh sách, nhà Nho xưa kia chẳng còn nghĩ đến chuyện trau dồi trí tuệ nữa. Họ thường già trước tuổi. Hoặc là họ nhẫn nhục chịu đựng cốt không để ai đó do ganh ghét mà kiếm chuyện lôi thôi. Hoặc là họ sa vào thói chơi ngông đôi khi cũng tinh tế đấy, nhưng dễ làm cạn kiệt cái năng lực phát minh cũng như năng lực lập luận khoa học.

… Có những nhà quan sát nước ngoài nhận xét người Việt hay trộm cắp và dối trá. Trong một thời gian dài, người dân

1. Mải chạy theo.

nước này chỉ được nhận một nền cai trị kém cỏi, trong đó thấm sâu chính sách ngu dân. Cá nhân con người luôn luôn bị săn đuổi, họ buộc phải bao quanh mình một tấm màn bí mật. Làng xã cũng vậy, trong quan hệ với chính quyền trung ương, họ cố giữ lấy một thái độ nếu không độc lập thì cũng ương bướng bất phục.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

Nhiều điều cổ hủ nên bỏ

Trong cuộc hội hè ở ta, lắm lúc tục rất dã man, nực cười… Thiết tưởng nơi nào có những tục thô bỉ, cuộc nào tỏ những cách đê tiện thì nên bỏ đi. Mà trong cuộc hội hè, chưa có thể cải lương được hết thì cũng nên giảm bớt những sự vô ích, tỉnh[1] bớt những cách phiền phí. Dân đàn em nên biết rằng phàm sự gì quan hệ đến mình phải suy xét, điều gì nên nghe hãy nghe, điều gì không nên thì đừng, chớ có cúi đầu ai bảo xôi ừ xôi, ai bảo thịt ừ thịt thì là hèn hạ quá.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

Từ lệ hương ẩm tới óc xôi thịt

Trong các tục lệ của xã hội Việt Nam, lệ hương ẩm[2] là một lệ phổ thông hơn cả. Người ta thường tranh nhau ngôi thứ để đạt quyền lợi. Vì góc chiếu trên nơi đình trung mà

1. Lược bỏ.
2. Lệ ăn uống ở các làng xã.

nhiều người tranh giành thưa kiện nhau đến mất nghiệp; vì một miếng xôi phần thừa huệ thánh sau khi tế lễ tại đình mà nhiều người thành ra thù địch nhau. Cái khiếu xã hội[1] của nhiều người không tìm được lối thoát khác để thoát ra, nên đã lạc hướng mà biến thành óc xôi thịt.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

III
DÂN TRÍ - Ý THỨC XÃ HỘI

Bảo thủ, dựa dẫm, cầu an

Trải qua các đời dân ta chịu sự cai trị của vua quan, không có thể dùng tâm và mưu cho nước, nước tự nó sống còn. Trên có vua hiền tướng giỏi thì tạm thời yên ổn. Bất hạnh mà không có vua hiền tướng giỏi thì cả nước loạn ly, nhân dân lầm than. Từ xưa đến nay, sở dĩ có ít ngày được bình trị[2], mà có lắm cuộc loạn ly, nguyên nhân là ở đó.

Dân nước ta có ưu điểm là an phận, thành thực, nhẫn nại. Không biết lợi dụng những ưu điểm ấy thì sẽ sinh ra ba cái tệ. Một là bảo thủ mà không biết tiến thủ. Hai là dựa vào người mà không biết tự lập. Ba là yên thân mình nhà mình, mà không biết ái quần ái quốc. Không trừ ba cái tệ đó thì dù có vua hiền tướng giỏi cũng chỉ bình trị nhất thời mà thôi,

1. Ý thức về vị trí xã hội nơi mỗi cá nhân.
2. Xã tắc trong cảnh thái bình, có trên có dưới, trật tự kỷ cương đâu vào đấy.

sao có thể chống chọi với các nước lớn được. Ngày nay phải nghĩ đến tự cường thì ngày sau mới tự cường được.

Quốc dân độc bản
Tài liệu do Đông Kinh Nghĩa thục soạn, 1907

Co mình trong hủ lậu

Kìa những kẻ ham mê đàn sáo, đầu hồ[1], bài lá, cờ tướng, đố thơ, đánh chữ, số tướng, địa lý, phù thủy ngày ngày dốc cả trí khôn vào những thứ vô dụng, sống say chết mộng, chả kể làm gì. Những hạng cao hơn, đỗ đạt lên một tí được cái tiếng quèn đã vội khủng khỉnh ta đây kẻ cả, tự xưng là bậc giữ gìn thế đạo[2], ngày ngày khoe câu văn hay, khư khư ngồi giữ những thuyết hủ lậu, khinh bỉ hết thảy học mới văn minh. Hạng kém hơn nữa thì chỉ nghe có vấn đề thăng quan lên mấy bực cất nhắc mấy người, chứ không hề biết đến vấn đề nào khác. Có một ông nào đã nói với các bạn hậu tiến[3]: "Các thày muốn ra làm quan, thì phải cẩn thận, đừng đọc sách mới, xem báo mới". Ôi, nếu không biết đến sách báo mới thì thôi, chớ đã biết đến mà lại bưng bít che lấp đi khiến cho không nghe không thấy chuyện gì, để tự mình lại củng cố một căn tính nô lệ, nhân cách như thế thiệt nên lấy làm đau đớn!

Văn minh tân học sách, 1908

1. Một loại trò chơi của người xưa, ném một cái thẻ xuống một miệng trống rồi tính điểm, được *Đại Nam quốc âm tự vị* miêu tả là "một cuộc chơi lịch sự".
2. Đạo lý ở đời.
3. Hậu tiến đây chỉ có nghĩa lớp người thuộc thế hệ sau, chứ không phải người kém cỏi.

Vô công rồi nghề, nặng về rên rỉ than vãn

Những kẻ chơi bời lười biếng, vô công rồi nghề, dựa vào người khác mà sống, hưởng lợi mà không sinh lợi, thật chẳng khác gì giống ký sinh trùng trong loài động vật. Đó là những con mọt nước…

Quen thói ỷ lại vào người thì dù có tâm có lực cũng không dùng được mà dùng cũng chẳng được lâu, tâm tư tài lực ắt sẽ nhụt dần. Hơi khó khăn gian khổ là rên rỉ, than vãn, uất ức bó tay chịu chết. Hỏi vì sao không cải lương nói lệnh trên chưa thay đổi. Hỏi vì sao không học tập, nói không có tài năng. Như thế thì xã hội ngày một suy, nước làm sao mạnh được?

Quốc dân độc bản, 1907

Mải cúng bái quên cả trách nhiệm xã hội

Trong dân gian, phần nhiều hễ có công sai đến thúc giục thuế khóa thì cả hương hào lý dịch cũng lánh mặt. Thế mà ngày cúng thần thì không thiếu mặt nào cả. Có những gia đình không được khá giả, qua một kỳ cúng thần mang nợ suốt đời. Có người còn phải bỏ xứ đi phiêu tán. Thế mà họ không hề oán trách chuyện thần thánh phiền phức, lại đi oán trách sưu cao thuế nặng.

Nguyễn Trường Tộ
Tám việc cần làm gấp, 1867

Không có ham muốn phiêu lưu

Người Âu trọng du lịch, xem thường hiểm trở gian nan, đi thám hiểm Băng Dương, đi vòng quanh địa cầu, đều là những

việc thường thấy. Nước ta có thế không? Lìa nhà mươi dặm đã bùi ngùi những mưa gió hoa vàng! Ở lữ thứ[1] vài năm đã than thở quan hà đầu bạc[2]! Nói gì đến Xiêm La, Miến Điện, Nam Chưởng, Cao Miên không ai chịu đặt chân tới; nhưng ngay đến Trung Hoa đối với ta vẫn là chỗ cùng tộc loại, cùng đạo giáo, cùng lễ giáo văn học, cho đến phương tiện giao tế, cái gì cũng giống nhau, thế mà người Tàu thì ở nhan nhản khắp nơi kinh kỳ đô hội bên ta, còn người nước ta thì chưa một ai đến thành Ngũ Dương[3] cả.

Văn minh tân học sách, 1908

Tầm nhìn tầm nghĩ chật hẹp

Ái quần[4] bắt đầu tất phải yêu gia đình làng xóm trước. Nhưng ở đời những người lưu luyến gia đình làng xóm, bụng họ không nghĩ gì ngoài bát gạo hạt muối, chân không hề bước đi đâu một bước. Xa gia đình làng xóm trăm dặm là nước mắt đã ướt áo, ra khỏi ngõ mười ngày là sốt ruột muốn về. Chí thú[5] của họ tất nhiên thấp hèn, kiến văn[6] của họ tất nhiên thô lậu, xã hội trông mong gì ở họ được nữa.

… Khi châu Mỹ chưa ai biết, người châu Âu cứ sang khai phá, xây nhà dựng cửa cho con cháu. Còn dân ta thì cho rằng

1. Nhà trọ, chỗ xa lạ.
2. Quan hà: cửa ải và sông; quan hà đầu bạc chỉ vất vả mà người đi xa phải chịu khiến người ta già đi.
3. Thành Ngũ Dương đây chỉ Quảng Châu, thủ phủ Quảng Đông, chứ không phải Quảng Đông nói chung như một số tài liệu đã chú.
4. Yêu đồng bào đồng loại.
5. Ý chí và lạc thú (niềm vui).
6. Kinh nghiệm và học thức.

"xảy nhà ra thất nghiệp" nên không có chí viễn du. Không lấy làm lạ trí thức không mở mang, đời sống không đầy đủ, Tổ quốc lâm vào cảnh nguy vong mà không hay biết.

Quốc dân độc bản, 1907

Làm ra vẻ yêu nước để mưu lợi riêng

Chứng bệnh hay giả dối là chứng bệnh chung của người nước ta mà ở trong lại có một chứng đặc biệt là chứng ái quốc giả… Nào đám truy điệu, nào tiệc hoan nghênh, nào là kỷ niệm anh hùng, nào là sùng bái chí sĩ, chuông dồn trống giục, Nam hát Bắc hò, xem ở trong một đám lúc nhúc lao nhao, cũng đã có mấy phần người biết quyền nước đã mất thì tính mạng không còn, hồn nước có về thì giang sơn mới sống. Nếu những tấm lòng ái quốc đó mà thật thà chắc chắn thì giống Tiên Rồng chẳng hạnh phúc lắm sao? Nhưng tội tình thay, khốn khổ thay, người ưu thời mẫn thế chẳng bao nhiêu mà người rao danh thì đầy đường đầy ngõ. Giọt nước mắt khóc nước vẫn ngày đêm chan chứa mà xem cho kỹ thì rặt nước mắt gừng; tiếng chuông trống kêu hồn vẫn trong ngoài gióng giả mà nghe cho tới nơi thì rặt là chuông trò trống hội; ngoài miệng thì ái quốc mà trong bụng vẫn là kim khánh mề đay; trước mặt người thì ái quốc mà đến lúc đêm khuya thanh vắng thì tính toán những chuyện chó săn chim mồi. Cha ôi! Trời ôi! Ái quốc gì? Ái quốc thế ư? Đeo mặt nạ ái quốc để phỉnh chúng lừa đời, một mặt thời mua chuốc lấy tiếng chí sĩ chân nhân, một mặt thì ôm chặt lấy lốt ông tham bà đốc.

Phan Bội Châu

Cao đẳng quốc dân, 1928

Dễ ỷ lại

Tục ngữ có câu rằng *Tháp đổ đã có Ngô xây - Việc gì vợ góa lo ngày lo đêm*. Tháp đó là tháp của ta, ta không xây được hay sao? Nghển đầu nghển cổ trông ngóng, nếu Ngô không sang thì vạn tuế thiên thu chắc không bao giờ có tháp. Tháp đổ mặc tháp, khoanh tay đứng dòm, nghiễm nhiên một đống bổ nhìn rồi hẳn. Hỏi vì cơn cớ làm sao? Thì chỉ vì ỷ lại.

Câu tục ngữ ấy thật vẽ đúng tâm tình người nước ta. Nếu ai cũng lo gánh vác một phần trách nhiệm của mình thì có gánh gì không cất nổi. Nhưng tội tình thay, anh nào chị nào trong óc cũng chất đầy một khối ỷ lại. Anh Cột trông mong vào chú Kèo, cô Hường trông mong vào thím Lục, mà chú Kèo thím Lục lại ỷ có anh Cột cô Hường rồi. Rày lần mai lữa, kết cục không một người làm mà cũng không một người phụ trách nhiệm.

Phan Bội Châu

Cao đẳng quốc dân, 1928

Tầm nhìn hạn hẹp

Tục ngữ có câu *Cọp chết để da, người chết để tiếng*. Xem câu nói đó thời danh vẫn nên quý. Nhưng tội tình thay! Óc ti ti như óc dơi, mắt ti ti như mắt muỗi, ngoài buồng the bếp núc, vẫn không biết gì là nước non; trừ sọ bò đầu heo, vẫn không biết gì là rồng rắn. Huống chi vết xấu ở gia đình, thói hủ ở xã hội, gắn sâu buộc chặt trải mấy nghìn năm; đoàn thanh niên cho đến phường tân tiến[1], đua tranh danh giá,

1. Đoàn thanh niên đây chỉ thế hệ trẻ, còn phường tân tiến trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là lớp người đi theo xu thế Âu hóa.

chẳng cu-li thượng đẳng thời nô lệ quá ưu; miệng chưa ráo sữa đã lóc lẻm những thẻ bạc bài ngà, ức[1] chưa rời nôi mà ao ước những mề đay kim khánh. Ôi! Thế là vinh danh hay sao? Quý hóa hay sao?

Phan Bội Châu
Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Tư tưởng gia nô

Xem lịch sử nước ta từ xưa đến nay hơn ba nghìn năm, chỉ có gia nô mà không có quốc dân. Quyền vua có nặng, nặng không biết chừng nào; gia dĩ[2] quyền quan lại hứng đỡ quyền vua mà từng từng áp chế. Từ cửu phẩm kể lên cho đến nhất phẩm, chồng càng cao, ép càng nặng, đến dân là vô phẩm, thân giá[3] lại còn gì. Thằng này là con ngựa thằng nọ là con trâu, buộc cương vào thì cắm cổ cứ đi, gác ách vào thì cúi đầu cứ lủi. Gặp Đinh thì làm nô với Đinh, gặp Trần thì làm nô với Trần, gặp Lê Lý thì làm nô với Lê Lý. Phận con hầu thằng ở, được đôi miếng cơm thừa canh thải, đã lấy làm hớn hở vênh vang; tối năm[4] đứng đầu ruộng mới được bát cơm ăn, suốt đêm ngồi bên bàn khung cửi mới được tấm áo mặc, mà mở miệng ra thì "cơm vua áo chúa"; đồng điền này, sông núi nọ mồ hôi lẫn nước mắt cày cấy mở mang, nhưng mà "chân đạp đất vua", lại giữ chặt một hoạt kê vô lý[5]. Cái tư

1. Ngực.
2. Thêm vào đó.
3. Giá trị con người.
4. Quanh năm.
5. Ý nói: Tự mình làm ra mà lại bảo là do ơn người khác, thật là câu chuyện buồn cười.

tưởng gia nô! Cái trí thức gia nô! Bệnh gia truyền làm nô đó không biết tự bao giờ để lại, bắt ta phải gông đầu khóa miệng, xiềng tay xiềng chân, chịu gánh gia nô cho già đời mãn kiếp.

Phan Bội Châu

Cao đẳng quốc dân, 1928

Dân khí bạc nhược

Nước Nam độ bốn mươi năm nay, vận nước ngày một suy, suốt từ trên đến dưới chỉ biết chuyện lười biếng vui chơi. Pháp chế lễ luật không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người trên thì lâu lâu được thăng trật[1], chẳng qua như sống lâu lên lão làng; người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lễ luật (...). Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đứa gian giảo thì như ma như quỷ, lừa gạt bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm; đứa hèn yếu thì như lợn như bò, giẩm cổ đè đầu, cũng không dám ho he một tiếng.

Phan Châu Trinh

Thư gửi chính phủ Pháp, 1906

Dân trí thấp kém...

Dân trí có công với dân quyền lớn vậy thay! (...) Vì vậy, giờ đây tôi xin kể những điều tai nghe mắt thấy để quốc dân cùng biết: Hay nghi kỵ lẫn nhau, không làm nên việc gì cả, đó là điều rất ngu thứ nhất. Tôn sùng những điều xa hoa vô ích, bỏ bễ[2] những sự nghiệp đáng làm, đó là điều rất ngu thứ

1. Cấp bậc phẩm hàm.
2. Nghĩa như bỏ bê, thường nói về công việc chung (BT).

hai. Chỉ biết lợi mình mà không biết hợp quần, đó là điều rất ngu thứ ba. Thương tiếc của riêng, không tưởng đến việc ích chung, đó là điều rất ngu thứ tư. Biết có thân mình nhà mình mà không biết có nước, đó là điều rất ngu thứ năm.

Dân được cường thịnh là nhờ có sự nghiệp công ích. Nay những việc đó, người nước ta đều không thể làm được. Hỏi vì sao không làm được, thì nói là vì không có tiền của. Sở dĩ không có tiền của là vì đã tiêu phí vào những việc vô ích xa hoa rồi.

Phan Bội Châu

Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Nhắm mắt bắt chước điều không hay của cổ nhân và ngại thay đổi

Người nước chúng ta sự tính lợi hại xét hơn thua không rõ, cứ người sau thì làm theo những điều người trước hay làm. Bởi vậy cho nên cả nước giàu không đặng giàu nhiều, nghèo thì nghèo đến đỗi không áo không quần mà thay, rồi mỗi mỗi cứ đổ lỗi cho trời cho số, cho ngày sinh tháng đẻ. Cổ đạo[1] là những lẽ phải: có vua tôi, có cha con, có anh em, có vợ chồng, có bạn hữu; nếu người nay mà trái những điều đó mới mang tai[2]. Chớ ví như đổi tục gian ra ngay, tục làm biếng ra siêng, đổi dối ra thiệt, tục nghịch ra thuận, tục ngu ra trí, tục hèn ra sang, tục dơ ra sạch, tục vụng ra khéo, tục trược[3] ra thanh, đổi như vậy thì là phải lắm. Xin hãy

1. Đạo lý cổ truyền.
2. Chịu những điều khốn khổ, có hại.
3. Trược tức là trọc, có nghĩa là dục, không trong sạch.

coi gương người dị quốc[1], hoặc phương Đông phương Tây, phương Nam cùng phương Bắc, người ta thường hay đổi hay sửa, ít bắt chước những điều tệ của người trước; bởi vậy nay người ta thanh lịch lắm. Nếu mà cứ theo tục sai không đổi thì quả là khờ và bị thiệt hại.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1902

Sự suy đồi toàn diện

Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn dầm nằm dìa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc; quan lại ở các tỉnh thì chỉ lo cho vững thần thế mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn; đám sĩ phu thì ganh nhau vào con đường luồn cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì; bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ ngày một khô, không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì thế sự hư hỏng, nhân dân lìa tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại, một khu đất bốn mươi vạn dặm vuông, một dân tộc hơn hai mươ triệu người lại sắp ở vào cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man.

Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức. Trong một làng một ấp cũng cấu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống vẫn coi nhau như thù hằn; có dẫu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giá phỏng chính phủ[2] cho

1. Người các nước khác.
2. Đây là chính phủ thực dân Pháp.

mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở, không thèm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chẳng qua vài năm nếu không báo thù lẫn nhau thì cũng tranh giành địa vị với nhau, nếu không cướp đoạt tiền tài thì cũng giành giật tước vị, tự chém giết nhau đến chết hết mới thôi, quyết không thể sống nổi trong thế giới này, lại còn chống cự ai được nữa.

Phan Châu Trinh

Thư gửi chính phủ Pháp, 1906

Tri túc và hiếu cổ

Dân ta đại để bảo thủ mà không biết tiến thủ. Sở dĩ bảo thủ một là do tri túc[1], hai là do hiếu cổ[2]. Thường thường cho rằng quê mùa chất phác là hay, lặng lẽ rút lui là cao thượng, không biết rằng như vậy là chỉ muốn ăn chơi lười biếng. Đó là tri túc làm trở ngại cho chí tiến thủ. Không biết rằng thế đạo[3] ngày một suy, mà lại than thở phong tục xưa không được phục hồi. Lòng hiếu cổ ấy trở ngại cho chí tiến thủ.

Quốc dân độc bản, 1907

Cái gì cũng đổ tại trời

Thuyết mệnh trời làm cho dân ta bị trở ngại. Nước yếu không quy trách nhiệm cho chính sự tồi tệ, quốc dân bất tài mà lại nói vận số không phải do người quyết định. Lụt lội hạn hán không trách cứ là không có kế hoạch tiêu nước kịp thời, không phòng ngừa đói kém, mà lại nói thiên tai không

1. Biết thế nào là đủ.
2. Ưa thích những gì đã có từ xưa.
3. Đạo sống ở đời.

phải do người gây nên. Dịch bệnh lan tràn thì nói con người sống chết có số, đề phòng cũng vô ích. Cùng làm một nghề, kẻ thành người bại, cũng lại nói họ gặp may, ta gặp rủi. Than ôi! Sao lại có cách nói tự hại mình đến thế?

Quốc dân độc bản, 1907

Xóm làng níu kéo kìm hãm nhau

Dân trí hẹp hòi, ở ta nhiều người học hành chẳng qua mong lấy thi đỗ làm quan cho làng cho họ được nhờ. Công nghệ buôn bán thường đợi khách đến tận làng mà mua những đồ chế hóa[1]. Người bất đắc dĩ phải đi xa cầu thực[2], hồ[3] kiếm được đồng tiền dư, trước hết phải lo nghĩ tới việc dựng cái nhà thờ, tậu vài ba mẫu ruộng ở quê quán mình. Nói việc nhỏ nhặt như người đi làm công làm việc, nhiều kẻ vì nghĩa làng nước mà quên đến cả nghĩa doanh sinh[4], chỗ cao lương bổng không cầu, mà cầu lấy nơi ít tiền nhưng được *tư án quán*, tức có tên về làng về nước; kẻ bán buôn nơi thành thị hoặc kẻ có tài chế hóa ra được thứ hàng gì khéo, vị yêu nghệ[5] mà chuyên nghệ thì ít, song vị muốn tăng công để lấy chút danh mệnh để đem mặt về ngấng nơi đình đám thì nhiều, cho nên lòng ao ước nhỏ nhen được thỏa là không lo gì đến nghệ nữa.

Nguyễn Văn Vĩnh
Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã,
Đông Dương Tạp Chí, 1914

1. Làm ra.
2. Kiếm ăn.
3. Những mong, may ra.
4. Tìm cách sinh nhai.
5. Vị nay đọc là vì, vị yêu nghệ thì ngày nay nói vì yêu nghề.

Còn quá lơ mơ khi thời thế đã thay đổi

Khi cái tư tưởng quốc gia đã nảy ra trong óc người Tàu, người Cao Ly, người nước ta vẫn còn say sưa trong giấc ngủ ngàn năm, chưa có chút gì gọi là giật mình mở mắt cả. Bọn già thì lo làm quan để kiếm tiền nuôi vợ con, bọn trẻ thì lo làm thầy đặng kiếm gạo nuôi miệng, ngoài cái lo xác thịt ra thì không có một tư tưởng gì khác.

Lại thêm một bọn ra vênh mặt múa tay tự xưng là ái quốc ái chủng, nhưng hỏi đến họ cách khuếch lợi trừ hại, tự cường tự lập thì họ ập ạ như người mơ ngủ chỉ ngồi ngong ngóng ước mơ thế lực ngoài tràn vào mà thôi.

Phan Châu Trinh

Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Sử ta, ta không biết

Tại sao tôi viết bộ *Việt Nam sử lược*? Nước ta có sử từ đời nhà Trần, đến nay kể đã sáu bảy thế kỷ, nhưng sử của ta chép theo lối biên niên của Tàu, ngày nào năm nào thì ghi lấy một cách vắn tắt không tìm đến cái gốc ngọn và sự liên can đến việc.

Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, không được tự do phải chiều nhà vua, chép việc nhà vua, ít khi để ý đến những sự tiến hóa của nhân dân trong nước… Thành thử ra đọc sử thấy tẻ và không giúp được sự học vấn mấy.

Sử của ta thì thế mà người mình thì lại quá lãnh đạm với nó. Quy lỗi cho dân tộc mình có lẽ là không đúng, vì từ trước

tới nay, cái học vấn đã bắt buộc ta phải thuộc sử Tàu hơn là sử của mình. Học để đi thi, để làm thơ phú văn chương, theo những cái điển của Tàu. Trước là một sự bó buộc, sau thành một thói quen. Lúc ấy những chuyện nước mình, so sánh với những chuyện nước người, đều không đáng kể. Thật đáng buồn!

... Lắm lúc tôi nhìn thấy những điều trước mắt mà lo. Ở xã hội ta ngày nay, có một hạng người nghe nói đến nước mình thì ngây ngây như người ngoại quốc, sử nước mình không biết, tiếng nói nước mình chỉ biết qua loa, đủ dùng cho sự giao thiệp hàng ngày. Nếu sự đời cứ theo chiều ấy và cái đà ấy mà thay đổi, thì không hiểu dân tộc mình sẽ ra sao?

Trần Trọng Kim

Theo Lê Thanh, *Cuộc phỏng vấn các nhà văn*, 1943

Tự giam mình sau lũy tre làng

Tục nước mình thường hay thiên trọng ở chốn hương thôn, quanh năm suốt tháng lẩn quẩn ở trong làng, chiếm được một chỗ ngồi nơi hương đảng[1] đã lấy làm vinh dự, tranh nhau làm ông phó, tranh nhau làm ông xã, tranh nhau ăn trên, tranh nhau ngồi cao, chửi mắng nhau, đánh đập nhau, kiện tụng nhau. Cái câu "Hương đảng tiểu triều đình" cùng "Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp" luôn luôn ở cửa miệng. Có nhiều người hết cơ hết nghiệp vì một việc tức khí nơi hương thôn. Có nhiều người khánh kiệt gia tài vì một bữa hương ẩm[2]. Ngoài cái làng ra không còn biết đến nước

1. Làng xóm.
2. Cuộc ăn uống mời gần như cả làng.

nhà là gì, thế giới là gì. Vì vậy mà tư tưởng cục cằn, kiến văn chật hẹp. Mấy dãy tre nơi đầu làng đã là cái khám nhốt người ta rồi. Không những không có người nào ra ngoại quốc học tập làm ăn, mà ngay đến trong nước, mỗi tỉnh mỗi xứ cũng coi như một thế giới riêng.

Trần Huy Liệu
Một bầu tâm sự, 1927

Hợm hĩnh quá dáng

Lê Thánh Tôn phê bình hai câu thơ của Thân Nhân Trung quan đại học sĩ tại triều mình *Quỳnh đảo mộng tàn xuân vạn cảnh - Hàn giang thi lạc dạ tam canh* hợm hĩnh cho rằng dù Lý Bạch, Đỗ Phủ, Âu Dương Tu, Tô Thức[1]... cũng vị tất đã nghĩ được ra.

Gần này người ta còn truyền tụng hai câu thơ phê bình thi văn bản triều[2]: *Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán - Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường.*

Văn học chữ Hán đến triều Nguyễn đáng gọi là thịnh hơn các triều khác; nhưng nếu bảo vượt qua cả Hán Đường thì quá lố!

Những lời tự khoe ấy cần phải cải chánh.

Phan Khôi
Khái luận về văn học chữ Hán ở nước ta,
Tao Đàn, 1939

1. Các thi hào nổi tiếng trong lịch sử văn học Trung Quốc.
2. Tức triều Nguyễn.

Mong sự yên thân, thiếu tinh thần tự cường

Trải qua các đời dân ta chịu sự cai trị của vua quan, không có thể dùng tâm và mưu cho nước, nước tự nó sống còn. Trên có vua hiền tướng giỏi thì tạm thời yên ổn. Bất hạnh mà không có vua hiền tướng giỏi thì cả nước loạn ly, nhân dân lầm than. Từ xưa đến nay, sở dĩ có ít ngày được bình trị[1], mà có lắm cuộc loạn ly, nguyên nhân là ở đó.

Dân nước ta có ưu điểm là an phận, thành thực, nhẫn nại. Không biết lợi dụng những ưu điểm ấy thì sẽ sinh ra ba cái tệ. Một là bảo thủ mà không biết tiến thủ. Hai là dựa vào người mà không biết tự lập. Ba là yên thân mình nhà mình, mà không biết ái quần ái quốc. Không trừ ba cái tệ đó thì dù có vua hiền tướng giỏi cũng chỉ bình trị nhất thời mà thôi, sao có thể chống chọi với các nước lớn được. Ngày nay phải nghĩ đến tự cường thì ngày sau mới tự cường được.

Quốc dân độc bản, 1907

Kém óc hợp quần

Đem so sánh nước ta với các nước khác như nước Tàu nước Nhật, xưa chẳng hơn ta là mấy, mà sao nay ta kém người ta xa thế? Người ta mười mình chưa được một: tư tưởng, văn chương, học thuật, công nghệ, thương nghiệp… đều kém hết cả. Thế thì tại cớ làm sao? Dám quả quyết rằng chỉ tại người mình ít biết

1. Xã tắc trong cảnh thái bình, có trên có dưới, trật tự kỷ cương đâu vào đấy.

kính trọng mấy chữ "xã hội đồng bào" không coi mấy chữ đó làm quan hệ đến sự sinh tồn tiến hóa, nên trong xã hội không có tình tương thân tương ái, không có đoàn thể hợp quần. Có xã hội mà vẫn lẻ loi, ai biết phận nấy, khôn sống mống[1] chết.

Nguyễn Bân
Tình hữu ái quan hệ cho xã hội như thế nào?
Hữu Thanh, 1921

Từ chối mọi cuộc cải cách

Tầng lớp trên ở nông thôn, các kỳ mục[2] trong làng, phản đối mọi cuộc cải cách thực sự và sâu sắc. Đây là những người đã trả giá trong hai mươi, ba mươi bốn mươi năm để củng cố địa vị xã hội của mình. Họ đã ở tuổi có thể bình thản ngồi xếp bằng trên những manh chiếu trải giữa đình để đánh giá cung cách người ta phục vụ họ ăn uống ra sao. Nếu có ai dám nghĩ đến chuyện thực hiện một cuộc cải cách nào đó thì người ấy chắc chắn chuốc lấy những mối hiềm thù không thương xót.

Nguyễn Văn Huyên
Vấn đề nông dân Việt Nam ở Bắc Kỳ, 1939

Sống không lý tưởng

Có chí mà không làm nổi, đó là vì tài lực không đủ thật không đáng trách. Nhưng trong chúng ta, đáng trách là hạng người sau: Sống ở đời, không có mục đích gì cao hết. Họ

1. Dại, không khôn ngoan (BT).
2. Những người có điền sản hoặc từng có phẩm hàm và chức vụ, tập hợp lại làm nên hội đồng kỳ mục, có nhiệm vụ đề ra các chủ trương chung của làng xã.

không có một cuộc đời lý tưởng. Họ không coi một thứ gì là đáng ham chuộng, ngoài sự làm tôi đồng tiền mặc dầu phải quăng bỏ liêm sỉ bán rẻ nhân cách.

Ngoài ra lại còn một hạng cho ai cũng là người vô vị, việc gì cũng là việc không đáng làm, ngất ngưởng qua ngày, hững hờ đoạn tháng, để đồng tiền huyết hãn[1] của cha mẹ vợ con vào vòng trời hoa đất rượu, phung phí tuổi giàu sức khỏe vào những cuộc đỏ đen suốt sáng, mây khói thâu canh. Họ cốt sống để tìm những thỏa mãn về vật dục…

Hoa Bằng

Hư sinh, *Tri Tân*, 1943

Các hội nghề nghiệp yếu ớt ọp ẹp

Tục ta nghề nào lập hội ấy, một là để giữ gìn công việc cho nhau, hai là để liên lạc tình nghĩa với nhau, ba là để binh vực nhau cứu giúp nhau, vậy là cái chủ ý cũng hay, mà lại có thể sinh lợi để làm được sự công ích nữa. Tiếc thay dân trí ta hẹp hòi, chỉ biết có tiền thì lo ngay đến một mảnh danh giá cúng về dân, để lấy cái tên ghi ở trong các đồ sự thần, cho ai nấy trông thấy đồ thờ thì lại nhớ đến tên mình, thế cho là vinh hạnh rồi. Giả sử hội nào cũng gây lấy một cái vốn to rồi cùng nhau mà mở một nghề buôn bán hoặc công xưởng gì cho có ích lợi thì chẳng hay lắm ru?

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

1. Huyết: máu, hãn: mồ hôi; ngày nay hay nói: mồ hôi nước mắt.

Sinh hoạt hội đoàn dễ bị làm hỏng

Toàn cả nhân dân trong nước thiếu hẳn cái công đức[1]... Chỉ biết tư đức[2] mà không biết công đức, nên trừ một số ít người tốt có công tâm, phần đông toàn vì tư tình mưu tư lợi, thích tư đấu, cứu tư hiềm[3], từ làng đến nước đâu đâu cũng biểu hiện lối ganh tham ghét chạ gây ra giành xé chia rẽ như hương thôn kiện tụng, quan trường khuynh loát nhau... mà thiếu hẳn về đoàn thể sinh hoạt công cộng.

Từ Âu hóa truyền sang, thấy xứ văn minh có những đoàn thể lập hội, công tác thành hiệu[4] rõ ràng, cũng cố bắt chước theo lập hội này hội khác. Song cái bản ngã đã thiếu môn học công dân, nên bất kỳ hội gì, chương trình quy tắc lúc lập định ra không nghĩ đến sự thực hành, thường xảy ra những chuyện do điều nhỏ và ý riêng mà làm hư cả đoàn thể.

Huỳnh Thúc Kháng

Tiếng Dân, 1940

Một vài thói tục đã thành di truyền

Một là học để làm quan: Người sinh ra ở đời có học mới khôn, có khôn mới làm hết được bổn phận làm người. Làm

1. Công đức đây không phải công ơn đối với xã hội, mà là đạo đức một công dân trong quan hệ với cả xã hội.
2. Đạo đức trong quan hệ cá nhân (ngược với công đức).
3. Thích tư đấu: dò xét những chuyện ganh ghét riêng tư; cứu tư hiềm: nghiền ngẫm tính toán quanh những mối hiềm khích giữa người nọ người kia.
4. Thành tựu, hiệu quả.

quan chẳng qua là một việc trong sự làm người đó mà thôi. Thế mà người mình có cái tính di truyền "đi học cốt để làm quan", cha truyền con nối, trước bày nay làm, dẫu cho ngày nay phép học phép thi đổi ra cách mới, mà người đi học vẫn ôm cái hy vọng làm quan là chủ chốt.

Hai là làm quan ăn lót: Làm quan… cốt là mượn cái địa vị thế lực mà làm cái lợi riêng, thói ăn của dân cho là cái quyền lợi tự nhiên mình được hưởng, tập dữ tính thành[1] không ai cho là điều quái lạ hổ thẹn.

Ba là a dua người quyền quý: Ngu dốt mà cũng tán rằng thông minh, bạo ngược mà cũng tán rằng nhân đức… bất cứ việc gì người ra thế nào, đã là quyền quý thì cứ nhắm mắt tán dương.

Bốn là trọng xác thịt[2]: Ngoài sự ăn sung mặc sướng, ở yên ra gần như không có tư tưởng gì nữa. Đối với kẻ khác cũng lấy cái mục đích đó mà xem xét. Nghĩa là không hỏi nhân cách thế nào, mà chỉ thấy ăn mặc xa hoa, lầu cao nhà lớn thì sinh lòng hâm mộ, dẫu có hại nòi nát giống, mà đạt được mục đích thì cũng không từ.

Những điều như thế kể ra không xiết. Lại thêm cái văn minh xu xác[3] thế lực kim tiền, noi theo mà thối giục[4] lên nữa, thôi thì lửa nọ được dầu, sóng kia thuận gió, không

1. Làm quen mãi rồi thành ra một thuộc tính tự nhiên.
2. Tức là trọng vật chất.
3. Xu xác: chưa rõ. Có lẽ là gần nghĩa với xu phụ, tức chạy theo nịnh bợ.
4. Thối giục: cũng như hối thúc.

những quét sạch bao nhiêu tính di truyền tốt của ông bà ngày trước, mà còn có thể cuốn cả hai mươi triệu đồng bào ta xoay vào cái rốn biển trầm luân, không sao ngóc đầu lên được.

Huỳnh Thúc Kháng
Tiếng Dân, 1929

Không thiết việc dời

Dân ta xưa nay chỉ quen sống "sau lũy tre xanh", không thạo cách hội họp và lại về tinh thần lại hay có tính cẩu thả. Sống được là may, học hành mà làm gì... đó là những câu họ thường trả lời cho ta khi ta khuyên họ nên học cho biết.

Ngô Tất Tố
Thời Vụ, 1938

Sợ tự do, cam chịu làm nô lệ

Đế vương xưa chỉ dạy thờ người trên và biết nghĩa vụ của mình còn quyền lợi không cần biết đến mà cũng không có nữa. Tục ngôi thứ đã in rất sâu vào óc người dân quê, đến nỗi những tư tưởng tự do phóng khoáng từ phương Tây truyền sang, đến lũy tre xanh là dừng lại, biến mất như một ngọn gió mát tan vào một bầu không khí nồng nực nặng nề.

Tục vị thứ hóa ra tục sùng bái nhân tước[1] một cách u ám đê hèn và thay vào óc kính thượng là một óc nô lệ đáng khinh.

Tự do cá nhân và hết thảy các tự do ở bên ta và nhất là ở nơi thôn quê chỉ là một câu chuyện hoang đường. Cũng

1. Những tước vị do con người đặt ra.

vì thiếu tự do - nếu ta không kể sự tự do phục tùng và tự do uống rượu - nên tình cảnh dân quê về phương diện tinh thần mới có vẻ điêu linh tàn tạ. Cũng vì thiếu tự do nên người ta đối với những công cuộc cải cách mới lạ thường có cái não ngờ vực. Sức phản động dìm dập dân quê vào nơi ngu tối, tạo thành cho họ cái tính nô lệ, cái căn tính chịu đựng trước những sự tàn ngược ức hiếp.

Hoàng Đạo

Bùn lầy nước đọng, 1939

Chống đối tự phát

Nước ta là một nước canh nông đối với công nghệ không những không khuyến khích mà lại còn áp chế. Theo sách *Lịch triều hiến chương*, đời Lê Dụ Tôn đặt lệ trưng thu hoành lạm[1] khiến nhiều nhà nghề không kham nổi mà đành bỏ nghiệp. "Như nhà nước đòi sơn thì dân chặt cây đi, nhà nước đòi vải lụa thì dân phá khung dệt, đòi gỗ thì dân quăng búa rìu, đòi tôm cá thì dân xé lưới".

Đào Duy Anh

Việt Nam văn hóa sử cương, 1938

Ương ngạnh, hoài nghi, khó dìu dắt

Trước hết nông dân ta ngày nay (bài này viết tháng hai 1945 - VTN chú) đều còn dốt nát.

1. Thu mua quá mức.

Bởi dốt nên thủ cựu mà thủ cựu một cách bướng bỉnh. Bao nhiêu điều gì mới lạ khác với thói thường, với sự quen dùng, họ đều coi như không tốt và không bao giờ có ý tò mò muốn dùng.

Đại đa số chỉ sống lần hồi từng ngày, nên họ không hề có những sự trông xa, hoặc lâu dài và phiền phức rắc rối.

Họ cần những hoa lợi mau chóng chắc chắn và dễ dàng, dẫu rằng ít ỏi.

Họ nhận thấy ruộng thiếu phân bón nhưng họ chẳng biết làm thế nào cho có nhiều phân. Vì hình như họ cho sự thiếu thốn ấy là dĩ nhiên.

Họ nghiệm thấy những giống thóc họ thường cấy là không cứng cây, không chịu được nước ngập, v.v.. nhưng họ chẳng muốn tìm các giống tốt hơn và giá thử có tìm thấy họ cũng không dám cấy thí nghiệm.

Họ cũng từng biết nghĩ rằng nếu rất nhiều người họp lại chung công của để đắp một khúc đê, xây vài ba cửa cống thì có lẽ giữ được nước mưa để cả một cánh đồng bằng khô khan trở nên chan hòa nước và cây cối tươi tốt.

Nhưng họ cũng lại tin rằng đó là một sự chẳng bao giờ nên dám làm, vì chắc đâu đã được lợi. Vả lại công việc khó khăn và lâu dài lắm. Thà rằng chẳng nghĩ đến làm còn hơn (!)

Dốt nát, thủ cựu, nghèo, ưa thực tế, hay ngờ vực nhút nhát, mọi nhẽ ấy đã tạo thành những người nông dân khó hiểu,

khó dìu dắt và khiến cho người nào nông nổi ương tính phải bực mình, có khi đến phải cáu phải ghét.

Thảo Am tức Nghiêm Xuân Yêm
Nông dân mới trong nghề nông xứ ta, *Thanh Nghị*, 1945

IV
GIÁO DỤC

Không học và ham chơi

Người mình thiếu cái tư cách lao động ngày nay. Viễn nhân[1] có nhiều mà nhất là không học. Đây nói học không phải thường cầm viết[2], ôm sách đi tới trường như học trò. Không học nghĩa là không biết tập cách siêng năng kiệm ước[3] và lo trau dồi cái nghề của mình cho tinh xảo, sửa sang tính nết của mình cho có tư cách công nhân[4]. Không học thì nghề đã không tinh mà tư cách cũng kém, điều hư tật xấu không chừa, lời phải điều hay không biết bắt chước.

Còn cái cận nhân[5] to nhất là ham chơi. Nhân phong trào lao động thế giới hết bị khinh rẻ như ngày xưa, nhiều người vào sở này, tới xưởng kia, tự xưng là làm thực nghiệp, kỳ thực không chăm nghề gì không được việc gì, rày đây mai đó lỡ

1. Nguyên nhân xa xôi.
2. Cầm bút.
3. Dè dặt và có chừng mực.
4. Đây chỉ người làm việc nói chung chứ không phải công nhân theo nghĩa hiện đại.
5. Nguyên nhân cụ thể.

dở thành người thất nghiệp. Lại có kẻ du thủ du thực phóng đãng quen nết, nay gặp sở nào thuê mướn làm công, làm mấy cũng không đủ tiêu, lại xoay bày cách chơi bời cờ bạc mà quơ quét của bọn làm công, làm sâu mọt trong đám lao động.

Huỳnh Thúc Kháng

Hai chữ lao động, *Tiếng Dân*, 1930

Tâm lý học để đi thi

Người nước mình từ xưa đến nay, cái tâm lý đối với việc học là học mà đi thi, đi học cũng như đi buôn bán hay làm nghề, cái mục đích chỉ là cầu lợi mà thôi. Tiếng rằng nước mình tôn sùng đạo Khổng, song đó là vì học đi thi mà tôn sùng, chứ không phải vì tôn sùng mà phải học. Cho nên ngày trước triều đình thi Hán tự thì người mình lo học Hán tự để lấy ông cử ông nghè; ngày nay chính phủ bảo hộ thi Pháp văn thì người mình lo học Pháp văn để lấy ông tham ông phán.

Ngô Đức Kế

Nền quốc văn, *Hữu Thanh*, 1924

Có khoa cử mà không có sự nghiệp

Nho học có lợi cho cái chính thể quân chủ chuyên chế nên các đế vương nước ta lại càng tôn sùng lắm. Cái chế độ khoa cử thật là một cái quà rất hại mà nước Tàu đã tặng cho ta. Ngay bên Tàu nó đã hại mà sang đến ta cái độc của nó lại gấp mấy lần nữa. Người Nhật Bản họ hơn mình, chính là vì họ không mắc phải cái vạ khoa cử như mình. Họ bắt chước cái gì của Tàu thì bắt chước, chứ đến cái lối khoa cử thì họ

không chơi. Đời Đức Xuyên (Tokugawa) cũng đã có một hồi thi hành cái chế độ hãm hại nhân tài, nô lệ thần trí đó, nhưng sĩ phu trong nước họ không chịu nên cũng không thể bền được. Ở nước ta thì đến hơn sáu trăm năm sinh trưởng trong cái chế độ ấy, trách nào cái khí tinh anh trong nước chẳng đến tiêu mòn đi hết cả. Ở Văn miếu Hà Nội còn mấy dãy bia kỷ niệm các cụ đỗ tiến sĩ về đời Hậu Lê, trong đó chắc có nhiều bậc nhân tài lỗi lạc, nhưng vì mài miệt về đường khoa cử, nên đều mai một mất cả, tên còn rành rành trên bia đá đó, mà có sự nghiệp về đường học vấn tư tưởng được như ai?!

Phạm Quỳnh

Bàn về quốc học, 1931

Không chú trọng học thuật

Dễ thường không có nước nào mà những người tự nhận là học giả lại lạnh lùng với việc học như ở nước mình. Người mình vẫn được tiếng là hiếu học, nhưng đúng ra chỉ là hiếu lợi và hiếu danh. Khi sự học không đưa đến cho mình lợi và danh thì ít ai còn thèm màng đến nó nữa.

Cho đến ngày nay, trong một trăm người bước chân ra khỏi nhà trường, không có lấy năm ba người để tâm vào việc học. Giữa một vũ trụ đầy những sự huyền bí, người mình như khách qua đường bưng mắt mà đi vì sợ mệt mắt. Tinh thần của mình bạc nhược như vậy không trách gì mình thua kém.

Đã thế lại còn kiêu căng. Thỉnh thoảng có tấp tểnh bước vào rừng học thì cũng chỉ chạy theo những vấn đề to lớn, tựa

hồ như chỉ những vấn đề ấy mới xứng với tài trí của mình. Có biết đâu rằng tinh thần học thuật ngày nay căn cứ vào lòng khiêm tốn.

Người ta đã mất công nghiên cứu mà nói ra một điều gì cũng cẩn thận dè dặt. Người mình đã không chịu tìm tòi gì mà lại thường cẩu thả.

… Nếu dân tộc này không bao giờ tự dựng lên được một nền học thuật thì chẳng nói hai mươi triệu, có đông đến hai trăm triệu cũng là một dân tộc bỏ đi, một dân tộc không có trên pho lịch sử văn minh loài người.

Hoài Thanh

Vấn đề học thuật nước ta chỉ là một vấn đề tâm lý và luân lý,

Sông Hương, 1936

Kém cỏi trong giáo dục gia đình

Những bậc cha mẹ ở nước mình đẻ con thì muốn cho nhiều mà dạy con thì thật cẩu thả và biếng nhác. Những ông bố hoặc là nhà kinh doanh, hoặc là người tòng sự các sở công sở tư, suốt ngày suốt tháng đầu tắt mặt tối về sự mưu sinh, có lúc nào rảnh rang thì dành cho các cuộc tiêu khiển như bài bạc hát xướng mà các ông cho là mình có quyền được hưởng sau khi làm việc. Đại để thì đẻ con ra, nuôi chúng như vỗ lợn rồi xin cho chúng một chỗ ngồi trên ghế nhà trường, là tưởng đã làm xong cái trách nhiệm của người cha rồi vậy. Đến những bà vợ… Thỉnh thoảng các bà rờ đến con thì liệu hồn những vú già vú em! Con các bà không hề bị trừng phạt mà chính đầy tớ các bà lại là cái bia chịu đạn.

Trong nhiều gia đình, sự thân mật quá độ và lầm lạc đã hầu thành hỗn xược. Trước mặt cha mẹ, con cái nói năng chẳng dè dặt chút nào. Họ nói với cha mẹ như với bạn.

Thái Phỉ (Nguyễn Đức Phong)
Một nền giáo dục Việt Nam mới, 1941

Thiếu niên hư hỏng

Đa số thiếu niên lầm tưởng rằng tuổi trẻ là tuổi có thể nói hay làm bất cứ cái gì chướng tai gai mắt mà có tính cách vui đùa, chẳng sợ ai chấp trách gì cả. Họ sỗ sàng cấc lấc. Họ nói bô bô ở ngoài phố những chuyện người ta thường chỉ nói nhỏ ở trong buồng kín. Đứng trước những bậc huynh trưởng, họ cũng vô tình buột ra những ngôn ngữ hay lộ ra những cử chỉ rất khả ố. Bị các báo chí hài hước và trào phúng làm hại, họ không còn coi cái gì là nghiêm trang đứng đắn cả, họ hoài nghi tất cả. Cái gì đối với họ cũng như trò đùa.

Gặp việc gì hơi khó nhọc, có tính cách trừu tượng hay cần đến kiên nhẫn là họ ngại ngùng. Đi học, họ thích nghe thầy giáo nói chuyện hơn là nghe giảng bài hay phải chép bài. Họ không thể và không muốn nỗ lực. Ở nhà họ không muốn mó đến một công việc gì, dù là việc rất nhẹ nhàng.

Thái Phỉ
Một nền giáo dục Việt Nam mới, 1941

Nội dung học tập viển vông phù phiếm

Cách học của ta trái phép sư phạm. Tự lúc nhỏ cho đến lúc lớn chẳng qua chỉ học trong hai khoa là luân lý với văn

chương. Mà luân lý thì lại theo nghĩa hẹp hòi, bó mình vào trong lễ phép, làm cho người ta không thể theo được. Văn chương thì cũng phù phiếm, người nước Nam mà bàn việc Nguyên Minh Đường Tống, ngồi xó nhà mà tả những cảnh Hoàng Hà Thái Sơn, thực là ngồi *Cầu Đơ mà nói chuyện quán Mọc*[1]. Văn chương như thế thì thì vẽ sao được cái chân cảnh tạo hóa mà cảm động được lòng người.

Ngoài khoa văn chương với luân lý thì không còn khoa gì nữa, thể thao chẳng có, kỹ nghệ cũng không. Ai học rộng ra đến thiên văn địa lý y khoa lý số một đôi chút đã cho là vạn sự xuất ư Nho[2] mà rút lại thì chẳng nghề gì là học cho đến nơi đến chốn. Học thuật của ta hủ bại như thế, trách nào mà tri thức của ta chẳng mờ mịt, văn minh của ta chẳng kém xa các nước.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

Chỉ giỏi về văn thù ứng

Ở nước ta, kẻ học khi chưa đỗ thì chăm về văn khoa cử, khi đỗ rồi thì chăm về văn thù ứng[3]. Có những người nổi tiếng mà nhan nhản những bài hết tự tặng người này lại dâng người khác, té ra trời phú cho ông ấy cái văn tài lỗi lạc là để đi thù phụng thiên hạ. Vậy nếu tôi nói một ngàn năm nay người An Nam làm văn chữ Hán chỉ chuyên có hai lối khoa

1. Cầu Đơ tên cũ của thị xã Hà Đông; quán Mọc nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.
2. Mọi chuyện bắt đầu từ ở đạo Nho.
3. Giao tiếp, khoản đãi nhau.

cử và thù ứng và trong văn học chỉ sở trường một cách *jeu de mots*[1] mà thôi, thì cũng chẳng quá nào!

Phan Khôi
Khái luận về văn học chữ Hán ở nước ta, 1939

Một nền giáo dục giết chết nhân cách

Phương pháp giáo dục ở ta cẩu thả thô sơ. Xong mấy quyển sách sơ học thì thày đem ngay các sách Bắc sử[2] và Ngũ kinh Tứ thư đại toàn ra dạy. Thày nhắm mắt mà giảng chữ nào nghĩa ấy, chỉ sợ sai mất nghĩa của Tống nho; trò cũng nhắm mắt học cho thuộc lòng để đến khi hành văn nhớ lại mà đặt để.

Phương pháp giáo huấn vụng về chật hẹp như thế là do một nguyên nhân khác là chế độ khoa cử. Chế độ ấy cốt xô đẩy sĩ tử trong nước vào đường cử nghiệp hư văn. Triều đình lại cho những người khoa mục nhiều điều vinh diệu quá đáng, nào trâm bào dạo phố, nào cờ biển vinh quy, cùng là khắc tên ở bia đá bảng vàng để lưu truyền cùng hậu thế. Học trò chỉ chăm học thuộc lòng một ít sách vở, và lo lựa lời cho khéo, gọt câu cho chỉnh, miễn là lời văn cho bóng bảy thì ý tứ dù là bã cặn của Tống nho cũng không can gì. Cái thói trọng từ chương ưa hư văn đã thành một thứ thiên tính của dân tộc ta. Với cách giáo dục ấy thì dù người thiên tư lỗi lạc cũng phải nhụt đi, huống gì người tư chất tầm thường, thực là một thứ giáo dục giết chết nhân cách.

Đào Duy Anh
Việt Nam văn hóa sử cương, 1938

1. Chơi chữ.
2. Tức lịch sử Trung Quốc. Sử ta thường gọi là Nam sử.

Giáo dục hiện đại bị thương mại hóa

Đứa trẻ ở nhà đã không được trông nom dạy bảo cho phải đường, đến trường lại bị giao cho những ông giáo phần nhiều chưa biết làm một người cha, chưa được thành thục về khoa giáo dục, chưa có kinh nghiệm về tâm lý học, chưa được thuần về tính nết…

Trong nước có biết bao nhiêu trường tư. Gia dĩ mở một trường tư cũng không khác gì mở một hiệu buôn. Nhà hàng phải chiều khách, các ông kinh doanh về tư thục - tôi nói kinh doanh mà không nói giáo dục - muốn cho trường mình được vững vàng tức là muốn cho có nhiều lời lãi, tất phải chiều theo thị hiếu của học sinh vốn là những khách hàng rất khó tính.

Thái Phỉ

Một nền giáo dục Việt Nam mới, 1941

Thiếu tinh thần cầu học

Phải nhận rằng người mình không ham học mấy. Thí dụ như người đỗ bằng tốt nghiệp, có công ăn việc làm thì thôi, không chịu học thêm. Tôi cho thế là nhầm lắm. Người ta dạy cho bấy nhiêu là để cho mình tạm đủ sức mà học lấy; khi ở trường ra mới là chỗ khởi hành, mình lại tưởng đến nơi rồi. Nếu tôi được phép, tôi sẽ khuyên anh em thanh niên học rõ nhiều, vừa đọc văn Tây, vừa học lại tiếng ta, vì phần đông người ta mà viết văn ta còn sai nhiều lắm.

Nguyễn Văn Tố

Theo Lê Thanh, *Cuộc phỏng vấn các nhà văn*, 1943

Không học được cái phần tinh thần

Vô luận Tây học hay Nho học, hễ theo học nó mà không thâm đắc được chỗ tinh thần[1], không suy diễn làm ra của riêng mình, không truyền thụ được cho đất nước, thì đều là hủ bại cả. Mà cái hủ bại ấy mới là hủ bại tày đình, hủ bại cho cả nòi giống.

Nguyễn Trọng Thuật
Cùng ai trong ban Tây học, 1933

Quá vụ thực trong sự học

Coi như nước ta văn hiến đã từ bao giờ, tuy những bậc hiền nhân quân tử chẳng thiếu gì, mà trước sau gọi là bậc đại triết học có người nào? Chỉ vì cái quan niệm về sự học vấn tư tưởng của các cụ ta ngày xưa vụ thực quá, học để mà làm chứ không học để cho biết, cho nên sự học không ra ngoài phạm vi việc làm, không siêu việt được lên cõi lý tưởng cao thượng thuần túy như ở các nước văn minh khác, đó cũng là một khuyết điểm trong văn hóa của ta vậy.

Phạm Quỳnh
Thư gửi bạn, 1919

Giáo dục không có phương hướng

Những người theo Nho học xưa nay thường hay trọng cái hình thức bề ngoài thái quá để đến nỗi tinh thần sai lầm đi rất nhiều. Người mình lại cứ quen một mặt thuận thụ[2] theo

1. Phần sáng suốt thiêng liêng (nghĩa cũ).
2. Xuôi theo, tự nguyện chấp nhận.

cái khuôn nhất định của tiền nhân để lại, việc phải trái hay dở thế nào cũng chỉ ở trong cái khuôn đó chứ không chệch ra ngoài được, sự phê bình phán đoán càng ngày càng hẹp lại, không biết còn có tư tưởng nào nữa.

Đến nay thời cục đã biến đổi, khoa cử bỏ đi rồi, sự học cũ không phải là cái cầu ở con đường sĩ hoạn nữa, thì Kinh Truyện xếp lại một chỗ mà đạo thánh hiền cũng chẳng ai nhắc đến.

Sự bỏ cũ theo mới của ta hiện thời bây giờ không phải là không cần cấp, nhưng vì người mình nông nổi không suy nghĩ cho chín chưa gì đã đem phá hoại đi, thành thử cái xấu cái dở của mình thì vị tất đã bỏ được, mà lại làm hỏng mất cái phần tinh túy đã giữ cho xã hội ta được bền vững mấy nghìn năm. Cái tình trạng nước ta hôm nay là thế, khác nào như chiếc thuyền đi ra biển, không biết phương hướng nào mà đi cho phải.

Trần Trọng Kim
Nho giáo, 1930

Con ma cử nghiệp giết chết sự học

Bệnh căn của cõi học ta xưa, một là vì xã hội cẩu thả mà toàn mô phỏng, một nữa là vì kẻ học giả ham cái cận lợi[1] khoa cử.

Trước khi vì học thuật nước nhà mà hy vọng ta phải hết sức từ bỏ căn bệnh cẩu thả đi, trừ bỏ cái tính tự tiện tự khí đi[2]. Không thì về xã hội lại cứ lười biếng a dua không suy

1. Cái lợi trước mắt.
2. Tự mình coi rẻ coi thường mình.

xét lựa chọn không có cái tinh thần tự giác tự tín; về kẻ học giả lại cứ tham cái cận lợi nhai văn nuốt chữ, lấy học đường của nước văn minh làm con đường tất hiển vinh. Bộ "lều chiếu chõng lọ" đã phá đập ở trường thi rồi, con ma nghiện cử nghiệp lại bò vào nơi "mẻ đỏ bảng đen" ám ảnh. Thì học đến bao giờ cũng chung vô sở đắc[1]; mà dù có sở đắc được tí gì cũng chẳng để ý đến.

Nguyễn Trọng Thuật

Điều đình cái án quốc học, 1931

V
GIAO LƯU TIẾP XÚC

Ta & người

Người Việt và việc tiếp nhận văn hóa nước ngoài
trong con mắt của một số trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX

Đằng sau câu chuyện về tính ưa dùng hàng ngoại, thật ra có ẩn giấu những vấn đề lớn lao của mối quan hệ giữa cộng đồng người Việt mình với các cộng đồng mà chúng ta có tiếp xúc trong suốt trường kỳ lịch sử.

Trong các công trình nghiên cứu văn hóa của một quốc gia, thường người ta không quên để riêng một phần nói về lịch sử giao lưu văn hóa của nước chủ nhà với các nước khác, các nền văn hóa khác.

1. Cuối cùng không thu được cái gì.

Nhu cầu tự nhận thức buộc người ta phải làm vậy.

Không một dân tộc nào chỉ sống khép kín mà không quan hệ với các cộng đồng khác.

Tối thiểu thì trong mối quan hệ này, các dân tộc sẽ học hỏi để ngày mỗi trở nên mạnh mẽ hơn giàu có hơn.

Còn nói cho to tát ra thì đây chính là chỉ số đánh dấu trình độ trưởng thành của mỗi dân tộc với tư cách một bộ phận của nhân loại.

Trong quá trình này, ý thức về ta và người nẩy sinh, nó cũng là một khía cạnh làm nên tâm thế làm người, một hằng số lặp đi lặp lại ở nhiều thế hệ.

Hiện trong các công trình nghiên cứu về văn hóa Việt Nam, vấn đề này gần như chưa được đặt ra.

Song ở dạng những nhận xét tạt ngang, nó đã được các nhà trí thức các nhà hoạt động văn hóa trong quá khứ quan tâm và phát biểu đây đó.

Mấy năm trước chúng tôi đã trích lục một số ý kiến này để đưa vào mục "Người xưa cảnh tỉnh", in rải rác trên mặt báo.

Nay xin hệ thống hóa lại và giới thiệu chúng theo trình tự thời gian mà các tác giả đã phát biểu. Các đầu đề nhỏ là do người biên soạn đặt.

Không dược thật bụng trong khi giao thiệp

Tất cả các nước, không nước nào giao thiệp qua lại chặt chẽ với nước khác, mà không được cường thịnh. Có điều là tôi đã quan sát tính tình thiên hạ thì thấy rằng họ dễ giao

thiệp với người, còn tính tình của ta thì quá khác người, cho dầu muốn chọn lựa để giao thiệp cũng sợ việc khó thành.

Phàm bình thường trong khi giao tế với người ta, một khi mở bày tấm lòng là đã thấy thành thực, thế còn sợ chưa thỏa lòng thay. Huống chi ngồi nói chuyện với người ta, mà coi bộ bồi hồi láo liêng, như người xây xẩm, mắt cứ ngó chừng bốn phía, như sợ để quên vật gì người sẽ lấy cắp đi, - như thế là mình đem cái tâm không tốt ra đối đãi với người ta, mà người ta không nghi kỵ sao được?

Thường tình con người ta khi đến một xứ lạ nào, ai cũng muốn đi dạo xem cho thỏa thích. Người đến nước ta, trừ thành nội là vùng đất cấm thì phải cấm, ngoài ra các làng xóm bé nhỏ nằm trong vùng phụ cận thì không ở trong luật cấm, thế mà có một người nào muốn xin đến đó thì bắt phải trì hoãn, tựa hồ như phải để có thì giờ trai giới[1] tắm gội mới được. Quan nha chạy xuôi chạy ngược, giấy tờ đi về như cánh bướm, chẳng khác nào đang bị đại địch bao vây, khiến họ trông thấy phải bật cười. Vậy ai còn muốn giao hảo với mình, giúp đỡ mình làm gì?

Nguyễn Trường Tộ
Di thảo số 42, 1871

Sống như mơ ngủ

Nước ta từ ngày Pháp sang bảo hộ trên mấy mươi năm, người mình học Tây học chỉ làm được việc phiên dịch nói phô

1. Ăn chay và giữ mình cho sạch.

mà thôi, không có ai hấp thu được chỗ tinh túy, phăn (phanh) tìm đến nơi màu nhiệm về mà đào tạo ra học trò để làm việc vẻ vang cho nòi giống. Trái lại, bụng không một hạt gạo mà nói chuyện thi thư[1], tay không nửa đồng mà tự xưng Khổng Mạnh. Có lẽ da thịt huyết tủy của người nước mình mấy ngàn năm nay đã bị cái hấp lực của huyết dẫn người Tàu chi phối hết cả, nên ngày nay đành làm nộm rối cho người Tàu mà không tự biết chăng? Không thế thì sao lửa đốt bên da mà không biết nóng, sét đánh ngang trán mà không biết sợ, thày hay bạn giỏi ở một bên mà không biết gắng sức bắt chước bước theo. Thậm nữa trần trọc tráo trở, một hai toan tìm một nước thứ ba nào yêu thương mình mà vui lòng làm tôi làm tớ.

Hiện trong lúc ngủ say mới tỉnh, xu hướng chưa định, học mới học cũ ngả đường phân chia công hội thương hội chương trình chưa nên, thành hiện ra một cái quái tượng, đầy nhà rối rít ồn ào, chưa giải quyết vội được.

Phan Châu Trinh

Hiện trạng vấn đề, 1907

Tùy tiện cẩu thả trong giao lưu tiếp xúc

Xét nước ta các đời thụ phong Trung Quốc chỉ là chính sách ngoại giao cho nên coi là trò chơi, không coi là vẻ vang.

Kẻ lấy Trung Quốc làm ỷ lại, ắt là vào thời cuối[2]: vua nhác, tôi nịnh, binh bị không sửa sang, coi họ như cha mà

1. Nghĩa gốc: Kinh Thi và Kinh Thư. Ở đây chỉ việc học hành ở trình độ cao.
2. Tức giai đoạn suy tàn của một triều đại.

quên điều nanh ác. Thời cuối các đời Trần, Lê đều có, mà triều ta[1] lại càng nhiều.

Sứ thần ngày xưa làm nhục được người Trung Quốc coi như vinh dự. Những kẻ đi việc sứ đời sau lấy việc được một bài thơ, bài văn, một lời than tiếng cười của sĩ phu Trung Quốc trở về để khoe khoang với bạn bè làm vẻ vang.

Mặt này lại là một điều suy sút của sĩ phu nước ta.

Phan Châu Trinh

Nước Việt Nam mới sau khi Pháp Việt liên hiệp, 1912

Sang đến xứ người cũng không biết đường học hỏi

Người nước ta thường tự xưng là đồng loại, đồng đạo, đồng văn[2] với Nhật Bản, thấy họ tiến thì nức nở khen, chứ không khi nào chịu xét vì sao họ được tiến tới như thế? Họ chỉ đóng tàu đúc súng mà được giàu mạnh hay họ còn trau dồi đạo đức sửa đổi luân lý mới được như ngày nay?

Tôi rất lấy làm lạ cho những người đã qua Nhật về, không đem cái hay cái tốt về cho dân nhờ mà chỉ làm giàu thêm tính nô lệ!

Hay là người mình như kẻ đã hư phổi rồi cho nên một nơi có thanh khí như nước Nhật mà cũng không thở nổi chăng?!

1. Triều ta đây tức là nhà Nguyễn.
2. Cùng theo đạo Khổng cùng sử dụng chữ Hán.

Lấy lịch sử mà nói thì dân tộc Việt Nam không phải là không thông minh, thế thì vì lẽ nào ở dưới quyền bảo hộ hơn 60 năm nay[1] mà vẫn còn mê mê muội muội bịt mắt vít tai không chịu xem xét không chịu học hỏi lấy cái hay cái khéo của người.

Phan Châu Trinh

Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Vàng thau lẫn lộn, nhầm của người với của mình

Dân Nam, trên lịch sử, có hai đặc tính cực đoan phản đối[2] nhau: một là bài ngoại và ỷ ngoại, hai là tự tôn và tự ti. Hai đặc tính đó có sẵn trong não mọi người. Mỗi cái, nhân thời thế mà phát hiện, lại đều đi tới cực đoan. Lại khi đã tới cực đoan, mỗi cái đều giữ lý do, chuyên cậy vào tập quán, lợi hại đều bị che lấp không thấy.

… Xét nước ta học văn học của Trung Quốc bắt chước quá sâu, có khi mất cả chân tướng của mình. Từ khi hấp thụ văn minh Trung Quốc, không phân biệt tốt xấu cái gì cũng thâu vào, lựa chọn không tinh, được không bù mất. Có khi tự coi là người Trung Quốc, tự coi là người văn minh, lừa

1. Tính tới thời điểm tác giả nói trong bài này, nước Pháp mới đô hộ nước ta 60 năm.
2. Nói như ngày nay: đối nghịch nhau.

đội lốt hổ, hiêu hiêu[1] tự cho là lớn, vàng thau lẫn lộn, bơ vơ không chỗ mà nương.

Phan Châu Trinh
Nước Việt Nam mới sau khi Pháp Việt liên hiệp, 1912

Thạo sử người hơn sử mình

Sĩ tử khắp nước ta làu thông kinh sách mà không biết đất đai của nước ta và nòi giống dân ta như thế nào.

Họ chỉ biết Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông mà không biết Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ ra làm sao.

Họ chỉ biết Khổng Minh, Địch Nhân Kiệt, mà không biết các bề tôi Tô Hiến Thành, Trần Quốc Tuấn thờ vua giúp nước như thế nào.

Họ chỉ biết núi Thái Sơn cao chót vót, sông Hoàng Hà sâu thăm thẳm, nhưng không hề hay biết núi Tản Viên từ đâu tới, sông Cửu Long ở Nam Kỳ phát nguyên từ nơi nào.

Ưa chuộng phong tục nước ngoài cho nên bao nhiêu nghi lễ về quan hôn tang tế[2], chúng ta đều bắt chước người Trung Hoa cả.

Người nước ta lại còn lấy kỹ nghệ nước ngoài làm ưa thích. Đã không chịu học hỏi cách biến chế, óc sáng kiến của

1. Chúng tôi chưa thật rõ, chỉ thấy trong Hán Việt tự điển của Thiều Chửu ghi "hiêu hiêu" có một nghĩa là "kêu lải nhải", một nghĩa khác là "ra dáng ung dung tự đắc".
2. Các việc thuộc về đình đám, ma chay, cưới xin v.v..

họ, mà lại đi tiêu thụ hàng hóa giúp cho họ. Đa số những vật liệu như đồ sứ hàng tơ lụa, hàng thêu, hàng đoạn[1]..., chúng ta đều đi mua sắm từ bên Trung Quốc về dùng. Rồi dần dà lâu ngày, linh hồn của dân ta tự nhiên bị đổi dời, trí não của dân ta tự nhiên bị bưng bít mà ta không hề biết, chỉ vì cái cớ chúng ta chuyên trọng Bắc sử[2] mà thôi.

Hoàng Cao Khải
Việt sử yếu, 1914

Học dòi làm dáng một cách sống sượng

Cứ chiều đến, độ sáu bảy giờ, đứng ở góc hồ Hoàn Kiếm, trông kẻ đi qua người đi lại, thấy ngứa mắt quá. Nhất là trông mấy ông ăn mặc quần áo Tây. Gớm sao mà khéo bắt chước, giá sử sự học hành, sự buôn bán mà cũng bắt chước được khéo thế thì hay quá! Ông cổ cồn trắng, cổ nút xanh, nút đỏ, đầu thì mũ cỏ, tay thì ba toong, giày thì bóng nhoáng, hai ngón tay thì khéo gẩy gẩy cái nách áo gi-lê. Ông ngồi xe thực khéo lấy dáng. Ngày xưa cái ô lục soạn, cái điếu thuốc lá bọt. Nay những cái ấy đã cho là đồ cũ rồi. Cái xe Nhật Bản bây giờ cũng bỏ. Bây giờ có xe cao su, êm hơn mà ngồi ưỡn ra bệ vệ hơn nhiều. Tay cầm quyển sách hay là cái nhật trình[3], mắt giả lờ trông thì lại ra tuồng[4] nữa.

1. Hàng dệt bằng tơ, mặt bóng mịn.
2. Tức lịch sử Trung Hoa.
3. Báo ra hàng ngày.
4. Trông có vẻ phường tuồng.

Em[1] thực là người hiếu[2] sự duy tân. Cách ăn mặc An Nam đội cái khăn bằng cái rế, búi tóc như quả bưởi, áo lướt tha lướt thướt, giày lẹp cà lẹp kẹp, móng tay gãi đầu như người rũ chiếu, thì cũng bẩn lắm thực. Em cũng muốn rằng người An Nam ăn mặc cho gọn gàng sạch sẽ diện mạo tinh nhanh, nhưng mà thấy những trò sài sơn[3] của các ông cũng ngứa mắt lắm.

Nguyễn Văn Vĩnh
Đăng Cổ Tùng Báo, 1907

Vay mượn tùy tiện thêm thắt lung tung

Ngày nay có cải lương[4] gì, thì chỉ sợ rằng trái đạo lý cũ của mình.

Đạo lý cũ của mình là thế nào có ai biết đâu? Con khóc cha mà cúng phải tìm trong *Thọ mai gia lễ* hay là *Văn công gia lễ,* xem ngày xưa ở bên Tàu các ông ấy khóc cha ra làm sao, thì cứ thế mà khóc.

Gián hoặc[5] trong hai cách có điều gì khác nhau thì cũng biết vậy, lúc túng việc thì vớ được quyển nào theo quyển ấy. Gọi là cho nó theo một lệ nào đó, thì là nhà văn phép.

1. Bài này in trong mục *Nhời đàn bà* của *Đăng Cổ Tùng Báo,* ký Đào Thị Loan nên tác giả xưng em.
2. Ưa thích.
3. Chúng tôi chưa tra cứu được chỉ đoán là làm dáng ăn diện.
4. Cũng tức là cải cách.
5. Thỉnh thoảng, giá như.

Trong cả các trò chơi, như hát tuồng, hát chèo cũng hay bắt chước những cách vô lý.

Tấn tuồng thì lấy trong các sự tích của Tàu, mà lúc ra hát thì quên cả đến *thời* đến *xứ*[1]. Cứ nhân chỗ nào hát được mấy câu *nam* thì *nam*[2] cho mấy câu. Chỗ nào có dịp khôi hài thì khôi hài. Thấy người xem có mấy người dễ cười, thì làm mãi.

Nguyễn Văn Vĩnh

Tật huyễn hố sáo hủ, *Đông Dương Tạp Chí*, 1913

Không có can đảm là mình

Ông Dorgelès trong quyển *Con đường cái quan* có nói đến thói hay bắt chước của người mình. Đại khái ông nói rằng: "*Ngày xưa người Tàu sang cai trị An Nam, người An Nam đều nhất nhất theo Tàu cả. Nay người Pháp sang bảo hộ mới được gần một trăm năm mà nhà cửa đã theo Tây thời rất dễ dàng, mà nói đến tiếng An Nam thời khô khan, hình như phải dịch tiếng mình ra tiếng nước ngoài.*

… Khoa học có nói rằng giống thằn lằn hễ bám vào cây nào thì lâu dần sẽ giống da cây ấy. Ở bên An Nam này thời không thế, thằn lằn không đổi màu da mà chính cây đổi màu da để lấy màu da thằn lằn."

Câu nói đau đớn thay mà xét người ta nói cũng phải.

1. *Thời* ở đây tức niên đại thời gian, *xứ* tức hoàn cảnh không gian.
2. *Nam*: vốn được hiểu là những gì mang tính cách thuần Việt. Đọc chệch thành nôm. Chữ *nam* thứ hai thì dùng như một động từ.

Người viết văn phải có can đảm mà dịch những chữ nước ngoài ra. Mới đầu có hơi ngang tai, sau dần rồi cũng nghe được. Cụ Nguyễn Du không can đảm sao dịch nổi chữ *tang thương* ra chữ *bể dâu*, chữ *thiết diện* ra chữ *mặt sắt*[1]…

Mà cũng lạ thay cho người mình không suy xét kỹ: Người Tàu nói chữ vân cẩu tang thương có khác gì chữ mây chó, chữ bể dâu không. Ấy thế mà giá mình nói "Bức tranh mây chó vẽ người bể dâu"[2] tất phần nhiều người cho là mách qué!

Người Tàu trước kia làm gì có những tiếng cộng hòa, cách mạng, cá nhân, vật lý học, kỷ hà học[3]… Vì lòng sốt sắng làm cho tiếng nước nhà giàu thêm lên, nên họ không ngại khó, rồi mới đặt ra được cái tiếng ấy.

Người mình thì không thế. Muốn dịch một chữ Pháp hay chữ Anh ra tiếng nước nhà mà không dịch nổi, thì cứ việc mở ngay tự vị[4] Tàu ra, trong ấy đã sẵn sàng cả rồi. Dù người Tàu có dịch sai chăng nữa cũng mặc cứ cắm đầu cắm cổ mà chép, ai biết đến đó mà lo.

Nguyễn Duy Thanh

Muốn cho tiếng An Nam giàu, *Phụ Nữ Tân Văn*, 1929

Óc sùng ngoại nặng nề

Anh thợ vẽ cầm lấy cái bút là vẽ ngay phong cảnh *Cô tô thành ngoại Hàn Sơn tự*; thầy đồ cầm đến cái bút là tả ngay

1. Hai câu nguyên văn trong *Truyện Kiều*: *Trải qua một cuộc bể dâu* và *Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.*
2. Một câu trong *Cung oán ngâm khúc*: *Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương.*
3. Tức hình học.
4. Tức từ điển.

lịch sử *Hán Cao Tổ Trương Lương Hàn Tín*; anh phường tuồng ra trò là diễn ngay tấn *Lưu Bị Quan Vũ Trương Phi*.

Thổ sản thổ hóa[1] mà hễ cái gì tồi thì cho một tiếng "nam" vào để giễu, như cái áo tơi gọi là *áo cừu nam sột soạt*, anh chàng dở người mà hay bàn thời thế họ gọi là *Gia Cát nam*. Cái gì tốt thì cho một tiếng "tàu" vào để khen, như măng khô gọi là măng tàu.

Ấy cũng vì tư tưởng đã thiên di[2] như thế mà những nhà chế tạo nội hóa rất khốn khổ, đồ tốt không bán được phải thất nghiệp, mà những đồ thô bỉ tầm thường thì may còn ngoi ngóp sống để kiếm ăn với những người quê mùa nghèo khó.

Nguyễn Trọng Thuật

Điều đình cái án quốc học, *Nam Phong*, 1931

Khi học hỏi người, thường thiếu tự tin

Cách học muốn cho bằng người thì phải biến hóa khác đi. Nay cứ toàn mô phỏng, thấy không thể theo cho bằng được, bèn sinh lòng tự tiện[3], là mình tự khinh cái tài của mình; tự tiện quá rồi tự khí[4] tự bỏ cái tài của mình, cho mình là đồ bỏ.

Mà đồ bỏ thật, vì học không có cái gì dùng được như mẫu của người.

Cũng vì thế mà bao nhiêu cái hay không còn gì nữa.

1. Hàng trong nước làm ra.
2. Biến chuyển.
3. Tự tiện đây là tự coi rẻ mình, coi mình là hèn; khác với tự tiện có nghĩa làm theo ý thích hiện nay hay dùng.
4. Tự làm hỏng mình.

Trước khi vì học thuật nước nhà mà hy vọng, ta phải hết sức từ bỏ cái căn bệnh cẩu thả, cái tính tự tiện tự khí. Không thì về xã hội lại cứ lười biếng a dua không suy xét lựa chọn, không có cái tinh thần tự giác tự tin. Về kẻ học giả lại cứ tham cận lợi[1], nhai văn nuốt chữ, lấy học đường của nước văn minh làm con đường tất hiển vinh, học đến bao giờ cũng chung vô sở đắc[2].

Nguyễn Trọng Thuật

Điều đình cái án quốc học, 1931

Chỉ biết học cái bề ngoài

Người mình vốn có cái thiên tính dễ đồng hóa, nghĩa là có tư cách[3], dễ am hiểu dễ thu nạp lấy những gì khác lạ với mình, dễ đem những điều hay điều dở của người ngoài mà hóa làm của mình.

Nhưng cái tài đồng hóa đó thường thường chỉ là cái khóe tinh[4], biết xem xét và bắt chước của người, phảng phất ở bề ngoài, chứ không thấu triệt được đến chỗ căn đế[5], chỗ tinh túy.

Tỉ như thợ An Nam thì phỏng chép tài lắm; những hình dáng kỳ đến đâu, những kiểu cách lạ đến đâu, họ bắt chước cũng được như hệt cả.

1. Lợi ích trước mắt.
2. Cuối cùng vẫn không có gì là của riêng mình.
3. Nghĩa cũ: tài lực trình độ khả năng.
4. Mánh khóe ranh ma.
5. Gốc rễ.

Cái cách đồng hóa dễ dàng thô thiển đó thiết tưởng không phải là cái tính tốt.

Như học trò ta học rất mau, nhớ cũng rất mau, nhưng chưa chắc đã hiểu được thấu, đã hóa được hẳn những cái người ta dạy mình, và chưa chắc cái học tiếp thu được dễ dàng như vậy nó đã làm cho óc được khôn ra, người được chín ra chút nào.

Có những người mặc thì mặc theo đúng mốt tối tân ở Paris, nói năng ba hoa đi đứng đường đột; bề ngoài như vậy mà bề trong nghị luận mơ hồ, tư tưởng lộn xộn, không có thống hệ[1], không biết bắt chước lấy cái lối nói năng gãy gọn, biện lẽ phân minh như người Tây phương.

Phạm Quỳnh

Giải nghĩa đồng hóa, *Nam Phong*, 1931

Không có thì giờ lo đến văn hóa, dành đi vay mượn

Cả cuộc lịch sử của nước Nam là một cuộc chiến đấu vô hồi vô hạn đối với người Tàu hoặc bằng võ lực, hoặc bằng ngoại giao, hằng ngày chỉ nơm nớp sợ bị nội thuộc lần nữa. Cái công của các tiên dân ta chống giữ cho non sông đất nước nhà, can đảm vô cùng, kiên nhẫn vô cùng, thật đáng cảm phục.

Nhưng cả tinh lực trong nước đều chuyên chú về một việc cạnh tranh để sinh tồn đó, cạnh tranh với một kẻ cường lân[2] hằng ngày nó đàn áp, để cố sinh tồn cho ra một nước

1. Ngày nay hay nói ngược lại: hệ thống.
2. Kẻ hàng xóm mạnh.

độc lập, còn có thì giờ đâu, còn có dư sức đâu mà nghĩ đến việc khác nữa.

Cái quan niệm quốc gia bị nguy hiểm luôn nên thường lo sợ luôn chiếm mất cả tâm tư trí lự, không còn để thừa chỗ cho những quan niệm khác về văn hóa về mỹ thuật.

Nói riêng về học thuật thì đã sẵn cái học của Tàu đó, tiêm nhiễm vào sâu từ thuở mới thành dân thành nước, không thể tưởng tượng được rằng ngoài sách vở của thánh hiền còn có nghĩa lý[1] gì khác.

Phạm Quỳnh

Bàn về quốc học, 1931

Học người cũng không xong

Phàm phóng chép[2] của người chỉ phóng chép được những cái thô thiển trước, còn đến cái tinh túy thì phải công phu lắm mới nhập diệu[3] được.

Thử xét trong những kẻ tự xưng là hạng tân tiến[4], mấy người đã học được đến nơi đến chốn? Mấy người có thể đối đáp nghị luận với Tây, nói những chuyện văn chương mỹ thuật, chính trị triết học mà người ta phải chịu phải phục? Hay là phần nhiều chỉ mới học mót được mấy câu văn sáo đã đem ra mà huyễn diệu[5] đồng bào?

1. Cái lý thuyết phải theo.
2. Bắt chước.
3. Đi tới cái thần khí sâu xa của sự việc.
4. Tức hạng hướng sự học sang Tây phương, hồi đầu thế kỷ XX.
5. Khoe khoang (với ai đó).

Ấy là không nói những kẻ học chữ Tây cũng còn chửa thông, nói một câu không khỏi sai mẹo, mà cũng làm ra mặt thông thạo các lối văn minh mới, nhất thiết tự xưng là duy tân cả, coi văn hóa cũ của nước nhà như cỏ rác hết.

Tưởng học được của người những gì hóa ra chỉ học được những thói tự do rởm, bình đẳng xằng, những cách du đãng phóng túng với cái tính khinh bạc ngạo mạn mà thôi.

Lắm lúc trông thấy cái kết quả bất lương đó mà ngờ rằng nếu học Tây mà đến thế thì thà không học nữa còn hơn.

Cái học kia làm cho người ta nước giàu dân mạnh của khéo người khôn, có đâu lại tạo ra những cái quái vật như vậy?!

Hay mình như cái đất xấu, hạt giống tốt trồng vào rồi mọc lên cũng thành ra cằn cọc?

Phạm Quỳnh

Phong hóa suy đồi, *Nam Phong*, 1932

Chưa biết trở thành chính mình

Tôi không nhớ vị giáo sư Pháp nào, ở lâu năm bên ta, đã nói: "Những thanh niên Việt Nam đào tạo ở trường học mới, không có một tinh thần sáng tạo chắc chắn".

Lời bình phẩm có vẻ vội vàng gắt gao, nhưng không phải là không có một phần sự thực.

Vì sự thực cái bệnh ỷ lại là bệnh của ta và đã ăn sâu vào trong xương tủy người nước ta, cơ hồ không gột rửa được nữa.

Không phải bây giờ mà từ bao giờ, không phải ở trong văn chương mà ở khắp các địa hạt, người Việt Nam đã tỏ ra mình là một giống người sống một cách lười biếng và cẩu thả. (…). Cẩu thả và biếng nhác trong sự ăn, sự mặc, sự ở, nhất là trong sự phô diễn tư tưởng.

Tự ta, ta không hề cố gắng và tạo tác ra một cái gì hoàn toàn của ta; ta chỉ muốn hưởng thụ những của sẳn và cam tâm làm kiếp con ve của thơ ngụ ngôn[1].

Ta đã vay mượn của người hàng xóm từ một điệu thơ nhỏ nhặt đến một đạo lý cao xa. Hồi xưa kia chúng ta là những người Tàu, gần đây chúng ta là những người Tây, chưa có một lúc nào chúng ta là những người Việt Nam cả.

Lưu Trọng Lư

Một nền văn chương Việt Nam, *Tao Đàn*, 1939

Trì trệ và bất lực

Bị ý thức hệ Nho giáo bảo thủ lung lạc, bị nguỵ thuyết của bọn Tống Nho đưa lạc nẻo, bị chế độ thi cử chi phối, đẳng cấp Nho sĩ Việt Nam không còn một chút hoạt lực[2] nào, không còn được một tính cách cấp tiến nào nữa.

Bởi vậy họ đã chống tiến hóa chống cải cách.

1. Ý muốn nói vui chơi ca hát, không biết tính xa, và sẵn sàng vay mượn để sống qua ngày. Lấy tích từ bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine *Con ve và con kiến*, bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh.
2. Sức sống.

Phụ họa với triều đình, họ đã lấy cái học bã giả[1] của Tống Nho dựng một bức trường thành ngăn các trào lưu triết học khác không cho tràn tới địa hạt tri thức do họ giữ đặc quyền.

Thiếu độc lập về tư tưởng, hoàn toàn phục tùng cổ nhân Trung Hoa về cả mặt tình cảm, quá câu nệ về hình thức thơ Tàu, - đẳng cấp Nho sĩ Việt Nam chỉ sản xuất ra được những lối thơ nghèo nàn. Nhiều tập thơ mài giũa công phu nhưng không chút sinh khí.

Qua ngay hình thức của thơ, ta cũng thấy rõ tinh thần bảo thủ của đẳng cấp Nho sĩ, và sự bất lực của đẳng cấp này trong mọi công cuộc sáng tạo xã hội có tính chất cấp tiến.

Lương Đức Thiệp
Việt Nam tiến hóa sử, 1944

Bỏ dặc sản của mình, chạy theo hàng ngoại

Những thứ quà đặc biệt riêng của từng vùng ngày trước ta có nhiều: Ninh Giang có bánh gai, Yên Viên có bánh giò, Lim có bánh lam, Ghềnh có bánh giày dài và chả nướng… Những thứ quà ấy nay nơi thì còn giữ được vị ngon như cũ, nơi thì chỉ còn cái tiếng. Người sành ăn bây giờ mỗi ngày một ít, người ưa chuộng của tốt cũng không còn có nhiều. Người ta bây giờ chỉ ham cái sự rẻ và chỉ cần có cái màu mỡ bề ngoài. Sự giả dối, điêu ngoa và luộm thuộm thay thế cho sự thật thà cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả đến những sản phẩm khác cũng vậy…

1. Điều ai cũng biết.

Ngày Tết Trung thu, thấy người Việt Nam xô nhau đến mua bánh nướng của Đông Hưng Viên[1], chen đẩy nhau như họp chợ, và chịu khó chờ đợi hàng giờ, nghe những câu vô lễ và nhìn cái vẻ không cần của mấy chú bán hàng chúng ta chớ nên làm lạ.

Người Việt Nam mình - nghĩa là tôi với ông - kiên nhẫn và nhẫn nhục cũng nhiều lắm.

Thạch Lam
Hà Nội băm sáu phố phường, 1940

Thỏa mãn với việc mô phỏng bắt chước

Vô luận là vấn đề gì, về quốc kế hay dân sinh cũng như về luân lý hay triết lý, kẻ sĩ nước ta đều thấy các thánh hiền Trung Quốc giải quyết sẵn cho mình rồi, cái công phu của mình chỉ là thuật lại để thực hành cho xứng đáng chứ không cần phải sửa chữa thêm bớt chút gì.

Trái lại cái gì của Trung Quốc có vẻ vĩ đại hay cao siêu quá, thì chúng ta lại phải hãm lại cô lại cho vừa với kích thước khuôn khổ của chúng ta.

Bởi thế chính trong thời kỳ toàn thịnh của Nho học nước ta, người ta thấy có những nhà Nho kinh luân như Tô Hiến Thành, nhà Nho anh hùng như Trần Quốc Tuấn, nhà Nho cao khiết như Chu An, nhà Nho khẳng khái như Nguyễn Trãi, mà tuyệt nhiên vẫn không thấy một nhà tư tưởng một nhà triết học nào.

1. Một cửa hàng ăn lớn của người Tàu, ở phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Chúng ta chỉ có những nhà Nho lao tâm khổ tứ để bắt chước thánh hiền mà cư xử và hành động cho hợp với đạo lý chứ không có nhà Nho nào dám hoài nghi bất mãn với đạo lý xưa mà băn khoăn khao khát đi tìm đạo lý mới.

Đào Duy Anh

Việt Nam văn hóa sử đại cương[1], 1950

Nền văn hóa của kẻ yếu

Hình như sống dưới cái bóng của cái khối văn hóa Trung Quốc, sừng sững ở bên mình như cả núi Thái Sơn, văn hóa chúng ta chỉ cố sức để man diên[2] ở trên mặt đất chứ không có cái khuynh hướng trổ vọt lên trời.

Để sống còn, chúng ta chỉ cốt bám chặt lấy đất như bám lấy cái nguồn sinh khí.

Cho nên chúng ta không có cái vinh dự là có những tổ tiên chọc trời khuấy nước, làm chấn động thế giới bằng những tư tưởng hay hành động, nhưng chúng ta lại đã may mắn có được những tổ tiên cần cù, kiên nhẫn biết sống thiết thực và biết tổ chức cuộc sống một cách thích đáng để đối phó với vận mệnh khắc nghiệt của mình.

Cái giá trị tranh đấu chúng ta nhận thấy trong cái tính chất thiết thực ấy lại tuồng như chỉ là tiêu cực.

---

1. Đây là bộ sách Đào Duy Anh viết ở Thanh Hóa những năm kháng chiến chống Pháp. Không phải *Việt Nam văn hóa sử cương*, 1938.
2. Bò lan như cây cỏ.

Ngay trong văn hóa bình dân, cái văn hóa phát triển ở ngoài phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của Hán hóa, tuy có lộ rõ cái tinh thần chống đối luân lý lễ giáo của nhà Nho, thế mà cũng chỉ là sự chống đối của kẻ yếu.

Có những người sau khi làm tròn phận sự một người quân tử ở đời thì rũ sạch nợ trần đi tìm nhàn hạ ở nơi thôn dã, hay có người bất bình với thời thế khiến mình không thể làm tròn phận sự được mà đi tìm an ủi ở sơn lâm.

Nhưng thảy đều là những người chỉ cầu tự nhiên cấp cho những thú thanh cao để di dưỡng tính tình mệt mỏi, chứ không ai dám đem tâm trí mà tìm tòi mà tra hỏi tự nhiên.

Đào Duy Anh

Việt Nam văn hóa sử đại cương, 1950

VI
TÌM TÒI HỌC HỎI VÀ VIỆC TIẾP NHẬN NƯỚC NGOÀI

Dễ học cái dở

Người bổn quốc chúng ta lúc này cũng đã có nhiều người thành thị lịch lãm về sự dinh dãy[1], cách ở ăn sạch sẽ, về lệ luật phép tắc thông thạo nhiều; tôi chỉ không hiểu cho rõ làm sao mà thông thái mau hết sức về việc xa xỉ về lý tự bạo[2],

1. Chỉ lối sống sang trọng.
2. Chỉ tham vọng muốn trở nên ông kia bà nọ.

mà không thông thái về cách tính toán về phép thương cổ[1], không có thấy bày ra hãng buôn nào cho lớn làm nghề nào cho to; vụ lợi[2] thì không làm, còn vụ hại thì thích lắm. Trong năm mười năm tới nữa mà cứ không buôn lớn và không học nghề chi cho giỏi, thì kẻ nghèo khó còn thặng[3] trên số ngàn nữa.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1902

Học để kiếm gạo

Đi học để kiếm gạo[4], tệ hại lớn lắm. Vì cốt kiếm gạo thời cái mục đích đã dở; hoặc nhân vì mục đích đó mà sinh ra hay giả dối, hay tham lợi riêng; cốt được gạo thời thôi, đạo đức mà chi, hợp quần mà chi, ái quốc mà chi, trăm việc hỏng trớt.

Phan Bội Châu
Lời hỏi các bạn thanh niên, 1928

Nói láo nói linh

Ngày xưa ta nhắm mắt lại, một là văn minh Tàu, hai là văn minh Tàu, bị độc khoa cử làm mờ ám trí khôn đã đành, đến ngày nay đã hé mắt thấy người Tàu vận động nhiều việc rất to tát, như gửi học sinh du học khắp hoàn cầu, như bỏ quân chủ lập dân chủ mà cũng an nhiên[5] bất động, nhất

1. Buôn bán.
2. Việc sinh lợi.
3. Dư ra.
4. Hiểu theo nghĩa rộng: chỉ cốt sinh lợi, có tiền.
5. Điềm nhiên, bình thản.

thiết chẳng biết gì là gì. Chẳng những thế mà thôi, lại còn mấy anh sang Tàu về nói láo nói linh, chê người nọ hạch người kia, mà tự mình xem ra cũng không có bản lĩnh gì cho người ta đủ kính phục, tinh chất[1] của người Tàu không hề học đến, chỉ khéo đem về một cái láu lỉnh và một cái bao tử trống mà thôi.

Phan Châu Trinh

Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Không biết học hỏi

Từ Lê Hồng Đức bắt đầu gieo cái mầm cẩu thả, rồi Mạc Trịnh lại càng tài bồi[2] cho thành cái rừng cẩu thả. Cẩu thả nên toàn mô phỏng, mô phỏng thì không còn biết biến hóa nữa. Như người học vẽ tranh mà làm cách lồng phóng hay là can-ke[3] thì thế nào cũng không đúng. Kỳ cạch mãi càng không đúng, bấy giờ khoanh tay lại, lắc đầu le lưỡi mà rằng "Bức vẽ mẫu là thiên tài trời đã định, mà mình là bất tài trời đã định"... Bấy giờ dẫu có ai hoán tỉnh cho biết cũng không tin, có ai biệt sáng biệt lập[4] cái gì cũng không thèm ngó tới. Rồi lại sinh đố kỵ nữa, dân gian thì vùi dập của nhau đi, triều đại thì phá hoại của nhau đi.

Nguyễn Trọng Thuật

Điều đình cái án quốc học, *Nam Phong*, 1931

1. Cái hay, cái tốt đẹp.
2. Vun đắp.
3. Bắt chước một cách máy móc, tô lại như nguyên mẫu.
4. Sáng tạo, làm cho khác những cái đã có.

Mải theo lối mòn

Về đường học thuật và tư tưởng thì xưa nay ta chỉ có mấy lối học của Tàu truyền sang: trong đời nhà Lý và nhà Trần thì sự học của ta theo lối huấn hỗ[1] của Hán Nho và Đường Nho, rồi từ đời Lê về sau thì theo cái lối học của Tống Nho. Ta chỉ quanh quẩn ở trong phạm vi của lối học ấy chứ không thoát ly được mà sáng lập ra cái học thuyết nào khác. Phần nhiều người trong nước lại có cái tư tưởng rằng những điều thánh hiền nói ở trong các kinh truyện đã đủ hết cả rồi, không ai biết được hơn nữa, cho nên kẻ học giả chỉ chăm chăm theo cho đúng những điều ấy mà tiễn lý[2] thực hành, chứ không ai để ý mà tìm cho đến cái chân lý nó thường lưu hành biến hóa. Cũng có người đạt tới chỗ uyên thâm của Nho giáo, song những người ấy lại cho rằng cái học sâu xa là tự mình phải lý hội[3] lấy chứ không thể lấy văn từ ra mà tuyên bố được. Bởi vậy các tiên Nho ở ta chỉ làm văn thơ để tả cái tính tình của mình mà thôi, không hay làm sách vở để phát minh tư tưởng. Kết quả thành ra cái học Nho giáo thì rộng khắp cả nước mà cái học thuyết thì không thấy có gì là phát minh vậy.

Trần Trọng Kim

Nho giáo, 1930

1. Lối học bám vào từng chữ để giải thích.
2. Theo cái lý vốn có.
3. Hiểu.

Bắt chước không phải lối

Tính bắt chước vốn là tính tự nhiên của loài người, dẫu ở nước nào cũng thế cả. Nhưng giá ta có sẵn cái tinh thần tốt rồi chỉ bắt chước lấy những điều có bổ ích thêm cho tinh thần ấy thì thật là hay lắm. Chỉ hiềm vì mình để cái tinh thần của mình hư hỏng đi, mà lại mong bắt chước sự hành động của người ta thì sự bắt chước ấy lại làm cho mình dở hơn nữa. Vì đã gọi bắt chước là chỉ bắt chước được cái hình hài bề ngoài mà thôi còn cái tinh thần ở trong, phi[1] lâu ngày nhiễm[2] lấy được mà hóa[3] đi thì khó lòng mà bắt chước được. Thành thử bao nhiêu những sự bắt chước của mình chỉ là làm loạn cả tính tình tư tưởng và phong tục của mình. Có lắm người vọng tưởng[4] rằng mình cố bắt chước được người ngoài là mình làm điều có ích cho sự tiến hóa của nòi giống. Không ngờ rằng sự bắt chước vội vàng quá lại thành cái độc gây ra các thứ bệnh cho xã hội. Mà sự lầm lỗi ấy chỉ mỗi ngày một thêm ra chứ không bớt đi được.

Trần Trọng Kim

Nho giáo, 1930

Ai cũng học mà chẳng học ai cả

Người nước mình từ xưa đến nay, cái tâm lý đối với việc học là học mà đi thi; đi học cũng như đi buôn bán hay làm

1. Không phải.
2. Thâm nhập.
3. Thay đổi. *Từ điển Hán Việt* của Thiều Chửu ghi: phàm vật này mất đi mà vật kia sinh ra gọi là hóa.
4. Nghĩ lầm.

nghề, cái mục đích chỉ là cầu lợi mà thôi. Tiếng rằng nước mình tôn sùng đạo Khổng, song đó là vì học đi thi mà tôn sùng, chứ không phải vì tôn sùng mà phải học. Cho nên ngày trước triều đình thi Hán tự thì người mình lo học Hán tự để lấy ông cử ông nghè; ngày nay chính phủ bảo hộ thi Pháp văn thì người mình lo học Pháp văn để lấy ông tham ông phán.

Ngô Đức Kế
Nền quốc văn, *Hữu Thanh,* 1924

Học không biết cách

Về đạo cương thường cứ nói rằng ta thâm nhiễm[1] của Tàu nhiều lắm rồi, nhưng tôi xét ra chưa có điều gì gọi là thâm nhiễm cả.

Trong hết cả số người theo Nho học thì họa là có mấy ông vào bực giỏi, hiểu biết được đạo Khổng Mạnh. Còn những bực nhàng nhàng thì thường cứ thấy người ta học cũng học, học cho thuộc cách mà thôi, chứ không có định trong bụng rằng theo những điều nào, kháp[2] đạo ấy vào tính tình riêng của người nước mình nó ra sao...

Vua Gia Long bỏ luật Hồng Đức[3] đi, mà làm ra cả một pho luật mới chép tuốt cả của Tàu, cả từ điều nước mình có, cho đến những điều mình không có, cũng bắt chước. Thành

1. Ảnh hưởng sâu sắc.
2. Tức khớp, ghép lại cho khít, cho phù hợp.
3. Bộ luật cổ của nước ta có từ thời Lê, tham khảo nhiều từ bộ luật của đời Đường.

ra luật pháp cũng hổ đồ. Cương thường đạo lý toàn là giả dối hết cả, không có điều gì là có kinh có điển.

Nguyễn Văn Vĩnh
Đông Dương Tạp Chí, 1913

Học dòi vặt vãnh bỏ qua chuyện lớn

Quái lạ cho người đời, hễ ai bảo cải lương lối nhà cửa ở, hay là cải lương cách ăn mặc bắt chước theo lối Âu Tây, thời đua nhau như vịt; còn nhỡ ai khuyên bảo nên cải lương những thói xấu nết hư - chốn hương thôn không nên tranh giành kiện tụng nhau, ở với bè bạn thời phải giữ lòng trung tín - thời dẫu nói rát cổ bỏng họng cũng chỉ lờ đi, chớ không thèm nghe.

Nguyễn Bá Học
Di ngôn, do Nguyễn Bá Trác thuật, *Nam Phong*, 1921

Nặng tính hiếu kỳ

Cái tính hiếu kỳ là cái bệnh chung trong lối học của ta, xưa kia học chữ Tàu, đọc sách Tàu, lâu dần quá mê chuộng mà khinh rẻ những cái của mình.

Cái gì của Tàu cũng cho là hơn mà chịu khó nghiên cứu, cái gì của mình cũng cho là dở là kém không thèm nhìn tới.

Thành ra núi sông đình miếu nước Tàu thì biết mà núi sông đình miếu nước mình thời không hay; danh lam thắng tích bên Tàu thì rõ mà danh lam thắng tích nước mình thì

không tường; lịch sử địa dư nước Tàu thì thiệp liệp[1], mà lịch sử địa dư nước mình thời mịt mù; phong tục nhân vật nước Tàu thời tường tất mà phong tục nhân vật nước mình thời tối tăm.

Mà có phải mình thiếu gì cái đẹp cái hay, cái đáng ngắm…

Dương Quảng Hàm
Học sao cho phải đường, *Hữu Thanh*, 1921

Chăm học nhưng chưa thoát khỏi tư cách học trò

Nước ta vẫn có tiếng là ham học, nhưng cả nước ví như một cái trường học lớn, cả năm thày trò chỉ ôn lại mấy quyển sách giáo khoa cũ, hết năm này đến năm khác, già đời vẫn không khỏi cái tư cách làm học trò! Ấy cái tình trạng nước ta, sự học từ xưa đến nay và hiện ngay bây giờ cũng vẫn thế… Xưa khi học sách Tàu thì làm học trò Tàu, ngày nay học sách Tây chỉ làm học trò Tây mà thôi, chưa mấy ai là rõ rệt có cái tư cách - đừng nói đến tư cách nữa hãy nói có cái hy vọng mà thôi -, muốn độc lập trong cõi tư tưởng cả. Như vậy thì ra giống ta chung kiếp[2] chỉ làm nô lệ về đường tinh thần hay sao? Hay là tại thần trí của ta nó bạc nhược quá không đủ cho ta cái óc tự lập.

Phạm Quỳnh
Bàn về quốc học, *Nam Phong*, 1931

1. Cũng có hiểu ít nhiều.
2. Suốt đời.

Cái hay của người đến mình trở thành cái dở

Phương Tây thường nhờ cái nguyên lý của sự lợi mình và chủ nghĩa riêng một mình[1] để phát triển được cái sức làm giàu chung cho xã hội, nhờ cái nguyên lý ganh đua[2] nên sản nghiệp phát đạt và khoa học tiến bộ. Ở nước ta, nói tới sự ganh đua thì chỉ muốn xâm chiếm người khác, nói về sự lợi mình và chủ nghĩa riêng từng người thì bỏ cả hạnh phúc xã hội chẳng tưởng đến chi. Có thể nói một câu là những đức tính tốt ta dường như hết cả, mà chỗ hay của người chưa học được một chữ nào, những điều góp nhặt được phần nhiều là chỗ kém của ta đấy thôi.

Nguyễn Xuân Dương

Sự so sánh về tư tưởng kinh tế Đông Tây,

An Nam Tạp Chí, 1931

Hiểu sai đạo lý

Nước ta, đạo Khổng Mạnh dĩ đức báo oán là chữ *nhân*; dĩ tiểu sự đại là chữ *trí*; ai chết mặc ai không học chữ *kiêm ái*; dở khôn dở dại cứ giữ đạo *trung dung*[3]; trải mấy ngàn năm vua tôi cha con quan dân thày trò từ trên chí dưới cứ ở trong phạm vi cái đạo đức ấy đã gây nên một nền văn hóa rất có đặc sắc cho đến ngày nay. Này anh thử xem, cúi đầu tận ngực phú quý

1. Ngày nay hay nói nguyên lý tư lợi và chủ nghĩa cá nhân.
2. Cạnh tranh.
3. Đoạn này có ý mỉa mai, cho rằng người mình thường hiểu sai đạo lý Khổng Mạnh. Những chữ *nhân* chữ *trí* cũng như chữ *kiêm ái* chữ *trung dung* thật ra không phải có nghĩa như tác giả dẫn ra ở đây mà nhiều khi ngược lại.

không hay kiêu, đánh bạc phá nhà tiền tài không biết lận[1]; thờ kẻ trên có lễ phép thì mồng năm ngày tết đưa miếng tới quan; đãi kẻ dưới có lòng thành thì chú bếp cậu bồi ngồi xe chung cùng vợ; cha mẹ nói ngang quan sang nói trái con dân cũng cứ phụng tùng[2]; ăn giỗ đi trước lội nước đi sau xã hội chỉ theo trật tự[3]. Anh thử thắp đuốc văn minh mà soi khắp thế giới coi thử có nước nào như nước Việt Nam ta không?

Võ Liêm Sơn
Văn minh nước Việt Nam, 1929

Tư tưởng khư khư đóng cửa ngăn sông

Thời bây giờ quá chuộng văn chương, tư tưởng phần nhiều chật hẹp, học thuật nông cạn chỉ cứ khư khư đóng cửa ngăn sông, không biết giao thiệp với người các nước, để học hỏi thâu thái lấy cái văn hóa nước ngoài. Các bực học thức sớm có tư tưởng cao xa rộng rãi, biết nước nhà cần phải mở mang học thuật rộng lối giao thông[4], mới đứng vững được cùng các nước, đã nhiều lần bàn đến, mà không ai kẻ biết nghe. Tình thế bây giờ đâu có lấy văn chương hoạt bát với những lời ứng đối tinh ma mà đối phó với các nước được.

Nguyễn Khắc Bình
An Nam Tạp Chí, 1931

1. Ăn gian.
2. Phụng ở đây có nghĩa là tin theo, tùng cũng là theo.
3. Vẫn tiếp tục dùng cách nói mỉa.
4. Tức có sự giao lưu tiếp xúc với các nền văn hóa khác.

Trung dung theo nghĩa thủ cựu trung dung cốt để ngu dân

Trung dung thật là một cái thuyết lôi thôi, mà xã hội ta chịu lấy cái ảnh hưởng trung dung ấy mà hóa ra một cái xã hội ương ương dở dở, trắng không ra trắng đen không ra đen. Ở đời thì quý cái cách không khôn không dại; xử sự thì chuộng cái lối không mềm không cứng. Mua bán cũng trung dung, hát giá[1] một quan, mặc cả năm tiền, dứt giá bảy tiền rưỡi, gọi là "bỏ hom tranh"[2]. Làm ăn cũng trung dung: vốn một ngàn, có thể làm ra ba ngàn, mới được hai ngàn cầm chừng không làm nữa, gọi là "giữ tay thước"[3]. Vì giữ lẽ trung dung mà việc gì cũng không dám làm thẳng tay: vua Tự Đức đã hòa với Pháp rồi, thì cứ việc hòa đi, lại còn sai sứ đi cầu cứu bên Tàu. Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa thì cứ việc khởi nghĩa đi, nghe Trần Bá Lộc bắt mẹ lại đem thân về chịu chết. Té ra trung dung chẳng phải là cái gì cả, chỉ là cái thai đẻ ra khiếp nhược, và là cái ổ chứa gian tà mà thôi.

Hiện nay ở nước Nam ta có nhiều cách làm cho dân ngu đi, song duy trì hay là xướng minh cái thuyết trung dung ra là cách diệu hơn thứ nhất. Vì theo như cái thuyết trung dung ở trên ba mươi sáu tầng trời của ông cháu thày trò họ Khổng thì chẳng ai theo được, rốt cuộc lại rồi cũng chỉ "bẻ hom tranh, giữ tay thước" mà thôi. Cái trung dung ấy, nói cho tận mặt

1. Tức là ra giá, nêu giá.
2. Cộng lại chia đôi.
3. Ăn non.

nó, tức là cầm chừng, tức là ở cửa giữa, tức là thậm thà thậm thụt, tức là thủ cựu. Cho nên hễ ai đem cái thuyết trung dung ra mà nói thì tôi cho là người ấy có ý làm ngu dân.

Phan Khôi

Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta,

Thần Chung, 1929

Ỷ lại, chỉ lo học mót

Địa lý lịch sử, chính trị đều như hiệp sức nhau lại mà gây cho nước ta một cái tình thế rất bất lợi cho sự học vấn tư tưởng. Bao nhiêu những người khá trong nước đều bị cái tình thế ấy nó áp bách trong mấy mươi đời nên dần dần lập thành một cái tâm lý riêng, là cái tâm lý ỷ lại vào người chứ không dám tự lập một mình; trong việc học vấn thì cái tâm lý ấy là tâm lý làm học trò suốt đời. Nước ta ở ngay cạnh nách nước Tàu, từ hồi ấu trĩ cho đến lúc trưởng thành đều nấp bóng nước Tàu mà sinh trưởng, khác nào như một cái cây nhỏ mọc bên một cái cây lớn, bị nó "cớm" không thể nào nẩy nở lên được.

Nhật Bản cũng là học trò của Tàu, cũng mô phỏng văn hóa Tàu trong mấy mươi đời, nhưng họ biết lựa lọc kén chọn, họ không có phóng chép một cách nô lệ như mình, cho nên tuy về đường tư tưởng vẫn chịu ảnh hưởng của Tàu nhiều, nhưng họ cũng có một nền quốc học của họ dầu không rực rỡ cho lắm, vẫn có đặc sắc khác người.

Đến như ta thì khác hẳn. Ta học của Tàu mà chỉ học thuần về một phương diện cử nghiệp là cái học rất thô thiển, không có giá trị gì về nghĩa lý tinh thần; mài miệt về một đường đó trong mấy mươi đời, thành ra cái óc tê liệt đi mà không sản xuất ra được tư tưởng gì mới lạ nữa.

Phạm Quỳnh

Bàn về quốc học, *Nam Phong*, 1931

Dễ dãi trong việc vay mượn

Cái thời kỳ vay mượn của Tàu đến nay đã qua rồi, nhưng điều di hại vẫn còn. Ta hãy để lại một bên những người say mê Pháp văn - những đứa con bội bạc ấy - ta chỉ nói đến những ngòi bút vẫn một niềm phụng sự tiếng mẹ đẻ, và chỉ nên tiếc rằng: Cũng như xưa, tiếng mẹ đẻ không được phụng sự một cách toàn vẹn. Họ là những người học Tây; họ có cái khuynh hướng Âu hóa những danh từ, những điệu ngữ, cả cái cách xuất diễn tư tưởng… Họ sửa đổi cả những tiết tấu thiên nhiên, những âm luật huyền bí của tiếng Việt. Xưa kia chúng ta có những cái sáo rỗng mượn của Tàu thì bây giờ chúng ta cũng lại có những chữ sáo vô nghĩa dịch của Tây. Những ngữ điệu bị Pháp hóa chỉ chứng tỏ một cái bệnh về tinh thần. Cái hình thức kia chỉ là kết quả đương nhiên của sự biến đổi một tâm hồn.

Lưu Trọng Lư

Một nền văn chương Việt Nam, *Sông Hương*, 1939

Điều hòa với nghĩa… chắp vá bừa bãi

Điều hòa là một thói quen của người nước ta. Người mình hễ ró ra[1] đâu là điều hòa đó, cái trên trời, cái dưới đất cũng điều hòa phứt đi được. Rượu thì pha rượu trắng với rượu chát; đầu thì đùm tóc sùm sùm mà đội mũ; hết "Tây Nam đắc bằng" thì "Pháp Việt đề huề"[2]; tu thì tu tam giáo (…). Phải việc dễ nhất trong thiên hạ là chỉ có việc điều hòa, điều hòa thì vô sự mà!

Sau cuộc chiến tranh 1914 - 1918 ở bên Tây có một số người hoảng hốt mà kêu lên rằng văn minh Âu châu đã đến ngày phá sản. Rồi ở Đông phương cũng có một số người ó lên mà bài kích văn minh Âu châu. Thuyết điều hòa có, một phần bởi lời đồn huyễn văn minh phá sản. Thật là sợ hoảng, đúng như tục ngữ nói "Chưa giàu đã lo ăn cướp".

Phan Khôi
Bác cái thuyết tân cựu điều hòa,
Đông Pháp Thời Báo, 1928

1. Hiện ra, lấy ra (chữ đã có trong *Đại nam quấc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của).
2. Tên một tác phẩm của Hoàng Cao Khải và một luận thuyết mà Phan Bội Châu thường được coi là bị xúi giục, đã trình bày trong một bài phát biểu trước 1925.

VII
LÀM ĂN BUÔN BÁN
& CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Không biết chấn hưng thực nghiệp[1]

Người nước ta xưa nay chia ra bốn nghề sĩ nông công thương… Phàm những kẻ biết đôi chút từ chương là đã vênh vang tự cho mình là kẻ sĩ, không thèm đứng cùng hàng với nông công thương, cho họ là hèn hạ, gọi là dân buôn, dân thợ, dân cùng. Sĩ đã không biết việc nông công thương, mà nông công thương phần nhiều không học hành, không biết nông học là gì, công nghiệp là gì, địa lý là gì. Trăm môn chẳng biết môn nào, thực nghiệp mới không chấn hưng được.

Ở các cửa khẩu thông thương, trăm người không ai không mặc vải Tây, mà vải Tây là lấy bông sợi của ta dệt ra (…) Các nhà buôn học thức nông cạn, người ta mang hàng đến mà mình không biết chở hàng đi[2]. Nhà buôn trong nước rất tản mạn, chèn ép lẫn nhau, không có chủ trương nhất định…

Quốc dân độc bản, 1907

1. Thực nghiệp là từ chỉ chung các ngành sản xuất vật chất, bao gồm cả nông nghiệp lẫn công thương nghiệp.
2. Chỉ lo nhập khẩu không biết xuất khẩu.

Tiêu xài quá đáng

Người bổn quốc lâu nay tục thành[1] giữ sự độc lợi[2], không chịu lo xa hễ có nhiều xài nhiều, còn có ít lại không biết xài ít, bởi vậy cho nên tham lợi vô cớ, đặng có cho mau mà xài chơi xởi lởi, kẻo thấy chúng[3] xài phí chơi bời mà mình không đặng vậy thì buồn. Tính hay liều về việc phi lý, gan về cách phi nghĩa, chớ chi[4] mà điều liều phi lý và phi nghĩa đó, để mà đổi cho những điều có nghĩa lý, thì người chúng ta có phước ra thế nào.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1902

Thiếu cái gan làm giàu

Cách đại thương[5] là có gan làm giàu. Coi người ta phí[6] bao nhiêu tiền bạc mà không sợ mất là vì người ta tiên liệu đại lợi[7], kể chi sự phí. Chớ như người bổn quốc ta, muốn cho thấy trước mắt có lợi mới chịu làm.

Nếu đem đại thương mà sánh với bán hàng bông[8] thì bán hàng bông ắt thấy lợi trước mắt, hễ mua sớm mai thì chiều thấy lợi, còn mua chiều sáng thấy; chớ như đại thương thì ít

1. Đã thành tập quán.
2. Lợi riêng một mình.
3. Mọi người, bàn dân thiên hạ.
4. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của xác định là "tiếng ước cho được". Có thể hiểu như *giá kể mà*.
5. Buôn bán lớn.
6. Bỏ tiền của ra sử dụng.
7. Tính trước rằng sẽ lãi lớn.
8. Hàng hoa quả bông trái.

nữa là năm năm còn nhiều hơn là mười năm mới thấy lợi. Song so lợi dễ thấy thì là lợi ít (...) còn lợi mà lâu thấy thì thật lớn lắm.

Người nước nào đều có ngay gian xấu tốt, họ không phải là tiên phật chi hơn mình, song họ làm rồi thì quen, còn người mình không làm, nên cứ nghi hoặc hoài mà thôi.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1901

Không lo xa, dễ thỏa mãn

Tôi luận rằng người nước Nam ta khi túng thiếu thì lo lắng thở than, trong lúc đói lo một hồi mà thôi, chớ no không lo nữa.

Người nước của chúng ta, bởi không từng trải ít thấy rộng ít nghe xa (...) hễ vừa mới động nở nòi ra một thí[1] là đổi tính đổi nết, làm bể làm thế[2], muốn nghỉ mà ăn chơi. Bởi làm sao vậy? Bởi trong trăm người mới có một thì là trong một xóm ở chừng một trăm, người ấy đã đặng trên mấy bợm[3] khác. Có bạc chục bạc trăm, cho vô cho ra, đã có người thiếu nợ mình rồi; cho nên hết muốn ráng sức nữa. Vì vậy nhiều khi nghèo nàn khổ sở trở lại. Đến lúc nghèo rồi lại than thở trách trời, sanh mình sao mà vận xấu, mới cho khá rồi lại làm cho nghèo, tại trời không thương.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1902

1. Khá giả một tí.
2. Làm le, làm dáng, khoe mẽ.
3. Bợm đây không có nghĩa xấu mà chỉ có nghĩa bọn khác, kẻ khác.

Chơi bời lãng phí

Theo tục ông bà để lại, hễ mãn một năm thì ăn tết một lần, ấy cũng là phải. Sao tôi thấy hễ tới ngày ấy, ai ai cũng đốt pháo, dựng nêu, treo bùa tứ tung ngũ hoành, đánh đáo đánh quần tới bảy bữa, rồi nào me, nào lú[1], bài cào, xóc đĩa tổ tôm đủ thứ. Thậm chí có ông ăn tết rồi thì bán nhà bán cửa nợ réo trước nợ réo sau. Đã bần nhược lại đãi đọa[2] vậy thì biết chừng nào mà giàu có như người ta đặng.

Trần Chánh Chiếu
Lục Tỉnh Tân Văn, 1907

Ăn xổi ở thì, chưa lo làm dã lo phá

Nước nào cũng có gian giảo, Tây, Nam, Chệt, Chà[3] đều có kẻ tốt người xấu. Song nước ngoài người ta gian khéo xảo lớn, còn nước mình gian vụn xảo vặt. Nói giác thế[4] như một người Chệt kia lãnh của người ta đi buôn, lãnh rồi thì lo làm ra té lời cho nhiều, có gian lận thì lấy trong cái tiền lời ấy, chớ không khi nào đụng tới vốn bao giờ. Họ tính như 1đ00 mà làm lợi ra 0đ30, dầu có gian, chủ có hay, cũng dám nhắm mà cho gian. Còn người nước Nam không phải vậy, cứ gốc đẽo hoài. Chủ ra vốn cho 10đ đã phá tán cho lỗ lã, rồi cứ cái vốn lấy hoài, cứ cái mạch châm hoài. Đụng 0đ50 cũng gian, 0đ30 cũng gian, làm sao mà không háp tiệm[5].

---

1. Theo Huỳnh Tịnh Của, *đánh me* là "gây ăn thua trong cuộc chơi tiền", còn *lú* là "cuộc con nít dùng tiền mà đánh đố".
2. Biếng nhác.
3. Chệt (có khi viết Chiệc): người Tàu; Chà: người Mã Lai hoặc Ấn Độ; còn Tây và Nam, tức người phương Tây và người Việt.
4. Ví dụ.
5. Háp, nghĩa gốc là khô héo, háp tiệm đại ý cũng như sập tiệm.

Chuyện gì hồi lãnh coi công việc thì bần hàn ăn mắm muối, vợ rách con đói; chừng lãnh việc rồi, vợ đeo vòng con đeo vàng, chồng giày vợ dép lên xe xuống ngựa, vợ lấy bạc góp chồng lấy bạc góp, chồng trai gái đào đĩ, sắm giường sắm mùng riêng, vợ tùng điệp[1] đem cả kiếng họ[2] đến tiệm mà ăn phá. Ôi tính hay ăn xổi, xài gấp giựt gấp, nước mình nay ra đi buôn thì không khác gì mấy đứa con nít tập đi tập chạy.

Trần Chánh Chiếu

Lục Tỉnh Tân Văn, 1908

Không ai chuyên nhất việc gì

Các nước phú cường, người nào làm việc gì thì chuyên việc ấy. Nhà khoa học lo cả đời phát minh; người làm giàu thì cứ việc làm giàu. Còn nước ta thì không thế. Một người làm năm bảy việc; trong khi làm bầu gánh hát bộ, lại có xuất bản một cuốn tiểu thuyết ái tình, lại có mở một cửa hàng tạp hóa, ít lúc chi đó lại vọt xuống tàu sang Pháp làm chính trị.

Người ngoại quốc thấy vậy, cho rằng chúng ta có lòng ham hố quá, hoặc cho rằng không có đức chuyên nhất, không có tính nhẫn nại.

Tân Việt[3]

Mỗi người một việc, *Đông Pháp Thời Báo,* 1928

1. Liên tục, dồn dập.
2. Chi họ, dòng họ.
3. Một bút danh mà Diệp Văn Kỳ và Phan Khôi ký chung trên *Đông Pháp Thời Báo* năm 1928 (theo Lại Nguyên Ân). Nghe giọng thì người viết ở đây có lẽ là Diệp Văn Kỳ (?).

Việc buôn bán lặt vặt quanh quẩn

Việc buôn bán của ta ngày xưa kém cỏi lắm. Người thiên hạ đi buôn nước này bán nước nọ, xuất cảng nhập cảng, kinh doanh những công cuộc to lớn kể hàng ức hàng triệu. Người mình cả đời không đi đến đâu, chỉ quanh quẩn ở trong nước, buôn bán những hàng hóa lặt vặt, thành ra bao nhiêu mối lợi về tay người ngoài[1] mất cả. Thỉnh thoảng có một ít người có mươi lăm chiếc thuyền mành, chở hàng từ xứ nọ đến xứ kia, lưng vốn độ năm bảy vạn quan tiền, thì đã cho là hạng cự phú.

Trần Trọng Kim

Việt Nam sử lược, 1925

Tài trí thua kém

Nghĩ như nước ta, ruộng đất tốt, rừng núi nhiều, các mỏ có, phận đất duyên hải cũng thật dài, vậy mà cuộc kinh tế mỗi ngày mỗi khó, thời là sao?

Nói về tài trí, quốc dân ta thứ nhất đã kém về cơ khí cho nên công nghệ phải thua. Vật xấu mà giá bán đắt hơn thời còn mong gì tiêu thụ cho ngoại quốc[2]. Ngay trong bản quốc, vẫn phải cần dùng đồ nước ngoài. Bài trừ ngoại hóa chẳng qua là câu chuyện nói chơi, khó thay sự thực. Như ở Nam Kỳ nhà máy xay gạo của người ngoại quốc thì không sao; người nước ta chỉ có một cái nhà máy xay mà cháy. Ở mặt bể, tàu của người ngoại quốc thời không sao, người nước ta

1. Người ngoài đây ám chỉ Hoa kiều, trước 1945 thường gọi là khách, như trong các từ hiệu khách, phố khách…
2. Tức không thể xuất khẩu.

có một cái tàu Bình Chuẩn[1] mà chìm. Nghĩ ra cũng là tài trí thua kém.

Nói về tư bản[2], nguyên người nước ta đã không lấy đâu có được nhiều người có tư bản to ví với người ngoại quốc, mà sự chiêu phần[3] lập hội thời cái bụng ăn ở với nhau kém, cho nên không mấy hội được bền, nghĩ chỗ đó thật đáng buồn, mà có nói lắm cũng vô ích.

Tản Đà

An Nam Tạp Chí, 1931

Nhìn dâu cũng thấy sự tầm thường trì trệ

Đến với các bậc tân nhân vật[4] để nghe lóng một đôi điều về đường học vấn, phần nhiều chỉ nghe bàn đến vấn để lương ít lương nhiều, không thì mũ, giày, đồng hồ xe đạp, mốt nào khéo mốt nào mới, mày mua hiệu nào tao gửi bên Tây, không thì lại con bé nọ con bé kia, món này mày món kia tao, thế thôi.

Đến các nhà buôn bán, những công ti to thập hiệu[5] lớn, vận hàng chở hóa, kẻ vào người ra chen vai kề cánh, chẳng hiệu chú khách thì hàng ông Tây, còn hàng An Nam chỉ là buôn lẫn bán quanh, mình cạnh tranh với mình, không những

1. Tàu chở hàng trên biển, trọng tải 600 tấn, do công ty Bạch Thái Bưởi khai trương từ 1919.
2. Của cải vốn liếng.
3. Gọi người mua cổ phần.
4. Tức các nhân vật đào tạo theo kiểu phương Tây.
5. Chưa rõ nghĩa.

không tranh lợi được với kẻ ngoại phương[1], mà lại còn nói dối bán lừa, chưa khỏi thói mua hành bán tỏi.

Thứ đến các nhà chế tạo[2] chẳng thấy khói lên không nghe máy động, các đồ thủ nghệ cũng có tiến bộ, song các nguyên liệu phải nhờ vào người cung cấp mà vật chế tạo không chở được ra ngoài dương[3]; đồ sản xuất có mà đường tiêu thụ không, người làm càng nhiều thì nghề càng không, hết mồ hôi nước mắt chỉ đủ "tay vó miệng lẩm"[4].

Ngô Đức Kế

Cảm tưởng trong lúc biên tập, *Hữu Thanh*, 1923

Nông nổi và thiếu ý chí

Tình trạng sinh hoạt đâu thuận tiện cho sự phát minh ra những pho lý thuyết cao siêu mà không giải quyết ngay nổi cuộc sống chông chênh và eo hẹp. Cho nên người Việt ít não sáng tác[5] trái lại hoàn cảnh ấy đã giúp khiếu thích ứng thêm cứng mạnh. Luôn luôn phải nhẫn nại và dung hòa với hoàn cảnh, người Việt đã khuôn thể xác và tinh thần theo điều kiện sinh hoạt nên tự tạo ra được tài mô phỏng không thua kém một dân tộc nào. Cũng vì thiết thực quá mà người Việt Nam thành ra nông nổi và không đủ bền chí để theo đuổi những công cuộc có kết quả xa xôi.

Lương Đức Thiệp

Việt Nam tiến hóa sử, 1944

1. Người nước ngoài.
2. Các nhà sản xuất.
3. Tức xuất khẩu.
4. Tương tự tay làm hàm nhai.
5. Ở đây hiểu là óc sáng tạo.

Thời gian phí phạm cách sống dông dài

Trong tiếng ta có một lời mà người ta hay dùng là *cơm vua ngày trời,* tỏ ra ý ăn hết chừng nào thì ăn, làm được chừng nào thì làm, không bị hạn chế và thôi thúc chi hết. Lại có thành ngữ *làm việc quan* là làm việc rồi[1], làm đù đưa đủng đởn. Phải, phàm kẻ làm việc quan, không bị hạn chế thôi thúc thì tội gì làm đúng đắn làm kịp thời kịp vụ làm chi! Bởi vậy cho nên ngày xưa chúng ta không có đồng hồ. Chẳng những vì khoa học không có mà không làm được đồng hồ. Mà chính vì cái quan niệm cơm vua ngày trời, và làm việc quan ấy nó choán sẵn trong đầu rồi, không có sự cần, nên không sinh ra khoa học mà không làm đồng hồ được.

Có người đeo cái đồng hồ không chạy. Máy ở trong đã hư hết nhưng mà vì nó đẹp, nên cũng đeo cho có với người ta. Ta chưa nhìn rõ cái giá trị thật của thời gian là thế nào.

Bỏ cái quan niệm *cơm vua ngày trời* đi, rồi mới dùng được đồng hồ theo như chỗ dùng của nó. Cũng như bỏ cái căn tính cẩu thả đi, rồi mới dùng được những chữ dân quyền tự do bình đẳng theo ý nghĩa của nó. Hiện nay thì những chữ dân quyền, bình đẳng, tự do ở nước Việt Nam cũng còn như cái đồng hồ của người Việt Nam!

Phan Khôi

Cái đồng hồ của người Việt Nam,

Phụ Nữ Tân Văn, 1931

1. Rồi ở đây có nghĩa như trong thành ngữ *"ăn không ngồi rồi"*. Làm rồi: làm rất nhàn nhã, thế nào cũng được.

Những người thợ bất đắc dĩ

Tính người mình không biết quý trọng công nghệ, người làm nghề tựa hồ như bất đắc dĩ không học được làm quan chẳng lẽ ngồi khoanh tay chịu chết mới phải xoay ra làm nghề thôi. Mà làm nghề thì không cần gì tinh xảo chỉ cốt bán rẻ tiền được nhiều người mua là hơn. Công nghệ suy nhược lại còn là vì người có học thức không chịu làm, người chịu làm thì lại là người không có học thức, chẳng qua chỉ theo lối cũ nghìn năm xưa chớ không nghĩ được cách thức nào mới.

Ít năm nay, có trường bách công dạy dỗ, có lắm lời tân học cổ động thì cũng đã tỉnh ngộ ra ít nhiều, và cũng đã có người sinh được nghề khéo, học được nghề mới tranh được lợi buôn bán. Song cái tính khinh đường công nghệ thì vẫn chưa bỏ được. Có người nhờ công nghệ mà nên giàu có song vẫn tự coi mình là đê tiện, phải mượn cái phấn ông hàn ông bá mới là vẻ vang.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Không có nghề nào đạt tới trình độ chuyên nghiệp

Phần nhiều người nước ta chỉ nô nức về đường công danh sĩ hoạn, mà coi nghề buôn bán là một nghề khinh thường. Người giàu có cho con đi học mong cho con về sau nhất ra thì làm nên ông nghè ông bảng, chớ nào ai mong cho con mai sau làm nên bác lái này ông lái nọ. Người làm quan trở về thì

lấy gió mát trăng thanh, cúc thơm lan tốt, chè chuyên thuốc quấn, đàn ngọt hát hay làm vui thú, chớ nào ai thiết gì ông chủ cửa hàng nọ ông quản lý cửa hiệu kia. Mà đủ bát ăn thì cũng lấy sự thanh nhàn làm thú trên đời, còn việc buôn bán thây mẹ đĩ. Té ra bao nhiêu ông việc buôn bán phần nhiều ở trong tay người đàn bà và ở trong bọn mấy chú lái thì mong sao mở mang ra to được?!

Lại như việc chữa bệnh, xưa kia nước ta không biết trọng nghề làm thuốc, thường cho là một nghề nhỏ mọn, không mấy người lưu tâm. Chốn dân gian chỉ những người bất đắc chí trong đường khoa cử mới xoay ra xem sách thuốc để lấy nghề sinh nhai. Phần nhiều là những người thiển học[1], rồi cũng dám lên mặt ông lang đi khắp chợ cùng quê để chữa bệnh cho thiên hạ. Mạch thấy nắm cũng nắm, mà có hiểu thế nào là mạch thực mạch hư; bệnh thấy xem cũng xem, mà có hiểu thế nào là bệnh hàn bệnh nhiệt. Đệm thêm một nắm lá xì xằng cho gói thuốc to, để lấy cho đáng đồng tiền của người ta. Cũng may dân ta phần nhiều còn dại dột, sống chết đổ cho tại số, chớ không thì các ông lang ấy chắc không ăn ngon ngủ yên.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Khéo tay mà trí không khôn

Xét ra ở nước Nam ta mới có các nghề mỹ nghệ là thịnh, phàm nghề khéo toàn là các nghề trang sức cả, còn mỹ thuật

1. Sức học nông cạn.

thì chưa có gì sánh được với các nước; nhưng ngay trong mỹ nghệ cũng chưa có kỷ luật, chưa có thể thống gì, chưa phân rõ các kiểu cách, các thời đại, các lề lối, các phương pháp; thợ thuyền phần nhiều là những người vô học, phi quen tay phóng lại lối cũ, thời bắt chước chép của người ngoài, thành ra tay có khéo mà trí không khôn, không biết biến báo mà vẫn giữ được tinh thần cốt cách cũ, tồn cổ mà khéo ứng dụng về đường sinh hoạt mới, nói tóm lại là không có trí sáng khởi[1] khôn ngoan, gây ra trong mỗi nghề một cái thể thức trang nghiêm mà đặc biệt. Cho nên các nhà nghề ta, không thể bằng cả ở cái tay khéo được, cũng phải tập cho có cái trí khôn nữa.

Nay muốn gây lấy cái trí khôn ngoan trong mỹ nghệ, khiến cho có tinh thần có thể thức, thời không gì bằng lập ra một nhà bảo tàng mỹ nghệ, sưu tập lấy những đồ đẹp trong nước, chia ra từng thời đại, bày cho có thống hệ[2], để cho những nhà nghề đến đấy mà xem, mà học cho biết nghề mình duyên cách[3] thế nào, thể cách làm sao, rồi hoặc trông đấy mà giữ lấy cái cốt cách tinh thần cũ, hoặc nhân đấy mà biến đổi dần.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký, 1922

1. Bắt đầu dựng lên.
2. Quan hệ của những cái liên tiếp. Cũng nghĩa như hệ thống.
3. Duyên (có khi đọc diên) ở đây là thủ cựu, cách là đổi mới. Duyên cách: Tình hình cũ và mới.

Người làm nghề không ngóc đầu lên được

Đời sống nông nghiệp vẫn ràng buộc sức phát triển của công nghệ, mà những người làm nghề ở Việt Nam phần nhiều là nông dân chỉ coi nghề của mình là một nghề phụ để kiếm thêm chứ không trau dồi cho nó ngày một tinh xảo. Lại thêm chính những người có nghề muốn giữ nó làm của riêng không muốn truyền dạy cho người ngoài. Dụng cụ thường thô sơ và y nguyên kiểu xưa. Tài khéo thường bị mai một. Vật liệu để dùng thì cũng vẫn tìm quanh tại chỗ chứ ít khi phải mua tận nơi xa. Cách chế tạo cũng chỉ theo phương pháp tổ truyền, không mấy ai chịu thay đổi.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Đồng tiền không dùng để sinh lợi

Tiền của tức là máu mỡ của dân. Tôi không nói là không nên yêu tiếc. Nhưng yêu tiếc thì phải bảo vệ nó làm cho nó sinh sôi nẩy nở. Muốn vậy phải có cách để biến nó thành một món to, không phải chỉ một món nhỏ. Như thế mới gọi là yêu tiếc.

Thế nhưng người nước ta yêu tiếc tiền của riêng thì lại chỉ để tiền của cung phụng cho cái mồm cái bụng riêng của mình, chứ không biết đến có việc gì khác, đó là một. Có kẻ lại bới đất đào lỗ để chôn giấu của cải, chỉ sợ người khác biết, chôn lâu đến hỏng nát, đó là hai. Cả hai hạng người này một bên

thì xa xỉ, một bên thì keo kiệt, tuy không giống nhau, nhưng đều ngu như nhau.

Phan Bội Châu
Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Không chịu học buôn học bán

Nói đến cuộc thương mại nước nhà mà thêm chán. Bất quá trong nước được vài nhà buôn, còn thử đi qua các phố mà xem, chỉ những Chiệc với Chà[1] họ chiếm mất cả. Buôn bán với các nước, lại càng chẳng có ai gọi là tay đại doanh nghiệp. Vì cớ từ xưa đến nay, đàn ông ở ta chỉ lo học hành thơ phú ngâm nga, hi vọng làm quan, chứ buôn bán cho là mạt nghệ. Hai nữa là từ xưa không có học làm các sổ sách buôn bán, không có một trường nào dạy buôn bán như ở nước Tàu cũng như các nước bên Âu Mỹ. Nhẽ thứ ba, ta có buôn chỉ buôn quanh bán quẩn với nhau, không thực thà không đồng tâm, không thạo việc, không biết cách đối đãi với khách mua hàng. Vả lại bây giờ nước ta không giữ cái chủ nghĩa bế quan nữa, cửa ải đã mở rộng, nhưng mà cuộc thương mại với các nước ở tay ai chứ có ở trong tay mình đâu, mà dẫu có để cho mình cũng vị tất có đủ tài sức mà gánh vác.

Lê Đức Mậu
Bàn về thương nghiệp, *Hữu Thanh,* 1921

1. Người Trung Hoa và người Ấn Độ.

Không biết thích ứng với xã hội hiện đại

Tất cả các công nghệ cổ truyền đều chỉ có công cụ thô sơ. Chúng không có nhiều cơ hội để phát triển: thợ thủ công Việt Nam quả thật rất khéo léo và sẽ có thể trở thành những thợ mỹ nghệ tuyệt vời nhưng họ rất thiếu nhìn xa nên không thể nghĩ đến việc đặt công nghiệp của họ trên những cơ sở kinh tế hiện đại. Họ sống ngày nào hay ngày ấy và chẳng có khả năng gì chống chọi với sự cạnh tranh của các vật dụng hiện đại được sản xuất với số lượng lớn hơn nhiều mà lại được nâng đỡ bởi một thị hiếu vừa dễ dãi vừa thất thường.

Nguyễn Văn Huyên

Văn minh Việt Nam, 1944

Quan niệm về kinh tế quá cổ lỗ

Tư tưởng kinh tế nước ta phần nhiều bị cái triết học của người đời[1] nó đè nén. Sách *Đại học*[2] có câu "Đức là gốc mà của là ngọn", ông Mạnh Tử nói "nhân nghĩa là đủ, sao cứ nói lợi". Xưa nay không ai không lấy sự dè sẻn làm chủ nghĩa rất cần, nói đến tài chính không ai không lấy sự "xem số thu vào để liệu số chi ra" làm chủ đích. Sự hơn đong kém bán bị khinh rẻ, người mưu lợi bị chê bai… Bởi đấy nên tư tưởng kinh tế phương Đông tản tác mà lộn xộn, tư tưởng kinh tế phương Tây tề chỉnh mà phân minh. Tư tưởng đã tản tác mà lộn xộn

1. Triết học nhân sinh.
2. Một trong *Tứ thư* - bốn bộ sách chính của đạo Nho. Ba cuốn kia là *Luận ngữ*, *Trung dung*, *Mạnh Tử*.

thì kết quả không tiến bộ chút nào; tư tưởng đã tề chỉnh và phân minh thì kết quả lại có phần tiến bộ nhiều lắm.

Nguyễn Xuân Dương
Sự so sánh về tư tưởng kinh tế Đông Tây,
An Nam Tạp Chí, 1931

Giữa chủ và thợ không tìm được hình thức cộng tác thích hợp

Những nhà nông trồng ra cây mía, nấu thành muống đường[1]. Những người làm nên đường cát mà mang đi bán lại là người khác, tức là nhà buôn đường. Người có tư bản xuất vốn ra và làm chủ rồi rủ dăm ba người trai tráng làm *bạn*[2], gọi là công-xi, một bên xuất tài[3] một bên xuất lực. Mãn mùa rồi tính trừ tiền vốn và tiền tổn ra còn lãi bao nhiêu chia thành hai, chủ phần nửa, các bạn phần nửa. Song ở trong có sự rất xấu là những người chủ thường ăn lấn các *bạn*. Hạng trai tráng đi làm bạn phần nhiều là ngu dốt không biết gì, chủ tính trời tính đất chi thì tính, họ cứ việc dạ, miễn còn dư đôi ba đồng đem về cho vợ đã là quý rồi. Thường thấy những công-xi làm đường chủ nhân làm nhà gạch mua đất tư còn các bạn thì khố một vẫn hoàn khố một.

Trích ở bài "Nghề làm đường ở Quảng Nam, Quảng Ngãi",
Thực Nghiệp Dân Báo, 1923

1. Tạm hiểu là đường sơ chế.
2. Một cách gọi những người cộng tác; thực chất là thợ.
3. Tài ở đây không phải tài năng, mà là tiền của.

Những cái gia truyền dần dần mất di

Xét những thức quà của ta, thật có nhiều thứ ngon, mùi vị rất dồi dào. Là sản phẩm của đồng ruộng của núi sông, những thứ quà ấy là dấu hiệu sự thưởng thức của người mình, vừa tao nhã lại vừa chân thật. Đó là những vật quý mà sự mất đi, nếu xảy đến, sẽ khiến người sành ăn phải ngậm ngùi.

Nhưng người mình tham thanh chuộng lạ đã bắt đầu khinh rẻ những thứ đáng yêu ấy, có cái ngon mà họ đã gần quên mất mùi vị. Một đằng khác, không ai chịu để ý và hết sức làm cho mỗi ngày một hoàn hảo hơn lên, cải cách cho hợp với thời mới. Những cái gia truyền dần dần mất đi, những cái khéo léo không còn giữ được...

Thạch Lam
Hà Nội băm sáu phố phường, 1940

Ngủ yên trên danh vọng

Đi với bánh đậu, còn có các thứ bánh khảo, kẹo lạc, kẹo vừng. Ngày trước, hiệu Ngọc Anh có tiếng khắp kẻ chợ thôn quê; nhưng từ ngày Cự Hương ở tỉnh Đông[1] dồn lên, thì ngôi bá chủ đã thay người. Trong khi Cự Hương mỗi ngày một tiến bộ trong cách tìm tòi, khiến cho bột bánh được mềm dẻo, nhân đậu được nhuyễn trong, và cách trình bày được sạch sẽ tinh tươm thì Ngọc Anh nằm ngủ trên cái danh vọng cũ của mình, uể oải bán hàng cho khách. Hiệu đó hình như giàu rồi mà lại... Mà phần nhiều giàu rồi thì không hay cố nữa. Đó

1. Tức vùng Hải Dương.

là cái tật chung của người mình khiến cho không một công cuộc nào phát đạt được lâu dài cả từ trong cách buôn bán cho đến những công nghệ khác.

Tài làm bánh của người mình không phải là kém cỏi. Cái thứ bánh dẻo Trung thu của Cự Hương không kém gì bánh của Tàu và các thứ bánh kem của Việt Hưng không thua gì bánh của Tây. Ta chỉ còn thua cái chí nữa mà thôi; nhưng như thế nghĩa là còn thua nhiều nhiều lắm.

Thạch Lam
Hà Nội băm sáu phố phường, 1940

Hay nghi ngờ và làm hại nhau trong công việc

Người châu Âu, người Nhật Bản làm việc gì cũng hợp đoàn mà làm. Tôi thường thấy người Nhật Bản lúc bàn tính công việc quan trọng họ tin cậy nhau hơn ruột thịt. Còn như nước ta thì không phải không muốn làm nên việc, nhưng cùng làm việc thì nghi ngờ nhau; không phải không muốn thành công, nhưng cùng lập công[1] thì ghét bỏ nhau. Nếu chịu nghĩ kỹ thì tại sao ta lại không biết dằn lòng mà theo nhau, không biết đem lòng thành thật mà đối đãi với nhau, lại cứ nghi ngờ ghét bỏ nhau, thật là ngu quá không thể hiểu được.

Phan Bội Châu
Việt Nam quốc sử khảo, 1908

1. Ngày nay lập công có nghĩa lập được chiến công chiến tích; hồi đầu thế kỷ XX được hiểu là làm một công việc nào đó.

Bán quẩn buôn quanh

Việc buôn bán của ta không được thịnh vượng bằng các nước khác cũng bởi nhiều cớ. Dân ta nhát tính không dám đi xa. Nhiều người cậy có đấn vốn, chỉ ngồi một xó, cái gì cũng chờ người ta mang đến tận nơi, mua tranh bán cướp với nhau, chớ một bước cũng không dám đi đâu cả. Có đi chăng nữa, thì chẳng qua Hà Nội xuống Hải Phòng, Sơn Tây xuôi Nam Định đã cho là xa xôi, ai bẩn cùng lắm mới lên đến Lào Cai, Yên Bái hoặc vào đến Bình Định, Sài Gòn. Còn chỉ lo những nước độc ma thiêng, hoặc là phong ba bất trắc mà quanh năm chí thối, bán quẩn buôn quanh.

Phàm làm việc gì có phải dễ dàng mỗi chốc mà thành hiệu[1] ngay được đâu. Ta buôn bán động hơi thấy lỗ vốn một chút hoặc hơi vấp váp điều gì thì đã ngã lòng ngay. Hoặc đóng cửa, hoặc xin thôi, làm cho việc có cơ tấn tới mà cũng phải tan không thành nữa.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Bôi bác, giả dối, chỉ cầu rẻ

Cái chí của người Việt Nam ta cũng khác: món quà bán thì cứ muốn bán cho rẻ và nhiều, thích thế để xiêu lòng khách còn cái phẩm có tốt hay không, không quan tâm đến. Bát mằn thắn của người mình có đủ cả rau thơm, xá xíu, đôi khi mấy miếng dồi và một phần chia tám quả trứng vịt. Mằn thắn làm

1. Có tức kết quả.

rất to bột, nặn xuề xòa để trông càng to hơn, nhưng nhân thì hết sức kín đáo và nhỏ bé vì được một tí thịt chỗ bàng nhạc[1] mua rẻ của các hàng thịt lậu ôi ở ngoại ô, lúc trút hàng bán rẻ. Nước cũng rất nhiều nữa, dềnh lên như ao sau trận mưa, nhưng nhạt ví như nước bèo.

Tất cả chỉ bán có năm xu. Tưởng đắt hàng là phải. Thế mà không. Khó mà lấy nhiều hoa mắt người ta được.

Miễn là thức hàng bán xứng với đồng tiền, đừng lừa dối người mua, của ngon thì người ta ăn đắt rẻ không kỳ quản. Đó là một sự thực giản dị trong nghề buôn bán mà tiếc thay nhiều nhà buôn người mình không biết đến, làm tồi bán rẻ rồi đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng.

Thạch Lam

Hà Nội băm sáu phố phường, 1940

VIII
NÓI NĂNG, SUY NGHĨ, LỄ NGHI, PHONG TỤC VÀ CÁC SINH HOẠT TINH THẦN

Nói năng thô tục

Nước ta những nơi chợ búa thành phố, không luận đàn bà trẻ con, đến người có học biết chữ mà cũng mở miệng là nói lời thô bỉ. Tập thành thói quen, những tiếng tục tĩu, người nghe nhơ cả lỗ tai, mà người nói lại lấy làm khoái. Cho đến

1. Bạc nhạc, chỉ chỗ thịt dai không có nạc.

câu mắng bài chửi, đọc ra có cung có điệu, người nào mắng chửi cả ngày mà không trùng lặp, thì người ta xem như Tô Tần, Trương Nghi[1], chiếm giải quán quân.

Đến lúc diễn ra cái bộ dạng mắng chửi, tiếng như mõ rao, chân như múa hát lên tay xuống ngón, mặt như sơn đổ, tóc như tơ vò, nước miếng như bọt giải, tay cầm dát lia, chân đi cà xiểng, không khác gì người điên.

Lại còn một điều xấu nữa, hễ có bất bình với ai thì phát thệ[2] và nguyện rủa chúc dữ[3] rất nặng. Thường hàng ngày cùng giao du với nhau, mà đến lúc bỏ nhau, chất chứa điều bất bình lâu, thì khí yêu[4] nhân đó mà sinh ra, người nọ bảo người kia "đầy miệng điều láo, một ngày bán được ba gánh giả, đến đâu cũng dối, ba ngày không mua được một điều thực". Thật là không còn chút lễ nghĩa liêm sỉ nào! Cái phong tục kiêu bạc[5] đến thế là cùng. Thế giới chưa có nước nào như xứ mình!

Nguyễn Trường Tộ
Về việc cải cách phong tục, 1871

Thông minh rút lại hóa ra tinh vặt

Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam phần nhiều là thông minh, song những người có trí tuệ lỗi lạc thì xưa nay vẫn hiếm. Nhiều khi trí thông minh không có chỗ dùng thuận

1. Các nhà thuyết khách nổi tiếng đời Chiến quốc bên Trung Quốc.
2. Thề bồi.
3. Chúc: khấn. Chúc dữ: ước cho mắc sự dữ.
4. Tinh thần gian tà bất chính.
5. Cũng tức là khinh bạc với nghĩa cổ: kẻ không biết tự trọng.

tiện thường lại biến ra não tinh vặt. Trí nhớ của người Việt Nam rất nẩy nở, đến não tưởng tượng thì hoàn toàn bị não thực tiễn làm tê liệt. Não thực tiễn này mở nguồn cho nhiều đức tính khác, cho nên người Việt Nam hiếu học không phải vì khát hiểu biết mà chỉ vì mong một địa vị ưu thắng trong xã hội. Học đối với người Việt không phải để thỏa mãn một khát khao trí tuệ, mà chính là để làm kế mưu sinh.

Lương Đức Thiệp

Việt Nam tiến hóa sử, 1944

Quá tin ở những diều viển vông

Mê tín sinh ra những việc nực cười. Ngày giờ nào cũng là trời bày định mà bảo rằng có ngày dữ ngày lành; núi sông nào cũng là đất tự nhiên mà bảo rằng có đất tốt đất xấu; vì nấu ăn mới có bếp mà bảo rằng có ông thần táo; vì che mưa gió mới có nhà mà bảo rằng có ông thần nhà; cho đến thần cửa thần đường, thần cầu tài, thần cầu tử, trăm việc gì cũng trông mong vào thần; kết qủa thần chẳng thấy đâu, chỉ thấy những cửa nát nhà tan, của mòn người hết, tin thần bao nhiêu thì tai họa bấy nhiêu…

Phan Bội Châu

Cao đẳng quốc dân, 1928

Lòng tin sai lệch

Phật giáo là một tôn giáo riêng, cũng có lý tưởng. Mà lời thiện ác báo ứng cũng đủ khuyên răn người. Nhưng hiềm ta

không cứu[1] đến nguyên lý mà chỉ tin những lời trần hủ[2]; sùng tín cái vỏ xác ngoài còn, cái lý cao xa của người ta, không mấy người nghĩ đến. Đã không ích gì, mà làm hại của cải cũng chỉ bởi lòng tin sai vậy.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Tín ngưỡng lung tung vớ dược sách nào theo sách ấy

Có kẻ sáng ngày ra vào phủ thờ bà cô, ông mãnh nào, chiều lại vào làm tôi con ông Trần Hưng Đạo là thần hay trị những tà ma, những ông hoàng bà chúa. Đến sáng hôm sau cũng người ấy có thể chay lòng thực dạ mà nghe giảng những lời đạo đức của ông Khổng, ông này không có dạy phải tin thờ ông thần ông thánh nào cả; hoặc là đi lễ Phật là một đạo trái hẳn với mọi ma thiêng thần dữ.

Nói rút lại, thì người An Nam ta tin bậy hình như theo lý tưởng này: Dẫu không có mà tin cũng chẳng hề chi, ngộ có mà không tin, có lẽ hại đến mình. Cho nên cứ tin liều đi.

Người ta theo lý tưởng ấy cho nên sinh ra những đạo không có tôn chỉ, quy tắc lễ pháp[3] ở trong tay mấy anh sư mô, thày cúng, ngày nay làm theo sách này, ngày mai bịa ra sách khác, có ngược nhau cũng chẳng ai bảo sao. Mà người tin, người tộc trưởng, người làm lễ tang lễ hỷ, cũng cứ tùy tiện mà

1. Xét đoán tra hỏi (như trong các từ nghiên cứu, kê cứu).
2. Cũ kỹ, không hợp thời.
3. Nghi thức tiến hành lễ.

theo, vớ được sách nào theo sách ấy, tùy cách lịch sự tùy gia tư[1] mà theo lễ này hay lễ kia, chớ không theo tôn chỉ nào cả.

Còn như sự đi chùa Hương và các chùa chiền khác, nhiều người cho như một cái tật của các cụ già và của người đàn bà. Cũng có kẻ bảo là việc hay, cũng có người cho là việc dở. Hay là vì các bà các cô đi lễ bái như thế nó cũng thêm được cái dáng đạo đức, cái nếp nhà ra một chút. Dở là vì các bà ganh nhau tốn kém và mấy ông sư ông vả lại cũng chưa quên hẳn sự đời[2].

Nguyễn Văn Vĩnh

Hương Sơn hành trình, *Đông Dương Tạp Chí,* 1914

Thù ghét mọi sự thay dổi

Chúng ta không có những nhà tư tưởng xây dựng được những công trình huy hoàng phong phú. Chúng ta chỉ cốt *sống được*, và trong địa hạt sinh hoạt vật chất cũng như trong địa hạt tư tưởng nghệ thuật, chỉ nghĩ đến cái gì có thể giúp cho mình thích ứng với hoàn cảnh ác liệt, để theo đuổi một cuộc sống tầm thường kín đáo mà thôi. Bởi thế nếu thỉnh thoảng có một người nào có khí độ phóng khoáng, không chịu ép mình làm nô lệ thánh hiền mà vượt ra ngoài vòng lề lối - mới vượt ra ngoài chứ chưa chắc đã xây dựng được cái gì mới - thì xã hội đã xem là quái vật mà không dung. Hoặc giả khi có nhà nghệ thuật thực hiện được một cái gì to lớn

1. Của cải tài sản trong gia đình.
2. Ý muốn nói có những điều chưa hay, hoặc nói như ngày nay, những chuyện tiêu cực ngay trong các chùa.

phi thường như pho tượng thánh Trấn Vũ ở Hà Nội[1] chẳng hạn thì cái mái nặng nề của ngôi đền lại đè bẹp nó xuống ở trong bóng tối mò của gian chính tẩm[2]. Những cái thái độ và quan niệm xuất kỳ[3] ấy thường bị cái tính thiết thực của dân tộc kìm hãm hay bài xích ngay.

Đào Duy Anh
Việt Nam văn hóa sử đại cương, 1950

Tiếng cười vô cảm

An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì, phải cũng hì mà quấy[4] cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng mọi việc hết nghiêm trang.

Có kẻ bảo cười hết cả cũng là một cách của người hiền[5]. Cuộc đời muôn việc chẳng qua là trò phường chèo hết thẩy, không có chi là nghiêm đến nỗi người hiền phải nhăn mày nghĩ ngợi… Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác; có cách láo xược khinh người; có câu chửi người ta; có nghĩa yên trí không phải nghe hết nhời người ta mà đã gièm trước cái ý tưởng của người ta; không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc[6] người ta.

1. Pho tượng này cao 3,95m, đặt ở chùa Quan Thánh.
2. Gian nhà to rộng ở giữa.
3. Bày ra kế lạ, có những tư tưởng mới mẻ.
4. Sai, trái với lẽ phải.
5. Người có đức hạnh, tài năng.
6. Ở đây không có nghĩa sự nghiệp to lớn mà chỉ hàm ý công việc nói chung.

Gì bực mình bằng rát cổ bỏng họng, mỏi lưỡi tê môi để mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng hì, khen chẳng ơn, mắng chẳng cãi, hỏi chẳng thưa, trước sau chỉ có miệng cười hì thì ai là không phải phát tức?

Nguyễn Văn Vĩnh
Gì cũng cười, *Đông Dương Tạp Chí*, 1914

Những câu chửi rủa quá quắt

Nói tục, nói bẩn chắc hẳn không người nước nào bằng người An Nam ta. Lắm câu chửi rủa của ta, không tiếng nước nào dịch nổi, giả thử những người nói ra có nghĩ đến nghĩa từng tiếng thì đứa nặc nô[1] cũng phải đỏ mặt đến lòng trắng mắt. Thử ngẫm mà xem, những câu ấy có nghĩa lý gì đâu. Bảo người ta ăn những gì thì có nghĩa lý nào? Gọi ông cha mấy đời người ta lên mà chém mà vằm cũng không có nghĩa gì cả. Người ngay thật có ai sợ nhưng câu chửi rủa ấy đâu? Mà người mở mồm nói những tiếng dơ bẩn ấy, thì thực là xấu cho cái miệng quá, ra ngay con người thô tục.

Nguyễn Văn Vĩnh
Ăn nói thô tục, *Đông Dương Tạp Chí, 1914*

Tiếng cười vô duyên

Có một phần đông người Pháp ở đây, ta hằng ngày thấy họ, cũng có thể chiêm nghiệm được một dân tộc. Ví dụ như gặp khi trời mưa, đường trơn có người nào đó bất kỳ đi vô ý mà trượt té, bấy giờ có năm ba người Pháp đứng đó họ có

1. Nặc nô: người làm nghề đi đòi nợ thuê ngày xưa.

cười không? Tôi, và nhiều người như tôi, dám chắc rằng họ chẳng những không cười mà còn chạy lại để đỡ người bị té ấy lên nữa. Còn như con rồng cháu tiên ta, tôi cầm chắc rằng trước khi chạy lại đỡ, ta phải cười một chặp cho no nê đã.

Phan Khôi

Phụ Nữ Tân Văn, 1931

Nói năng lộn xộn

Người mình không những nghề diễn thuyết chưa biết, mà đến nói câu chuyện cho có đầu đuôi manh mối cũng ít người nói được. Khi hội đồng[1] thời[2] chẳng khác gì như họp việc làng, tranh nhau nói, ồn ào lộn xộn mà ít ai nói được câu gì cho có nghĩa lý, chỉ bẻ hành bẻ tỏi nhau những cái vặt vặt chẳng đâu vào đâu. Khi yến tiệc thời đương câu chuyện vui, gặp có tiếng gì buồn cười, nhất là nói tiếng *bẩn,* ông nào to miệng cả tiếng thở ra một cái cười hà hà, cử tọa đều cười ầm cả lên đến vỡ đổ nhà; thế là câu chuyện tan. Chỗ công môn thời ông quan nói, muốn ra oai mặt sắt chỉ nói nhát gừng, cách một vài câu lại điểm những tiếng *nghe chưa? nghe chưa?* thằng dân thưa thời gãi tai gãi đầu, chỉ nghe những tiếng bẩm bẩm dạ dạ nói không ra lời. Mấy cậu thiếu niên thời *toa toa moa moa*[3] ngậu xị cả đường phố, câu chuyện không những vô vị mà thường bất thành ngôn[4] nữa. Thời buổi nhố nhăng, ngữ

1. Cuộc hội họp đông người để bàn việc công (*nghĩa cũ*).
2. Thì.
3. Mày mày tao tao.
4. Không nên lời.

ngôn bác tạp, anh bồi chú bếp con bạc làng chơi ả giang hồ cậu công tử, Tây không ra Tây, Tàu không ra Tàu, ta không ra ta, có nhiều cái xã hội không biết họ nói thứ tiếng gì. Thử tìm khắp trong nước được mấy người là biết nói năng lịch sự? Thật ít quá.

Phạm Quỳnh
Pháp du hành trình nhật ký, 1922

Học thuật phù phiếm

Học là gì, là học những điều chưa biết để biết mà đem ra thực hành. Ngày nay chúng ta lúc nhỏ thì học văn từ thơ phú, lớn lên ra làm thì lại luật, lịch[1], binh, hình[2]. Lúc nhỏ học nào Sơn Đông, Sơn Tây[3], lớn lên ra làm thì đến Nam kỳ, Bắc kỳ. Lúc nhỏ thì học thiên văn địa lý chính sự phong tục bên Tàu (mà nay họ đã sửa đổi khác hết rồi), lớn lên ra làm thì lại dùng đến địa lý thiên văn chính sự phong tục của nước Nam, hoàn toàn khác hẳn. Còn biết bao nhiêu những việc như thế mòn bút khô môi cũng chưa kể hết. Tuy Nhật Bản Cao Ly cũng đọc sách Tàu, nhưng chỉ để làm vui, còn ra làm thì đều theo sách của nước họ - chưa bao giờ thấy họ học và dùng những gì mà mắt không trông thấy, chân không đặt đến như lối học của ta.

Không có một nền học thuật sáng suốt thì phong tục sẽ ngày một bại hoại, lòng người sẽ ngày một giả dối phù phiếm

1. Phép tính thời gian, một việc mà quan lại ngày xưa phải biết.
2. Việc xử tội.
3. Tên các tỉnh của Trung Quốc.

trống rỗng. Tập tục sẽ làm thay đổi con người, dù người tốt cũng không tránh khỏi ảnh hưởng.

Nguyễn Trường Tộ
Tám việc cần làm gấp, 1867

Đối với những tư tưởng lớn chỉ hiểu sơ sài

Thu nhặt tất cả những gì về văn chương nghệ thuật đã được làm ra trên đất nước ta, dễ thấy nguồn tài sản tổ tiên ta để lại là mỏng mảnh so với các dân tộc khác. Không thể từ cái di sản đó tiếp thêm sức mạnh trong cuộc chiến đấu giành một chỗ đứng trên thế giới.

Những tác phẩm đã đóng góp vào việc nâng cao trình độ học thức của người Trung Quốc thật là nhiều, nhưng với các nhà của ta, hình như các ông ấy chỉ biết mỗi một mình Khổng Tử.

Đạo Khổng dưới dạng một món hàng xuất khẩu mang sang nước An Nam đã gây tai hại: Các nhà Nho ta muốn Khổng hóa tất cả những gì nằm trong tầm mắt của họ, giải thích mọi thứ theo cách hiểu hẹp hòi của họ.

Hiểu biết của ta về các vấn đề Trung Hoa, về nền văn hóa Trung Hoa còn rất xa yêu cầu hiểu biết thực sự (Những người đã hiểu thấu đáo văn hóa Trung Hoa có đủ trình độ để tiếp thu mọi luồng tư tưởng của nhân loại). Cũng như, cho đến nay, chưa có một người Việt Nam nào tiếp thu đầy đủ ý nghĩa của văn hóa Pháp.

Nguyễn An Ninh
Lý tưởng của thanh niên An Nam, 1924

Ích kỷ và khôn vặt

Cái tật ích kỷ vốn là một thứ hay lây. Trông thấy những vườn hoa cây cảnh ở sân nhà trường hay ở nơi đền chùa, hoặc cạnh đường đi lối lại, đã không biết giữ gìn để làm một cái cảnh vườn chung thì chớ, nhiều người lại còn đang tay bẻ tàn bẻ hại, để đem về nhà mà chơi thích chí lấy một mình. Cái chứng ích kỷ đã mọc ra, đến lúc lớn lên thành ra một người đi đến đâu phá hủy đến đấy. Cũng vì lẽ đó mà dân An Nam không mấy khi có được cảnh vui chung[1], ai có muốn chơi cảnh thì lại phải xây một vài cái bể cạn hay là bẩy mươi lăm cái chậu con để làm một khu vui riêng mà không chung chạ với ai cả. Dần dần nảy ra một cái tư tưởng đáng cười, đáng khinh, đáng ghét, đáng sợ là hai chữ ích kỷ, mà một câu *"ăn cỗ đi trước lội nước đi sau"* đủ vẽ hết được ruột gan.

Nguyễn Đỗ Mục
Đông Dương Tạp Chí, 1914

Vụng nói chuyện

Ai có ý đến những nơi họp tập, hoặc là chỗ chơi bời thì thực là buồn thay cho cái trí dục của những người đời nay. Ngoại giả chuyện cô đầu, chuyện cờ bạc, chuyện hát tuồng, chuyện chim chuột, chuyện quần áo còn thì không mấy khi được nghe những câu chuyện lý thú, làm tỏ được học vấn kẻ nói, lợi được trí khôn người nghe.

1. Tức là không có các loại công viên hoặc khu giải trí công cộng.

Mà xem như trong cách nói chuyện, thì thiếu niên[1] ta nghe lại có ý thích những câu chuyện tầm thường, nói chuyện để mà khoe cho người nọ người kia biết cái cách của ta chơi xa xỉ hoặc là kỳ khu[2]... Ai ăn nói có tư tưởng có tỏ học vấn thì thường người nghe thích nhưng ít cầu, vì câu chuyện có nghĩa, làm cho phải nghĩ, phải đối đáp nhọc mệt... Người nói chuyện hay, cũng có kẻ phục là người có ích, nhưng trong cái phục có cái ghen có cái ghét. Ghen là vì ở đâu đến cướp mất tai kẻ nghe, ghét là vì ở đâu đến làm tỏ cái nhàm của câu cười cợt tầm thường người ta đang thú.

Nguyễn Văn Vĩnh

Đông Dương Tạp Chí, 1914

Tật huyền hồ sáo hủ[3]

Xét trong văn chương, xảo kỹ nước Việt Nam, điều gì cũng toàn là huyền hồ giả dối hết cả, không cái gì là thực tình... Thời tiết nước mình thì không biết một chút chi chi, tả đến tứ thời thì xuân phải *phương thảo địa*, hạ phải *lục hà trì*, thu phải *hoàng hoa tửu*, đông phải *bạch tuyết thi*[4]. Thành ra đến câu hát cũng hát cho người, cảnh nhà mình thì như mắt mù

1. Hồi đầu thế kỷ XX, chữ thiếu niên không phải dùng để chỉ lớp thiếu nhi từ 10 đến 14 tuổi như bây giờ. Mà có nghĩa là người trẻ tuổi, tức lớp thanh niên 18 tuổi trở lên.
2. Tỉ mỉ, mất nhiều công sức.
3. *Huyền* là sự gì lơ lửng không dính vào đâu; *hồ* là lời nói càn; *sáo* là lời dựa theo khuôn có sẵn; *hủ* là lời khoe khoang; bốn chữ này ghép lại chỉ sự ăn nói, lời nói linh tinh, trống rỗng, giả tạo.
4. Vùng đất đầy cỏ thơm, ao sen xanh mướt, rượu hoàng hoa và thơ tả tuyết trắng.

tai điếc. Mượn chữ người, mượn đến cả phong cảnh tính tình chớ không biết dùng cái vật liệu mượn ấy mà gây dựng lấy văn chương riêng cho nó có lý tưởng đặc biệt.

Người Việt Nam lý hội[1] điều đẹp cũng có một cách lạ. Sách Tàu tả người đẹp môi son mắt phượng, mày ngài khuôn trăng mình liễu thì bao giờ tả người đẹp ta cũng cứ thế mà tả.

Nguyễn Văn Vĩnh

Tật huyền hồ sáo hủ, *Đông Dương Tạp Chí*, 1913

Lối nghĩ rập khuôn

Chế độ khoa cử của lịch triều[2] phỏng theo chế độ khoa cử của Trung Quốc chỉ nhằm một mục đích tuyển những người tôi tớ không trung thành mà từ tâm tình đến tư tưởng đều đã tuân theo luật ngu dân của các vì vua chúa. Khoa cử với những chương trình chỉ chuyên chú vào lối văn chương phù phiếm kinh điển xa xôi moi ra từ trong dĩ vãng với những trường quy rắc rối tỉ mỉ, là một phương pháp rất hiệu nghiệm của vua chúa Trung Quốc và vua chúa Việt Nam bắt dân gian nghĩ theo một lối nhất định, cảm theo một lối nhất định và hành động theo những nguyên tắc nhất định. Nên trong hàng quan lại của lịch triều thật ít người được lỗi lạc; cũng như trong đám sĩ phu Việt Nam không có một người nào sáng lập ra được một học thuyết nào dù đã nấu sử sôi kinh hàng chục thế kỷ liên tiếp; cũng như không một người nào khởi xướng

1. Hiểu, quan niệm.
2. Các triều đại kế tiếp nhau.

ra được một thuyết chính trị nào đặc sắc cả dù đã kinh qua bao cuộc biến thiên chính trị lớn lao.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Chỉ biết theo duổi những giá trị tầm thường

Danh dự là có tài có đức có công nghiệp[1] có khí tiết thật, còn kẻ chạy theo hư vinh chỉ lo đâm đầu đâm đuôi chạy xuôi chạy ngược để cầu cạnh chen chúc, làm sao cho có được cái mã ngoài ấy thì tất là lộn sòng với cái chân giá trị. Nào trong xã hội mấy ai là người biết cân nhắc so sánh cái chân giá trị của người ta, mà vẫn thường lầm cái hư vinh là cái danh dự thực! Hỏi trọng gì, ắt là võng lọng cân đai; hỏi quý ai, tất là ông cả bà lớn; hỏi cái gì là sang, tất là xe ngựa lâu đài ngọc ngà gấm vóc; hỏi cái gì là sướng, tất là ăn trên ngồi trốc, nhận lễ thu tiền. Rồi xu phụ khéo luồn lọt bợm để cầu vinh, ấy là người giỏi; giết người tợn tâng công khỏe để cầu vinh, ấy là người tài; lắm quan thày tốt, thần thế lo gì cũng xong xin gì cũng được, ấy là anh hùng; nạt con em ức hiếp hàng xóm, anh làm ông nọ, em làm ông kia, ấy là nhà có phúc; khao phẩm hàm, vọng[2] ngôi thứ, ấy là vẻ vang; cổ kim khánh, ngực mề đay ấy là danh giá. Một người như thế, trăm người đều như thế, đời trước như thế mà đời sau cũng như thế nốt!

Dương Bá Trạc
Tiếng gọi đàn, 1925

1. Cũng tức là sự nghiệp.
2. Nộp tiền hay lễ vật cho làng để có ngôi thứ.

Dễ tin nhảm

Dân ta tin rằng: Đất có thổ công, sông có hà bá, cảnh thổ[1] nào phải có Thần Hoàng ấy, vậy phải thờ phụng để ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc sự thần[2] một thịnh.

Muôn sự ở đời, do ở sức người làm ra mới gọi là tài trí, nếu cứ cậy về quỷ thần thì sức người chẳng hóa ra hèn đốn lắm ru?

Xem như ở các nước Âu châu, trừ ra thờ Giáo tổ[3] là để tỏ lòng kỷ niệm, còn không có đền thờ thánh nào, không nhờ đến sức âm phù mặc hộ[4] bao giờ, vậy sao mà nước nào cũng thịnh vượng. Mà Á Đông này thờ thần thành kính là thế, sao thần lại chẳng phù hộ cho giàu mạnh bằng các nước đi? Một lẽ ấy đủ làm chứng cho sự ta tin nhảm.

Thiết tưởng chỉ những miếu trung thần nghĩa sĩ và miếu những bậc đại anh hùng hào kiệt thì mới đáng nên thờ. Mà thờ thì là để để tỏ cái lòng kỷ niệm, chớ không phải thờ mà cầu phúc. Ta nên coi cái miếu đó như một tượng đồng của người châu Âu.

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Hay tự ái và thích chơi trội

Người Việt rất hay tự ái. Không mấy khi họ thú thật nỗi cực nhọc từng phải chịu. Nhưng tính tự ái thường đi đôi với tính

1. Nơi chốn, đất ở.
2. Thờ thần.
3. Chỉ Jesus Christ.
4. Sự trợ giúp âm thầm.

khoe khoang. Họ dễ kiêu căng. Ở nông thôn vấn đề thể diện có một tầm quan trọng xã hội hàng đầu. Người nông dân rất thích nổi bật trước mắt kẻ khác, và thích nên danh nên giá. Để chiếm được một vị trí tốt giữa những người trong cùng cộng đồng, nói chung là để thỏa mãn tính hiếu danh, họ chẳng lùi bước trước một điều gì. Họ sẵn sàng nhịn hẳn thịt cá và các món ăn ngon lành trong cả năm, hay mặc những bộ quần áo vá chằng vá đụp, chỉ cốt để có tiền tổ chức những bữa khao vọng linh đình nhân được thụ phong một loại bằng sắc nào đó.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

Nói liều nói ẩu

Không biết nói không biết, đó là nghĩa vụ thứ nhất của người muốn học muốn hiểu. Đằng này nhiều người ở ta lại làm như trong thế giới này cái gì cũng rõ ràng minh bạch, tựa hai lần hai là bốn. Ai không tin là thế, họ liền phê cho hai chữ: thần bí; hai chữ ấy trong trí họ tức là ngu xuẩn điên rồ. Họ không ngờ rằng họ lại thần bí hơn ai hết.

Có những vấn đề xưa nay bao người tài giỏi suốt đời nghiền ngẫm chưa tìm ra manh mối. Thế mà cái điều một ông Pasteur một ông Einstein không dám nói, ngày nay ở xứ ta những cậu học sinh vừa mới bước chân ra khỏi trường Sơ học[1], đã giảng giải được lên sách, lên báo, theo những phương pháp cuối cùng của khoa học. Thế giới còn chờ gì mà không khắc bia xây tượng để đền ơn họ.

1. Như trường tiểu học hiện nay.

Nói chơi vậy thôi, chớ cái việc họ làm đó là một sự tủi nhục vô cùng cho nòi giống. Cả một đám thanh niên chưa có lấy cái học phổ thông cũng tấp tểnh chạy theo những lý thuyết cao thâm của siêu hình học. Có lần chúng tôi thấy một thiếu nữ trước đâu mới học đến lớp ba lớp tư gì đó đương hăng hái giảng giải về duy tâm và duy vật. Chúng tôi chán ngán không biết nên khóc hay nên cười. Thực là một cái họa!

Hoài Thanh
Một cái họa, *Văn chươngvà hành động,* 1936

Không theo cái gì tới cùng

Tôi tin rằng đất Đại Cồ Việt ta là cái đất cằn cỗi, những lý thuyết và tư tưởng đâu đâu, tốt đẹp thế nào mặc lòng cũng cứ đến đây là thành thối nát. Tôi không tin dân An Nam ta lại có nổi một điều tín ngưỡng nào, một quan điểm chắc chắn gì. Bởi thế con người Âu hóa cực đoan ấy chỉ Âu hóa được ở cái lỗ mồm mà thôi. Và than ôi! Suy một người ra ngàn người, suy một sự ra vạn sự.

Vũ Trọng Phụng
Từ lý thuyết tới thực hành[1], *Tao Đàn, 1939*

Không thiết chuyện gì

Người nước ta, đối đãi với nhau một cách nghiêm khắc, trách bị nhau những chuyện nhỏ nhặt. Ngoài sự hư danh, mối tiểu lợi, nhất thiết hoài nghi cả, không thiết chuyện gì; phàm

1. Đây là tên một truyện ngắn của Vũ Trọng Phụng, trong đó kể về một nhân vật nói một đằng làm một nẻo, tuyên truyền cho một quan niệm mới nhưng sống thì hoàn toàn ngược lại.

những sự nghiệp lớn lao, những chủ nghĩa cao thượng cho là viển vông, không biết đem lòng ham chuộng, không biết dốc chí theo đuổi.

Tật thứ nhất của dân mình là hay xét nét. Bới lông tìm vết, người nọ dùng trí khôn để dò xét người kia. Xã hội như cái sa-lông, đông khách ngồi, nhưng cứ rụt rè mà nhìn nhau, ngoài những lời thăm hỏi vẩn vơ, những câu hàn huyên vô vị, không gây nên được câu chuyện đượm đà hứng thú.

Phạm Quỳnh

Hoàn cảnh, *Nam Phong,* 1924

Nạn "thần mãn"

An Nam vốn là một nước nhiều thần nhất thế giới. Cái vạ thần mãn[1] kéo dài mấy trăm mấy ngàn năm nay làm hại bao nhiêu trâu bò gà lợn… của chúng ta. Đành rằng cũng có nhiều ông thần có công với dân, đáng để cho dân kỷ niệm, song cũng vô số thần cực kỳ bẩn thỉu dơ dáy, thí dụ như ông thần Cường Bạo đại vương chẳng hạn, nếu còn sống chắc phải đầy đi Côn Lôn. Thế mà chúng ta cứ thờ bừa đi, lễ bừa đi, há chẳng oan cho cái đầu cái cổ.

Ngô Tất Tố

Phải hỏi ngôi đền ấy thờ ông thần nào đã, *Thời vụ,* 1938

Khổ vì hội hè

Xét cái tục hội hè của ta, rước xách rất phiền phí, ăn uống rất lôi thôi, chơi bời rất chán chê, tiêu pha rất tốn kém, thực

1. Quá nhiều thần, thừa thần; cũng như nạn nhân mãn là quá nhiều người, thừa người.

là hại của mà lại mua lấy cái khó nhọc vào mình. Đã đành mở hội trước là trọng việc sự thần[1], sau là cầu vui cho dân, nhưng trọng mà rước xách tế bái lắm hóa ra khổ. Hội đến hàng tháng, chịu làm sao cho được?

Vả lại đã gọi là hội, trừ ra việc đóng góp việc ăn mặc cũng đã tốn kém nhiều rồi, còn ngần nào chơi bời, ngần nào cờ bạc, con em bỏ công bỏ việc để ở nhà đi hội, chẳng những vô ích mà lại hại thêm cho làng nữa.

... Xưa nay chỉ mấy người hào trưởng[2] trong làng sính mở hội vì họ có nhiều món lợi riêng, như mở tổ tôm điếm, bài phu điếm[3], hoặc gá bạc để lấy hồ[4] v.v.. Họ mượn tiếng sự thần, kỳ thực là cầu tư lợi. Mà khốn nạn cho dân đàn em lại phần nhiều là ngu xuẩn, nói đến việc sự thần không ai dám gàn trở gì nữa, dẫu khổ cực thế nào cũng phải nhắm mắt chịu. Nếu ai gàn trở thì sợ thần quật chết tươi. Mà thần chẳng quật, bọn hào trưởng cũng quật, tội nghiệp!

Phan Kế Bính

Việt Nam phong tục, 1915

Lễ nghi phong tục phiền phức

Trong xã hội ta ở chốn thôn quê ngày xưa, gần hết mọi người dầu là không học mà trong sự cư xử hàng ngày cũng không lạc ra ngoài đường gia tộc luân lý. Tiền nhân ta nhiễm

1. Thờ phụng.
2. Người có thế lực trong làng.
3. Những địa điểm ăn chơi.
4. Tiền người đánh bạc nộp cho chủ sòng.

cái học chuyên chế của Tàu, đặt ra những phong tục lễ nghi rất là phiền phức, đặt ra trật tự thượng hạ tôn ti bằng cái công quyền công chức, khiến con người ta có cũng như không, sống cũng như chết…

Nam Cố

Sự biến đổi của hương thôn từ xưa đến nay, *Nam Phong*, 1923

Mê tín cốt để cầu lợi

Dân quê rất tin phong thủy. Tín ngưỡng quỷ thần, phụng sự tổ tiên đều có hàm một tính cách ỷ lại vào sức màu nhiệm vô hình của khoa phong thủy mà cầu lợi. Họ yên trí rằng cái số phận dân làng may rủi hay hèn đều theo hướng đình, con cháu cường thịnh hay suy vong đều trông vào ngôi mộ tổ. Chỗ đình chùa trong dân thôn còn bị chi nọ chi kia ràng buộc, không mỗi chốc di đi dịch lại được, chớ như trong một nhà thì nắm xương kẻ chết bị họ đào lên chôn xuống luôn luôn, hòng nhờ sự kết phát để cầu đinh tài[1], quyền chức. Bảo họ dùng nắm xương cha mẹ làm mồi cầu phú quý, thực không oan.

Ngô Tất Tố

Họ lại kiếm ăn vào nắm xương khô, *Thời Vụ*, 1938

Tín ngưỡng xen lẫn hoài nghi

Tín ngưỡng của người Việt không có tính cách đơn thuần. Họ nhận thức rằng trong vũ trụ có những lực lượng có thể

1. Đinh: con trai, tài: tiền của.

nguy hại tới họ, nên họ tìm cách ngăn ngừa. Không rõ các lực lượng âm thầm tác động ra sao nên họ tế lễ để cầu yên. Đối với họ, ông thánh nào cũng thiêng, ông thần nào cũng mạnh, Phật tổ Lão tổ đều là bậc thánh thần cả, bởi vậy họ phải kiêng sợ mà lễ bái để cầu lợi lộc. Thực ra trong trí họ vẫn lởn vởn ít nhiều hoài nghi. Đem chứng nghiệm với cuộc đời thực, họ thấy uy quyền của Thần Phật có mà cũng lại không. Thái độ lưng chừng và thiết thực làm họ dung hòa được các tôn giáo. Họ không có một tín ngưỡng vững chắc nào cả.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Tư tưởng khư khư đóng cửa ngăn sông

Thời bây giờ quá chuộng văn chương, tư tưởng phần nhiều chật hẹp, học thuật nông cạn chỉ cứ khư khư đóng cửa ngăn sông, không biết giao thiệp với người các nước, để học hỏi thâu thái lấy cái văn hóa nước ngoài. Các bực học thức sớm có tư tưởng cao xa rộng rãi, biết nước nhà cần phải mở mang học thuật rộng lối giao thông[1], mới đứng vững được cùng các nước, đã nhiều lần bàn đến, mà không ai kẻ biết nghe. Tình thế bây giờ đâu có lấy văn chương hoạt bát với những lời ứng đối tinh ma mà đối phó với các nước được.

Nguyễn Khắc Bình
An Nam Tạp Chí, 1931

1. Tức có sự giao lưu tiếp xúc với các nền văn hóa khác.

Kém óc khoa học

Trong đám trí thức chúng ta đã có nhiều kẻ tự nhận mà tuyên bố lên rằng người Việt Nam thiếu óc phê bình, không có óc khoa học. Rồi coi ai cũng thim thíp chịu cả, ai cũng làm thinh, không cãi lại. Phải, chịu chứ còn cãi sao được! Các sách Nho ta thường học mở ra thấy đầy những chữ như là tam tài, tam quang, ngũ luân, ngũ hành[1]... còn bao nhiêu nữa không kể hết - mới nghe như là rành về óc phân loại lắm mà kỳ thực nào có phải. Những chữ số mục trên một danh tờ ấy chẳng qua bởi người ta thấy cái gì được đến đâu thì kể đến đó, chứ chẳng phải có chủ ý làm một sự phân tích cho hợp với lẽ đương nhiên.

Trong lúc nền học thuật nước ta bắt đầu độc lập, tôi thấy như ai nấy có khuynh hướng về văn học hơn khoa học. Ấy là cái hiện tượng đáng cho chúng ta không lấy làm mãn ý. Có người đã ví văn học và khoa học như hai cánh chim, chích[2] một không bay nổi. Chuyên chuộng văn học thì lâu ngày nó sẽ thành ra vô thực dụng, cái gương Hán học hồi trước vẫn còn treo mãi cho chúng ta.

Phan Khôi

Người Việt Nam và óc khoa học, *Tao Đàn,* 1939

1. *Tam tài:* trời, đất, người; *tam quang*: mặt trời, mặt trăng, sao; *ngũ luân*: năm mối quan hệ là vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè; *ngũ hành*: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.
2. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của giải thích chích có nghĩa là lệch nghiêng; chích cánh là gãy cánh, còn có một cánh, cũng là lẻ đôi, chích bạn.

Trí tưởng tượng nghèo nàn…

Cách tin của người An Nam ta là một cách tin kỳ ngộ quá. Người nước ta tin có bụt có trời, cũng như tin có thần thánh yêu ma, nhưng không phân biệt không nghĩ tách bạch ra xem cái mình tin nó như thế nào. Thường thì cứ cho rằng ngoài cái nhân gian hiển hiện ra trước mắt này, lại có một cảnh tượng khác nữa không nom thấy, nhưng tựa hồ cùng khuôn với thế giới, cũng có hay có dở có chính có tà, có người quân tử có kẻ tiểu nhân, cũng có quan ăn tiền nhận lễ đổi trắng thay đen, cũng có cả đến thằng lính tuần lính lệ bịch ngực[1] lấy tiền, cho vài ba hào biếu cái quà mọn mới vào lọt cửa. Tin thế thì tin chớ cũng không vỡ nhẽ tại làm sao mà có cái cảnh ngoài thế giới ấy, mà có thì cảnh ấy ở ra như thế nào[2] trong vũ trụ. Bởi chưng có trí tín hồ đồ như thế, cho nên nhiều khi trong những việc tin có nhiều điều trái nhau mà không biết, cứ chịu cả là thực.

Nguyễn Văn Vĩnh
Hương Sơn hành trình, *Đông Dương Tạp Chí*, 1914

Óc tồn cổ

Trong làng, hễ động mưu công cuộc gì thoát ra ngoài lề lối tục lệ trong làng người ta đều bị coi như những sự quái gở, những tội ác đáng phạt. Khi óc tồn cổ tha hồ còn hoành hành thì bao nhiêu sáng kiến đều bị dìm dập.

Hoàng Đạo
Bùn lầy nước đọng, 1939

1. Đấm vào ngực.
2. Nói như ngày nay: tồn tại như thế nào, diễn biến như thế nào.

Không biết tôn trọng quá khứ

Những chốn ăn chơi của Hà Nội là nhất Bắc kỳ, cái đó rành rành không ai chối cãi. Nhưng chúng ta phải buồn phiền mà nhận ra rằng những hiệu cao lâu[1] có danh và bền vững đều là của người Tàu. Về cách tổ chức một chốn ăn, về danh vọng của một ngôi hàng cơm, thật quả chúng ta không có nền nếp, tục lệ và quy củ. Hồi Hà Nội còn là kinh đô của vua Lê chúa Trịnh chắc cũng còn nhiều quán rượu tươm tất do người mình chủ trương. Nhưng bây giờ vết tích còn đâu? Cái quán rượu mà cụ Nguyễn Du lúc còn trẻ tuổi đã dắt ba bốn người bạn vào uống và bàn chuyện về lũ kiêu binh, cái quán ấy chẳng hạn mà còn đến bây giờ, còn cả bộ trường kỷ Nguyễn Du đã ngồi thì hẳn là một chốn đáng cho chúng ta trọng vọng dường nào.

Thạch Lam

Hà Nội băm sáu phố phường, 1940

Một cách hối lộ cổ nhân

Kỷ niệm cổ nhân, nói cho đúng sự thực không vì cổ nhân đâu, chỉ vì cái xã hội của người kỷ niệm vậy. Nước mình từ xưa, cõi tư tưởng vẫn bị thần quyền cai trị. Đối với những đấng anh hùng hào kiệt qua đời, mình cho là sống khôn chết thiêng nếu không cúng vái, các đấng ấy sẽ làm cho hại cho tàn, vật chết người chết. Vì thế phải cúng vái để trước là tránh, và sau là cầu phúc. Đấy là một cách đem hối lộ mà đút cho cổ

1. Cửa hàng ăn loại tương đối lớn.

nhân. Kỷ niệm bằng cách ấy nên hiện nay ở nước ta, các nơi thờ anh hùng hào kiệt phần nhiều đã thành nơi tụ họp của một bọn tin thần sợ quỷ...

Ngô Tất Tố
Đông Pháp, 1931

Đời sống tôn giáo hời hợt

Mặc dầu sự có mặt của vô số ma quỷ và thần linh, người Việt vẫn có một đời sống tôn giáo không lấy gì làm sâu sắc cho lắm. Người ta chỉ có những niềm tin mơ hồ về linh hồn về sự sống ở thế giới bên kia về các thần. Một số lớn thần được định tính không rõ ràng và thường thường là phi nhân cách. Không có sự giáo dục tôn giáo cụ thể, cũng như không có sự tuyên truyền tôn giáo có tổ chức.

Mọi người chỉ cầu tới tôn giáo do nhu cầu vật chất. Ở một số trường hợp, người ta tìm kiếm một kết quả trước mắt như khỏi bệnh, có con, có tiền tài. Người ta cũng cầu thần để cho đời sống một người đã khuất ở thế giới bên kia được dễ dàng, để thi đỗ, để nhanh chóng trong một việc, để đi xa một chuyến được bình yên v.v.. Thường thường trong ý thức dân gian, tôn giáo được quy lại chỉ còn là một lô thực hành thờ cúng đã trở thành bắt buộc. Lễ nghi là tất cả, nó đôi khi bao gồm những nghi thức rắc rối hoặc núp dưới một hình thức long trọng có tính cách bề ngoài.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

Con người thiên về u buồn sầu não

Sự đơn điệu tẻ nhạt của cảnh sắc thiên nhiên, tính chất chu kỳ của thiên tai, sự cách biệt của các nhóm người, sự phân chia nam nữ, nền giáo dục khắc nghiệt và khô khan khiến người Việt thiên về u buồn và sầu não.

Cá nhân bị giam hãm một cách chặt chẽ và giả tạo trong những khuôn khổ cứng nhắc như gia đình và làng mạc đến nỗi họ không quan niệm nổi họ có khả năng hành động một mình.

Vì thế khi môi trường chung quanh không còn giữ họ lại bằng những mối ràng buộc thông thường mà lễ giáo quy định, người ta dễ đắm mình vào những bài hát buồn bã u sầu, khiến mọi nỗ lực trí tuệ tiêu tán.

Nền văn hóa vốn thấm nhuần lòng từ bi Phật giáo cũng góp thêm phần dồn nén các dục vọng cá nhân. Rồi quan niệm siêu hình của đạo Lão khiến nhiều tác giả thiên về một cái nhìn bi quan sâu sắc và một sự mỉa mai chua chát. *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Thu dạ lữ hoài ngâm* cũng như tác phẩm của Trần Tế Xương, Trần Tuấn Khải, Nguyễn Khắc Hiếu chỉ là những tiếng vọng của nỗi đau nhân loại.

Trong nhiều tác phẩm khác, ta luôn luôn thấy cùng những đề tài giống nhau về nỗi đau khổ, ước mong và hối tiếc, phản ánh tất cả sự dồn nén tinh thần của cá nhân, hoặc gần như vậy, sự sợ hãi muôn thuở của một kiếp người bấp bênh, một cuộc sống chật hẹp.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

IX
QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI VÀ NGƯỜI

Không ai hết lòng với ai

Tôi xem trong xứ ta tính người đổi nhiều lắm, tục tốt ít ưa, tục quấy hay thích. Tục tốt là thương yêu nhau, thấy ai mạnh thì vui, thấy ai khổ thì thương. Còn quấy là ganh hiền ghét nhỏ, gièm phải đua quấy[1], thấy ai giỏi hơn, giàu hơn sang hơn thì không ưa, thấy ai dở hơn, nghèo hơn, hèn hơn mình thì khinh bạc chê bai; những điều quấy như vậy xem ra tiệm[2] đủ gần hết. Coi ra cho kỹ thì ai lo phận nấy, ai chẳng cần ai, sang với nghèo, đãi nhau không hậu tình. Tệ nạn mỗi ngày mỗi thêm, làm sao cho khỏi bị người các nước khác khinh khi. Cũng bởi vì mình ở với nhau còn không phải không tốt thay, hà huống gì với nước khác, bảo người vì mình sao đặng?

Lương Dũ Thúc

Nông Cổ Mín Đàm, 1901

Tham lợi riêng

Chứng bệnh ấy người các nước tuy có ít nhiều nhưng người nước ta 25 triệu ai nấy cũng có. Tục ngữ có câu: "Cơm ai đấy nồi nấy", lại có câu "Thủ thân bất độ, độ hà thân"[3], lại

1. Hùa theo điều xấu.
2. Tạm.
3. Không cứu vớt thân này thì cứu vớt thân nào?

có câu rằng "Con vua vua dấu con chấu chấu yêu". Đọc bấy nhiêu lời thì biết rằng trong ruột người nước ta viết dọc viết ngang, vạch xuôi vạch ngược chỉ có một chữ tham mà ở trong chữ tham chỉ có vài nét lợi riêng là vừa hết bút mực.

Phan Bội Châu
Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Chỉ biết cạnh tranh trong những việc tầm thường, lặt vặt

Cạnh tranh là một cái tính phổ thông của nhân loại, những bậc danh nhân kiệt sĩ đua tài chọi sức, chẳng là vì cái danh thực mà cạnh tranh đấy ư? Những bậc phú hào bên các nước Âu Mỹ làm nên cho dân được thịnh nước được giàu, chẳng là vì một cái lợi to mà cạnh tranh đấy ư?

Nay hỏi đến cách cạnh tranh của người mình thế nào? Đi học thì cạnh tranh nhau cầu được học bổng nhiều, mà trí thức rộng hẹp phẩm hạnh thấp cao lại không hề cạnh tranh đến. Làm quan thì cạnh tranh nhau cầu cho được tiền nhiều chức lớn, mà đạo đức tốt xấu, chính tích hay hèn[1] lại không hề cạnh tranh đến. Ở trong làng thì cạnh tranh nhau chỗ ăn chỗ ngồi, ngôi trên ngôi dưới, ngoài cái đó không hề so sánh hơn thua, ai thiện ai ác, ai hiền ai ngu[2]. Ra ngoài đường thì cạnh tranh nhau kẻ khó người giàu, manh quần tấm áo, ngoài cái đó không hề phân biệt ông hay là thằng, bà hay là

1. Việc làm của các quan chức trong khi thi hành công vụ, kẻ hay người dở.
2. Hiền ở đây có nghĩa người khôn ngoan có đức hạnh chứ không phải là hiền lành, dễ dãi; và ngu có nghĩa ngược lại.

con nữa. Làm ruộng thì cạnh tranh nhau tấc ruộng thước vườn, mẩu bờ tí nước, mà đến những đồng bãi mênh mông, kể hàng ngàn hàng muôn mẫu thì có ai nhìn. Buôn bán thì cạnh tranh nhau luồn lỏi mua cho được, mánh khóe bán cho trôi, mà đến những đại tôn giao dịch[1] kể trăm thứ ngàn thứ hàng thì có ai biết. Làm thợ thì cạnh tranh nhau bán rẻ phá giá làm điêu[2], đỡ công mà chưa từng có được một cái đoàn thể đồng nghiệp cho hẳn hoi, để khoáng trương[3] lợi ích. Ấy sự cạnh tranh của người mình toàn có một cái mục đích nhỏ nhen hèn hạ như thế cả. Thế mà cạnh tranh hăng hái dữ tợn cũng chẳng khác gì người các nước họ cạnh tranh vì cái danh thực, cái lợi to.

Dương Bá Trạc
Tiếng gọi đàn, 1925

Không biết giữ chữ tín

Không giữ chữ tín thì anh lừa tôi, tôi lừa anh, trăm chuyện sẽ nát, tinh thần xã hội tan rã (...) Bất tín lớn nhất: một là dối trá. Nhiều người nước ta vụng trong đường mưu sinh[4] nhưng lại giỏi dối trá giả mạo. Hai là bội ước các quy chế, chương trình, mà lại làm ra vẻ tuân hành. Nói mười không giữ được hai ba. Ngay khi ký quy ước đã không có ý thực hiện, cứ ký bừa, bất kể sau này ra sao. Cho nên quy ước chưa ráo

1. Nguyên nghĩa đại tôn là dòng họ lớn, đây chỉ những người có vai vế và nổi tiếng trong nghề.
2. Gian dối, man trá.
3. Tương tự như khuếch trương.
4. Kiếm sống.

mực mà như đã bỏ đi. Còn như ước miệng[1] thì chỉ là "nói láo mà chơi nghe láo chơi" (...) Những thói xấu ấy đầy rẫy mà cứ điềm nhiên không cho là quái gở.

Trần Chánh Chiếu
Lục Tỉnh Tân Văn, 1908

Bệnh giả dối quá nặng

Tục ngữ có câu nói rằng "Trăm voi không được một bát nước xáo"; lại có câu rằng "Mười thóc không được một gạo". Xem đó mới biết tính chất người nước ta chứng bệnh giả dối là một chứng rất nặng. Sĩ[2] hay giả dối thì tìm tòi đạo lý không cậy óc mà cậy tai[3]; nông hay giả dối thì cày cấy ruộng trưa[4], không cậy người mà cậy đất[5]; công hay giả dối thì phấn sức lừa đời mà không cầu thực dụng; thương hay giả dối thì đua nhau bòn vặt mà mất cả lợi to, thậm chí mượn đạo đức làm lối cầu danh mà trát vàng ở ngoài mặt, mượn nhân nghĩa làm mối cầu lợi mà xức mật ở đầu môi. Chẳng những ngoài đối với xã hội trên đối với quốc gia, gốc cây trăm năm đủ bị con mọt giả dối kia đục đổ, bức thành muôn dặm đã bị con mối giả dối kia xoi[6] tan; mà lại trong đối với một nhà, dưới đối với một mình cũng mắc con ma bệnh giả dối đo đục thấu

1. Thỏa thuận miệng.
2. Sĩ nông công thương: bốn loại người trong xã hội.
3. Ý nói chỉ nghe hóng mà không chịu suy nghĩ.
4. Mãi trưa mới ra ruộng.
5. Dựa vào đất đai màu mỡ chứ không dựa vào lao động chăm chỉ.
6. Làm cho thủng.

cao hoang[1], khoét vào cốt tủy, tay dối lòng, miệng dối dạ, ăn bánh vẽ mà toan đầy bụng, mặc áo giấy mà đi với ma, kết quả không việc gì là việc thật…

Phan Bội Châu
Cao đẳng quốc dân, 1928

Khiêm nhường giả, kiêu căng thật

Có sao nói vậy mới là ngay thật. Vẫn biết tự khiêm là một nết tốt, song làm người có sự tự tin thì mới ra người. Cái chỗ mình đã tự tin rồi mà nói ra không dám tỏ ý quả quyết, thì lại thành ra giả dối, mất sự ngay thật đi.

Người nước mình đã giả dối có tiếng, mà trong đám học thức, cũng lại giả dối quá người thường. Thật bụng thì kiêu căng tự phụ, coi người ta nửa con mắt, mà nói làm ra bộ khiêm nhường, theo lời tục nói, ở nhà như con tép. Cái sự tự khiêm giả dối ấy mỗi ngày một thêm lêm, làm cho sự tự tin mất đi; dần dần chẳng có ai dám chịu trách nhiệm trong việc gì hết, mà ai ai cũng thành ra hiền nhân quân tử hết, vì chỗ tự khiêm đó. Đó là cái bệnh di truyền mà Tống Nho đã để lại.

Phan Khôi
Sự ngay thật của học giả, *Phổ Thông,* 1930

Ưa nịnh

Người mình xưa nay vẫn chưa quen chịu người ta phê bình. Ai làm được quyển sách quyển vở nào, đem ra giới thiệu với công chúng thì chỉ muốn khen, chứ không muốn người ta

1. Chỗ trọng yếu trong con người.

chê, rồi hễ thấy người ta bẻ bắt điều gì là mích lòng và không hiểu rằng "Người dạy ta mà phải là thày ta, người trách ta mà phải là bạn ta". Bởi vậy người phê bình cũng không muốn phê bình, mà sự học cũng không tiến bộ được.

Trần Trọng Kim

Mấy lời bàn với Phan tiên sinh về Khổng giáo, 1930

Chỉ biết lo thân

Công tâm[1] là một thứ khó tìm thấy ở mọi người. Nghĩ cho cùng không nên trách dân quê là thiếu công tâm, vì họ phải sống trong một đời thiếu yên ổn về mọi phương diện bắt buộc họ phải nghĩ đến mình trước đã. Và chăng trước mắt họ nào có ai treo một tấm gương sáng về việc nghĩ đến cái chung?!

Vũ Văn Hiến

Mấy nhận xét nhỏ về dân quê Bắc kỳ, *Thanh Nghị,* 1944

Nhiều trò quảng cáo bỉ ổi

Người ta khoác bộ áo phê bình để thực hành cái dã tâm tâng bốc lẫn nhau, quảng cáo lẫn nhau. Anh Giáp viết đến mấy kỳ báo ca tụng "văn nghiệp "(!) của anh Ất[2]; rồi anh Ất để thết lại, viết hàng mớ bài tán dương về văn tài về tác phẩm của anh Giáp. Nhưng bạn đọc, giá chịu khó tò mò đôi chút, sẽ biết rõ ngay hai anh ấy là bạn nối khố của nhau, lợi dụng tờ báo để công kênh nhau lên chín tầng mây biếc. Đáng

1. Ngày nay có nghĩa ngay thẳng không thiên vị, nhưng trước đây hiểu là sự lo lắng cho công việc chung.
2. Cũng như ngày nay hay nói anh A anh B, anh X anh Y.

tức cười hơn nữa, cùng trong một tòa soạn, trong một đoàn văn, họ lại vẫn giở ngón quá chướng là phê bình tác phẩm của nhau với một giọng khen ngợi hết lời, hoan hô nhiệt liệt.

Hoa Bằng
Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta, *Tri Tân*, 1942

Hiếu danh đến mất tự trọng

Dân ta là một dân rất hiếu danh, mà hiếu *hư danh*, tật đó dẫu người nông nổi xét xã hội mình cũng đủ biết. Từ trên xuống dưới, từ thấp chí cao - từ anh khố rách trong làng cố cầu cạnh cho được chức trương tuần phó lý để được người ta khỏi gọi là bố đĩ bố cu; cho đến bậc phú thương nơi thành thị thi nhau mà mua lấy tiếng ông bá ông hàn để ra mặt thượng lưu trong xã hội, cậu cả cậu hai luồn lót hàng chục hàng trăm để được gọi là thầy thông thầy phán, - hết thảy đều như có cái ma lực nó run rủi, phải cố chuốc lấy chút danh tiếng hão mới mãn nguyện.

Không có lòng danh dự mà có tính hiếu danh thời dễ táng thất[1] lương tâm. Quỵ lụy khúm núm trước mặt người trên; châu tuần[2] nơi quyền quý để cầu sự nọ, khấn việc kia, ví phải đập đầu xuống đất mà lạy cũng cam tâm… Xét cái danh dự phổ thông trong xã hội, cái danh dự hàng ngày hiển hiện ra trong cuộc giao tế, thời phải chịu rằng người mình ít có thật.

Phạm Quỳnh
Danh dự luận, *Nam Phong*, 1919

1. Đánh mất.
2. Loanh quanh chầu chực nơi nào đó.

Ai mạnh thì theo, bỏ hết liêm sỉ

Sĩ phong[1] nước ta, suy đổi đi là tự đời Lê trung hưng về sau. Lúc bấy giờ các vua nhà Lê vẫn cầm quyền mà họ Trịnh dám dấy lên cướp quyền, quan lại và sĩ dân trong nước đều theo họ Trịnh. Hóa nên cái tâm lý sĩ phu thời ấy có hai đàng: thờ vua Lê để tránh tiếng phản quân; thờ họ Trịnh để kiếm đường thực lợi. Ban đầu chắc cũng có người áy náy trong lòng, về sau tập thành quen, không còn biết thế nào là sỉ nhục.

Một người như thế thì trăm nghìn người hùa theo, người trên như thế thì người dưới bắt chước theo, thành ra cả một nước đều bỏ mất đại nghĩa, quên mất liêm sỉ, mà đổ xô nhau vào vòng danh lợi. Từ đó về sau, người mình trở nên mềm như con bún, không biết vua là gì, không biết nước là gì, hễ ai mạnh thì theo. Lòng tự trọng của người mình như ngọn lửa đã tắt, không còn bừng lên, như hột giống bị ẩm, không còn nứt lên được. Lại thêm cái kiểu chuyên chế từ xưa đến nay, cứ ở trên đè xuống ở dưới đợ[2] lên, làm cho nhân dân ngày một đê hèn ngày một yếu ớt. Lòng tham lợi mạnh hơn lòng tư kỷ[3] thì luồn cúi lạy lục mấy cũng chẳng từ; ưa cái sống đục hơn cái thác trong, thì mặt dạn mày dày đâu có quản.

Phan Khôi

Luận về khí tiết, *Hữu Thanh*, 1923

1. Khí thế, tinh thần.
2. Theo *Tự vị An Nam La tinh* (1772 - 1773) *đợ* có một nghĩa cổ "trao của tin cho ai", ở đây tạm hiểu là nhẫn nhục chấp nhận.
3. Tự ý thức về cá nhân mình.

Chỉ trích và châm chọc

Người Việt ít khi chịu chết vì tín ngưỡng hay vì một vĩ nhân nào đó đã chủ trương trái quyền lợi của họ. Gặp lúc phải dồn vào thế yếu, họ chống lại ngay bằng phương pháp tiêu cực: chỉ trích và châm chọc.

Luôn luôn bị áp bức về kinh tế và chính trị, cuộc sinh hoạt tinh thần thường lẩn cả vào trong tâm tưởng nên sức phản ứng của tình cảm và tư tưởng không mau lẹ. Tính ưa hư danh là một tật phổ thông của những người hằng cố gắng tìm vượt lên trên địa vị hiện tại của mình. Tật cờ bạc, do cuộc sống chật hẹp gây nên, cũng là một tật phổ thông khác.

Lương Đức Thiệp
Việt Nam tiến hóa sử, 1944

Cái gì cũng có thể mua được

Xã hội ta xưa nay coi mọi người ai cũng như ai, bé thuộc quyền bố mẹ, lớn thuộc quyền vua quan; từ thuở nhỏ đến tuổi già, xã hội đã chỉ sẵn cái đường lối nhất định cho mà theo, theo được đúng thời xã hội đãi cho phẩm vị cho lợi quyền, và coi đó là danh dự. Thuận theo xã hội ắt sẽ có danh giá. Được xã hội khen thời lương tâm có chê cũng vẫn là có danh dự. Nhưng mà những cái ấy người ta có thể mua được cả. Danh dự đã là một thứ có thể bán buôn thời giá trị không đáng bao nhiêu nữa.

Phạm Quỳnh
Danh dự luận, *Nam Phong*, 1919

Lợi dụng dạo nghĩa kiếm lợi

Theo tâm lý người mình thì ai ai cũng hiểu rằng lợi là đáng khinh mà nghĩa là đáng trọng. Nhưng xem chừng như ít người đem cái luật ấy ghép vào cho mình, mà lại đem ghép cho người khác ở chung quanh mình. Suy cái bụng họ ra, ý chừng họ muốn ai ai cũng "uống nước trong làm việc" thì họ mới ưng; ai ai cũng "ăn cơm nhà mà đi đánh giặc" thì họ mới cho là quân tử. Các ông nhà buôn tinh ranh cũng chực lợi dụng cái đạo lý ấy (tâm lý "trọng nghĩa khinh tài" - VTN chú) để lấy lợi. Các ông ấy đưa ra những hàng xấu ra mà hô lên rằng: "Của nội hóa đây. Các ngài phải có nghĩa vụ mua hàng nội hóa hầu để khuyến khích công nghệ nước nhà". Rồi họ thừa dịp đó bán mắc muốn gấp hai hàng ngoại hóa.

Phan Khôi

Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta,

Thần Chung, 1929

Khinh miệt cá nhân

Văn chương ta nghèo nàn. Những dây quan hệ quá chặt chẽ nó ràng buộc mọi người trong xã hội. Cá nhân, cái bản sắc của cá nhân, là một điều huyễn tưởng, một điều không nên có. Cá nhân chìm lấp trong đoàn thể như giọt nước trong làn sóng biển.

Một dân tộc khinh miệt cá nhân, không biết đến cá nhân, không thể có được một nền văn chương phong phú.

Các nhà văn ta ít thấy khác nhau, chỉ vì họ tự dối mình, vì họ không đủ cái thành thực để phô diễn tâm linh của mình, vì họ tự giam mình trong vòng khách sáo.

Khách sáo chính là cái vỏ mà đoàn thể phủ trên mình, trên linh hồn cá nhân. Về hình thức, khách sáo là những quần áo mũ giày theo thời thượng. Về tinh thần, khách sáo là những tình ý thông thường - hay nói theo lối người Tây, những tình những ý vẩn chạy rông ngoài đường phố.

Hoài Thanh
Thành thực và tự do trong văn chương,
Tao Đàn, 1939

Sợ mang tiếng chứ không phải sợ cái xấu

Tống Nho dạy người ta phải *thúc nhân quả quá* nghĩa là phải bó mình cho ít lỗi chừng nào hay chừng nấy.

Hạng quân tử ở nước ta mà tôi thấy hầu hết ở trong cái phạm vi của Tống Nho. Giữ mình đừng đánh bạc, đừng uống rượu, đừng mang tiếng xấu, ấy là họ kể chắc mình làm quân tử rồi.

Thế nhưng có phải họ giữ mình thật được như vậy đâu. Trong đám họ có nhiều người giả hình làm bộ đạo mạo. Sở dĩ giữ mình là chỉ sợ mang tiếng; nếu khi thấy không ai biết việc mình làm, chắc khỏi mang tiếng thì việc bậy gì chẳng làm. Ấy là hạng quân tử giả dối, tiểu nhân đặc.

Phan Khôi
Hạng quân tử giả dối, *Phổ Thông*, 1930

Chỉ giỏi diễn trò trước mặt mọi người

Bọn thượng lưu trung lưu phần nhiều mượn những lốt lễ nghĩa rất kỳ khôi của bọn tà Nho để che miệng thế gian chớ không có gì hiếu thuận cả. Khi tang ma, nào là nằm đường, nào là chống gậy, nào là khóc mả, nào là ở dơ[1], nhưng kỳ trung có thương xót, có yêu dấu gì đâu, chỉ đem một trò giả dối diễn ra trước mặt mọi người mà thôi.

Phan Châu Trinh

Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Lan tràn thói dạo dức giả

Xét lịch sử thần trí[2] của giống ta, cái tâm lý thày đồ là tâm lý lễ nhượng cẩn thủ[3], trọng phần hình thức phép tắc bên ngoài. Vì trọng hình thức quá thời có hại đến tinh thần, thiên về lễ nhượng quá thì tất nhiên thành nhu nhược.

Làm hại cho đạo đức không gì bằng kẻ giả đạo đức. Hương nguyện[4] là kẻ giả đạo đức, ngoài mặt làm ra cái cung kính cẩn nghiêm, mà kỳ thực sẵn sàng hòa đồng với lưu tục[5], a dua với kẻ hương nhân bỉ tiện. Hương nguyện chính là thày đồ quê biển hiệp[6], không có nghị lực khí khái gì, học đạo thánh hiền mà hình như học đến đâu chỉ làm hại đạo thánh

1. Những việc người xưa cho là khi cha mẹ chết, con cái cần làm để tỏ ra là người có hiếu.
2. Đời sống tinh thần.
3. Cẩn thận, giữ gìn.
4. Kẻ đóng vai, ra cái vẻ khác hẳn người thường.
5. Thói thường.
6. Nhỏ nhen, hẹp hòi.

đến đó, uốn nghĩa lý thánh hiền cho vừa bằng tấm nhân cách nhỏ nhen của mình.

Cái tâm lý hương nguyện đó, gặp lúc quốc vận suy vi thì nó bành trướng mãi ra mà hầu như tràn ngập cả. Không những thày đồ quê mắc phải cái tâm lý ác liệt đó mà đến ông nghè ông cống, đến tể tướng thượng thư cũng không khỏi. Cả bọn thượng lưu trong nước đều đeo một cái tâm lý hương nguyện đó, trách nào dân không tan, nước không mất?!

Phạm Quỳnh

Nhà Nho, *Nam Phong*, 1932

Học dòi, làm dáng

Cái hiếu thượng[1] của số đông người mình đã lộ rõ ở từ ngôn ngữ đến cử chỉ, từ hành vi trong gia đình đến động tác ngoài xã hội. Người ta chơi câu đối? Phần đông không phải vì thích chữ tốt yêu văn hay, nhưng vì muốn sĩ diện ở mấy cái lạc khoản[2] có chức tước. Người ta in danh thiếp? Không phải vì cốt thông tính danh, tỏ địa chỉ, song hình như chỉ cốt trưng những chức sắc, tước trật, và phẩm hàm. Người ta đăng cáo phó? Có lẽ ít vì cốt để báo tang, nhưng phần nhiều cốt để lợi dụng cái chết của ông bà cha mẹ mà quảng cáo cái danh phận của con cháu.

Cái bệnh hiếu thượng ấy truyền nhiễm đến cả nữ giới làm cho lắm người cũng mắc lây. Một dạo ở xã hội ta nổi lên

1. Thích hướng lên trên, tức hiếu danh.
2. Tự đề tên họ chức tước ở một góc câu đối.

cái phong trào *phi cao đẳng bất thành phu phụ*. Vì thế trong cuộc hôn nhân đã xảy ra lắm chuyện buồn cười. Hoặc mượn văn bằng của người khác để đưa nhà gái sát hạch lúc cầu hôn; hoặc giả làm nhà tòng sự suốt mấy tháng để nhà gái nếu có dò la vẫn thấy *sớm vác ô đi tối vác về*.

Hoa Bằng
Hiếu thượng, *Tri Tân*, 1943

Mưu danh bằng cách hạ nhục kẻ khác

Lắm kẻ, chỉ vì hám cái phù danh, đang tâm lê gót giày lên trên tình bạn hữu, hạ chân lý xuống tận bùn đen. Tưởng mình như thánh như thần, ngoài ra, nhất là những địch thủ, toàn là đàn chim chưa vỡ bọng cả. Chưa đọc hết, có khi không thèm xem qua bài văn của người khác, họ đã dài mồm chê bai. Chưa mở lấy một trang sách, chưa rờ đến một tờ báo của bạn đồng nghiệp, họ đã yên trí là viết không thành câu, hạ ngay những lời mạt sát thậm tệ. Trong khi trò chuyện, chỉ hết sức khoe khoang về mình; còn những người khác dù đã lập được biết bao chiến công trên trận bút trường văn, cũng chỉ đáng một con số không, theo ý họ.

Hoa Bằng
Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta,
Tri Tân, 1942

Hay cãi nhau, thích kiện tụng

Những vụ cãi nhau nảy ra ngay từ cách tổ chức làng xã. Xã hội hương thôn chia thành các giai cấp lệ thuộc vào

nhau. Muốn thực hiện các điều kiện cần thiết để bước vào một trong những giai cấp đặc quyền, người ta phải cúng Thành Hoàng và mời mọi người ăn uống. Điều đó thật tàn hại: người ta đi vay với lãi cao, cầm cố nhà và ruộng, bắt vợ con chịu thiếu thốn.

Khi thuộc giai cấp đặc quyền thì vấn đề là phải biết bảo vệ đặc quyền của mình. Người ta sẽ đi đến tận Tòa án tỉnh, thậm chí Tòa thượng thẩm, chỉ vì miếng thịt chia không đều, hoặc một sự việc cực kỳ phù phiếm. Người ta tiêu đến đồng tiền cuối cùng để giữ thể diện hoặc làm đối thủ mất mặt. Lịch sử một số làng cũng là lịch sử kiện cáo. Có những làng mà tất cả ruộng đều thuộc sở hữu của những làng lân cận. Đấy chính là những làng đã qua những vụ kiện nổi tiếng.

Nguyễn Văn Huyên

Vấn đề nông dân Việt Nam ở Bắc kỳ, 1939

X
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ LÀNG XÃ ĐẤT NƯỚC

Pháp luật dơn sơ

Dân trí càng mở mang thì pháp luật càng phải tinh tế. Luật lệ nước ta sơ sài hết sức. Những điều rõ ràng thì hoặc là phiền toái vô dụng, hoặc là khe khắt quá khó lòng giữ đúng (...) Những điều ta nói ta làm hàng ngày mà theo luật quy

tội, thì sáng bị tội đồ, tội lưu, chiều bị tội phạt trượng. Đến những điều đáng phải theo cũng không thể theo được. Trên cũng như dưới đều mơ mơ màng màng, cơ hồ thành một nước không có pháp luật. Dân không giữ chữ tín, trong dân gian người ta làm khế ước với nhau, thường mực chưa khô đã bội ước. Quy tắc của trường học, kế hoạch của công sở phần lớn nằm trên giấy, treo lên cho vui mắt, đọc lên cho vui tai mà thôi. Trên dưới không tin nhau, mà mong giữ đúng pháp luật thì thật là khó thay! Đã không giữ được thì thay đổi đi là hơn.

Quốc dân độc bản, 1907

Áp dặt chuyên chế mọi nơi mọi chỗ

Chẳng những vua quan chuyên chế, họ lại còn kéo cả kẻ làm cha kẻ làm chồng vào cái cạm độc ác ấy nữa. Ôi hủ Nho! Cũng vì mấy câu tà thuyết của các người mà luân lý gia đình nước ta trụy lạc đến thế này! Cha mẹ coi con như của, muốn thế nào thì buộc con phải thế; không muốn đi xa, cũng không muốn cho con đi xa; luồn cúi cửa ông lớn này ông lớn nọ thì cũng bắt con như thế. Ấy là tôi nói mấy nhà giàu, còn như nhà nghèo dạy con thì tát thì chửi thì đánh không biết rằng làm như thế là nuôi cho con một cái tính phục tùng nô lệ. Khi còn ở trong gia đình thở cái không khí chuyên chế của gia đình, khi đến trường học thở cái không khí chuyên chế trong trường học, thì làm sao khi bước ra ngoài xã hội khỏi quen tính nô lệ chịu luồn cúi người? Cái

tính nô lệ của người mình ngày nay chính là mang từ trong gia đình chuyên chế ra vậy.

Phan Châu Trinh
Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Quản lý làng xóm theo kiểu gặp đâu hay đấy

Việc quản trị dân xã là ở trong tay mấy người tổng lý, chánh phó lý cựu chánh phó tổng cựu, xã tuần, phần thu. Bọn đó quanh năm trông vào khoán ước của làng mà đình mà đám mà thu mà bổ, mà xà xẻo bớt đầu bớt ngọn, mà bắt vạ kẻ nọ kẻ kia.

Các khoán ước ít khi biết tự đời nào để lại. Cũng có khi là do một chuyện mộng ảo huyền hồ[1] mà lập nên. Cũng có khi là công nghiệp[2] của một người hách dịch một thời nhân lúc có thần thế mà đặt cho làng mình một lệ để lưu truyền mãi mãi. Được lệ hay thì dân làng nghìn năm được nhờ thói tốt. Phải lệ dở thì dân làng vạn đại phải noi[3] tục hủ, lụn bại phong tục đi.

Nguyễn Văn Vĩnh
Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã,
Đông Dương Tạp Chí, 1914

1. Viển vông ngẫu nhiên.
2. Việc làm.
3. Tuân theo.

Một cách tổ chức có nhiều khe hở

Về mặt quản trị làng xưa có một tệ hại. Là bao nhiêu quyền thế đều ở trong tay cường hào cả. Những kỳ mục có của có thế lực có danh vọng đều là chúa ở trong làng. Vì làng tự trị một cách quá đáng, lệ làng đặt ra đến phép vua cũng không thay đổi được. Nếu kẻ cầm đầu trong làng là người khá, có kiến thức có công tâm thì không kể làm chi; nhưng nếu là những người chỉ nghĩ đến lợi riêng, thì những lạm xảy ra một cách dễ dàng và quá quắt. Một lối tổ chức có thể để những sự bất công như vậy xảy ra là một lối tổ chức không chu đáo, tự mình lại làm tội mình.

Hoàng Đạo

Làng xã, *Ngày Nay*, 1940

Sân khấu của một lũ hề

Tiếng gọi rằng trào đình của một nước, song chính là sân khấu nhảy múa của một lũ hề. Binh bộ thượng thư mà hỏi đến việc binh không biết một chút gì. Học bộ thượng thư mà không biết đến việc học của dân. Công bộ thượng thư mà quanh năm chỉ biết tu tạo mấy cái lâu đài và lăng miếu của nhà vua. Lễ bộ thượng thư ba năm mới có một lần tế giao[1], cắm cúi vào những cái nghi tiết hão huyền, hủ lễ vô ích. Lại bộ thượng thư, Hình bộ thượng thư cũng vậy, mấy ông cụ lớn ấy chỉ biết ngày hai buổi chầu quỳ lạy ở sân rồng, tan chầu trở về, quanh năm ngày tháng như một con lợn ỉ lẩn khuất ở trong chuồng không biết một chút gì cả.

1. Lễ tế trời của nhà vua.

Vua đè ép các quan lớn. Các quan lớn đè ép các quan nhỏ. Các quan nhỏ đè ép dân. Cái không khí áp chế chỗ nào cũng nồng nặc khó chịu, xuống đến bậc dân thì không còn dân đạo[1] dân quyền gì nữa. Có miệng không được nói có tai không được nghe, phần nào sưu thuế nặng nề, phần nào quan lại sách nhiễu, biết chết mà không dám tránh, bị ép mà không dám than. Chốn thôn dã thì đường sá khuất lấp, trộm cướp nổi lung tung. Ngoài thành thị một bầy quỷ sống, đua nhau ăn thịt dân uống máu dân. Mỗi năm bão lụt, dân bị chết đói, mỗi năm tật dịch, dân bị đau chết, không biết chừng nào.

Trần Huy Liệu
Một bầu tâm sự, 1927

Quan lại không có chuyên môn và tha hồ xoay xở kiếm ăn

Nước ta dùng người thì hoặc lựa chọn ở trong bọn con quan hoặc lấy ở trong hàng khoa mục, mà mấy người khoa mục bất quá văn hay chữ tốt thì đỗ, thế là làm quan. Bình sinh học tập chỉ mấy câu trường ốc văn chương, lúc ra làm quan, thì hình như bổ vào mặt gì cũng giỏi, tưởng quan lại bên châu Âu chưa có ai toàn tài được thế. Cũng là một người lúc thì bổ giáo chức làm một nhà giáo dục, lúc thì bổ chính chức làm một nhà chính trị, lúc thì sung giám đốc công trường làm một nhà công nghệ, lúc thì sung chánh sứ đồn điền làm một nhà thực nghiệp, lúc thì đi quân thứ làm một nhà tướng hiệu, mà

1. Đạo, nghĩa gốc là giáo lý, chủ thuyết; dân đạo có thể hiểu là một quan niệm về người dân trong xã hội.

hỏi ra thì chẳng có một cái học thức chuyên khoa nào. Quan nước ta như thế trách nào mà chẳng mang tiếng bất tài.

Ngày 31 tháng 5 năm 1917, báo *Đông Kinh* có một đoạn rằng "một tên đầu đảng trộm cướp kiếm cả đời không bằng một ông quan giỏi lấy tiền trong một năm". Ngày 12 tháng bảy, báo *Hải Phòng* có một đoạn rằng "cái căn tính ăn tiền của người An Nam di truyền từ tổ tôn, không dễ kể năm kể tháng mà chữa ngay được".

Thân Trọng Huề
Con đường tiến bộ của nước ta,
Nam Phong, 1918

Kéo bè kéo cánh nắm giữ quyền lực

Xét cách bầu cử tổng lý của ta khi xưa thật lắm phiền nhiễu mà phần nhiều dùng cách tư tình[1], những người làm việc chẳng qua lại là con cháu họ hàng với những chức sắc kỳ mục. Trừ ra những làng khó khăn không ai muốn làm không kể, còn về các làng tốt bổng[2], con cái nhà có thế lực tranh nhau mà ra, có mấy khi lọt vào tay người khác được. Vì thế lý dịch hay có bè đảng, mà nhất là hay a dua với hàng kỳ mục[3] để dễ cho sự thầm vụng của mình.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

1. Tức sử dụng những mối quan hệ cá nhân.
2. Có nhiều quyền lợi.
3. Kỳ mục là những người có thế lực nói chung, còn lý dịch là những người đương làm việc, đương nắm quyền.

Cường hào lý dịch gian xảo điêu ngoa

Công việc trong làng, trên thì tiên chỉ không muốn nhìn đến, dưới thì phường lý dịch chẳng qua cũng là con em đầy tớ các kỳ mục, há miệng mắc quai nón. Quyền hành của kỳ mục rất lớn, thế lực rất to. Mà trong hạng này, một hai người phi tay cường hào hách dịch, thì là tay gian xảo điêu ngoa. Còn nữa chẳng qua a dua với mấy người ấy mà thôi. Phần nhiều ích kỷ, họ có thiết gì đến vận dân, chỉ động có chút lợi lộc thì xâu xé nhau, hoặc dân đàn em hơi có chút gì lầm lỗi thì bới móc hạch lạc. Những người có kiến thức, cho việc hương thôn là việc nhỏ nhặt, không thèm tưởng đến, không mấy nơi cải lương được tục làng cho nên tục hay.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

Dân quá sợ quan

Một cái thiên kiến rất trái ngược với đời nay và hiện còn phổ biến trong dân gian lắm, là cái thiên kiến coi quan là *dân chi phụ mẫu*, sợ quan như sợ cha mẹ, sợ thánh thần. Bởi dân sùng phụng mê tín quan như thế, nên quan mới có kẻ tác ác tác hại được như thế.

Cũng bởi dân sùng phụng mê tín quan như thế nên kẻ nào chưa được quan thì cầy cục cho kỳ được, kẻ nào đã được quan thì hết sức mà giữ lấy, củ quốc[1] xô đẩy nhau về một đường ấy, ngoại giả không còn có học vấn, không còn có tư

1. Củ: chữ Hán, nguyên nghĩa là kết hợp lại. Củ quốc như ngày nay nói cả nước.

tưởng, không còn có sự nghiệp, không còn có công danh gì nữa, bao nhiêu cái khôn cái khéo chỉ dùng để ăn quẩn lẫn nhau, diễn ra trong xã hội một cái bi kịch có thể gọi là "gà què ăn quẩn cối xay".

Phạm Quỳnh
Phụ mẫu dân hay công bộc dân,
Nam Phong, 1926

Bất lực trong việc cai trị thôn xã

Những người cai trị chỉ có một thứ uy quyền thuộc về tinh thần; nếu mất đi cái uy quyền tinh thần ấy, nếu họ để mất thể diện (vì thua kiện hoặc bị người dưới phản kháng mà không làm gì nổi) thì sẽ không làm được việc gì nữa. Vì họ có đặt luật lệ hay đến đâu cũng không ai theo.

Một phần lớn vì thiếu thứ uy quyền *rất khó có và rất khó giữ* đó, nên phần đông các chức dịch làng xã mỗi khi làm một việc gì cũng không dám tự quyết định lấy và phải do ý kiến của tất cả mọi người trong làng.

Vũ Văn Hiền (Tân Phong)
Mấy nhận xét nhỏ về dân quê Bắc kỳ,
Thanh Nghị, 1944

Tinh thần gia tộc quá nặng

Ta có thể thấy vì một mối tư thù, một viên lý trưởng phó lý hay trương tuần bắt trói trái phép một người họ khác đã trái lệ làng vì một việc cỏn con; người ta không thể thấy những viên chức dịch ấy lập biên bản để đưa ra đình hay giải lên

quan một ông chú một người anh em họ bên nội hay bên ngoại, dẫu người đó đã phạm vào tội do hình luật trừng trị.

Cái tinh thần đại gia tộc ở xứ này đã diệt mất hẳn tinh thần công dân. Tình họ hàng ở thôn quê đã làm cho tê liệt hẳn bộ máy cai trị của làng vốn tự nó đã không được khỏe gì.

… Nhờ có sức mạnh thói quen mà làng Việt Nam còn giữ được những cổ lệ và cái đời sống thụ động của mình. Nhưng hiện tình thì ta không thể coi nó là một công cụ giúp vào việc tiến hóa của dân quê.

Vũ Văn Hiến (Tân Phong)
Những nhận xét nhỏ về dân quê Bắc kỳ,
Thanh Nghị, 1944

Không hình thành nổi một dư luận sáng suốt

Ngoài tinh thần độc tôn bè đảng, còn một trở lực nữa ngăn cản mọi công việc cải cách ở thôn quê là dư luận trong làng, một thứ dư luận mạnh mẽ, ác nghiệt và mù quáng. Nhiều việc cải cách đã quyết định rồi đành bỏ dở chỉ vì người thừa hành sống trong làng xóm, không thể chịu đựng được những dị nghị chế giễu mà hàng chục hàng trăm người nhắc lại ở khắp đầu làng cuối ngõ. Đã không có quyền bắt mọi người im, lại sống luôn với những người đó, hương chức tránh sao nổi ảnh hưởng của dư luận; và sau vài ba tháng làm việc, người hăng hái đến đâu cũng đành "dĩ hòa vi quý", bỏ hẳn những ý định của mình để sống theo nếp cũ.

Vũ Văn Hiến
Việc cai trị ở thôn quê, *Thanh Nghị*, 1945

Đám đông chỉ lo kiếm chác

Việc làng thường định vào những ngày tuần tiết, là những ngày ở đình có tế lễ và ăn uống. Khi nào có việc gì khêu gợi sự cạnh tranh và đụng chạm đến những quyền lợi có sẵn thì số người ra họp rất đông. Còn khi nào chỉ họp để dự định công việc mới mẻ nhưng chưa ai thấy lợi trực tiếp cho mình thì buổi họp rất vắng. Nhiều người chỉ ra tế lễ ăn uống rồi về; mà cũng chẳng có lề luật nào định phải có bao nhiêu người dự bàn mới là đủ.

Vũ Văn Hiển
Mấy nhận xét nhỏ về dân quê Bắc kỳ,
Thanh Nghị, 1944

Quân hồi vô phèng

Làng ở xứ ta như một hội riêng của tư nhân. Nếu cái đặc tính của một pháp nhân cai trị[1] là quyền ban hành những nghị định có ý nghĩa cưỡng bách, buộc mọi người thi hành, thì làng xứ ta quả không phải là một pháp nhân cai trị.

… Muốn đắp một con đường ư? Quyết định năm nay, nhưng có nhẽ rồi một hai năm sau mới làm xong, mỗi họ mỗi thôn mỗi gia đình ung dung tiện lúc nào thì làm lúc ấy. Muốn đào một giếng nước ăn ư? Nếu người khởi xướng ra việc đó không can đảm đứng ra mà đốc thúc thì dân làng cứ chịu khó ăn nước ao mãi. Hội đồng làng xã đặt lệ cấm đổ rác ra đường cái ư? Nếu không có một mối hiềm thù riêng từ trước, thì

1. Kẻ có tư cách pháp lý.

không một chức dịch nào thấy mình có trách nhiệm là ngăn cản hay trừng phạt người làm trái lệ ấy.

Thường thường những cuộc bàn cãi trong những buổi họp việc làng không dẫn đến một kết quả thiết thực gì cả.

Biết bao nhiêu luật lệ của cơ quan cai trị đã bị xếp bỏ không thi hành được chỉ vì một vài người không muốn nghe theo.

Chỉ cần một kẻ phản đối cũng đủ làm cho điều đề nghị hay đến đâu cũng phải gác bỏ. Mà ở làng nào cũng có vài viên kỳ mục, vài người bướng bỉnh, bao giờ cũng giữ thái độ phản đối: Hoặc vì họ thấy công việc sẽ làm không trực tiếp lợi cho họ, hoặc vì họ ghét người khởi xướng ra công việc ấy; hoặc vì họ nghĩ rằng người khởi xướng định bới việc ra để ăn - điều nghi kỵ sau này tiếc thay, nhiều khi cũng đúng.

Vũ Văn Hiến
Mấy nhận xét nhỏ về dân quê Bắc kỳ,
Thanh Nghị, 1944

XI
TỔNG QUÁT VỀ NGƯỜI VIỆT

Thiếu tận tâm, tránh khó tìm dễ

Hễ mỗi khi người khách[1] ở nội xứ mình mà họ lập điều chi, thứ nhất là xài tiền nhiều, thứ hai là kiệt lực tận tâm.

1. Chỉ các Hoa kiều.

Xem ra thì nước mình không sức mà làm đặng, dầu có sức về việc tiền bạc[1] thì thiếu tay làm, bởi vậy làm không đặng. Sao mà người ta làm điều chi đặng hết, còn người mình mỗi điều nào đều là khó hết? Ví như hiểu là tại mình không tận tâm, tránh khó mà tìm dễ, thì xin một điều hãy trách và hờn lấy mình, sao mà đãi đọa[2] lắm vậy? Theo ý mọn của tôi, hễ thấy người dị quốc[3] làm điều chi phải và giỏi thì muốn ráng sức, bắt chước mà làm theo cho hơn, nếu không hơn thì cho bằng; chớ để mà trầm trồ khen ngợi việc người còn mình bỏ luôn bỏ hoang đi, thậm hổ[4] lắm.

Lương Dũ Thúc
Nông Cổ Mín Đàm, 1901

Không chú trọng đến văn hóa

Cả cuộc lịch sử của nước Nam là một cuộc chiến đấu vô hồi vô hạn đối với người Tàu hoặc bằng võ lực, hoặc bằng ngoại giao, hằng ngày chỉ nơm nớp sợ bị nội thuộc lần nữa. Cái công của các tiên dân ta chống giữ cho non sông đất nước nhà, can đảm vô cùng, kiên nhẫn vô cùng, thật đáng cảm phục. Nhưng cả tinh lực trong nước đều chuyên chú về một việc cạnh tranh để sinh tồn đó, cạnh tranh với một kẻ cường lân[5] hằng ngày nó đàn áp, để cố sinh tồn cho ra một nước độc lập, còn có thì giờ đâu, còn có dư sức đâu mà nghĩ

1. Có đủ vốn.
2. Biếng nhác.
3. Nước khác.
4. Cũng như xấu hổ.
5. Kẻ hàng xóm mạnh.

đến việc khác nữa. Cái quan niệm quốc gia bị nguy hiểm luôn nên thường lo sợ luôn chiếm mất cả tâm tư trí lự, không còn để thừa chỗ cho những quan niệm khác về văn hóa về mỹ thuật. Nói riêng về học thuật thì đã sẵn cái học của Tàu đó, tiêm nhiễm vào sâu từ thuở mới thành dân thành nước, không thể tưởng tượng được rằng ngoài sách vở của thánh hiền còn có nghĩa lý[1] gì khác.

Phạm Quỳnh

Bàn về quốc học, 1931

Từ trên xuống dưới tự tư tự lợi

Nước mất là do rất nhiều điều tệ, tội nhiều không kể hết, nhưng trong đó có bốn cái tội lớn. Một là ngoại giao hẹp hòi; hai là nội trị hủ bại; ba là dân trí bế tắc; bốn là vua tôi trên dưới tự tư tự lợi.

Vua tôi tự tư tự lợi nên không biết có dân có nước; dân cũng tự tư tự lợi nên cũng không nghĩ gì đến nước đến vua. Ngoại giao nội trị dân trí sở dĩ đồi bại như vậy cũng là do trên dưới đều tự tư tự lợi mà ra cả. Cuối cùng nước bị mất vua bị tù, thần dân đều trở nên giống người mất nước đê tiện. Cái nọc độc tự tư tự lợi nguy hại biết là dường nào.

Phan Bội Châu

Việt Nam quốc sử khảo, 1908

1. Cái lý thuyết phải theo.

Xấu làm tốt dốt làm thông

Chúng ta thừa thụ cái cơ nghiệp của tiền nhân, sinh nở phồn thực ở đất nước này đã mấy nghìn năm đến nay lại gặp lúc ngọn triều tiến hóa tràn khắp mọi nơi, thế mà không làm sao bước tới theo người. Mà chỉ mê mẩn tối tăm, ngu hèn dốt nát đói nghèo khốn khổ không dám ló đầu ra với mọi người. Nhất ghét là xấu làm tốt dốt làm thông, mượn cái văn minh của người mà trang sức bề ngoài, kỳ thực trăm việc chẳng ra gì, nhân cách một ngày một hư, phong tục một ngày một nát; ngọc vàng bề mặt, thối nát bề trong, văn minh chẳng thấy đâu mà càng ngày càng thêm man rợ. Nghĩ thấy Tổ quốc mình như thế thôi thì không có việc mà bàn không có chuyện mà chép mà cũng không bàn làm gì không chép làm gì.

Ngô Đức Kế
Hữu Thanh, 1923

Trông dợi quá nhiều ở sự may rủi

Phương ngôn có câu rằng "may hơn khôn", chẳng qua là nhân một việc gặp may thì hơn thật; có phải là sự gì cũng kiêu hãnh mà được đâu. Dân nước ta nhân truyền tập[1] câu ấy làm đầu lưỡi, mà không biết lẽ phải trái ra thế nào. Học tài thi phận, người học trò đỗ tại duyên trời; trông quả trồng cây, người làm ruộng chỉ nhờ hòn đất; người đi buôn gặp phiên chợ đắt thì may rằng ra ngõ gặp trai; người làm thợ gặp buổi công cao thì may rằng áo vá gặp hội. Cho đến làm việc gì tiện

1. Trao lại cho nhau, tiếp nối đời này sang đời khác.

lợi thì mừng rằng buồn ngủ gặp chiếu manh; làm việc gì gian truân thì than rằng chết đuối vớ phải cọc. Ai cũng lấy sự may làm chắc mà không biết rộng trí khôn ra, một câu nói làm lầm cho người ta lắm.

Đặng Vũ Kính
Đông Dương Tạp Chí, 1916

Cái tốt lẫn với cái xấu

Về đàng trí tuệ và tính tình người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép, mến điều đạo đức.

Tuy vậy vẫn hay có tính tinh vặt, cũng có khi quỷ quyệt, và hay bài bác nhạo chế. Thường thì nhút nhát hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật.

Tâm địa nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trang hoàng bề ngoài, hiếu[1] danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma tin quỷ, sùng[2] sự lễ bái nhưng mà vẫn không nhiệt tín[3] tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.

Trần Trọng Kim
Việt Nam sử lược, 1925

1. Ham thích.
2. Chuộng, hâm mộ.
3. Tin một cách mãnh liệt.

Không biết hợp quần

Người ngoại quốc coi thường dân ta, họ nói rằng "không có nổi một đoàn một nhóm nào từ ba người trở lên"; câu nói đó thoạt mới nghe tưởng là quá đáng, nhưng xét cho đến tình hình xã hội tinh thần dân chúng thì thấy tan tan tác tác, rạc rạc rời rời, ghét nhau, ngờ nhau, ai lo thân nấy, bảo rằng không có nổi một đoàn một nhóm ba người thật bụng với nhau, thật cũng chẳng oan.

Phan Bội Châu

Cao đẳng quốc dân, 1928

Không biết tôn trọng cả lợi ích công cộng lẫn lợi ích cá nhân

Sản nghiệp tài vật chung gọi là lợi ích công cộng. Có những kẻ chiếm đường quan, phá hoại cầu cống, phá trường học, công sở, đồ đạc trong thư viện, đèn điện trên hè phố, bẻ hoa ở công viên và vi phạm quy ước chung. Nơi du hí hội trường nhà hát họ cũng tranh giành nhau làm ồn ào náo động. Phàm những kẻ mưu tiện lợi cho mình mà bất tiện cho số đông đều không thể tha thứ được.

Những người tìm ra được một phương pháp làm ăn truyền lại được một kỹ thuật khéo léo cũng phải lao tâm khổ tứ. Nếu không có pháp luật bảo vệ quyền lợi khác biệt ấy, những người có tài sẽ sinh ra chán nản lười biếng và sẽ chẳng có sáng tạo mới nữa. Ở các nước, những sáng chế mới mẫu mã kiểu dạng mà sắc nhãn hiệu hàng hóa đều đăng ký ở các cơ quan hữu

trách cho chuyên dùng. Người nước ta giỏi việc giả mạo, in ấn mô phỏng, luật pháp trong nước không định, các quan địa phương cũng cho là không cấp thiết, như thế mà mong xã hội tiến bộ được chăng?

Quốc dân độc bản, 1907

Chưa trưởng thành trên phương diện công dân

Nước ta theo đạo thánh hiền, dân khai hóa cũng đã lâu nhưng ví với các nước văn minh thì trí khôn còn thiếu, tư cách chưa toàn, chưa hiểu nghĩa vụ riêng là thế nào, chưa biết trách nhiệm chung ra sao. Nộp thuế là của tiêu chung mà còn có người dân ẩn lậu; đi lính là giữ cho mình mà còn có người trốn tránh; đê điều cấm phòng thân lừa ưa nặng không đánh không đi; lại có những kẻ nay trộm mai cướp không để cho dân yên nghiệp.

Phạm Quang Sán
Nước ta đã dùng được phép luật văn minh chưa?
Đông Dương Tạp Chí, 1914

Nhìn đâu cũng thấy chuyện đáng chê cười

Trong một họ tôn trưởng thời lèm nhèm, con em thời vô lại; trai ăn trộm đánh bạc gái làm biếng chửa hoang; nhà thờ tổ có kẻ dỡ ngói bán, ngày giỗ tổ uống rượu để rúc nhau[1]; nhà bác cưới con gái nhà chú không được tiền thời sinh sự

1. Nhiếc móc nhau.

để trở hôn, người này chết vợ con người kia có sự bất bình thời sinh sự để ngăn cản việc tống táng… Ấy là những sự xấu hổ của một dòng họ.

Trong một làng đàn anh chỉ ăn bẫm, đàn em chỉ kiện nhau; đình điếm tồi tàn, đường bến rác uế, tiếng chửi mất mạ ở ngoài đồng, tiếng chửi mất gà ở trong xóm; nhà nào có tang ma thời quan viên hạch sách sự ăn uống, nhà nào có thất hỏa[1] thời hàng xóm láng giềng đến hôi đồ… Ấy là những sự xấu hổ của một làng.

Trong giới thực nghiệp[2] người có tư bản mà không có chí khí, lấy giàu đủ hơn người khác làm mãn nguyện mà không mở rộng được công việc; hiệu mở rồi lại đóng, hội họp rồi lại tan; việc canh nông không khảo xét mà chỉ mong nhờ trời làm được mùa, việc công nghệ không cầu tinh mà chỉ lấy bán đắt làm lãi… Ấy là những sự xấu hổ của giới thực nghiệp. Sự đáng xấu hổ thì nhiều mà người biết xấu hổ thời ít.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu
Sự xấu hổ, *Hữu Thanh*, 1921

Tự giới hạn trong làng xóm

Cái xã hội nhỏ ấy có thể là một sự trở ngại lớn cho tiến bộ. Vì làng An Nam xưa là một xã hội thống nhất về chính trị cũng như về tôn giáo nên một số đông dân làng chỉ có cái quan niệm với làng mà thôi. Họ chỉ biết có lũy tre xanh

1. Bị cháy.
2. Chỉ chung các nghề làm ăn kiếm sống.

có đình làng của họ, ngoài ra đều là người dưng nước lã cả, không có gì liên lạc với họ hết. Những chuyện tranh nhau đánh nhau giữa hai làng An Nam xưa thường có xảy ra. Tình yêu người đồng bào bị cái tình yêu người cùng làng làm phai lạt, đó là cái hại lớn.

Sự liên lạc quá mật thiết giữa làng và dân làng còn là sự trở ngại cho công cuộc di dân, cho sự thông thương, cho sự tiến bộ. Đi xa tức là bỏ làng, và bỏ làng đối với người xưa là một điều xấu, một sự cực nhục!

Hoàng Đạo

Làng xã, báo *Ngày Nay*, 1940

Thủ cựu và dốt nát

Đâu đâu cũng thấy những người nông dân mê tín thủ cựu và dốt nát. Thường xuyên có sự lãng phí sức lực. Một thói quen lâu ngày đã làm họ thích nghi với cuộc sống khốn khổ. Khi có một ít tiền, họ liền tiêu bừa bãi trong những hội hè. Nếu mùa màng thu hoạch tốt, ngày tết đến họ đốt pháo tha hồ, họ tổ chức những hội hè kéo dài đến mười lăm hoặc hai mươi ngày. Sự thiếu lo xa hầu như không có giới hạn.

Ruộng đất khai thác chỉ cho một năng suất thấp, khiến sự nghèo đói của người làm ruộng lại càng trầm trọng thêm. Vì thế người nông dân thường xoay xở bằng mọi cách. Cách xoay xở tốn ít công sức nhất là cờ bạc. Trong xã hội Việt Nam, mọi người đàn ông, đàn bà, trẻ con đều đánh bạc. Tôi đã đếm được ở một hội làng tới 22 lối cờ bạc, và 150 chiếu chơi xóc

đĩa. Các tội ác, các vụ trộm cướp, những hành động phạm pháp thường chỉ là do cờ bạc mà ra. Người ta đánh bạc với hy vọng làm cho hoàn cảnh của mình khấm khá hơn. Đôi khi điều đó dẫn đến những hậu quả khôn lường.

Nguyễn Văn Huyên

Vấn đề nông dân Việt Nam ở Bắc kỳ, 1939

Những mâu thuẫn nội tại

Nói chung người Việt có chất nghệ sĩ nhiều hơn chất khoa học. Nhạy cảm hơn là có lý tính. Yêu thích văn học và trang trí. Đa số chỉ mơ ước nghề làm quan là con đường đã vạch sẵn, không đòi hỏi nhiều cố gắng độc đáo, mà lại đem đến nhiều vinh hiển.

Chẳng có mặt nào của tính cách người Việt lại không có mặt bù lại, và không gợi ra ngay tức khắc một bằng chứng ngược lại. Chúng ta đã nói về tính biếng nhác và sự uể oải của người Việt, nhưng người ta chẳng thấy nơi nào trên thế giới một dân tộc cần cù như vậy, và những người lao động sẵn sàng làm những công việc nặng nhọc trong khi chỉ nhận được số tiền công rẻ mạt đến như vậy.

Chúng ta cũng đã nói về tính phóng túng bông lông và mơ mộng của người Việt. Thế mà chúng ta lại cũng dễ dàng khám phá ở người dân nơi đây một đầu óc thực tế lạ lùng, nó quyết định chiều hướng tâm hồn người nông dân và trở nên một vũ khí lợi hại trong tay những người thợ mỹ nghệ. Nếu tính hay thay đổi là đặc tính của người Việt thì ta cũng phải

ngạc nhiên mà nhận xét rằng trong bọn họ có một số kẻ là những tay dai dẳng và bám riết người ta khi xin xỏ; là những kẻ sính kiện tụng không ai địch nổi; là những học sinh sinh viên quyết chí săn đuổi bằng được bằng cấp.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

Thiếu người trí thức dẫn đường

Tôi thường thấy ở mình kẻ nào khôn hơn chút đỉnh, giao thiệp với người kém hơn chút đỉnh, thuần chỉ nói dối. Đứa "ăn cắp có giấy", đứa ăn cắp chưa có cấp bằng, cũng đều một mực như thế cả. Tôi xem thấy lắm người danh dự không bằng ai, học thức không hơn ai, nhắm lại mình chưa khỏi hai chữ "đầy tớ người" mà khi ra đối với người đồng bào đồng chủng đã có ý kiêu căng, bảo ta là thầy đây! ta là ông đây! chớ không có tự nghĩ cho rằng: Thầy đây ông đây đã làm được điều gì ích lợi cho bọn chân lấm tay bùn kia chưa? Tôi cũng đã từng thấy nhiều người viết báo than thở rằng đạo đức nước nhà trụy lạc nhưng nói như nước chảy lá môn chẳng có hiệu quả gì. Vì sao vậy? Là vì các ông nói mà các ông ít chịu thực hành thì người ta không dám theo các ông cũng là phải. Huống chi luân lý các ông giảng đó tự tệ tục của chế độ chuyên chế tạo ra không chính đáng không hợp thời thì người ta không thèm nghe cũng không có gì là lạ.

Phan Châu Trinh
Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Thói quen cam chịu

Ở nhà quê, dù khốn khó đến đâu, nhiều người cũng chỉ rên rỉ trong mồm chứ không gầm gào ra ngoài miệng, đôi khi nằm bẹp chứ không chạy kêu như dân thất nghiệp bên Tây, nên không mấy người biết tới. Đó cũng là nhờ được có cái tính di truyền lành hiền và ăn hèn ở khó đã quen.

Nguyễn Trọng Thuật
Hương chính tình nghĩa, *Nam Phong,* 1927

Thiết thực nhưng lại phù phiếm

Về tính chất tinh thần, thì người Việt Nam đại khái thông minh, nhưng xưa nay thấy ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm, mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, giàu trực giác hơn luận lý[1]. Phần nhiều người có tính ham học, song thích văn chương phù hoa hơn là thực học, thích thành sáo[2] và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động. Não tưởng tượng thường bị não thực tiễn hòa hoãn bớt, cho nên dân tộc Việt Nam ít người mộng tưởng mà phán đoán thường có vẻ thiết thực.

Tính khí cũng hơi nông nổi, không bền chí, hay thất vọng, hay khoe khoang trang hoàng bề ngoài, ưa hư danh và thích chơi cờ bạc. Não sáng tác[3] thì ít, nhưng mà bắt chước, thích

1. Tự nhiên cảm thấy hơn là do suy luận mà biết.
2. Những gì đã quá quen.
3. Nói theo cách nói hiện thời, tức "sức sáng tạo" nói chung.

ứng, dung hòa thì rất tài. Người Việt Nam lại rất trọng lễ giáo, song cũng có não tinh vặt, hay bài bác chế nhạo.

Đào Duy Anh
Việt Nam văn hóa sử cương, 1938

Trì trệ bế tắc

Luôn luôn bị áp bức về kinh tế và chính trị, cuộc sinh hoạt tinh thần của người Việt thường lẩn cả vào trong tâm tưởng nên cảm giác có vẻ chậm chạp và sức phản ứng của tình cảm và tư tưởng không mau lẹ. Tính ưa hư danh - phản ứng của xã hội đẳng cấp - là một tật phổ thông của người Việt Nam hằng cố gắng tìm vượt lên trên địa vị hiện tại của mình. Tật cờ bạc - kết quả của óc tư hữu tài sản bị nghẹn lối - do cuộc sống chật hẹp gây nên cũng là một tật phổ thông. Cờ bạc vẫn gieo những ảo tưởng giàu sang vào đám dân chúng rời rạc không còn đủ tin vào sức cố gắng hay tinh thần chiến đấu của mình mà chống nạn nghèo đói nữa.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Nông nổi, hời hợt

Nhưng phong trào ở nước ta, bất cứ phong trào gì, đều có một tính chung là nông nổi, chỉ hời hợt bề ngoài. Cái mà chúng ta thiếu nhất là sự sâu sắc. Bởi ta không chịu phân tích và suy xét kỹ nên bất cứ vấn đề gì chúng ta cũng không biết được rõ ràng và chu đáo, biết một cách thấu suốt.

Chúng ta có cái đời sống bên trong rất nghèo nàn và rất bạc nhược. Những tính tình phong phú, dồi dào hay mãnh liệt chúng ta ít có. Chẳng dám yêu cái gì tha thiết và cũng chẳng dám ghét tha thiết, lòng yêu ghét của chúng ta nhạt nhẽo lắm. Chúng ta đổi lòng tín ngưỡng sâu xa ra một tín ngưỡng thiển cận và nông nổi, giữ cái vươn cao về đạo giáo của tâm hồn xuống mực thước sự săn sóc nhỏ bé về ấm no.

Thạch Lam

Theo dòng, 1941

Quá thiết thực hóa tầm thường

Người Việt không quan niệm cái gì thái quá. Từ cung điện lăng tẩm của vua chúa đến đền đài miếu mạo của dân gian, mọi thứ đều khuôn theo sở năng kinh tế và xã hội. Khuôn khổ chùa Đế Thiên Đế Thích và thành Đồ Bàn đều ra ngoài trí tưởng tượng. Về học thuật cùng tư tưởng không có chủ nghĩa siêu hình nào. Vật lộn với cuộc sống quá eo hẹp hàng ngày nơi đồng ruộng hoặc miệt mài vào sách thánh kinh hiền, người ta ít rảnh thời giờ theo cuộc suy tưởng triền miên. Cũng vì thiết thực mà người Việt tín ngưỡng để rút phần lợi ích thiển cận của tôn giáo tại ngay kiếp này nhiều hơn là mong linh hồn được giải thoát mãi tận kiếp sau.

Lương Đức Thiệp

Việt Nam tiến hóa sử, 1944

Thụ động, bất lực, buông xuôi

Họ cày ruộng, chân lội trong bùn, có khi phải ngâm mình trong nước. Có những người đi cả ngày đường chỉ cốt kiếm một gánh củi khô. Nhưng tình trạng nhân công dư dật thường khiến con người lười nhác. Họ trở nên vô tâm và hay cãi cọ. Rất nhiều chứng tật khác nhau, những vụ rắc rối về hành chính, những vụ xung đột vô cớ, được dịp nảy sinh và kết quả là bất công lại chồng chất thêm.

… Môi trường làm sa sút sức khỏe và tác động chẳng kém tới tính chất người Việt. Sức nóng thường xuyên làm cho thần kinh uể oải và con người dễ buồn ngủ. Không phải là hoàn toàn vô lý khi bảo rằng nhược điểm lớn nhất của con người nơi đây là lười biếng, hoặc ít nhất là cái khuynh hướng buông trôi, thây kệ mọi việc.

Nguyễn Văn Huyên
Vấn đề nông dân Việt Nam ở Bắc kỳ, 1939

Khi học hỏi người, thường thiếu tự tin

Cách học muốn cho bằng người thì phải biến hóa khác đi. Nay cứ toàn mô phỏng, thấy không thể theo cho bằng được, bèn sinh lòng tự tiện[1], là mình tự khinh cái tài của mình; tự tiện quá rồi tự khí[2] tự bỏ cái tài của mình, cho mình là đồ bỏ. Mà đồ bỏ thật, vì học không có cái gì dùng

1. Tự tiện đây là tự coi rẻ mình; khác với tự tiện có nghĩa làm theo ý thích.
2. Tự làm hỏng mình.

được như mẫu của người. Cũng vì thế mà bao nhiêu cái hay không còn gì nữa.

Trước khi vì học thuật nước nhà mà hy vọng, ta phải hết sức từ bỏ cái căn bệnh cẩu thả, cái tính tự tiện tự khí. Không thì về xã hội lại cứ lười biếng a dua không suy xét lựa chọn, không có cái tinh thần tự giác tự tin. Về kẻ học giả lại cứ tham cận lợi[1], nhai văn nuốt chữ, lấy học đường của nước văn minh làm con đường tất hiển vinh, học đến bao giờ cũng chung vô sở đắc[2].

Nguyễn Trọng Thuật

Điều đình cái án quốc học, 1931

Tinh thần voi nan

Còn những tật xấu riêng của người Việt ta là gì? Chỉ cần kể ra đây một cái tật đại biểu, cái tật to lớn nhất, rõ rệt nhất, có hại nhất là cái tinh thần mà tôi gọi là: tinh thần voi nan. Phải, những con voi to lớn lắm, có đủ chân đủ vòi, nhưng nó ở trong bằng nan ở ngoài bằng giấy. Trong kinh tế những cái *imprimerie* hay *boulangerie universelle*[3] chẳng hạn là những cái nhà có dăm mươi thợ làm; những đại thương cục[4] là những hiệu bán một ít khăn quàng bít tất; thì trong văn chương nhiều quyển sách là những sự bôi phết qua loa chẳng đủ tài liệu mà cũng chẳng nói ra được điều gì mới lạ. Mấy

1. Lợi ích trước mắt.
2. Cuối cùng vẫn không nắm được.
3. Tiếng Pháp chỉ các nhà in các cửa hàng bánh mì lớn.
4. Giống như các trung tâm nọ trung tâm kia thời nay.

năm nay, các bạn chắc cũng bị cái mã khảo cứu nó đánh lừa; mua quyển sách về được cái bìa là có ý nghĩa.

Một bản dịch *Ly tao* mà đem điệu *Sở từ* dịch qua loa ra lục bát là voi nan. Một tập sách nói nhảm dông dài mà gọi là tiểu thuyết; một quyển sách gọi là *Hát dặm Nghệ Tĩnh* mà chỉ góp nhặt những bài hát dặm vài huyện Nghi Xuân, Can Lộc tại Hà Tĩnh, chứ chẳng thấy tỉnh Nghệ An ở đâu: đều là voi nan cả. Voi nan để lừa độc giả, voi nan để làm tiền; kể làm sao xiết voi nan!

Xuân Diệu
Sinh viên với quốc văn, 1945

Lười biếng và hay nói hão…

Tật đầu sổ là tật lười, tật làm biếng. Lười suy nghĩ thích nhàn nhã, thích ngồi không. Nếu máu chúng ta chạy mạnh thì tất chúng ta phải xung xăng làm cái nọ cái kia chớ vô vi thì chịu sao nổi. Vậy thì trong văn học thôi ta đừng dùng cái khẩu khí hát cô đầu nữa; mà phải thế này: cúc cung tận tụy.

Thứ hai là tật "một tấc đến giời". Ngồi mà thanh tịnh vô vi thì dễ hiểu vũ trụ lắm. Ta cho vũ trụ là thế nào thì vũ trụ sẽ thế ấy chớ chi. Nhưng sự thật là ta phải đi nghiên cứu tìm tòi mới hiểu vũ trụ được.

Một tật nữa là não huyền hoặc[1], não chuộng thần quyền. Gần đây trong thơ văn có cái mốt nói chuyện *Liêu trai*. Có

1. Não ở đây là một lối suy nghĩ; nay hay thay bằng "óc".

những thi sĩ nhất định lấy hồ ly làm vợ và nếu buông cụ Bồ Tùng Linh ra thì họ không biết nói gì.

Xuân Diệu
Sinh viên với quốc văn, 1945

XII
TRÍ THỨC VÀ QUAN LẠI

Dân hư, kẻ sĩ có lỗi

Người nước ta không hiểu cái nghĩa vụ loài người ăn ở với loài người đã đành, đến nghĩa vụ của mỗi người trong nước cũng chưa hiểu gì cả. *Phải ai tai nấy*, ai chết mặc ai! Đi đường gặp người bị tai nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt cũng ngơ mắt bỏ qua, hình như người bị nạn khốn ấy không quan hệ gì đến mình.

Dân không biết đoàn thể, không trọng công ích, là bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc ham quyền tước, ham bả vinh hoa của các triều vua, mà sinh ra giả dối nịnh hót, chỉ biết có vua chẳng biết có dân.

Dẫu trôi nổi, dẫu cực khổ thế nào mặc lòng, miễn là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưởng ngồi trên, có kẻ áo rộng khăn đen lúc nhúc lạy dưới, trăm nghìn năm như thế cũng xong. Dân khôn mà chi! dân ngu mà chi! dân lợi mà chi! dân hại mà chi! Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý.

Chẳng những thế mà thôi, "một người làm quan một nhà có phước", dẩu tham dẩu nhũng, dẩu vơ vét dẩu rút tỉa của dân thế nào cũng không ai phẩm bình; dẩu lấy của dân mua vườn sắm ruộng xây nhà làm cửa cũng không ai chê bai. Người ngoài thì khen đắc thời, người nhà thì dựa hơi quan, khiến những kẻ ham mồi phú quý không đua chen vào đám quan trường sao được?!

Phan Châu Trinh
Đạo đức và luân lý Đông Tây, 1925

Người có tài cán mải chuyện dâu dâu

Người nước ta bao nhiêu kẻ có học thức, có khoa mục, có tài cán. Người thì ganh đua khoa bảng, kẻ thì luồn cúi cửa công hầu; người thì lo việc doanh sinh, kẻ thì chực tung hoành sơn thủy. Có tài có trí không ai ngồi lo tới việc làng. Có tưởng đến chẳng qua là lúc về nhà quê muốn nhân cái thế mình mà ăn trên ngồi trốc, mà người dạ kẻ vâng, cho nó mát mặt mấy thím đàn bà vô tri vô giác mà thôi, chớ ít người biết lấy cái tài lực quyền thế mình ra mà chỉnh đốn việc dân xã.

Nguyễn Văn Vĩnh
Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã,
Đông Dương Tạp Chí, 1914

Bạc nhược và không hợp thời

Những ông đồ sống một cuộc đời tối tăm và lam lũ ở nơi thôn quê. Cái học vấn của họ như một bức tường ngăn họ

không được bước vào rường hoạt động ngày nay. Rụt rè và khờ khạo, họ sống trong cảnh bần hàn. Họ thấy mình như những người khách lạ trong một thế giới kỳ dị. Vào nơi đô thị chung sống với xã hội tối tân, họ bỡ ngỡ hết sức. Hầu hết những điều người ta nói chung quanh, họ không hiểu. Bao nhiêu việc ở đời đều ra ngoài sức sai khiến của họ.

Hoài Thanh

Một lớp người đáng thương, *Sông Hương*, 1936

Quan cao chức lớn cũng sống như kẻ hạ lưu

Nghĩ như những người quan cao chức lớn, cửa rộng nhà to, mũ áo đai cân, mày đay kim khánh mà gian tham xiểm nịnh, bất nghĩa vô lương hút máu hút mủ của dân thứ để nuôi béo vợ con, như thế có phải là hạng người hạ lưu không, tưởng công chúng cũng đều công nhận. Lại nghĩ như những người Tây học Nho học, học rộng tài cao duyệt lịch giang hồ, giao du quyền quý mà quỷ quyệt giả trá, bôi nhọ ra hề, lấy văn học[1] gạt xã hội để mua cái hư danh, phụ[2] xã hội thân người ngoài[3] để kiếm bề tư lợi, như thế có phải là hạ lưu không, tưởng công chúng cũng đều công nhận.

Tản Đà

Đông Pháp Thời Báo, 1927

1. Học vấn nói chung.
2. Đối đãi không tốt, bạc bẽo.
3. Chỉ người Pháp cũng như người Tàu là các thế lực lúc ấy đang có nhiều ảnh hưởng. Trong *Đời viết văn của tôi*, Nguyễn Công Hoan từng kể là năm 1920, có cả một phong trào từ Bắc đến Nam mang tên "để chế bắc hóa" (tẩy chay hàng Tàu).

Học hành vu vơ, làm ăn nhăng nhít

Mấy trăm năm nay, thuyết minh đức tân dân[1] làm hại cho sĩ phu nhiều lắm, nhất là trong thời đại khoa cử thịnh hành. Buổi còn đang đi học thì người nào cũng nhằm vào hai chữ tân dân đó mà ôm những hy vọng hão huyền, cứ tưởng rằng mình ngày sau sẽ làm ông nọ bà kia, sẽ kinh bang tế thế, rồi mình sẽ *thượng trí quan, hạ trạch dân*, làm nên công nghiệp[2] ghi vào thanh sử[3] đến đời đời, không ngờ thi không đậu, hay đậu mà không làm ra trò chi, thì trở nên thất vọng, thiếu điều ngã ngửa người ra, tay chân xuôi lơ và bủn rủn. Còn người khác đắc thời, thi đậu ra làm quan thì lại ỷ rằng bấy lâu mình đã có cái công phu *minh đức*, nghĩa là mình đã học giỏi rồi, thì bây giờ cứ việc *thôi sở học ư sở hành*, chớ có lo chi. Bởi vậy mới có những ông thượng thư bộ hộ mà làm chẳng chạy bốn phép toán, thượng thư bộ binh mà cả đời chẳng biết đến cái lưng con ngựa ra sao cái cò khẩu súng là gì. Mà rồi ông quan nào cũng như Thượng đế cả, nghĩa là toàn trí toàn năng.

Phan Khôi
Thần Chung, 1929

Một đẳng cấp Nho sĩ trì trệ

Bị ý thức hệ nho giáo bảo thủ lung lạc, bị ngụy thuyết của bọn Tống Nho đưa lạc nẻo, bị chế độ thi cử chi phối, đẳng

---

1. Trích từ câu đầu tiên của sách *Đại học*, "Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại tân dân" có nghĩa đạo học lớn làm thêm sáng đức sáng và khiến dân luôn luôn đổi mới.
2. Cũng tức là sự nghiệp.
3. Thời cổ ở Trung Quốc dùng thẻ tre để chép sử, nên lịch sử thường được gọi là thanh sử.

cấp Nho sĩ Việt Nam không còn một chút hoạt lực[1] nào, không còn được một tính cách cấp tiến nào nữa. Bởi vậy họ đã chống tiến hóa chống cải cách. Phụ họa với triều đình, họ đã lấy cái học bã giả[2] của Tống Nho dựng một bức trường thành ngăn các trào lưu triết học khác không cho tràn tới địa hạt tri thức do họ giữ đặc quyền.

Thiếu độc lập về tư tưởng, hoàn toàn phục tùng cổ nhân Trung Hoa về cả mặt tình cảm, quá câu nệ về hình thức thơ Tàu, đẳng cấp Nho sĩ Việt Nam chỉ sản xuất ra được những lối thơ nghèo nàn. Nhiều tập thơ mài giũa công phu nhưng không chút sinh khí.

Qua ngay hình thức của thơ, ta cũng thấy rõ tinh thần bảo thủ của đẳng cấp Nho sĩ, và sự bất lực của đẳng cấp này trong mọi công cuộc sáng tạo xã hội có tính chất cấp tiến.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Đời sống nhà Nho hủ bại tầm thường

Các tật của nhà Nho đại khái như sau:

1. Tính lười nhác, làm việc gì không mấy ông chịu chăm chút siêng năng. Đi đâu thì lạng khạng rề ràng. Sáng không dậy được sớm, mà đứng dậy thì làm thế nào cũng phải ngồi ngáp một lúc, rồi nào hút thuốc, nào uống nước, nào ăn trầu, nào rửa mặt, sau mới nhắc mình lên được mà ra ngoài.

1. Sức sống.
2. Thường nói bã chã, với nghĩa cái phần dư thừa sau khi lấy hết tinh chất và thường nát ngấu nhão nhoẹt.

2. Tính nhút nhát, động làm việc gì thì lo trước nghĩ sau, không dám quả quyết làm ngay. Thí dụ như chưa đi buôn đã lo lỗ vốn, chưa làm ruộng đã sợ mất mùa. Quanh năm chỉ ngồi một xó không được một trò gì.

3. Hay nghĩ viển vông mà không lo việc trước mắt. Tiền sờ túi không một xu mà vẫn gật gù đánh chén, sánh mình với Lý Bạch, Lưu Linh. Gạo trong nhà không còn một hột, mà vẫn lải nhải ngâm thơ, tỉ[1] mình với Đào Tiềm, Đỗ Phủ. Học thì chẳng được một điều gì thực dụng mà vẫn tự đắc là tai thánh mắt hiền[2]. Nói khoác thì một tấc đến trời, mà rút lại mười voi không được bát nước xáo.

4. Ngoại giả các tính ấy, lại còn một tính rất làm cho hại việc là tính cẩu thả. Xem điều gì hoặc làm việc gì, chỉ cầu cho xong việc, chớ không chịu biết cho đến nơi đến chốn hoặc làm cho thực kinh chỉ[3] vững vàng. Lại một tính tự mãn tự túc, học chưa ra gì đã lấy làm khôn; tài độ một mẩu con đã cho là giỏi. Vì các tính ấy mà làm cho ngăn trở sự tiến hóa.

… Mấy thói trên là thói xấu ở trong tâm tính, lại còn nay chè mai chén, nay hát mai hỏng, nay tổ tôm mai tài bàn thì lại càng hủ lắm.

Nguyễn Văn Vĩnh

Nhà Nho, *Đông Dương Tạp Chí,* 1914

1. So sánh.
2. Người có tài có đức.
3. Tạm hiểu: đạt tới chuẩn mực.

Mượn danh thánh hiền để cầu lợi

Chủ nghĩa làm quan của Khổng Tử là để hành đạo cứu thời, còn cái chủ nghĩa làm quan của người mình là để cầu danh cầu lợi. Thế nhưng có ai chỉ trích đến chỗ đó thì người ta lại lấy Khổng Tử ra làm xương sống. Rất đỗi[1] lại có người cho sự làm quan là cái bổn phận của mình, không làm không được. Cái bụng dạ thì chưa chắc là bụng dạ của Khổng Tử song cái kiểu cách thì thật là kiểu cách của Khổng Tử đó.

Phan Khôi

Cái chủ nghĩa làm quan, *Thần Chung*, 1929

Quan trường hư hỏng

Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại. Cái người bị đuổi đi đã đành là không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu?! Cái người bị cách[2], vẫn là gian tham mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết! Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại được thăng được thưởng; ở nơi này can khoản[3] lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu, cũng có hại gì đâu. Lâu rồi quen đi, đứa càn rỡ lại càng càn rỡ, chỉ lo đem tiền đi mua quan; đứa biếng lười lại càng biếng lười chỉ biết khóa miệng cho yên việc. Mũ áo thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều,

1. Theo *Đại Nam quốc âm tự vị*: Lắm lắm, bậc trên hết. Có thể hiểu như *thậm chí*.
2. Cách chức, ngược với "bổ" là giao việc.
3. Bị vướng vào một tội nào.

ông kia là đại lại[1] các tỉnh, chỉ biết có một việc là ngày đi hội thương[2] hay ra công đường xử kiện, còn hỏi đến việc lợi bệnh[3] trong nước hay là trong một tỉnh thì mơ màng chẳng biết một chút gì.

Còn đến việc đút lót người trên, sách nhiễu kẻ dưới thì không cứ là quan to quan nhỏ, đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, dẫu có ai bàn nói đến cũng không kể vào đâu.

Phan Châu Trinh

Thư gửi chính phủ Pháp, 1906

Cả người có học cũng dễ trở nên tầm thường

Coi sự giật bằng là cứu cánh, coi học vấn là phương tiện, nên sau khi nhờ bằng cấp đưa lên đài danh vọng, người ta liền vứt sách cho vở. Rồi lâu dần không hấp thu được sinh khí do kiến văn học thức mới mang lại, óc người ta sẽ han rỉ, cả cái học vấn khi xưa tích lũy để đi thi cũng tiêu tan mất, để rớt lại họa chăng một mớ danh từ rời rạc và một vài tư tưởng hàm hồ. Người đỗ đạt xưa kia trở lại thành một người tầm thường lạ, có khi lạc xuống dưới cả mức trí thức trung bình nữa.

Đinh Gia Trinh

Học khoa cử, *Thanh Nghị,* 1944

1. Cũng nghĩa như chức quan lớn.
2. Ngày nay hay dùng "hội họp".
3. Tức lợi hại; từ Hán, nay ít dùng.

E dè sợ sệt khi đến cửa quan

Một cái thiên kiến rất trái ngược với đời nay và hiện còn phổ biến trong dân gian lắm, là cái thiên kiến coi quan là *dân chi phụ mẫu*, sợ quan như sợ cha mẹ, sợ thánh thần. Bởi dân sùng phụng mê tín quan như thế, nên quan mới có kẻ tác ác tác hại được như thế.

Cũng bởi dân sùng phụng mê tín quan như thế nên kẻ nào chưa được quan thì cầy cục cho kỳ được, kẻ nào đã được quan thì hết sức mà giữ lấy, cử quốc[1] xô đẩy nhau về một đường ấy, ngoại giả không còn có học vấn, không còn có tư tưởng, không còn có sự nghiệp, không còn có công danh gì nữa, bao nhiêu cái khôn cái khéo chỉ dùng để ăn quẩn lẫn nhau, diễn ra trong xã hội một cái bi kịch có thể gọi là "gà què ăn quẩn cối xay".

Phạm Quỳnh

Phụ mẫu dân hay công bộc dân, *Nam Phong*, 1926

Việc quan hỗn hào lẫn lộn

Các cụ ngày xưa quá tin vào sự nhiệm màu của đạo Khổng. Họ tưởng rằng lầu thuộc *Tứ thư, Ngũ kinh*, học hết mấy pho sử, làm được câu thơ bài phú là có đủ đức hạnh để dạy dỗ dân, đủ tài kinh luân để đưa dân đến cõi hạnh phúc. Họ tưởng rằng đã là sĩ phu, thì là một người hoàn toàn, một đấng thánh hiền, nên họ mới phó thác cho trách nhiệm quá nặng.

1. Cử quốc: cả nước.

Những quyền hành lớn ấy, từ xưa đến nay, quan trường vẫn nắm trong tay, tuy rằng cuộc sinh hoạt của dân chúng đã đổi thay nhiều lắm. Một ông huyện chẳng hạn, không biết rằng chức phận của mình là phải làm những việc gì nữa. Ông ta là một ông quan tòa lúc xử việc kiện tụng, một ông cẩm[1] lúc coi sóc việc trị an, một viên chức sở lục lộ[2] lúc thúc dân hộ đê... Đó là không kể cai trị là công việc chính của ông ta. Bấy nhiêu nhiệm vụ hỗn hào lẫn lộn là một điều khó khăn cho ông quan mà cũng là cái mầm cho sự lạm quyền. Và đối với những ông quan không theo đuổi một lý tưởng gì cao siêu, đó lại là một cái mầm cho sự ăn tiền.

Hoàng Đạo

Bùn lầy nước đọng, 1939

Đã thành bia miệng trong dân

Khi chưa được làm quan thì lo lót luồn cúi để được làm quan; khi đã được làm quan thì cho rằng cái cầu phú quý đã tới nơi rồi, mất hết cả cái đức tính liêm sỉ, quên hết cả cái giá trị thanh cao. Mài dao cho sắc mà khoét xương dân, há họng cho lớn mà hút máu dân. Những câu cửa miệng "túi tham không đáy", "đèn trời thắp bằng mỡ dân", "cướp đêm là giặc cướp ngày là quan" đã là cái bằng cấp danh dự của đám quan trường kia vậy.

Trần Huy Liệu

Một bầu tâm sự, 1927

1. Cảnh sát.
2. Sở giao thông.

XIII
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VÀ HỌC THUẬT

Văn chương phù phiếm, toàn giọng bi thương

Xét các lối văn chương của ta, vừa lối riêng, vừa lối theo của Tàu, kể ra thì cũng nhiều và cũng đủ cách. Song hiềm vì trong lối văn chương, phần nhiều là hay dùng cách tiểu xảo, đối chọi nhau từng chữ từng ý, mà nhất là thơ hay tìm những tiếng mong manh, những lời bóng bảy, khí nhỏ nhặt tỉ mỉ, kém khí hùng hào. Vả lại hay chuộng lối phù hoa, quý hồ đặt cho đẹp câu, đọc cho sướng tai, mà rút cục thì không có lý tưởng nào là cao lạ.

Lại còn một cách, nói thật là viển vông huyền huỳnh[1], khiến cho người nghe tưởng là cao kiến lắm mà kỳ thực thì toàn là lời tưởng tượng, vu khoát[2] tựa như bức tranh vẽ của ta chỉ thấy nét xanh nét đỏ vẽ rồng vẽ phượng, trông thì choáng mắt, mà té ra không có nét nào thực cả.

Lại nhất là những điều ai oán, những khúc bi thương, những tiếng bổng tiếng trầm, thánh tha thánh thót như dế kêu, như ve hót, ta thường cho là hay mà thực ra thì là một thứ tiếng hèn mọn yếu ớt, không cổ động được cái khí mạnh mẽ cho người ta.

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

1. Xa xôi, mờ mịt.
2. Bịa đặt, không bảo là có.

Đằng sau thói quen dẽo gọt là sự nhu nhược

Văn chương gọt từng tiếng khác nào như người gọt củ thủy tiên, cái lá này bắt cho quăn, cái giò kia hãm cho thấp, trông thì hoa nở đều nhau đẹp đẽ nhưng động vào đã gãy, để chưa mấy ngày đã úa. Cốt lấy cái khéo nhỏ nhặt làm mất đi cái khí mạnh, gọi là "nhu nhược chi văn chương"!

Phan Kế Bính
Việt Nam phong tục, 1915

Thị hiếu tầm thường

Cái lý thú của nước Nam ta nhỏ mọn lắm. Kìa cái đồng hồ từ tám mươi đời thì quấn vải tây điều, kết quả găng. Nọ núi non bộ khéo chắp tỉ mỉ trong trồng cây uốn con phượng. Cầu quán con con, thuyền bé lí tí. Câu đối với tranh thì hết *tứ thời phong cảnh* lại đến *thiên lý giang sơn*. Thi họa nhỏ nhen, thi chẳng ra thi họa chẳng ra họa. Giang sơn treo cửa sổ, sơn thủy để đầu giường. Hoành phi câu đối thì chữ nghĩa đẹp phẩy mác hơn đẹp ý tình[1]. Đồ chạm đồ cẩn thì tỉ mỉ con dơi giả quả mướp non, người ngoại quốc mua cho cũng là thương công hơn trọng khéo. Ghế giường bàn tủ dáng dấp nặng nề. Nói tóm lại thì người Nam mình chưa cái gì là cái khéo. Mà càng bắt chước Tây bắt chước Tàu bao nhiêu càng xấu bấy nhiêu. Người mỗi ngày một hay, vi xảo là thông ngôn ông Tạo hóa[2].

1. Phẩy mác là tên gọi các nét trong chữ Hán, ở đây ý nói chỉ đẹp bề ngoài.
2. Vi xảo: sự kỹ lưỡng khéo léo; ở đây ý nói sự hoàn chỉnh của sản vật đạt đến mức như là tự nhiên sinh ra đã vậy.

Ta mỗi ngày một đổ[1], vi xảo là cơn hứng chí điên cuồng. Học chẳng phải mà bắt chước chẳng phải. Xảo nghệ muốn noi theo ngoại quốc, là phải noi lý tưởng chớ không nên bắt chước phù hoa. Kẻo mà khéo thêm ra chẳng thấy đâu, lại đang nghề nguyên lành hóa nghề lang lổ[2].

Nguyễn Văn Vĩnh
Đăng Cổ Tùng Báo, 1907

Không có hiểu biết thì làm sao nghĩ chuyện tranh dấu?

Đời Trần Nhân Tông niên hiệu Thiên Bảo (1280) năm thứ hai, thổ tù ở Đà Giang là Trịnh Giốc Mật làm phản, vua sai Trần Nhật Duật đi đánh dẹp. Nhật Duật biết tiếng Mường, lại biết phong tục như ăn bốc uống ngụp, người Mường rất mừng. Mật dẫn cả gia thuộc ra hàng. Ôi! Là một vị thân vương mà thông hiểu được tiếng người các xứ xa xôi, đó cũng là một người khai thông[3] thứ nhất vậy! Tôi nay làm một người dân thuộc địa của Pháp mà hỏi tiếng Pháp chữ Pháp như câm như điếc, thì tranh đấu làm sao? Ở vào thời đại giao thông[4], phải cùng người ngoài tranh cạnh[5], mà tôi ngu lậu như thế này, nhìn tấm gương xưa càng thêm tự thẹn cho mình nhiều lắm. Giữa thời đại cạnh tranh mặc sức này, việc học tập ngôn ngữ

1. Kém đi, hỏng đi.
2. Nghĩa như nhố nhăng.
3. Tức người mở đường trong một sự nghiệp nào đó.
4. Ý muốn nói thời đại các dân tộc mở rộng giao lưu tiếp xúc.
5. Cũng như tranh đua, nhưng không có nghĩa muốn hơn người khác, giành chỗ của người khác, như chữ cạnh tranh ngày nay vẫn dùng.

đã là việc thường, vậy làm sao để có được mấy trăm người như Trần Nhật Duật.

Phan Bội Châu
Việt Nam quốc sử khảo, 1908

Tưởng thật mà hóa dối

Văn chương ta từ trước tới nay vì bó buộc quá đỗi nên luôn luôn đi bên cạnh sự giả dối, sự bịa đặt. Nhà văn chỉ lo viết thế nào cho đúng với lẽ phải của xã hội mà không cần đúng với sự thật tự nhiên[1]. Văn chương thành ra một cách để dối mình và dối người.

Cây trên rừng muôn ngàn lá không có hai lá giống nhau. Trong rừng người cũng vậy, chưa từng thấy hai người hình dung giống hệt nhau. Hình dung còn thế huống chi nữa tinh thần.

Văn chương ta có vẻ buồn tẻ nghèo nàn, các nhà văn ta ít thấy khác nhau vì họ tự dối mình, vì họ không đủ cái thành thực để phô diễn tâm linh của mình, vì họ tự giam mình trong vòng khách sáo.

Hoài Thanh
Thành thực và tự do trong văn chương,
Tao Đàn, 1939

1. Trong xã hội học có phân biệt cái tưởng là sự thật, đang được mọi người trong xã hội công nhận và cái sự thật đúng như nó có, song chưa được phát hiện và nhận thức thấu đáo; ở đây ý nói nhà văn ta chỉ biết loại sự thật thứ nhất.

Văn chương nặng về chơi bời đùa bỡn

Ở nước ta, kẻ học khi chưa đỗ thì chăm về văn khoa cử, khi đỗ rồi thì chăm về văn thù ứng[1]. Có những người nổi tiếng mà nhan nhản những bài hết tự tặng người này lại đâng người khác, té ra trời phú cho ông ấy cái văn tài lỗi lạc là để đi thù phụng thiên hạ. Vậy nếu tôi nói một ngàn năm nay người An Nam làm văn chữ Hán chỉ chuyên có hai lối khoa cử và thù ứng và trong văn học chỉ sở trường một cách *jeu de mots*[2] mà thôi, thì cũng chẳng quá nào!

Phan Khôi

Khái luận về văn học chữ Hán ở nước ta,

Tao Đàn, 1939

Điểm xuất phát quá thấp

Cái mà ta gọi là tư trào văn học do chế độ phong kiến và chế độ thực dân để lại chỉ là những hình thái hết sức gầy còm bạc nhược. Nền văn học bình dân chưa được phát triển. Bản sắc của dân tộc luôn luôn bị bóp chẹt dưới tư tưởng bản xứ xưa kia, nghĩa là kẻ học trò của tư tưởng phong kiến Trung Hoa, và sau đó là tôi đòi của chủ nghĩa thực dân Pháp. Tất cả tư trào văn học chính thức là nhặt vét trên mép mấy bộ *kinh, sử, tử, tập* của Trung Hoa đưa qua. Sau đó là những vẩy sơn hào nhoáng nhặt được trong văn học cổ điển Pháp đã hoàn toàn biến chất trên tập chương trình các trường Pháp Việt khắp các cấp. Công tác nghiên cứu văn học cổ không có cơ

1. Thứ văn thơ làm khi giao tiếp khoản đãi nhau.
2. Chơi chữ.

sở không có phương pháp. Bắt chước người ngoài chỉ đi đến chỗ hy sinh tất cả bản ngã. Cho nên trong công cuộc sáng tác, so với người ngoài thì nhà văn Việt Nam là những lực sĩ đi dự một cuốc chạy việt dã mà phải bắt đầu chạy sau người ta đến mấy thế kỷ.

Đặng Thai Mai
Văn học bình dân và văn học cao cấp, 1948

Văn chương mòn sáo

Nếu bây giờ có một người Đức, hay một người Nga, hay một người Anh, muốn tìm trong các văn phẩm của chúng ta để xem dân tộc Việt Nam cảm nghĩ thế nào trước tấn kịch thống thiết và náo nhiệt của hai nền văn minh Đông Tây gặp nhau, hoặc trước thiên nhiên, trước nhân sự[1], trước cái chết, thì người ngoại quốc ấy sẽ hoàn toàn thất vọng. Người ấy sẽ chỉ nhận thấy trong phần nhiều các văn phẩm của ta, những cái máy truyền thanh rẻ tiền nó nhắc lại tất cả những điều mà người ấy thừa biết tự bao giờ.

Lan Khai
Thiên chức của văn sĩ Việt Nam, *Tao Đàn*, 1939

Mô phỏng đã thành thói quen

Hết thảy mọi phương diện, chẳng hạn, từ văn học tới nghệ thuật - chúng ta đều ăn của người, nhưng đã biết hóa để làm của riêng của mình chưa?

1. Theo nghĩa dùng trước 1945, thì nhân sự chỉ chung việc đời, chứ không phải là việc tuyển dụng, sắp xếp quản lý người, như hiện nay.

Bình tĩnh mà xét, từ hình thức đến tinh thần ta nay cũng có một đôi phần tiến. Nhưng cái óc mô phỏng hãy còn rõ sờ sờ trong hết thảy mọi mặt.

"Chúng ta phải làm con cháu của cổ nhân chứ không nên làm nô lệ của cổ nhân". Đối với cổ nhân ta nay còn phải dè dặt thay, huống chi đối với *gió bốn phương*, há lại nên bạ chiều nào che chiều ấy?!

Hoa Bằng
Phải có cái gì để làm đặc tính của người mình chứ?
Tri Tân, 1941

Không biết quý sự thật

Một khối tình như tình cha con, mẹ con không lẽ lại có một giống người nào không có. Văn chương ta không nói đến cũng vì các nhà văn từ xưa đến nay chỉ chạy theo những điều giả dối, những điều bịa đặt, không chịu nhìn sự thật.

Cái thói giả dối ấy thịnh hành đến nỗi ngày nay ở các trường, các bạn học sinh ta mỗi lần phải làm luận[1], như phải nhắc lại một điều ký ức hồi nhỏ chẳng hạn, thì ai nấy đều vội bịa ra một câu chuyện tưởng tượng. Người ta không nghĩ rằng cái rực rỡ, cái dồi dào của tưởng tượng, tài tình đến bậc nào mặc dầu, vẫn không sánh được với cái rực rỡ, cái dồi dào của sự thật, nếu ta biết nhìn sự thật.

Hoài Thanh
Về văn học, xứ ta cũng còn là một đất hoang,
Sông Hương, 1936

1. Nay gọi là môn tập làm văn.

Thiếu chất nhân văn, chỉ chạy theo những điều giả dối

Trong quyển *Le Français par les textes*[1], tôi đọc được một đoạn ký ức của văn sĩ Nga L. Tolstoi, nhắc lại cái tình mẹ đối với con và con đối với mẹ trong hồi còn thơ ấu. Một đoạn văn bình dị mà cảm động vô cùng.

Rồi tôi cố tìm lại trong văn thơ ta một đoạn tương tự như vậy. Thì ra cái xứ vẫn nổi tiếng là hết sức tôn sùng đạo hiếu này lại không hề có một tác phẩm văn chương ca tụng tình cha con, mẹ con.

Những bài ca *Nhị thập tứ hiếu* chỉ là những bài ca khuyến hiếu[2]. Cho đến quyển *Kim Vân Kiều* cũng chỉ là một bài ca khuyến hiếu. Ở trong ấy chỉ có những điều bắt buộc của lễ nghi của luân lý mà không sao tìm thấy cái tình đối với song thân hồn nhiên, chất phác mà trời đã phú cho con người.

Vì sao lại có sự lạ lùng vậy? Hay là cái tình cha con, mẹ con ở xứ mình quá ư bạc nhược, nên người ta phải mượn luân lý để ràng buộc lại?!

Hoài Thanh

Về văn học xứ ta cũng còn là một đất hoang,
Sông Hương, 1938

1. Tiếng Pháp qua các bài khóa.
2. Khuyên người ta phải có hiếu.

Nhắm mắt bắt chước cốt kiếm lợi

Làng văn làng báo ta, cũng như nhiều giới khác, phần đông kém trí phán đoán thường hay nhắm mắt theo người. Những cái bệnh ấy, không phải bây giờ mới phát mà có lẽ nó là một chứng di truyền đã mấy ngàn năm và ăn sâu vào mạch máu nhiều người! Xưa học chữ Hán không dám nói khác với những kiến giải của tiên Nho, không dám đi trật ra ngoài khuôn sáo của tiên hiền, cắm đầu nhai lại những bã rã của cổ nhân mà không nhớ đến thời gian. Nay xếp đặt một tờ báo, chỉ muốn theo cho được một tờ báo Tây, từ cách dùng chữ đến lối đặt câu, làm như dịch theo nguyên văn của người ngoại quốc.

Hồi 1926 - 1929, thấy một vài tờ báo một vài cuốn sách đeo cái lá nhãn ái quốc, người ta cũng ùa ạt đổ xô làm nghề buôn ấy, lúc nào cũng đạo mạo nói ra những lời cổ động, những giọng hăng hái nhiệt thành. Nhưng cạn ao bèo đến đất, những thứ văn tự nhận là mang đầy tâm huyết ấy chỉ là một lối đầu cơ kiếm lời.

Hoa Bằng
Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta,
Tri Tân, 1942

"Tiểu thuyết của phường coi cổng"

Hiện bây giờ, những người gọi là trí thức của ta đều đào tạo ở hai trường Tây và trường Tàu. Hạng đào tạo ở trường Tàu - nói là hạng học từ chương cử nghiệp cuối mùa thì đúng hơn - bây giờ tàn tạ rồi. Còn hạng ở trường Tây ra, vì phải uốn theo khuôn khổ Tây, không thành người Việt nữa…

Không ở hai trường ấy ra mà lại làm văn sĩ thì thành hạng văn sĩ quốc ngữ, hạng chẳng có trí thức chi chi hết, chỉ múa mép láo mấy câu sáo cũ, mấy lời rỗng tuếch chẳng có ích gì cho văn học, văn hóa một nước nào cả. Văn sĩ ta bây giờ chỉ có thể rơi vào hai cái bị. Một là cái bị Tây là bị lơ lửng giữa trời, không Tây không ta; hai là cái bị quốc ngữ.

Cổ lai không có nước nào mà cái nghề làm văn sĩ lại dễ dàng rẻ rúng quá như ở nước ta hiện giờ. Ta thử đọc những cuốn tiểu thuyết bình dân, những cuốn tiểu thuyết bên Pháp gọi là "tiểu thuyết của phường coi cổng". Đọc những cuốn ấy, ta thấy rằng tác giả của chúng tỏ ra là người có trí thức ít ra cũng qua bậc trung học rồi, nghĩa là có phổ thông trí thức rồi. Những cuốn tiểu thuyết hay nhất của ta bây giờ, giả lắm chỉ bằng những cuốn tiểu thuyết của phường coi cổng bên Pháp mà thôi!

Nguyễn Triệu Luật

Làm sao mà gây được một nền văn hóa riêng,

Tao Đàn, 1939

Văn chương già nua

Tinh thần thượng võ tuyệt nhiên không thấy trong lịch sử ta. Cái ước muốn cao nhất của người mình là sống một cuộc đời an nhàn, bình tĩnh, hưởng thú vị gió mát trăng thanh, cho dầu một đôi khi các thú vị đó không khỏi lẫn đê hèn, nhục nhã…

Các văn sĩ ta xưa nay ngâm vịnh gì cũng ít khi ra khỏi những cảm giác những tình ý nhẹ nhàng, yếu đuối. Văn chương ta có thể nói là một thứ văn chương đàn bà.

Các nhân vật trong tiểu thuyết trong thi ca ngày nay phần nhiều đều có vẻ ngây ngô. Những cử chỉ những ái tình của họ cũng có vẻ ngây ngô.

Cái ưa thích này đã tỏ ra rằng dân tộc ta là một dân tộc già.

Hoài Thanh
Cần phải có một thứ văn chương mạnh mẽ hơn,
Tiểu Thuyết Thứ Bảy, 1935

Kiếp người bấp bênh văn chương sầu não

Sự đơn điệu tẻ nhạt của cảnh sắc thiên nhiên, tính chất chu kỳ của thiên tai, sự cách biệt của các nhóm người, sự phân chia nam nữ, nền giáo dục khắc nghiệt và khô khan khiến người Việt thiên về u buồn và sầu não. Cá nhân bị giam hãm một cách chặt chẽ và giả tạo trong những khuôn khổ cứng nhắc như gia đình và làng mạc đến nỗi họ không quan niệm nổi họ có khả năng hành động một mình. Vì thế khi môi trường chung quanh không còn giữ họ lại bằng những mối ràng buộc thông thường mà lễ giáo quy định, người ta dễ đắm mình vào những bài hát buồn bã u sầu, khiến mọi nỗ lực trí tuệ tiêu tán. Nền văn hóa vốn thấm nhuần lòng từ bi Phật giáo cũng góp thêm phần dồn nén các dục vọng cá nhân. Rồi quan niệm siêu hình của đạo Lão khiến nhiều tác giả thiên về một cái nhìn bi quan sâu sắc và một sự mỉa mai chua chát. *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Thu dạ lữ hoài ngâm* cũng như tác phẩm của Trần Tế Xương, Trần Tuấn Khải, Nguyễn Khắc Hiếu chỉ là những tiếng vọng của nỗi đau nhân loại. Trong nhiều tác phẩm khác, ta luôn luôn thấy

cùng những đề tài giống nhau về nỗi đau khổ, ước mong và hối tiếc, phản ánh tất cả sự dồn nén tinh thần của cá nhân, hoặc gần như vậy, sự sợ hãi muôn thuở của một kiếp người bấp bênh, một cuộc sống chật hẹp.

Nguyễn Văn Huyên
Văn minh Việt Nam, 1944

Xu thế trang sức quá nặng

Nghệ thuật Việt Nam thường bị bó buộc trong lề lối cổ. Phải tôn trọng những phép tắc xưa, cho nên nhà nghề tài giỏi mấy cũng chỉ phỏng lại những hình thức có sẵn cho khéo, chứ không được theo tự ý mà sáng kiến những cách thức mới. Nhà nghệ thuật Việt Nam không phải là người biểu diễn ý chí tâm tình của mình cũng không phải người quan sát và biểu hiện tự nhiên mà chỉ là người giỏi bắt chước những kiểu mẫu sẵn. Có muốn hơn người thì họ chỉ cốt ra tay cho khéo cốt làm cho thật tỉ mỉ, thật tinh tế, thật dụng công, chỉ cốt xếp đặt các bộ phận cho xinh xắn lộng lẫy. Tính chất đặc biệt của nghệ thuật Việt Nam là tính trang sức. Nó thiếu hẳn hoạt khí, vì cách biến hóa tuy lưu động mà ở trong phạm vi hình thức, cách phối hợp tuy phiền phức mà ở trong phạm vi thái độ chế kiểu.

Đào Duy Anh
Việt Nam văn hóa sử cương, 1938

Những nhạc điệu rời rạc, ẻo lả

Âm nhạc Việt Nam hãy còn ấu trĩ. Nhạc khí thô lậu chỉ đủ cho sự chơi cá nhân hay gia đình chứ không hợp với lối

chơi công cộng, lại không biết rõ khoa âm hưởng học[1] nên sự lựa chọn chắp ghép hóa hợp cao độ của mỗi âm mỗi tiếng không theo một định luật nào cả. Nhạc phổ[2] không có, sự thống nhất trong các bản các bài cũng thiếu hẳn. Bởi vậy thường cùng một bài mà mỗi người chơi theo một cách, với những tiếng lèo tiếng đệm âm gió thêm vào hay rút bớt đi, tùy ở sở thích riêng.

Nhạc cổ Việt Nam chỉ gợi được những cảm giác uể oải, yếu ớt bằng phẳng như cánh đồng lúa kéo đến tận chân trời. Sóng âm không bao giờ đột ngột vút lên hạ xuống làm cho các giác quan bị kích thích mạnh mẽ để nâng tâm hồn con người lên tới cái buồn thanh cao hoặc cái vui tráng lệ.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Tinh hoa trở thành phù phiếm

Lệ trường quy rắc rối và hà khắc. Một nét phẩy bỏ sót, một chữ tên húy lỡ phạm phải, một vết mực làm tì ố quyển thi, một lời bình luận trái với tư tưởng Tống Nho[3], hoặc một ý kiến mạnh dạn cũng đủ làm cho kẻ ứng thí[4] nếu không bị đánh hỏng cũng bị khép vào một tội vu vơ. Sáng kiến của mỗi cá nhân bị dập tắt, tư tưởng của cá nhân bị đàn áp. Cả

1. Ở đây có lẽ tác giả muốn nói tới những hiểu biết cần thiết giúp cho việc phối âm phối khí.
2. Bản nhạc được ghi trên giấy.
3. Bộ phận bảo thủ cứng nhắc nhất trong đạo Nho.
4. Dự thi.

cái phần tinh hoa của dân chúng Việt Nam chỉ còn một lối duy nhất để tiết ra: văn chương phù phiếm.

Lương Đức Thiệp
Xã hội Việt Nam, 1944

Chỉ suy nghĩ bằng khuôn sáo

Trong phạm vi học thuật, các nhà Nho nước ta chưa hề gây dựng được những tác phẩm vĩ đại, hoặc góp được công phu độc đáo vào trong tư tưởng thế giới.

Vì rằng chỉ suy nghĩ bằng khuôn sáo tư tưởng văn chương nước ngoài thì làm thế nào mà sáng tác được cho văn học quốc gia. Các cụ già cụ non vẫn tán dương Khổng học, Hán học và Nho giáo, mà không biết gì là Nho là Khổng là Hán cả. Một nhà Nho nước ta đã phê bình "những người vì từ chương mà nổi tiếng thì gọi là danh Nho, nhưng tìm cho được người hiểu biết cái thực học Nho giáo thì không có". Đây không phải là lỗi của họ nhưng đấy vẫn là một sự thực.

Đặng Thai Mai
Địa vị văn hóa Trung Quốc trong học thuật nước ta sau này,
Thanh Nghị, 1945

Một nền nghệ thuật thiếu tư tưởng

Trong lịch sử ta biết bao thế hệ nhà Nho kế tiếp nhau mài miệt trong sách vở của thánh hiền mà nào có sáng tác được gì đâu.

Ta không có một nền quốc học nếu quốc học là học thuật riêng của nước. Trải qua mấy ngàn năm lịch sử ta cơ hồ không

có sáng tác gì về học thuật. Ấy cũng vì ta kém óc trừu tượng khái quát, điều kiện căn bản để phát minh về tư tưởng.

Người phương Tây rất ngạc nhiên thấy ta hôm qua chỉ biết có *Tứ thư, Ngũ kinh* mà hôm nay bỗng tin theo những thuyết rất mới mẻ rất cấp tiến của khoa học hiện kim. Họ không biết rằng học thuật tư tưởng không phải là những căn bản tinh thần của dân tộc ta. Tư tưởng nào có lợi cho đời sống của dân tộc thì ta theo, nhưng một khi tình thế đổi thay, tư tưởng ấy trở nên có hại cho đời sống chung ta sẽ trút bỏ dễ dàng không tiếc hối.

Hoài Thanh

Có một nền văn hóa Việt Nam, 1946

Phần 2

Tổng thuật thói hư tật xấu của người Việt[1]

- Trần Văn Chánh -

1. Bài đăng trên Tạp chí *Nghiên Cứu & Phát Triển* (Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên - Huế), số 3-4 (110-111), 2014 (phát hành tháng 7.2014). Trong quá trình biên tập chúng tôi có lược đi một vài đoạn, những chỗ lược bỏ ấy được thay thế bằng dấu [...].

MỞ ĐẦU

Thời gian gần đây, nhiều người được biết đến câu chuyện một nữ tiếp viên hãng hàng không Vietnam Airlines bị bắt tại Nhật do nghi ngờ xách lậu hàng ăn cắp về Việt Nam. Văn phòng của Vietnam Airlines tại Tokyo bị lục soát, tổ bay bị điều tra, cảnh sát Nhật nói họ nghi ngờ có khoảng 20 nhân viên của hãng hàng không này liên quan đến vụ xách lậu (xem báo *Tuổi Trẻ*, 27.3.2014). Chuyện tưởng nhỏ nhưng liền sau đó trở nên lùm xùm, nhưng không phải đối với người Nhật, mà lại đối với người Việt Nam. Báo chí trong nước lên tiếng. Người ta cho đây là hành động gây tiếng xấu chung cho uy tín người Việt.

Thật ra, chuyện người Việt khá thường ăn cắp đồ tại các siêu thị ở Nhật hay ở một số nước khác không mới lạ. Ông Tai Odata, một nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam hiện đại, trong một bài trả lời phỏng vấn báo *Tuổi Trẻ* (31.3.2014), cho biết người Việt (gồm cả người lao động xuất khẩu và người định cư) hay ăn cắp một số đồ vật như xe máy, máy ảnh, máy quay phim, mỹ phẩm,... và khi bị cảnh sát bắt thường chối tội không chịu khai thật (khác với người Nhật quen khai thật). Người ta hỏi ông Odaka nghĩ gì khi ngày càng nhiều người nói đến cụm từ "người Việt xấu xí" thì ông tế nhị không trả lời

thẳng, mà nói quanh co bằng cách so sánh một vài tính cách khác biệt giữa người Việt Nam với người Nhật (như người Nhật có thói quen giữ vệ sinh trong ăn uống hơn, tôn trọng giờ giấc hơn, trong giao tiếp nói nhiều câu "Cảm ơn" hơn…).

Nói "không mới lạ" vì chuyện người Việt có thói quen ăn cắp vặt từ lâu đã "nổi tiếng" ở nước ngoài. Ông Nguyễn Ngọc Hà, một độc giả tham gia diễn đàn "tính xấu người Việt" trên báo *Tuổi Trẻ*, kể lại: "Năm tôi học tiểu học, tức đã 50 năm trôi qua, tròn nửa thế kỷ. Thầy tôi, thầy Huỳnh Quốc Tuấn, dạy Pháp văn nổi tiếng thời đó, đi Pháp về và ông đã chia sẻ: 'Đi sang Pháp thấy thấy nhục nhã quá. Ngay trên bãi biển… (thầy có nói tên nhưng tôi quên rồi) có hàng chữ "Coi chừng người ăn cắp vặt Việt Nam" (Attention aux voleurs Vietnamiens). Thầy cho biết người Việt nổi tiếng ở Pháp về thói ăn cắp vặt. Câu chuyện đó tôi nghe và quên đi… Giờ đây, qua báo chí tôi đã biết trên thế giới ngoài nước Pháp còn có những cảnh báo về thói xấu này. Tại sao nhiều người có tính "táy máy" đến vậy?" (*Tuổi Trẻ*, 13.4.2014).

[…]

Từ gần thế kỷ trước, ngay trong quyển *Việt Nam sử lược* (in lần đầu năm 1919), phần đầu sách viết về "Người Việt Nam", cụ Trần Trọng Kim đã đưa ra những nhận xét về tính cách tốt, xấu của người Việt theo kiểu chân thật thấy sao viết vậy, nhưng trong một bản in tái bản vào năm 1999, một nhà xuất bản nọ đã biên tập cắt bỏ hết những đoạn "nói xấu" về người

Việt, chỉ giữ lại phần "hơi xấu" hoặc "tốt". Đối chiếu lại nguyên văn thì thấy ngay phần nhận xét "xấu" đã bị cắt bỏ: "*Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma quỷ, sùng sự lễ bái, nhưng mà vẫn không nhiệt tin tông giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác…*" (xem *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1999).

Nhận xét khá đúng, nhưng vì tâm lý vẫn muốn che tránh những sự thật "bất lợi" nên người ta phải biên tập bỏ bớt. Nên nhớ rằng, các cán bộ biên tập nhà xuất bản tùy tiện làm như thế chẳng phải không lý do, mà do họ đã được đào tạo kỹ nên lúc nào cũng sợ bị quy kết sai quan điểm lập trường dân tộc hay lập trường giai cấp này khác, với hậu quả tai hại là nếu làm sai ý cấp trên, nhiều khả năng họ có thể bị phê bình, thậm chí cách chức. Ở đây, còn lộ ra thêm khuyết tật người công chức Việt Nam luôn nơm nớp lo sợ, thiếu trung thực, và thường phải giữ kỹ ý tứ để bảo vệ nồi cơm thay vì hành động, quyết định theo đúng lương tâm chức nghiệp của mình.

Những thái độ "dè dặt" trong mấy câu chuyện kể trên, thật rất khớp với câu nói khá nổi tiếng của nhà văn - nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn: "Thói xấu lớn nhất của người Việt là rất sợ nói về thói xấu của mình".

Ngày nay, đọc khắp các sách biên khảo và giáo khoa của Việt Nam được biên soạn trong suốt hơn nửa thế kỷ (chủ yếu từ sau 1954), đặc biệt về các môn chính trị, sử địa, văn học,…

không đâu thấy có một chữ nào nêu lên tính cách xấu của người Việt, nước Việt, trái lại đọc tới đâu cũng thấy toàn "con Rồng cháu Tiên", "bốn ngàn năm văn hiến", "rừng vàng biển bạc", "nhân dân ta rất anh hùng", (đều là những tiểu mục ở đầu sách *Sổ tay văn hóa Việt Nam* của Trương Chính, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1978), "yêu nước, yêu lao động, hi sinh, dũng cảm, bất khuất…". Đây là cách chỉ muốn dạy cho học sinh thấy toàn một chiều về mặt tốt của đất nước, con người mình, mà che bớt đi các mặt khuyết điểm. Kết quả là các thế hệ trẻ đã nhận thức sai lệch, từ đó sinh ra ảo tưởng về đất nước, con người Việt Nam, nên cứ thế người trong cả nước an nhiên sống bay bổng, tưởng dân tộc mình là thần thánh trăm trận trăm thắng, như đã từng đánh bại oanh liệt hai, ba đế quốc hùng mạnh hàng đầu thế giới vậy.

Ở đây, trước hết đã có một nhận thức phiến diện về lòng yêu nước và cách yêu nước. Vì yêu nước đã thường được dạy, được hiểu chủ yếu gắn với tinh thần bất khuất, hi sinh dũng cảm chiến đấu thắng lợi vẻ vang,… thay vì lẽ ra nên nhấn mạnh nhiều hơn đến khía cạnh yêu nước ở lòng tự trọng, ước muốn hoàn thiện bản thân - rèn luyện nhân cách, ý thức chấp hành bổn phận và kỷ luật,… thể hiện qua những hành vi bình thường hằng ngày của công dân.

Tính ra như vậy, trong khoảng 60 năm nay, những người đương thời và đương cuộc đã chẳng chịu học hỏi gì nhiều ở các cụ tiền bối cách mạng đi trước, từ thời Đông Kinh Nghĩa

Thục (1908), với phương châm "khai dân trí, chấn dân khí" như của cụ Phan Châu Trinh, trên cơ sở phản tỉnh (tự xét lại), phản tư (suy nghĩ lại), trước hết tự xét lại mình về các mặt khuyết điểm để từ đó sửa chữa tiến bộ, thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nỗ lực phấn đấu theo kịp đà phát triển chung của văn minh thế giới.

Tuy nhiên, để rạch ròi chuyện tốt, xấu, cũng cần xét lại một số định nghĩa và khái niệm. Đại khái, cần phân biệt giữa tính cách xấu hay thói xấu với những tính cách/ tập quán tuy mang ý nghĩa tiêu cực có vẻ chống lại sự tiến bộ nhưng không hẳn đã xấu. Các cụ trí thức thời trước, chủ yếu vào khoảng đầu thế kỷ XX, sau khi tiêm nhiễm Tây học hoặc được đọc qua các "tân thư" dịch từ sách Tàu, thường có thái độ mặc cảm nhìn lại người Việt Nam thấy cái gì cũng xấu, hoặc hễ trái với kiểu sinh hoạt tiến bộ của phương Tây là xấu. Tuy thái độ tự phê phán trung thực này về cơ bản là tốt, cần thiết, nhưng cũng có chỗ hơi quá đà, chưa thấy hết tính cách/ đặc điểm riêng biệt đương nhiên giữa các dân tộc, do những điều kiện khác nhau về phong thổ, khí hậu, địa lý, dân số, hoàn cảnh sống và mức phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật quy định.

Chẳng hạn, từ năm 1913, trên *Đông Dương Tạp Chí*, cụ Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936) có loạt bài viết "Xét tật mình", trong có nội dung chê người Việt Nam có tật "gì cũng cười", thì cái "tật" này tuy có khác với phong cách dân một số nước

Châu Âu nhưng chưa chắc đã là tật xấu thật. Hoặc như vài cụ khác đồng thời với cụ Vĩnh, chê người Việt Nam mê làm thơ, thích uống rượu, có óc tri túc hiếu cổ, coi thường nghề mua bán,… thì những tính cách này cũng không hẳn xấu đâu. Chúng chỉ có thể ngăn cản phần nào óc phấn đấu tiến bộ như kiểu Tây phương thôi, trong khi sự tiến bộ một chiều theo mô thức Tây phương chưa chắc đã đem lại những hệ quả hoàn toàn tốt đẹp về hạnh phúc và sự an toàn cho loài người, như chiến tranh thế giới, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi sinh, biến đổi khí hậu, tai nạn tàu - xe - máy bay,… phần lớn đều là hậu quả khốc hại ngày càng tăng và vô phương cứu chữa của nền khoa học - kỹ thuật, kinh tế và sản xuất do các nước Âu Mỹ dẫn đầu. Giả định ngược lại, một xứ sở đa số gồm những người thích uống rượu ngâm thơ và tri túc hiếu cổ thì lại khác… Cho nên, trong một số trường hợp (phần nhiều có tính lý thuyết và do giả định), vài thứ tính cách bị coi "khuyết điểm" có khi lại cần thiết cho đời sống con người để lập thế thăng bằng với những trạng thái vượt tiến quá đà khác.

Ngoài ra, còn một số tính cách khác, khó phân định tốt xấu, như tính phung phí không biết cần kiệm kiểu công tử Bạc Liêu của người Việt Nam bộ. Nếu chơi với bạn, chắc ai cũng thích bạn sẵn sàng phung phí với mình, thay vì dè sẻn, nên không cần kiệm về một mặt khác/ý nghĩa khác cũng là đức tốt của người hào sảng rộng lượng. Trái lại, tùy theo thái độ phung phí, tính này cũng có thể bị coi là khoe mẽ, ngông cuồng, có hại cho sự nghiệp làm ăn lâu dài. Tương tự như vậy,

một người không có ý chí phấn đấu vì cho trần gian chỉ là cõi tạm phù du, thì thái độ "vô vi" này của anh ta chưa chắc đã xấu, nếu không muốn nói có khi còn tỉnh táo, minh triết nữa là khác! Cho nên, cái gọi thói xấu người Việt hay "người Việt xấu xí" trong vài trường hợp bị nêu ra chỉ có ý nghĩa tương đối, vì thật ra đó chỉ là những tính cách hạn chế bị coi tiêu cực, gây trở ngại chung cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế trong thời hiện đại. Còn những tính cách thật xấu xí, phải kiên quyết khắc phục, chỉ nên hiểu bao gồm những thói tật không chỉ gây trở ngại cho sự tiến bộ xã hội mà còn vi phạm khế ước xã hội cũng như xúc phạm đến những mối tương quan thuộc về con người.

Một điều khác nữa có lẽ không nên quên là tập quán và nền văn minh, hay nói chung văn hóa, vốn không có một tiêu chuẩn chung nhất định cho mọi dân tộc. Theo Claude Lévi-Strauss (1908 - 2009), nhà nhân chủng học - dân tộc học - triết gia Pháp đặt nền móng cho Cơ cấu luận (structuralism) từ những năm 50 của thế kỷ trước, thì "*các nền văn hóa khác biệt chỉ là những biến tấu trên cùng một chủ đề, và đều đáng kính trọng như nhau, bởi vì không có một tiêu chuẩn hợp nhất nào cho phép ta kết luận rằng cái này là cao hơn cái kia về mọi mặt, để biện minh cho việc sắp xếp chúng trên một bậc thang tiến bộ duy nhất cả*" (xem Phạm Trọng Luật, "Từ 'Sự đụng độ giữa các nền văn minh' và Nhân chủng học nhìn lại Chủ nghĩa tương đối Văn hóa", Đại học Văn hóa Hà Nội, huc.edu.vn).

Ngay trong nội bộ một quốc gia, một dân tộc, nói về tính cách tốt, xấu, cũng không có sự đồng nhất giữa các vùng miền. Ở những nơi đất rộng người thưa tài nguyên phong phú thì người dân thường có tính rộng rãi, hơi lười, ít chú ý tiết kiệm,… và ngược lại. Theo Sơn Nam, "*So với Bắc và Trung phần thì Nam phần là nơi dễ sinh sống. Người dân thảnh thơi 'vừa làm vừa chơi cũng đủ ăn'*" (*Cá tính miền Nam*, Nxb. Trẻ, 1997, tr. 7). Nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa - phong tục Toan Ánh (1916 - 2009), vì là người gốc Bắc vào Nam sinh sống và làm việc rất sớm, nên ông đã có những nhận xét khá chính xác về đặc điểm đất nước, con người Nam bộ: "*Có thể nói rằng ở đây thò tay ra chỗ nào cũng có tiền. Vườn dừa bát ngát, vườn chuối mênh mông... Dừa, chuối hái xuống, chất đống bên đường, không người coi cũng không sợ mất... Miền quê ở đây, ít có trộm đạo... Ấy là vì đời sống ở đây dễ dàng nên người dân không phải vật lộn tranh đấu, không cần lo đến ngày mai, không biết phòng xa, không có cái lối 'chín xu đổi lấy một hào'*" (*Người Việt đất Việt*, Nxb. Trẻ, 2003, tr. 462).

Có người đem những câu tục ngữ của người Việt để kể tật xấu người Việt, cho rằng "tục ngữ cũng là tấm gương phản chiếu những tật xấu, nhân sinh quan của một bộ phận người Việt" (xem Nguyễn Đức Dân, "Làm trai cứ nước hai mà nói", báo *Tuổi Trẻ*, 9.4.2014). Cách làm này hay nhưng xem ra cũng chưa mấy được công bằng, vì một câu nêu lên tính xấu luôn có hai mặt, trong đó có mặt để phê bình chính tính xấu đã nêu ra, hoặc thậm chí dùng để khen. Như nói "Của người bồ

tát, của mình lạt buộc" là một thói xấu, nhưng cũng dùng để phê phán thói xấu đó của những kẻ có tính ích kỷ, bủn xỉn. Câu "*Ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng*", tùy theo ngữ cảnh sử dụng, khi thì để chê kẻ ngu chuyên ôm những việc bao đồng thiên hạ vào mình, khi thì để khen người có tính vị tha, biết quan tâm tới cộng đồng và công việc, nỗi lo toan của người khác. Những câu khác như "Đánh chó phải ngó chủ", "Gió chiều nào che chiều ấy" (cốt sao được an toàn), thường chỉ có ý nghĩa dạy khôn, trung tính, mà dùng để chê bai như một tính xấu, vẫn được.

Một số tác giả viết về phong tục, tính cách người Việt cũng thường chủ quan, qua việc quy nạp chưa đủ căn cứ, khi họ khảo sát tập quán xấu hay tốt của một cộng đồng vùng miền nào đó rồi quy chung cho cả người Việt. Tình trạng này thường thấy xảy ra ở những tác giả gốc Bắc, như Phan Kế Bính (với *Việt Nam phong tục*), Nhất Thanh (với *Đất lề quê thói*),... trong khi tính cách, phong cách sống của người Việt miền Bắc có một số đặc điểm không giống với người Việt miền Trung và Nam bộ. Như vậy, trong cái chung vẫn có cái riêng. Tác giả Sơn Nam viết *Cá tính miền Nam* (Nxb. Trẻ, 1997) cũng là "nhằm khẳng định cái riêng, sự đa dạng phong phú được bắt nguồn từ cái chung cội nguồn của tính cách con người Việt Nam..." (trích "Lời nói đầu"). Ngoài ra, trong cộng đồng dân tộc Việt Nam cũng cần phân biệt dân tộc Kinh (3 miền) với 53 dân tộc ít người khác (gồm cả người Hoa, người Khmer) với đặc điểm khác nhau của từng dân tộc

mà một số thói hư tật xấu của người dân tộc Việt lại có thể và thường không có ở những dân tộc khác (như ăn cắp vặt, cờ bạc…). Nói chung, chỉ ở những nơi đất chật người đông, người khôn của khó thì thói hư tật xấu mới có xu hướng và nhiều cơ hội để phát triển.

Một câu nói vui nhưng rất hay, "Ở đâu cũng có anh hùng, ở đâu cũng có thằng khùng thằng điên", cho thấy ngay trong một khu vực địa lý như nhau vẫn có những tính cách con người hoàn toàn khác nhau, nên việc xác định tính cách chung của vùng miền cũng chỉ có tính tương đối. Phần nhiều phải nói, "đa số", "phần lớn",… chứ không thể vơ đũa cả nắm hết được.

Nhìn chung, để xác định cái nào là căn tính cố hữu của người Việt là không dễ, vì tính cách con người có thể thay đổi theo thời gian, không gian (vùng miền), điều kiện chính trị (chế độ phong kiến, dân chủ cộng hòa, dân chủ xã hội chủ nghĩa,… chính sách cai trị tốt hay xấu của từng chế độ), điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện giáo dục (trình độ học vấn)… Có những tính cách khoảng một trăm năm trước là phổ biến nhưng nay đã không còn, hoặc thậm chí thay đổi ngược lại, như óc thương mại… Nhưng vài tính cách khác, như óc mê tín dị đoan, ưa cờ bạc, thích học giỏi để thi đậu làm quan… thì người Việt bây giờ nói chung vẫn chưa khác xưa là mấy. Vì thế, có lẽ chỉ những tính cách hoặc thói xấu có tính lâu bền, vẫn còn tồn tại tương đối phổ biến đến ngày hôm nay mới đáng gọi là căn tính của người Việt, mà những

căn tính này hay thói xấu này thì cũng không bất di bất dịch. Chúng vẫn có thể thay đổi trong tương lai vài chục hay vài trăm năm tùy theo những điều kiện lịch sử cụ thể và ý thức phản tỉnh của dân tộc.

Sau hết, trước khi liệt kê, khảo sát thói xấu/ tính xấu của người Việt, tưởng cũng cần phân biệt ý nghĩa khác nhau của một số danh từ có ý nghĩa gần giống nhau và dễ lẫn lộn: tính, tính cách, tính khí, tính tình, cá tính, tập tính, dân tộc tính, đức tính, lối sống, nếp sống, nhân cách, phong cách, bản sắc, nét đặc trưng, phong tục, tập quán, thói, tật, bệnh, khuyết tật, khuyết điểm, nhược điểm, mặt hạn chế…

Thời trước, các nhà viết sử Việt Nam thường không phân biệt tính cách với phong tục tập quán, nên trong bộ *Đại Nam nhất thống chí* chẳng hạn, họ luôn mô tả tính cách và phong tục tập quán của từng vùng miền gộp chung vào mục "phong tục". Phong tục xấu cũng có nghĩa là các tính cách xấu hay thói xấu, và ngược lại. Riêng những phong tục tập quán đúng nghĩa thì cần hiểu theo quan điểm lịch sử cụ thể để chỉ coi chúng là phong tục tập quán truyền thống của dân tộc được hình thành trong sinh hoạt xã hội gắn với hoàn cảnh lịch sử của thời đại, nên dù có một số phong tục nay đã lỗi thời, chúng ta cũng không thể đồng hóa chúng với thói hư tật xấu.

Các chữ "thói", "tật" "bệnh" thường dùng theo nghĩa "xấu" nhiều hơn. Theo cách hiểu Việt Nam, chữ "tính" với "tính cách" nghĩa gần giống nhau, nên tính cách xấu đồng nghĩa

với tính xấu, thói xấu, tật xấu, hay nói gộp chung: thói hư tật xấu. Thói hư tật xấu thuộc nề nếp, lối sống, quy củ sinh hoạt không tốt trong xã hội, chứ chưa hẳn là tệ nạn xã hội (ma túy, đĩ điếm...), mặc dù về mặt logic thì giữa chúng vẫn có mối tương quan nhân quả với nhau. Có những tính cách không hẳn thói hư tật xấu, mà chỉ là nhược điểm, như người Việt trước đây có nhược điểm không coi trọng thực nghiệp...

Cần phân biệt thói xấu liên quan đạo đức cá nhân riêng của từng người với thói xấu chung của một bộ phận dân tộc, như tính tham lam, tật tham ăn, tật nói láo, thói giả dối, thói bủn xỉn,... vốn thuộc phạm trù đạo đức chung của loài người mà người dân của xứ nào cũng có thể mắc phải.

Ngoài ra, cũng rất cần phân biệt giữa thói xấu với tội phạm. Tham nhũng hối lộ, lừa đảo, đâm chém, cướp của giết người... đang phổ biến tràn lan thành quốc nạn ở Việt Nam hiện nay là những tội phạm, chủ yếu phát sinh do tình hình chính trị - xã hội và sự quản lý chưa tốt gây ra, nên không thể nói người Việt có thói tham nhũng hối lộ, thói lừa đảo, thói đâm chém, thói buôn bán ma túy, thói cướp của giết người,... vì trước đây thì vẫn có nhưng không nhiều đến như thế. Về thành phần thì tội tham nhũng hối lộ chỉ liên quan đến những kẻ có chức có quyền trong một cơ chế quản lý công quyền và kinh tế vừa mập mờ vừa thiếu dân chủ; các tội phạm hoặc tệ nạn xã hội ma túy, đĩ điếm, trộm cắp, cướp của giết người... chủ yếu liên quan đến thành phần nghèo thất học và thất nghiệp trong điều kiện suy thoái chung về văn hóa đạo đức

của toàn xã hội. Riêng tội tham nhũng vặt và ăn cắp vặt thì có phần hơi giống với thói hư tật xấu, nhưng tùy theo mức độ nặng nhẹ và hậu quả gây ra mà có thể xếp chúng vào loại tội phạm hình sự hay chỉ là thói xấu thiên về đạo đức (như trường hợp học sinh ăn cắp một hai cuốn sách trong hiệu sách, chị hộ lý hay bác sĩ bệnh viện nhận phong bì của bệnh nhân…). Vì thế, trong điều kiện cụ thể Việt Nam hiện nay, khi khảo sát về thói hư tật xấu, cần có sự tách biệt giữa người dân bình thường với thành phần cán bộ viên chức nhà nước, chứ không thể gộp chung thành một đống được, mặc dù thói hư tật xấu của cả hai hạng người này vẫn có sự liên quan khá chặt chẽ với nhau trong mối quan hệ chung - riêng.

THÓI XẤU NGƯỜI VIỆT GHI NHẬN TRONG LỊCH SỬ

Để khảo cứu thói xấu người Việt từ khoảng 400 năm trở về trước là một việc rất khó, vì không đủ tài liệu. Các sử gia truyền thống (như Ngô Sĩ Liên, Lê Quý Đôn…) dường như rất ít chú ý đến khía cạnh này. Chỉ đến khoảng giữa thế kỷ thứ XVII trở đi, khi bắt đầu có nhiều giáo sĩ, thương nhân, quân nhân người Âu sang Việt Nam vì những mục đích khác nhau, họ mới bắt đầu ghi nhận về đời sống, lối sống của dân tộc bản xứ, qua đó chúng ta có thể biết được đôi chút về tính cách người Việt, tốt cũng như xấu.

Vả chăng, trong thời kỳ này (giữa thế kỷ XVII), dân số Việt Nam, chủ yếu ở Đàng Ngoài, chỉ vào khoảng gần 5 triệu người (xem Li Tana, *Xứ Đàng Trong*, bản tiếng Việt của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, 2014, tr. 53), mức độ đấu tranh xã hội còn thấp trong một môi trường đất rộng người thưa, nên tính cách con người có lẽ vẫn còn ở trong trạng thái tự nhiên, chưa bộc lộ rõ các thói xấu.

Theo ghi nhận khá rời rạc của một số nhà truyền giáo tiên phong tiếp xúc với xã hội Việt Nam, như Christoforo Borri (1583 - 1632), Alexandre De Rhodes (1591 - 1660),... thì đặc điểm xấu chung phổ biến của người Việt thời kỳ này là thói mê tín dị đoan, ưa tin vào phép thuật của các thầy phù thủy... (xem Alexandre De Rhodes, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, bản tiếng Việt của Hồng Nhuệ, Tủ Sách Đại Kết, 1994, tr. 49). Theo Jean-Baptiste Tavernier, một thương nhân lữ hành người Pháp, ghi lại trong cuốn *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* xuất bản ở Paris năm 1681, thì *"Những mê tín dị đoan của dân tộc này nhiều lắm, có thể viết thành một cuốn sách"* (xem bản tiếng Việt của Lê Tư Lành, Nxb. Thế Giới, 2011, tr. 103).

Về tính tốt, Borri ghi nhận lòng quảng đại của người Việt di dân ở xứ Đàng Trong (miền Nam bây giờ). Họ rất dễ động lòng trắc ẩn và sẵn sàng chia sẻ của cải với những người khác có hoàn cảnh sống khó khăn hơn (xem Li Tana, sđd., tr. 227-228). Theo Tavernier, *"Bản tính của người xứ Đàng Ngoài*

hòa dịu, rất biết phục tùng, lễ phép và rất ghét những sự nổi giận..." (sđd., tr. 47).

Baldinotti ghi vắn tắt về con người Việt Nam khi ông tới Đàng Ngoài năm 1626 như sau: "*Về diện mạo thì họ khá cao ráo, vạm vỡ và can đảm... Binh sĩ thì đeo gươm mang kiếm, đó là những người bệ vệ dễ giao thiệp, trung thành, vui vẻ;* họ không có những tật xấu như người Trung Hoa và Nhật Bản (TVC nhấn mạnh). *Dân thường thì hay trộm cắp, vì thế người ta phạt kẻ ăn trộm ăn cắp cũng như ngoại tình bằng án tử hình.*" (theo Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, bản thảo chưa đặt tên, chưa xuất bản viết về đất nước và con người Việt Nam thế kỷ XVII, hoàn thành tháng 6.1991, tài liệu đánh máy do Nguyễn Nghị cung cấp).

Phải đợi đến giữa thế kỷ XVIII trở đi, tài liệu ghi chép về Việt Nam nói chung và về người Việt nói riêng mới được phong phú hơn. Về tính cách/ lối sống cá nhân thì mê tín dị đoan, nát rượu và cờ bạc là ba thói xấu thường thấy. Trong quan hệ với công quyền và xã hội, người Việt có thói ganh tị với người giàu, ham thích quan tước, tham nhũng hối lộ, vu cáo nói xấu người khác, ưa kiện tụng, và không biết tôn trọng luật pháp.

Có thể dẫn chứng vài đoạn trong một bức thư dài sinh động và có lẽ khá xác thực của Giám mục Reydellet viết tại Đông Kinh (tức Đàng Ngoài) năm 1766. Nói xác thực vì đây là bức thư Giám mục Reydellet viết cho người em trai ruột

của mình ở Pháp để phản ảnh cho người nhà những gì ông đã từng mắt thấy tai nghe khi vào Việt Nam để truyền giáo. Về tệ nát rượu và cờ bạc, tác giả nêu nhận xét: "*Ở Đông Kinh cũng như ở Âu Châu, cũng có những kẻ nát rượu và những con bạc nhà nghề. Những kẻ ấy, thông thường đến khi chết mới thay đổi được tính nết và đều nghèo xơ nghèo xác. Họ phung phá tất cả mọi thứ và thường làm cho cha mẹ, họ hàng phải nghèo lây*" (xem *Thư của các giáo sĩ thừa sai*, Nguyễn Minh Hoàng dịch, Nxb. Văn học, tr. 76).

Người Việt di dân vào Nam thời trước cũng rất mê cờ bạc. Léopold Pallu, một sĩ quan từng đi theo đoàn quân của Phó thủy sư đề đốc Charner đánh chiếm Nam Kỳ đầu tiên, đã viết trong cuốn *Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1961* (Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861, Hachette xuất bản năm 1864, bản tiếng Việt của Hoang Phong, Nxb. Phương Đông, tr. 203): "*Người An Nam có thói ham mê cờ bạc cao độ. Những phu khuân vác do công binh ta mướn ở các công trường xây cất vừa lãnh lương xong được vài đồng kẽm là tụm nhau mà đánh bạc... Thoáng là đã thua sạch, chỉ có một người ăn duy nhất. Họ lại mượn trước tiền lương của ngày hôm sau và tiếp tục chơi... Những người An Nam ta thấy lúc nào cũng hối hả đem những gì họ kiếm ra để chơi cờ bạc và hình như họ không tìm thấy sự thích thú khi tom góp của cải để làm giàu; họ có những rung cảm cao độ về cảnh nghèo khó...*".

Về những tệ nạn xã hội liên quan tính xấu người Việt, bức thư đã dẫn trên của Giám mục Reydellet kể tiếp: "*Miền xuôi, miền đồng bằng gồm cả xứ Đông Kinh là một miền rất đông đúc dân cư có đời sống nghèo nàn cơ cực vì đất không nuôi đủ được người. Ngoài ra còn có rất nhiều kẻ ăn hại chỉ có độc một nghề là đi cướp phá mùa màng, dùng vũ lực hay dùng mưu mẹo để trộm cắp ở các nhà, vu cáo để gây ra chuyện kiện tụng và làm cho người khác phải tán gia bại sản. Ở xứ này, giàu có nhiều tiền lắm bạc là một tội to. Ai cũng sinh sự và hãm hại người giàu mãi cho đến lúc họ bị rơi vào cảnh nghèo nàn quẫn bách thì mới chịu thôi. Ban đêm, những người giàu không ngủ được vì còn phải thức để canh giữ trong nhà. Người Đông Kinh nào cũng ham thích quan tước và tiền của nên đều thích làm quan và làm giàu. Những kẻ có ít chữ nghĩa và khôn khéo trong việc vu cáo và nói xấu người khác thì rốt cục có thể trèo lên tới chức quan. Do trong nước không thiếu những hạng người như vậy nên bọn quan lại và bọn tai to mặt lớn sinh sôi nảy nở vô số ở khắp nơi. Những kẻ nghèo khổ trong phút chốc được trở thành quan lớn ấy, để giữ vững địa vị đã làm tình làm tội đám dân đen, bắt họ phải bò rạp dưới chân mình, cướp bóc đàn bà góa bụa và trẻ con mồ côi, làm người hàng xóm phải lo âu e ngại, và quấy rối kẻ nghèo...*" (sđd., tr. 71 - 72).

Ở đoạn tiếp sau, tác giả nhận xét về tình trạng tiêu cực trong xử lý luật pháp của đám quan lại Việt Nam thời phong kiến: "*... Nhìn tổng quát thì luật lệ ở đây rất đúng đắn, rất hợp lý và được quy định rõ ràng. Chỉ tệ một nỗi là chẳng được*

kẻ nào tôn trọng cả. Chính những người có phận sự thi hành luật pháp lại là những người phạm luật trước hơn ai hết. Tiền bạc và những tặng vật đút lót xóa sạch những tội ác. Dù có là đại gian hùng nhưng nếu biết cách che giấu những hành động bất chính của mình thì vẫn là người lương thiện. Chỉ những kẻ vụng về, những kẻ ngờ nghệch, ngây ngô, những kẻ nghèo hèn là bị trừng phạt thôi..." (sđd., tr. 74).

Những tác phẩm mô tả người Việt trong giai đoạn tiếp xúc đầu tiên của người Pháp khi mới đến xứ ta (1860) đã được Malleret tập hợp giới thiệu khá đầy đủ trong quyển *Exotisme indochinois dans la littérature français depuis 1860* (ấn bản của Société des Etudes Indochinoises, Paris, 1934), qua đó chúng ta ngày nay còn đọc được một vài nhận xét của họ về tính cách người Việt cách nay trên dưới 150 năm.

Đây là nhận xét của một người lính Pháp về thói ở dơ của người Việt giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX: "*Năm 1883, ngược dòng sông Hồng Hà, Thiếu tá Peroz đã mô tả những người bản xứ rách rưới, bẩn thỉu cũng lên thuyền với ông ta. Bằng một giọng khinh bỉ, ông phàn nàn vì phải ngửi những mùi hôi thối của nước mắm và mùi buồn nôn của thuốc phiện: Phải cố mà chịu đựng sự tiếp xúc xấu xa đó*" (Malleret, tr. 50, dẫn lại của Nguyễn Văn Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp tại Việt Nam, Thực chất và huyền thoại*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr. 64).

Một quan tòa Pháp viết: "*Người An Nam ở bẩn kinh khủng; người họ đầy rận chấy và bị các bệnh ngoài da tàn phá, làm mụn nhọt mủ, khắp mình; lúc nào cũng gần gũi với súc vật ở ngay trong nhà họ…*" (Malleret, tr. 265, Nguyễn Văn Trung, tr. 65).

Một cố đạo nghĩ về tính nhẹ dạ, hời hợt của người Việt: "*Tính nết họ hay thay đổi, nhẹ dạ lạ lùng. Tôi tin rằng họ không thể theo dõi một cách chăm chỉ một ý tưởng gì. Chính vì thế mà họ kém cỏi về mặt buôn bán, kỹ nghệ, văn nghệ khi so sánh với người Tàu mà họ đã vay mượn tất cả những gì là văn minh bề ngoài… Thực ra, mặc dầu có cái vỏ bề ngoài lễ nghi nghiêm trang, họ vẫn còn là một dân tộc ấu trĩ, hay thay đổi trái chứng như trẻ con…*" (Malleret, tr. 52, Nguyễn Văn Trung, tr. 64).

Một người khác phê phán nặng nề nền văn minh Việt Nam: "*Trong các nước tự xưng là văn minh, tôi không thấy có nước nào phong tục thả lỏng như thế… Xứ An Nam là một xứ có tổ chức, không phải có văn minh. Tính cách văn minh bề ngoài của nó là một sự phủ nhận tuyệt đối mọi văn minh vì văn minh của nó chỉ là sự bóc lột dã man đa số, do một thiểu số thối nát và thiếu mọi tư cách*" (Malleret, tr. 66, Nguyễn Văn Trung, tr. 64).

Lẽ tất nhiên, trong cuốn sách sưu tập của Malleret, cũng như ở nhiều sách khác, lối diễn đạt của một số tác giả nước ngoài về người Việt trong bước đầu tiếp xúc đôi khi có phần quá đáng, thiếu chính xác, thiếu tế nhị, thậm chí miệt thị và trịch thượng, vì họ phát biểu từ góc độ của kẻ thực dân xâm

lược, kẻ "bề trên". Nhưng thôi, chúng ta cũng hãy tạm ráng "nuốt" trong sự thông cảm với đồng bào ta thời đó, để khách quan xét lại tật mình mà cầu lấy sự tiến bộ.

PHONG TRÀO "XÉT TẬT MÌNH" Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Từ những năm đầu của thế kỷ XX, sau sự thất bại của phong trào Cần vương chống Pháp, giới sĩ phu/ trí thức Việt Nam, kể cả cựu học lẫn tân học, bắt đầu bừng tỉnh. Phần lớn đều nhận ra rằng, muốn thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu do cái ách thực dân phong kiến gây nên, nhằm thực hiện cải cách xã hội Việt Nam, dân tộc Việt Nam cần đấu tranh giải phóng giành lấy quyền tự chủ nhưng không chỉ duy nhất thông qua con đường bạo động, mà cần phải phản tỉnh soát xét lại và gột rửa hết thảy những khuyết tật lạc hậu của mình về mặt tri thức, nhận thức, tư tưởng, để đủ khả năng tự cường và tự chủ, bằng một cuộc vận động giáo dục quần chúng theo tinh thần duy tân/ đổi mới. Phong trào duy tân, đứng đầu là các cụ Lương Văn Can, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,… vì thế ra đời, thông qua hoạt động tuyên truyền giáo dục của trường Đông Kinh Nghĩa Thục (tháng 3.1907) và một số loại hình hoạt động phong phú khác, nhưng trước hết tập trung tự phê phán thói xấu, đả phá hủ tục, song song với việc phổ biến tri thức mới, du nhập những tư tưởng tiến bộ và cổ vũ cho công cuộc mở mang công thương nghiệp.

Trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, các sĩ phu yêu nước đã tổ chức sáng tác, biên soạn rất nhiều thơ văn, tài liệu, sách giáo khoa cả bằng chữ Hán lẫn chữ Quốc ngữ để phục vụ cho công cuộc vận động, tuyên truyền, giảng dạy. Những tài liệu, sách vở này về sau đã lần lượt được công bố, với một phần cốt lõi được sưu tầm, dịch, giới thiệu, in gộp chung trong tập sách *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục* (do Nhà xuất bản Văn hóa phối hợp với Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp xuất bản năm 1997). Gồm 3 quyển: *Tân đính Luân lý giáo khoa* (chữ Hán), *Tân đính Quốc dân độc bản* (chữ Hán), và *Tối tân Quốc văn tập độc* (chữ Quốc ngữ, 1907), nội dung chứa đựng toàn những tri thức mới, hoặc cũng những chủ đề luân lý cũ nào đó nhưng lại được giảng giải theo quan điểm tiến bộ, hoàn toàn mới mẻ so với trước. Riêng quyển *Quốc văn tập độc* tập hợp 19 bài thơ dài ngắn khác nhau viết bằng chữ Quốc ngữ là bộ sách có nội dung rõ rệt vừa tuyên truyền khích lệ quốc dân theo mới, lại vừa phê phán những thói hư tật xấu cũ.

Như một cách riêng đóng góp tích cực cho phong trào cổ vũ đổi mới, nhà văn - nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936), từng tham gia dạy Pháp văn ở Đông Kinh Nghĩa Thục, ngoài một số bài viết trên *Đăng Cổ Tùng Báo,* từ năm 1913 đã sớm có sáng kiến triển khai một loạt bài chuyên đề gọi là "Xét tật mình" trên tờ *Đông Dương Tạp Chí* (1913 - 1919) do ông làm chủ bút, với một số bài do chính ông viết, như "Học để làm quan", "Gì cũng cười"... Ông chủ trương nói huych toẹt, công

khai làm cho mọi người thấy rõ những nhược điểm của xã hội, con người Việt Nam, từ đó loại bỏ được những thói tệ, để học theo văn minh phương Tây. Trong bài báo mang tên theo một phương châm của người Pháp *"Tout dire, pour tout connaitre, pour tout guérir" (Nói hết, để biết hết, để chữa hết)*, đăng trên *Đông Dương Tạp Chí* số 6 năm 1913, ông đã lý giải vì sao phải xét lại những thói xấu của người Việt: "*Các nết xấu, các hủ tục của người Việt Nam ta, cần nói hết ra, đừng có giấu giếm, ai cũng biết thì mới sửa được (...). Trong xã hội có nhiều hủ tục, đã thành thói quen của cộng đồng, một người hay một thiểu số không đủ sức đấu tranh để sửa mà nên phô bày ra, rõ ràng cái xấu, căn nguyên cái hại để nhà nước biết, để đa số nhân dân biết, khi đó lệnh của nhà nước hợp với ý dân thì mới sửa được*".

Nguyễn Văn Vĩnh còn cho rằng, đó không phải là sự bêu xấu dân tộc, mà là một cách xây dựng hiệu quả nhất, mở lối cho những điều tốt đẹp. Từ năm 1906, khi sang Pháp dự cuộc đấu xảo Marseilles, trong lá thư gởi người bạn Phạm Duy Tốn, ông đã bộc lộ suy nghĩ này: "*Nhận thấy sự còn kém của mình, có phải là xấu xa gì đâu? Trên đời này người nào thấy được chỗ kém của mình, người ấy đã gần đi đến chỗ tiến bộ*". Do vậy trên loạt bài "Xét tật mình", ông đã tập trung vào hai loại chủ đề chính: phê phán những hủ tục và phê phán những thói xấu của người Việt.

Người xưa nói: "Trí mưu chi sĩ, sở kiến lược đồng", với những kẻ sĩ trí mưu thì ý kiến của họ đều gần gần giống nhau,

vì vậy trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, cùng lúc và tiếp sau Nguyễn Văn Vĩnh, hầu hết những nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động cách mạng trong giới trí thức Việt Nam đều có phát biểu ý kiến xây dựng đất nước, dân tộc, trên cơ sở phê phán các hủ tục và thói hư tật xấu của người Việt, hoặc bất kỳ những tính cách tiêu cực nào khác gây cản ngại cho Việt Nam trên con đường đấu tranh cho văn minh tiến bộ và độc lập tự chủ. Không kể Nguyễn Trường Tộ thuộc lớp người đi trước khá xa, thì ngoài Nguyễn Văn Vĩnh và những nhà giáo tham gia biên soạn tài liệu học tập cho Đông Kinh Nghĩa Thục, còn có thể kể hàng loạt những nhân vật tên tuổi khác như: Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Bân, Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Quang Sán, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, Ngô Đức Kế, Hoa Bằng (Hoàng Thúc Trâm), Phan Khôi, Ngô Tất Tố, Dương Quảng Hàm, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đỗ Mục, Dương Bá Trạc, Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu, Hoàng Đạo, Thảo Am (Nghiêm Xuân Yêm), Phạm Quỳnh, Hoài Thanh, Nguyễn Văn Huyên, Lương Đức Thiệp, Lương Dũ Thúc, Trần Chánh Chiếu, Lê Đức Mậu, Trần Trọng Kim, Vũ Văn Hiền, Đặng Vũ Kính, Võ Liêm Sơn, Xuân Diệu, Đặng Thai Mai, Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu), Thạch Lam, Thái Phỉ, Nguyễn Văn, Nguyễn Xuân Dương, Lan Khai…

Về những ý kiến phê phán của các cụ tiền bối vừa nêu trên, nhà văn-nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn đã có tâm đắc và tâm huyết tổng hợp, hệ thống lại trong chuyên mục "Người xưa cảnh tỉnh", bằng cách sưu tầm, trích dẫn từ đống sách

báo cũ, có thêm phần chú giải những từ ngữ khó. Ban đầu in trên báo *Thể Thao Và Văn Hóa* năm 2005-2007, sau công bố lại trên Blog Vương Trí Nhàn. Có thể coi đây là một việc làm công phu, độc đáo, góp phần rất lớn vào việc "xét tật mình" của người Việt thời nay. Căn cứ vào hệ thống sắp xếp, trình bày của công trình này, chúng tôi xin phép được tóm tắt lại như dưới đây để tiện việc tham khảo, qua đó hiểu được tâm huyết đóng góp cho sự nghiệp duy tân cải cách của giới trí thức Việt Nam thế hệ trước, đồng thời cũng có một cái nhìn khái quát về những thói hư tật xấu hoặc tính cách phản tiến bộ của người Việt mà người xưa đã từng cảnh giác, nhắc nhở:

1. Người Việt và ý thức công dân, ý thức xã hội (1): Bảo thủ, dựa dẫm, cầu an; Tri túc và hiếu cổ; Cái gì cũng đổ tại trời; Ma quỷ sống lẫn với người hèn yếu; Ý thức quốc gia thức tỉnh quá chậm; Khi bàn chuyện quốc gia chỉ ham hư danh; Làm ra vẻ yêu nước để mưu lợi riêng; Lo việc nước theo lối tự tư tự lợi; Tư tưởng gia nô; Kém óc hợp quần; Một vài thói tục đã thành di truyền (một là học để làm quan, hai là làm quan ăn lót, ba là a dua người quyền quý, bốn là trọng xác thịt…); Sợ tự do, cam chịu làm nô lệ; Chưa trưởng thành trên phương diện công dân; Các hội nghề nghiệp yếu ớt ọp ẹp; Sinh hoạt hội đoàn dễ bị làm hỏng; Theo sự chi phối của quan niệm hư vô.

2. Người Việt và ý thức công dân, ý thức xã hội (2): Có độc lập cũng cướp đoạt của cải và chém giết nhau đến chết;

Dân trí thấp kém... (hay nghi kỵ lẫn nhau, không làm nên việc gì cả...); Tôn sùng những điều xa hoa vô ích, bỏ bễ những sự nghiệp đáng làm; Chỉ biết lợi mình mà không biết hợp quần; Thương tiếc của riêng, không tưởng đến việc ích chung; Biết có thân mình nhà mình mà không biết có nước; Dễ ỷ lại; Trong việc nước cũng ai mạnh thì theo, bỏ hết liêm sỉ; Rên rỉ than vãn mỗi khi gặp khó; Không có chí viễn du; Xa lạ với chuyện phiêu lưu; Căn tính nô lệ, run sợ trước cái mới; Không thiết việc đời; Chống đối tự phát (như nhà nước đòi sơn thì dân chặt cây đi, nhà nước đòi vải lụa thì dân phá khung dệt, đòi gỗ thì dân quăng búa rìu, đòi tôm cá thì dân xé lưới...); Đi đâu cũng lo quay về làng; Ngoài làng xã không biết gì đến nước nhà đến thế giới; Tình yêu làng nước cản trở tiến bộ; Ương ngạnh, hoài nghi, khó dìu dắt.

3. Người Việt qua cách nói năng cười cợt: Không còn lễ nghĩa liêm sỉ; Những câu chửi rủa quá quắt; Tây không ra Tây, Tàu không ra Tàu, ta không ra ta; Thiên về những cái tầm thường thô bỉ; Tật huyền hồ sáo hủ (chỉ sự ăn nói linh tinh, trống rỗng, giả tạo...); Gì cũng cười (trong tiếng cười ẩn chứa nhiều ý xấu...); Tiếng cười vô duyên; Nói bừa nói bãi, tủi nhục cho cả nòi giống; Hay cãi nhau, thích kiện tụng; Chỉ trích và châm chọc.

4. Thói hư tật xấu người Việt trong làm ăn buôn bán: Thiếu cái gan làm giàu; Không lo xa, dễ thỏa mãn; Ăn xổi ở thì, chưa lo làm đã lo phá; Không biết chấn hưng thực nghiệp;

Đồng tiền không dùng để sinh lợi; Những người thợ bất đắc dĩ; Buôn bán lòng vòng trong phạm vi hẹp; Không có nghề nào đạt tới trình độ chuyên nghiệp; Không chịu học buôn học bán; Khéo tay mà trí không khôn; Không ai chuyên nhất việc gì; Làm hàng bán hàng đều kém; Tài trí thua kém; Thời gian phí phạm cách sống làm điệu làm dáng; Quan niệm về kinh tế quá cổ lỗ; Giữa chủ và thợ không tìm được hình thức cộng tác thích hợp; Những cái gia truyền dần dần mất đi; Ngủ yên trên danh vọng; Bôi bác, giả dối, chỉ cầu rẻ; Người làm nghề không ngóc đầu lên được; Không biết thích ứng với xã hội hiện đại.

5. Việc tìm tòi học hỏi và nền giáo dục của người Việt (1): Nhắm mắt bắt chước điều không hay của cổ nhân và ngại thay đổi; Dễ học cái dở; Học thuật hủ bại; Học để kiếm gạo; Học để làm quan; Học đòi vặt vãnh bỏ qua chuyện lớn; Nặng tính hiếu kỳ; Thần trí bạc nhược, thiếu óc tự lập; Như cái cây bị "cớm"; Con ma cử nghiệp giết chết sự học; Có khoa cử mà không có sự nghiệp; Giáo dục hiện đại bị thương mại hóa; Thiếu niên hư hỏng; Đỗ đạt là xong, không còn cầu học; Một nền giáo dục giết chết nhân cách; Không có một nhà tư tưởng, không có người khao khát tìm đạo lý mới.

6. Việc tìm tòi học hỏi và nền giáo dục của người Việt (2): Khi học thuật kém cỏi lòng người sinh ra phù phiếm, phong tục trở nên bại hoại; Nói láo nói linh; Không học nên thiếu tư cách làm người; Cái hay của người đến mình trở thành cái dở;

Học không biết cách, luật pháp hồ đồ, cương thường giả dối; Không học được cách tư duy hợp lý; Không có học thuyết của mình (xưa nay ta chỉ có mấy lối học của Tàu truyền sang...); Việc bắt chước dễ dãi thường gây nhiễu loạn; Mô phỏng lâu ngày quên cả sáng tạo; Mình lại rẻ mình, bản thân tự làm hỏng; Tình nghĩa thầy trò bị hiểu sai lệch và bị lợi dụng; Chỉ lo nuôi không lo dạy; Sẽ có lúc mất hết đạo lý? (song song với vấn đề nghèo khổ, còn phải giải quyết vấn đề giáo dục...); Không chú trọng học thuật sẽ thành dân tộc bỏ đi.

7. Thị hiếu nhỏ mọn và chất bi thương sầu cảm trong văn chương: Thị hiếu tầm thường; Văn chương phù phiếm, toàn giọng bi thương; Đằng sau thói quen đẽo gọt là sự nhu nhược; Chỉ giỏi về văn thù ứng; Tưởng thật mà hóa dối; Khinh miệt cá nhân; Không tìm thấy bản sắc; Phê bình nghĩa là nịnh nọt; Nhắm mắt bắt chước cốt kiếm lợi; "Tiểu thuyết của phường coi cổng" (những cuốn tiểu thuyết hay nhất của ta bây giờ, già lắm chỉ bằng những cuốn tiểu thuyết của phường coi cổng bên Pháp mà thôi!...); Nhiều trò quảng cáo bỉ ổi; Những nhạc điệu rời rạc, ẻo lả; Nặng tính trang sức mà thiếu sức sống (nghệ thuật Việt Nam thường bị bó buộc trong lề lối cổ...); Kiếp người bấp bênh văn chương sầu não.

8. Quan hệ giữa người với người: tham lam ích kỷ cạnh tranh nhỏ nhặt: Không ai hết lòng với ai; Tham lợi dẫn đến vô cảm; Không biết hợp quần; Ích kỷ và khôn vặt; Chỉ biết cạnh tranh trong những việc tầm thường, lặt vặt; Vừa không thiết

chuyện gì, vừa xét nét nhỏ nhặt; Lợi dụng đạo nghĩa kiếm lợi; Danh dự bị hiểu sai lạc và mang ra mua bán; Trông nhau để... yên tâm trục lợi; Cách sống của kẻ cùng đường; Mưu danh bằng cách hạ nhục kẻ khác; Chỉ biết lo thân.

9. Bẻ queo những chuẩn mực đạo lý nhân bản: Lêu lổng qua ngày, mất hết tự trọng; Trông đợi quá nhiều ở sự may rủi; Thiếu tận tâm, tránh khó tìm dễ; Xấu làm tốt dốt làm thông; Không biết tôn trọng cả lợi ích công cộng lẫn lợi ích cá nhân; Những ham muốn tầm thường; Giả dối thịnh hành, không biết nhìn ra sự thật; Giải thích sai các giá trị (hỏi trọng gì, ắt là võng lọng cân đai; hỏi quý ai, tất là ông cả bà lớn; hỏi cái gì là sang, tất là xe ngựa lâu đài ngọc ngà gấm vóc...); Đạo lý ngược đời; Trung dung theo nghĩa nửa vời, trung dung cốt để ngu dân ("Trung dung thật là một cái thuyết lôi thôi, mà xã hội ta chịu lấy cái ảnh hưởng trung dung ấy mà hóa ra một cái xã hội ương ương dở dở, trắng không ra trắng đen không ra đen..."); An nhẫn lẫn với đê hèn nhục nhã; Lười biếng và hay nói hão ...

10. Giả dối, lừa lọc, kiêu ngạo, hiếu danh: Không biết giữ chữ tín; Hiếu danh đến mất tự trọng; Bệnh giả dối quá nặng; Sợ mang tiếng chứ không phải sợ cái xấu; Chỉ giỏi diễn trò trước mặt mọi người; Kiêu ngạo, hợm hĩnh, theo đuổi những cái hão huyền; Khiêm nhường giả, kiêu căng thật; Hay tự ái và thích chơi trội; Tinh thần voi nan (những con voi to lớn lắm, có đủ chân đủ vòi, nhưng nó ở trong bằng nan ở ngoài bằng giấy...); Học đòi, làm dáng.

11. Nếp tư duy đơn sơ tùy tiện: Kém óc khoa học; Óc tồn cổ; Quá vụ thực trong tư duy; Điều hòa với nghĩa… chắp vá bừa bãi; Áp đặt chuyên chế mọi nơi mọi chỗ; Gọt chân cho vừa giày; Chỉ suy nghĩ bằng khuôn sáo; Không chịu được những tìm tòi phá cách; Bỏ cũ theo mới một cách nông nổi; Thói quen cam chịu; Dễ dãi thô thiển thế nào cũng xong; Tùy tiện thay đổi, chỉ cốt có lợi.

Trong một bài viết vào tháng 8.2008, nhan đề "Tìm hiểu người Việt: Thói hư tật xấu người Việt", Vương Trí Nhàn đã sơ bộ bắt tay vào việc tổng hợp nghiên cứu trên cơ sở những ý kiến nhận xét của người xưa mà ông đã sưu tầm và hệ thống lại được, có tham khảo, dẫn chứng rộng thêm từ nhiều sách báo và sử liệu khác. Bài viết nêu lên được mấy điểm:

(1) Hèn vì miếng ăn! Hại nhau vì miếng ăn

Nêu nhận xét của Phan Bội Châu về không khí xô bồ nhếch nhác thường thấy phổ biến ở lễ hội của người Việt - miếng ăn quá to, người ta chỉ nghĩ đến ăn, tranh giành ngôi thứ cũng chỉ vì ăn…

(2) Suy nghĩ nông nổi tính khí thất thường

Nêu nhận xét của một sĩ quan người Pháp: "*Họ hiền lành vô tư lự, nhút nhát thích khoe khoang dễ bốc mà xìu cũng nhanh, thường có tâm lý ăn may của người chơi bạc*". Hoặc của nhà văn Jean Hougron cho rằng người Việt "*nhu nhược không có cá tính, biển lận, thích tố giác*". Hoặc của Palazzoli, cho người Việt là "*nửa kín nửa hở, dè dặt, dò xét,… một thiên*

hướng đa nghi, mưu mẹo, một thói quen lúc nào cũng thích chống đối, rồi lại nhanh chóng buông trôi chấp nhận". Dẫn ý kiến của Nguyễn Tất Thịnh đăng trên báo *Tiền Phong* (1.2006): Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng - vừa đe hàng tổng đã sợ thằng mõ; Chưa biết nghề đã dạy thợ, vừa dạy thợ đã chán nghề; Chưa làm đã mệt vừa mệt đã kêu; Chưa vui đã cười vừa cười đã khóc; chưa đói đã ăn, vừa ăn đã bỏ dở; chưa tỉnh đã say, vừa say đã làm càn; chưa có tài đã đánh mất tâm, vừa có chút tâm đã bài xích tài…

(3) Một quan niệm đơn sơ về thế giới

Thời nay, khi làm hàng xuất khẩu, người mua các nước cũng thường chê hàng Việt mẫu mã đơn giản, có học lỏm được cái gì của người khác thì cũng chỉ loay hoay ở vài cái lặt vặt mà không biết khai thác hết những khả năng đa dạng có thể có… Câu thơ của Chế Lan Viên "Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp - Giấc mơ con đè nát cuộc đời con" không chỉ đúng với con người thời tiền chiến mà đúng với người Việt gần như suốt thời quá khứ, không chỉ con người bình dân mà cả những tầng lớp tinh hoa…

(4) Bột phát hồn nhiên

Dẫn mấy ý kiến của Hoài Thanh trong bài "Có một nền văn hóa Việt Nam" (1946): "*Người Việt chúng ta sống ở trong nhịp điệu trong thanh âm nhiều hơn trong tư tưởng. Tâm lý ấy có giống với tâm lý trẻ con. Trẻ con thường vẫn ca hát luôn miệng mà chẳng mấy khi quan tâm đến ý nghĩa lời ca*". "*Văn*

hóa Việt Nam quý ở phần tình cảm hơn phần tư tưởng, ở phần tiềm thức hơn ở phần hữu thức"...

Về điểm (4) này, Vương Trí Nhàn kết luận: "*Sự vô tâm - đúng hơn sự hạn hẹp của tầm nhìn, sự dễ dãi trong thích ứng, sự ngại ngùng biếng nhác trong suy nghĩ,- tất cả những biểu hiện đó làm hại tới sự phát triển. Dù rất thiện chí thì cũng phải nhận như vậy. Thế nhưng đáng lẽ phải xót xa lo lắng thì đằng này vẫn xảy ra một tình trạng ngược lại. Nhiều người thích lý tưởng hóa cái thói quen trẻ con đó*".

NHÌN SANG NƯỚC "ĐỒNG VĂN": NGƯỜI TRUNG QUỐC XÉT TẬT MÌNH

Các cụ ngày xưa thường gọi lân bang Trung Quốc là nước "đồng văn", không chỉ vì Trung Quốc với Việt Nam đều cùng nằm trong khu vực Đông Á, mà còn có một số điểm tương đồng về mặt chủng tộc, văn hóa và tâm lý nữa. Trong thời hiện đại, cả hai nước lại tiếp tục tương tự nhau về thể chế chính trị, nên thực tế mà nói, trong việc "xét tật mình", Việt Nam cũng nên chịu khó tìm hiểu cách làm của Trung Quốc, để từ đó tham khảo, soi rọi lại mình.

Tương tự tình hình ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các nhà Nho tiến bộ và trí thức tân học của Trung Quốc (như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, Hồ Thích, Lỗ Tấn...) cũng đã từng làm cái việc cấp thiết ấy rồi, nhưng

trong thời hiện đại thì chúng tôi chỉ muốn nhắc đến cuốn sách tiêu biểu *Người Trung Quốc xấu xí* (Xú lậu đích Trung Quốc nhân) của Bá Dương một thời gây xôn xao dư luận, đã có bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Hồi Thủ ở Paris năm 1998. Bản dịch ra tiếng Nhật cũng rất được người Nhật quan tâm theo dõi.

Sách gồm 3 phần: (1) Những bài nói chuyện; (2) Những bài viết; (3) Những bài phê bình (của người khác) về hai phần đầu.



Bìa sách *Xú lậu đích Trung Quốc nhân*

Tác giả sinh năm 1920 ở Trung Quốc Đại lục, sang định cư Đài Loan từ năm 1949, từng bị Đài Loan cho ngồi tù 10 năm vì tội "phạm thượng". Ông được nhiều người biết đến như một nhà thơ, nhà văn, nhà báo, và nhất là nhà viết lịch sử thông tục. Quyển sách nêu trên của Bá Dương là tập hợp bản thảo những bài diễn giảng trong một số trường hợp công khai khác nhau, từ năm 1977, nhưng những bài viết và diễn giảng của ông phát biểu ở hải ngoại thì đều chú trọng nói huych toẹt ra

những mặt xấu xí cũng như căn tính kém cỏi của người Trung Quốc.

Trong sách này, Bá Dương tiếp cận vấn đề từ cái gốc văn hóa để giải thích nguyên nhân mọi hiện tượng lệch lạc trì trệ kéo dài của xã hội Trung Quốc. Theo Bá Dương, cả đời ông (cũng như những người Hoa khác) sống gian nan thì đó không phải vấn đề cá nhân hay chính trị, nhưng thuộc vấn đề văn hóa: "*Đây không phải là gian nan một cá nhân đã trải qua, cũng không phải hoạn nạn của riêng thế hệ cá nhân tôi. Nếu chúng ta không thấu hiểu được cái hoạn nạn này, không hiểu được những nhân tố độc hại của văn hóa Trung Quốc thì vĩnh viễn chúng ta không thể ngăn ngừa được sự tái sinh của nó*".

"*Kiếp người trên đời này giống như một cục sỏi trong một máy nhào ximăng, sau khi bị nhào trộn, thân chẳng tự chủ được. Điều ấy khiến tôi cảm thấy đó không phải là một vấn đề của riêng một cá nhân nào, nhưng là một vấn đề xã hội, văn hóa*".

"*Tôi nghĩ người Trung Quốc chúng ta có phẩm chất cao quý. Nhưng tại sao cả trăm năm rồi, cái phẩm chất ấy thủy chung vẫn không làm cho người Trung Quốc thoát khỏi khổ nạn? Nguyên do vì sao? Tôi muốn mạo muội đề xuất một câu trả lời có tính cách tổng hợp: Đó là vì văn hóa truyền thống Trung Quốc có một loại siêu vi trùng, truyền nhiễm, làm cho con cháu chúng ta từ đời này sang đời nọ không khỏi được bệnh*".

Ở bài nói "Người Trung Quốc và cái vại tương", ông đã so sánh văn hóa Trung Quốc chẳng khác một vại tương/ hũ

tương ("tương cang"), mà tương chứa trong vại là một thứ "*chất đặc không chảy được, không giống nước sông Hoàng Hà từ trên trời chảy xuống một tý nào... Nó là một thứ nước ao tù, lại được để cho bốc hơi, cho lắng đọng nên nồng độ càng ngày càng đông đặc. Cái văn hóa của chúng ta, cái tiền oan nghiệp chướng như đã nói cũng là như thế*" (bản tiếng Việt của Nguyễn Hồi Thủ).

Nhưng cái chất chứa trong vại tương đó là gì?

Bá Dương giải thích:

"*Trong văn hóa Trung Quốc, cái có thể gọi là điển hình nhất cho cái đặc sắc này là chế độ 'quan trường'. Thời xưa mục đích học hành của các phần tử trí thức là làm quan. Cái chữ 'trường' nhìn không thấy, sờ không đụng này được hình thành qua chế độ khoa cử. Một khi người đọc sách đã lọt vào được chốn quan trường liền ở vào trạng thái đối nghịch với người thường, với nhân gian. Dưới chế độ đó người đi học cốt chỉ được làm quan, vì có câu nói rằng trong sách có nhà vàng, có nhan sắc như ngọc. Đọc sách để có thể làm quan, làm quan ắt có mỹ nữ, kim tiền (...). Xã hội phong kiến đặt cái lợi ích của những người làm quan lên trên hết, và vì nó đã khống chế Trung Quốc quá lâu, nên tạo thành một lực lượng và một ảnh hưởng vô cùng lớn.*

Về mặt kinh tế không có gì thay đổi đáng kể, nhưng về mặt chính trị nó đã kìm hãm chúng ta lâu dài trong cái hũ tương văn hóa đó. Một trong những cái đặc trưng của nó là đặt tiêu chuẩn của giới quan lại thành một cái chuẩn cho xã hội, biến

lợi ích các quan thành cái lợi chung. Vì vậy nó đẻ ra một thứ ngày nay gọi là "Chính trị thống soái" theo kiểu nói của Mao, làm cho cái hũ tương văn hóa của chúng ta càng thêm sâu đậm, càng thêm nồng nặc.

Chìm đắm lâu dài trong cái hũ tương đó, người Trung Quốc trở thành ích kỷ, nghi kị". Nghĩa là luôn bị trói chặt bởi những thói xấu mà chẳng khá lên được.

Ở một đoạn khác, ông viết: "*Người Trung Quốc sống trường kỳ trong cái hũ tương, lâu ngày quá tự nhiên sinh ra một tâm lý cẩu thả. Một mặt tự đại khoe khoang, còn mặt khác tự ti, ích kỷ*".

Hoặc: "*Trung Quốc là một nước lớn, nhưng người Trung Quốc thật nhỏ mọn và hẹp hòi*".

Ông Bá Dương tái khẳng định: "*Mòn mỏi dưới chế độ xã hội phong kiến chuyên chế tự bao đời, đắm chìm ngụp lặn trong cái hũ tương đó, óc phán đoán cùng tầm nhìn của người Trung Quốc đã bị tương làm ô nhiễm nặng, không vượt ra nổi cái phạm vi ảnh hưởng của nó*".

Rồi đi tới kết luận: "*Một xã hội có trình độ thưởng thức tức biết cái hay cái dở, tức không hồ đồ trước bất cứ một sự việc gì; chứ mọi người cứ ù ù cạc cạc như ở trong hũ tương, bẩn sạch, cao thấp cũng không phân biệt thì làm sao tiến bộ và phát triển được?*".

Mượn văn hóa hũ tương (đặc sệt) để hình dung văn hóa Trung Quốc, ông Bá Dương cho rằng "Cái xấu xí của chúng

ta là ở chỗ chúng ta không biết mình xấu xí". Đây là trung tâm điểm bàn luận về văn hóa Trung Quốc nhằm mục đích kêu gọi dân tộc Trung Quốc phải tự mình phản tỉnh, vì phản tỉnh là bước khởi đầu để hướng đến sự tiến bộ.

Khi nói huỵch toẹt ra các sự thật, ông Bá Dương hoàn toàn không muốn bêu xấu dân tộc mình, như đã bị một số người chỉ trích. Trái lại, có lẽ vì ông quá yêu nước yêu dân tộc mình, theo cách nghĩ riêng của ông, tha thiết muốn đất nước tiến bộ, nên đã không ngần ngại nói thẳng sự thật, chẳng giống một số người Trung Quốc khác, vì yêu nước (thật hoặc giả) mà cứ cố lảng tránh sự thật khi nói về dân tộc mình theo hướng chỉ muốn nêu lên những mặt ưu điểm.

Tổng quát, Bá Dương cho rằng trí khôn/ trí thông minh (tính linh) là một loại phản ứng được kích phát lên từ sự thiện lương, hòa bình, khoan thứ, nhưng xã hội Trung Quốc không biết gì tới phải trái mà chỉ kể chuyện lợi hại, không chỉ con người văn hóa là như thế mà hạng chính khách lại còn tệ hơn thế nữa. Người Trung Quốc hiện đang bị ngạt thở vì tiền và quyền, khiến mắt không còn thấy, tai không còn nghe, đầu óc chỉ biết truyền những tin tức liên quan đến tiền và quyền, còn lại bất kỳ tin tức gì khác về trí thông minh thì đều bị ngăn trở hết cả.

Ông cũng cho rằng, người Trung Quốc là một dân tộc bị thương tổn rất sâu dưới nhiều loại sức ép, nên chẳng nuôi dưỡng ra được khả năng khen ngợi và đánh giá cao người

khác, trái lại còn phát triển ra hai thứ ngôn ngữ lưỡng cực hóa là nói xấu và nịnh hót người khác. Muốn người Trung Quốc bồi dưỡng ra được thứ ngôn ngữ lành mạnh, cần bắt tay từ sự lành mạnh của tâm linh, và như vậy "e rằng cần phải trải qua một quá trình giáo dục rất lâu dài".

Tuy có nhiều lời phê bình chỉ trích nặng nề đối với người Trung Quốc, nhưng căn bản Bá Dương cho rằng tình trạng vẫn còn có thể cứu vãn được, chưa hết thuốc chữa. Để làm hết sức mình, Bá Dương cùng bạn bè ông đang tích cực phổ biến rộng rãi tư tưởng nhân quyền vốn chưa từng có trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, với hi vọng nhân quyền sẽ có thể trở thành mối quan tâm cuối cùng và lý tưởng cuối cùng của người Trung Quốc, giúp Trung Quốc thay xương đổi thịt, giống như những nước văn minh khác, để trở thành một dân tộc có tôn nghiêm và lại biết coi trọng sự tôn nghiêm của người khác.

Quyển sách, vốn tập hợp từ những bài nói chuyện và tranh luận, đã ra đời một cách khá vất vả vì bị ngăn trở đủ thứ. Đầu tiên, năm 1985, nó đã được Lâm Bạch Xuất Bản Xã xuất bản tại Đài Loan, sang năm sau (1986) mới xuất bản ở Trung Quốc Đại lục (do Hồ Nam Văn Nghệ Xuất Bản Xã), nhưng do có phong trào học sinh Trung Quốc bùng nổ năm 1987, toàn bộ sách của Bá Dương đều bị cấm bán, phải đợi đến năm 2004 mới được cho phép phát hành trở lại.

Được biết, ở Trung Quốc Đại lục có đến 6 ấn bản khác nhau, trong đó bản của Bắc Kinh Thời Sự Xuất Bản Xã có nội dung không giống với bản đầy đủ hơn của Hồ Nam Văn Nghệ Xuất Bản Xã 1986. Về sau, cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* in ở Đại lục năm 2004 (do Cổ Ngô Hiên Xuất Bản Xã) đã bị cắt bớt một phần nội dung, chủ yếu những đoạn liên quan đến một số sự kiện lịch sử về Đảng Cộng sản Trung Quốc và cuộc Đại cách mạng văn hóa. Năm 2008, sách lại được cả hai nhà xuất bản khác tái bản (Nhân Dân Văn Học Xuất Bản Xã và Viễn Lưu Xuất Bản Sự Nghiệp Công Ty).

Đọc Bá Dương, mặc dù chỉ cần thông qua bản tiếng Việt tài năng và đầy tâm huyết của Nguyễn Hồi Thủ (chưa được xuất bản chính thức ở Việt Nam), người đọc sẽ thấy ông là người nói năng cang trực, huych toẹt, nhưng lý luận vững chắc, với kiến thức quảng bác, lời văn hùng hồn, bút lực thâm hậu, khi dẫn chuyện để trình bày vấn đề gì thì luôn duyên dáng, hấp dẫn, đầy sức thuyết phục, chứng tỏ ông đã suy nghĩ nát nước về dân tộc Trung Hoa mà ông rất mến yêu. Có lẽ cũng vì vậy mà sau khi sách xuất bản, bên cạnh số đông người trẻ ủng hộ, so sánh Bá Dương như Lỗ Tấn với *AQ chính truyện*, ông đã bị không ít mũi dùi dư luận chĩa vào. Đáng kể nhất có lẽ là cuốn *Nghiên cứu Người Trung Quốc xấu xí* (Xú lậu đích Trung Quốc nhân nghiên cứu) của Lý Ngao, công kích kịch liệt tác phẩm của Bá Dương.

Họ Lý cho rằng, cái gọi "Người Trung Quốc xấu xí" chẳng qua chỉ là một loại ấn tượng cứng nhắc ("khắc bản

ấn tượng"), Bá Dương đã đem cái xấu xí của một bộ phận người Trung Quốc gán ghép úp chụp lên hết thảy mọi người Trung Quốc, đó là hành vi của một kẻ hèn yếu/ nhu nhược bất tài. Họ Lý còn bảo chính Bá Dương, kẻ bề tôi hầu hạ cho nền văn học Quốc Dân Đảng mới là thứ người Trung Quốc xấu xí thứ thiệt!

Ông Bá Dương đã "kể xấu" gì người Trung Quốc mà bị công kích dữ dội?

Nói chung không tiện liệt kê ra hết, nhưng nếu chỉ dựa theo bài "Người Trung Quốc xấu xí" (diễn văn đọc tại Đại học Iowa ngày 24.9.1984) nêu ở đầu sách, thì thấy ông có nói mấy điểm, mà điểm nào cũng phân tích, chứng minh rất rạch ròi. Từ đây xin trích gọn một số mặt xấu xí do tác giả nêu ra để làm luận cứ chứng minh cho cái văn hóa vại tương Trung Quốc của mình:

Một trong những đặc tính rõ nhất là dơ bẩn, hỗn loạn, ồn ào. (...) Cho nên có thể nói, mỗi người Trung Hoa đều là một con rồng, nói năng vanh vách, cứ như là ở bên trên thì chỉ cần thổi một cái là tắt được mặt trời, ở bên dưới thì tài trị quốc bình thiên hạ có dư. Người Trung Hoa ở một vị trí đơn độc như trong phòng nghiên cứu, trong trường thi - nơi không cần quan hệ với người khác - thì có thể phát triển tốt. Nhưng nếu ba người Trung Hoa hợp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con dòi, hoặc thậm chí không bằng một con dòi nữa. Bởi vì người Trung Hoa có biệt tài đấu đá lẫn nhau. Chỗ nào có người Trung Hoa là

có đấu đá, người Trung Hoa vĩnh viễn không đoàn kết được (...). Đường đường là một nước lớn, thế mà thay vì có một tấm lòng bao la, người Trung Quốc lại có một tâm địa thật hẹp hòi... đưa đến một đằng tuyệt đối tự ti, một đằng tuyệt đối tự kiêu. Lúc tự ti thì thành ra tôi tớ, nghĩ mình không bằng đống phân chó. Lúc tự kiêu thì thành ông chủ, xem mọi người đều là cứt chó hết (...). Viết được dăm ba bài văn là đã thành văn hào. Đóng được hai bộ phim đã là ngôi sao sáng của nền điện ảnh. Hai năm có được ít chức quyền nghiễm nhiên có thể cho mình là cứu tinh của nhân dân. Qua Mỹ học được hai năm đã trở thành một học giả chuyên gia (...). Người Trung Quốc ưa làm quan, phong kiến, khi phán xét, suy luận, không dùng lý trí mà nặng về cảm tính; xã hội dựa trên tiêu chuẩn chính trị đạo đức thời phong kiến hủ Nho, đặt lợi ích của người làm quan lên trên. Lâu ngày, những thói tục xấu xa ăn sâu vào "nhiễm thể", kết quả là "quả báo nhãn tiền". Cuộc chiến tranh nha phiến là một thí dụ (...). Dân vi quý, quân vi khinh (dân là quý, vua là thường), đấy chỉ là một thứ lý tưởng mà Trung Quốc chưa bao giờ thực hiện. Người Trung Quốc xưa nay có bao giờ biết dân chủ, tự do, pháp trị là gì. Tuy có người bảo chúng ta cũng có tự do, có thể chửi cả hoàng đế, song thật ra quyền tự do của chúng ta rất có hạn, bị kẻ thống trị khống chế trong phạm vi cho phép (...). Phạm vi của tự do rất hẹp hòi. Đương nhiên có thể có cái tự do suy nghĩ vớ vẩn chứ các khái niệm dân chủ, pháp trị thì hoàn toàn chẳng có (...).

Trong bài "Đời sống, văn học và lịch sử" (diễn văn đọc ở Trường Đại học Stanford, S. Francisco, 1981), Bá Dương liệt kê năm khuyết điểm: (1) Vì nhân quyền, nhân tính, phẩm giá con người bị chế độ và xã hội phong kiến chà đạp trong suốt 5000 năm, khiến dân không còn lòng tự trọng; cái tự trọng còn lại chẳng qua cũng chỉ là cái tinh thần tự dối mình như AQ trong truyện của Lỗ Tấn (…); (2) Sau 4000 năm chiến tranh liên miên chỉ vì bần cùng, giết chóc, đố kỵ một cách lâu dài thành ra lòng dạ chúng ta thành hẹp hòi; (3) Chế độ khoa cử, quan trường, tạo ra một tầng lớp quan liêu chẳng trung thành với quốc gia lãnh tụ gì cả, chỉ tận tâm tận lực với kẻ cất nhắc nó lên làm quan (…). Cái xã hội ăn chơi, phù hoa là nơi các quan ra oai, tự nhiên hình thành một hệ thống tương hỗ bao che giữa các quan với nhau - một quan hệ vô cùng phức tạp (…), đến độ một người lành mạnh không thể nào chịu nổi; (4) Tinh thần Nho giáo bảo thủ, khiến xã hội mất hết sức sáng tạo, mất tập quán tự tìm hiểu, tự phê phán; (5) Trung Quốc quá đông, nghèo khổ quá lớn, quan trường quá mạnh, cạnh tranh quá khắc nghiệt, những lý do này sinh ra nơi người Trung Quốc cái hiện tượng bẩn, loạn, ồn, xâu xé lẫn nhau (…). Tôi cho Trung Quốc là một nước tuyệt đối không trọng lễ nghĩa. Người Trung Quốc thật thô lỗ… Người Trung Quốc thông minh (…) đến độ khi bị đem đến lò sát sinh, còn cố cò kè về giá cả của mình, nếu kiếm thêm được vài đồng thì chết rất hả hê. Cái kiểu thông minh quá cỡ này nhất định sẽ thành kiểu ích kỷ quá cỡ (…). Người nào mà

không suy nghĩ một cách ích kỷ, cư xử một cách ích kỷ đều bị chế giễu là ngu ngốc (...).

Ở những đoạn cuối sách, Bá Dương tiếp tục tố cáo: Con người là một loại động vật biết cười. Nhưng những cô y tá, những cô bán vé xe người Trung Quốc lại là một ngoại lệ (...). Trừ phi vứt tiền vào mặt họ, thì ngay cả ông trời cũng chẳng có thể cậy mồm họ ra cho họ cười được...

So sánh với nước Mỹ, dân Mỹ, Bá Dương chê dân mình trong chuyện tiếp xúc, giao tế, không trọng khách hàng, thiếu lễ nghĩa, không biết nói cảm ơn, xin lỗi, không biết xếp hàng trật tự (...). "*Tôi nghi rằng để có thể móc trong mồm một người Trung Quốc ra cái câu 'cảm ơn ông' e rằng nếu không dùng đến cái cào cỏ năm răng của ông bạn Trư Bát Giới của chúng ta thì không thể được*".

Bằng chứng của ông về một đất nước thiếu lễ nghĩa, là những nhận xét về cung cách ứng xử của người Trung Quốc trong các buổi đình đám vui chơi hay tang ma: Hôn lễ không ra hôn lễ mà biến thành một loại phường chèo (...), trở nên một thứ miếu đền ồn ào náo nhiệt (...). Và cũng vậy, tang lễ (...) trở thành một bản sao của cái loại "đám cưới văn minh" đã nói trên (...). Sự thực, ngay ở nơi quàn xác chết hiển nhiên cũng đã thành chỗ kết bè kết đảng, lại đương nhiên thành chỗ "xa nhà gặp người quen" thì nét mặt phải tươi cười rạng rỡ (...).

Nói về các phố Tàu (trên thế giới Tây phương), ông hạ lời cay độc: Các phố Tàu đã trở thành những động quỷ nuốt tươi

người Trung Quốc, thành nơi chứa chấp vô số người ở chui không giấy tờ. Ở đó trẻ con hoặc các bà già nhiều khi không có cách nào khác hơn cách làm việc trong các xưởng quần áo lậu với đồng lương không đủ húp cháo cầm hơi, chẳng khác gì những nô lệ da đen thuở nào (...).

Than ôi! Trong thế giới này chỉ có cái thiên tính nhu nhược của người Trung Quốc mới không dám căn cứ trên lý lẽ để đấu tranh. Nếu có vài người dám làm như vậy thì những con dòi trong hũ tương cho rằng đấy là những phần tử cực đoan không an phận. Mọi người đều sống theo cái kiểu "Thôi! Bỏ qua! Bỏ qua đi!". Cái gì nó qua thì để cho nó qua, quá khứ thì hãy để cho nó là quá khứ (...).

Về giải pháp, theo Bá Dương, có thể tóm tắt: Muốn thay đổi, phải học của người khác những điều hay tốt ở các nước tiên tiến (...). Nếu như cứ một mực kiêu ngạo hão,... thì không tránh khỏi sẽ đi vào cái ngõ của sự diệt vong (...). Nếu chúng ta muốn người Trung Quốc có thể mở rộng cái tấm lòng nhỏ hẹp ra, chúng ta phải học tập của người phương Tây sự vui vẻ phóng khoáng, tấm lòng thích giúp người (...). Đứng trước người Tây phương lễ độ, lịch sự, có thật là chúng ta không cảm thấy thẹn vì mình thấp hèn không? (...).

Đọc xong cuốn sách, nhiều người sẽ có thể thấy được, ông Nguyễn Hồi Thủ, tuy chỉ là dịch giả, chắc cũng có một tấm lòng gần như tác giả Bá Dương khi nghĩ về dân tộc mình, mới bỏ công ra dịch. Có người còn cho rằng, nếu thử thay tên nước Trung Quốc bằng Việt Nam (và thay Đài Loan, Đài

Bắc bằng Sài Gòn, Hà Nội…), thì người đọc rất có thể tưởng cuốn sách đang viết về nước Việt Nam, vì sự mô tả, phân tích có nhiều điểm rất trùng hợp với hoàn cảnh Việt Nam, hay nói khác hơn có quá nhiều bóng dáng người Việt trong đó, với những nét "xấu xí" phảng phất Trung Quốc, mà người Việt có thể qua đó tham khảo để tự soi rọi lại mình.

XÉT TẬT NGƯỜI VIỆT HIỆN ĐẠI

Về việc xét tật mình để cầu tiến bộ cho dân tộc thì giới trí thức Việt Nam ta cũng đã có làm, coi như song song và cùng thời với Trung Quốc, chủ yếu từ đầu thế kỷ XX. Như ở một phần trên, chúng tôi đã tóm tắt lại những ý kiến nhận xét của tiền bối liên quan thói hư tật xấu của người Việt từ công trình sưu tập của nhà văn Vương Trí Nhàn, và cũng từ công trình có thể gọi đầu tiên và độc đáo này trong thời hiện đại, mặc dù chưa xuất bản chính thức, chúng ta thấy giới trí thức Việt Nam hiện nay đã bắt đầu có không ít người chú ý đặt lại vấn đề đổi mới đất nước nhằm thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu theo hướng tiếp cận cội nguồn văn hóa, lịch sử vốn là nguyên nhân gây nên những thói hư tật xấu như là căn tính của người Việt để tìm cách sửa chữa từ căn bản, thay vì cứ tiếp tục công kích vào những hiện tượng tiêu cực xã hội lẻ tẻ cứ ngày một phát sinh, gia tăng, kéo dài, và hầu như vô phương cứu chữa.

Trước Vương Trí Nhàn, có thông tin cho biết hai cố giáo sư Trần Quốc Vượng và Cao Xuân Hạo đã từng bày tỏ ý định sẽ viết sách về thói xấu người Việt, nhưng rất tiếc chưa bắt tay vào việc thì họ đều đã qua đời.

Trong một bài trả lời phỏng vấn báo *Tiền Phong* (21.9.2006) cho chủ đề liên quan cuốn sách đương làm về thói hư tật xấu người Việt, nhà văn - nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn cho rằng: "*Thông thường thì gọi là thói hư tật xấu của người Việt Nam, nhưng thực ra nó là trình độ sống, trình độ làm người của người Việt Nam... Điều quan trọng bây giờ là tự nhận thức mình xem anh là người thế nào, anh là ai. Tất cả tương lai của dân tộc nằm trong hành động này... Một trong những thói xấu của người Việt Nam là rất sợ nói đến thói xấu... Cả xã hội đóng băng trong sự tự khen thưởng... Nhưng thói xấu lớn nhất vẫn là sợ người khác nói xấu mình. Làm ăn với nước ngoài mà cứ lấy tinh vặt (ranh ma, khôn vặt) làm kế sinh lãi. Tôi rất không đồng ý với cuốn* Thần đồng đất Việt, *vì trong đó toàn ca ngợi cái tinh vặt, láu cá của người Việt khi làm ăn với ngoại quốc. Cái đó không đáng tự hào*".

Thật ra, công việc phê bình những thói xấu/ khuyết tật của người Việt, các phương tiện truyền thông như báo, đài trong nước vẫn thường làm, đặc biệt khi có xảy ra những chuyện xấu như bẻ hoa trong hội hoa xuân, giẫm đạp chen lấn nhau trong các kỳ lễ hội, hôi của,... nhưng việc phê bình còn lẻ tẻ, thiếu tính hệ thống. Từ ngày 24.9.2006, báo *Tiền Phong* (cả trên báo giấy và báo điện tử) đã sớm có sáng kiến mở chuyên

mục "Người Việt - Phẩm chất và thói hư tật xấu" như một diễn đàn để thu thập ý kiến rộng rãi từ phía bạn đọc (chủ yếu ở khu vực miền Bắc), "*ngõ hầu cảnh tỉnh chung, trước hết thoát khỏi 'thói xấu lớn nhất của người Việt là rất sợ nói về thói xấu của mình*'", và một phần nội dung quan trọng của diễn đàn này đã được tuyển chọn biên tập lại thành sách (xem Nhiều tác giả, *Người Việt - Phẩm chất và thói hư tật xấu*, Nxb. Thanh Niên - báo Tiền Phong, 2009). Gần đây, nhân câu chuyện cô tiếp viên hàng không bị phát hiện xách hàng ăn cắp bên Nhật, người Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước đều cảm thấy như đạp phải gai vì xấu hổ lây, từ đó lại dấy lên một cao trào tự kiểm điểm thói xấu của người Việt, thể hiện sôi nổi qua mấy tờ báo lớn trong nước (như *Tuổi Trẻ*...), cũng như trên một số trang mạng xã hội.

Người Việt
Phẩm chất &
Thói hư-tật xấu
Nhiều tác giả
Tiền phong
Nhà xuất bản Thanh Niên – Báo Tiền Phong



Bìa sách *Người Việt - Phẩm chất và thói hư tật xấu* do Nxb. Thanh Niên - báo Tiền Phong ấn hành

Bằng cách tổng kết lại từ các diễn đàn khoảng gần chục năm nay liên quan vấn đề đang xét, chúng ta sẽ có được một cái nhìn tổng quan về những thói xấu/ khuyết tật tồn tại qua nhiều thế hệ (thậm chí thế kỷ) ở đất nước ta song vẫn chưa khắc phục được.

Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi tình cờ tìm thấy bài viết "Chỉ tên những tật xấu của người Việt thời nay" của TS Phạm Gia Minh đăng trên *Tuanvietnam.net* ngày 25.8.2008. Trong bài, tác giả đề nghị hãy cùng nhau lên một danh mục, tạm gọi là "Danh mục các thói hư, tật xấu của người Việt thời nay" nhằm "vạch mặt, chỉ tên" càng chính xác càng tốt những biểu hiện tinh vi và đa dạng của nó.

Theo tác giả, thời trước cũng có "người Việt xấu xí", "*nhưng có lẽ trong kỷ nguyên của hội nhập quốc tế hôm nay, vì lòng tự trọng, tự tôn dân tộc, chúng ta cần có thái độ tự phê phán cao hơn, khi phải hàng ngày hàng giờ tự soi mình vào tấm gương toàn cầu hóa, để phát hiện ra và tích cực sửa những nét lạc lõng, dị biệt với mọi giá trị nhân văn của thế giới văn minh*".

Sau khi đưa ra hai thói xấu phổ biến điển hình hiện nay ở Việt Nam là đua xe và tham nhũng, chỉ ra cách khắc phục cụ thể cho từng trường hợp, với niềm xác tín vào khả năng "đẩy lui được con bệnh", tác giả đã thử *phác thảo danh mục các thói hư tật xấu của người Việt thời nay* (xếp theo bảng chữ cái tiếng Việt), như sau:

A: An phận thủ thường; Ăn bẩn; Ăn người; Ăn cắp vặt, Ăn hơn, làm kém; Ăn tục nói phét; Ảo tưởng; Ăn xổi ở thì; Ẩu v.v..

B: Bàng quan; Bảo thủ; Bằng cấp giả; Bán trời không văn tự; Bài ngoại; Bắt cóc bỏ đĩa; Bóc ngắn, cắn dài; Bè phái; "Buôn dưa lê"; Bới bèo ra bọ v.v..

C: Cãi nhau to vì chuyện nhỏ; Chen ngang khi phải xếp hàng; Chọc gậy bánh xe; Chụp giật; Chửi bậy, cục súc; Cờ bạc; Coi thường pháp luật; Cù nhầy; Cửa quyền; Cười không đúng chỗ, đúng lúc v.v..

D: Du di; Dị ứng tri thức; Dzô dzô (ăn nhậu thái quá) v.v...

Đ: Đâm bị thóc, chọc bị gạo; Để bụng; Đỏ đen; Đố kỵ; Đùn đẩy; Đua xe v.v..

E: Ép buộc; Ép uống v.v..

G: Gắp lửa bỏ tay người; Gia trưởng; Giả dối; Giàu ghen, khó ghét; Giậu đổ bìm leo v.v..

H: Hách dịch; Hiếu chiến; Hòa cả làng; Hô khẩu hiệu suông; Hứa hão; Hút thuốc lá v.v..

I: Ích kỷ hại người v.v..

K: Khoe khoang; Khôn lỏi; Không đúng giờ; Không chính kiến; "Khuỳnh"; Kỳ vĩ v.v..

L: Làm láo, báo cáo hay; Làm liều; Làm theo phong trào; Lập lờ nước đôi; Lệ làng; Lý nhẹ hơn tình v.v..

M: Mạnh ai nấy chạy; Mất đoàn kết khi sung sướng, đầy đủ; Mê tín v.v..

N: Ném bùn sang ao; Nịnh trên nạt dưới; Nhai to; Nhậu nhẹt triền miên; Nhổ bậy; Nhếch nhác; Nghĩ ngắn hạn (tư duy

nhiệm kỳ); Ngoáy mũi nơi đông người; Nói dai, nói dài, nói dại; Nói một đằng, làm một nẻo; Nói to nơi công cộng; Nói phách (nói khoác lác); Nể nang; Nửa vời v.v..

O: Oai hão; Ôm đồm; Ôm rơm dặm bụng; Ông giơ chân giò, bà thò nậm rượu (thông đồng làm việc khuất tất) v.v..

P: Phép vua thua lệ làng; "Phong bì" (hối lộ); Phô trương; Phung phí v.v..

Q: Qua cầu rút ván; Qua loa đại khái; Quan liêu; Quan trọng hóa vấn đề; Quy hoạch treo v.v..

R: Ra oai; Ranh vặt; Rượu chè v.v..

S: Sai hẹn; Sĩ diện hão; Sính ngoại; Sợ trách nhiệm; Sợ người khác giỏi hơn mình v.v..

T: Tâm lý vùng (địa phương hẹp hòi); Tiểu nông, tiểu trí; Tiểu xảo; Tiểu khí (tiểu nhân, hạn hẹp); Tham nhũng; Thấy kẻ sang bắt quàng làm họ; Thụ động; Tư duy nhiệm kỳ; Tự ti dân tộc nhược tiểu v.v..

U: Ưa xiểm nịnh; Ức hiếp kẻ yếu; Ừ hữ cho qua; Ương ngạnh v.v..

V: Vặt vãnh; Vẽ vời; Vênh váo; Vị kỷ; Vị nể; Viển vông; Viết, vẽ bậy nơi công cộng; Vòi vĩnh; Vung tay quá trán v.v..

X: Xa dân; Xa rời thực tế; Xả rác nơi công cộng v.v..

Y: Ỷ lại; Ỷ quyền thế; Ý thức tập thể, cộng đồng kém v.v..

Xét danh mục trên đây, thấy có một số điểm (tật xấu) được nêu ra trùng lặp, như "Nghĩ ngắn hạn" với "Tư duy nhiệm

kỳ"... Một vài điểm khác có lẽ cũng chưa nên liệt hẳn vào tật xấu, như "Hút thuốc lá", vì đây kể như thuộc cái chung "nhân loại" mà dân tộc nào cũng có... Bảng danh mục trên đây cũng chưa tách bạch, mà trộn lẫn, giữa những thói xấu thuộc sinh hoạt cá nhân (như Nhổ bậy, Ngoáy mũi nơi đông người...) với sinh hoạt cộng đồng (Chen ngang khi phải xếp hàng, Đua xe, Viết vẽ bậy nơi công cộng, Xả rác nơi công cộng...); giữa những khuyết tật/ nhược điểm về đầu óc-tư duy-tư tưởng (như Ăn tục nói phét, Ảo tưởng, Bảo thủ, Thụ động, Ương ngạnh, Vênh váo, Viển vông, Ỷ lại...) với nhân sinh quan/ thái độ sống (như An phận thủ thường, Vị kỷ...); giữa những quan hệ cá nhân (như Ưa xiểm nịnh, Ức hiếp kẻ yếu...) với hành vi có tính chất công quyền do cơ chế quản lý bất hợp lý gây ra (như Cửa quyền, Hô khẩu hiệu suông, Làm láo báo cáo hay, Làm theo phong trào, Phong bì/ Hối lộ, Quan liêu, Quy hoạch treo, Tham nhũng, Tư duy nhiệm kỳ, Xa dân, Xa rời thực tế...).

[...]

Căn cứ vào những ý kiến có được từ một số diễn đàn "xét tật mình"/ "thói hư tật xấu người Việt" do các báo *Tuổi Trẻ*, *Tiền Phong* (online) và vài trang mạng xã hội khác thực hiện trong khoảng cuối tháng 3 đầu tháng 4.2014 (sau vụ cô tiếp viên hàng không xách đồ ăn cắp ở Nhật), chúng tôi xin phép được lượm lặt để bổ sung vào hai bảng danh mục nêu trên, về đủ loại thói hư tật xấu/ căn bệnh tư tưởng của người Việt chúng ta hiện nay (tên gọi những thói hư tật xấu có đánh dấu

hoa thị * bên trên là do chúng tôi ghi nhận thêm). Có thể kể với sự phân loại tương đối như sau:

Thói xấu thuộc hành vi cá nhân: Đua đòi (ai cũng muốn sắm xe máy, điện thoại di động…)*; Thích người này hát để người khác khen hay, cùng nhau vỗ tay khen thưởng; Mê cờ bạc (đánh bạc, chơi số đề, cá độ bóng đá…)*; Thói hiếu kỳ, bàng quan ("xúm đông, xúm đỏ" mỗi khi có tai nạn giao thông, đám đông hiếu kỳ bu xem…); Bàn tán chuyện ngoài đường chẳng dính đến mình; Tò mò, thích kể chuyện đời tư người khác*; Tật ngồi lê đôi mách*; Mừng trên sự thất bại của người khác*; Thích công kích người khác theo kiểu nhạo báng chua cay, châm chích rẻ tiền*; Nhặt được của rơi không trả*; Lời lẽ xúc phạm thiếu văn hóa trong hoạt động nghiên cứu (như gọi vua Gia Long là "y" là "hắn", gọi phe đối nghịch với mình là thằng này bọn nọ…)*; Khiêm tốn quá mức; Nói về người khác nhiều mà ít suy nghĩ về chính bản thân mình; Quan cách, khách sáo; Tính ghen ghét, tùy tiện; A dua, tát nước theo mưa; Láu cá (kiểu Trạng Quỳnh…); Không muốn ai hơn mình (cái gì cũng muốn phải hơn người khác, người này mở nhạc thì người khác phải mở to hơn…); Ghét người giàu*; Nói xấu sau lưng người khác*; Háo danh (thích được tuyên dương, nhận giấy khen, bằng khen…)*; Hiếu chiến, hiếu thắng vì những lý do tự ái, lặt vặt, đánh mất đại cục; Hay cãi vã; Chửi thề (kể cả học sinh nữ…)*; Dốt hay nói chữ*; Tốt khoe xấu che; Dối trá; Đâm bị thóc thọc bị gạo (Đòn xóc hai đầu)*; Nói đâm vào họng kẻ khác*; Sĩ diện không đúng chỗ

(sĩ diện hão); Tham lam nhỏ mọn vô lối (tranh giành nhau từng tấc đất…)*; Tài khôn (khôn vặt, ưa tỏ ra mình giỏi)*; Lúng túng, không tự nhiên khi giao tiếp; Hay cậy thế nhờ vả họ hàng và quan chức; Nói nước đôi lập lờ không rõ ràng*; Dễ thỏa mãn nên tâm lý hưởng thụ còn nặng; Xởi lời, chiều khách, song không bền; Hoang phí vì những mục tiêu vô bổ (sĩ diện, khoe khoang, thích hơn đời); Mất đoàn kết, tương thân, tương ái khi có điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn; Không tiết kiệm hay tâm lý thích tiêu xài phung phí; Thích hưởng thụ mà không chịu trả phí (thích xài mọi thứ nhưng không muốn mất tiền, sử dụng điện thoại "chùa" nơi công sở…); Thói giả dối hay căn bệnh "sống hai cuộc sống"…

Thói xấu trong sinh hoạt: Quá coi trọng chuyện ăn uống (thôi nôi, sinh nhật, mừng thi đỗ, mừng có việc làm, mừng trúng thầu dự án, mừng mua xe mới nhà mới…); Ngồi các kiểu ở chỗ đông người; Lãng phí thời gian (ngồi lê đôi mách, nhậu nhẹt quá mức không biết tiết kiệm thời giờ vàng bạc); "Ăn nhanh, đi chậm, hay cười/ Thích 'chơi đồ cổ' (mua đồ cũ) là người Việt Nam"; Cười nói to, ồn ào nơi công cộng; Thích tiếng động (kèn trống, đốt pháo…)*; Khạc nhổ bừa bãi; Không có phong thái lịch sự khi giao tiếp (ít biết nói "cảm ơn, xin lỗi, vui lòng…"); Phóng uế, tiểu tiện bừa bãi (đái bậy ngoài đường); Ăn uống/ ăn ở mất vệ sinh (chế biến thực phẩm, cầu tiêu trên sông…); Xả rác tùy tiện (xả rác vô tội vạ, vô tư xả rác, đổ nước bẩn ra đường…)…

Thói xấu trong ứng xử với cộng đồng: Đấu đá nghi kỵ lẫn nhau; Vô cảm (với nỗi khó khăn, cảnh khổ của người khác)*; Không quan tâm tới luật lệ giao thông (vượt đèn đỏ, đi ngược chiều, chạy cho kịp giờ, chạy xe bạt mạng...); Ý thức chấp hành kỷ luật kém; Tính tùy tiện vô tổ chức (tự do vô tội vạ); Ý thức cộng đồng kém (quảng cáo cột điện nhiều vô kể...); Ít chịu nhường nhịn (không cần xếp hàng gì cả, cố giành phần ưu tiên, chen lấn xô đẩy, giành giật, không biết nhường đường); Lợi mình hại người (lấy gà bị chết dịch mà đem bán, độn đinh vào tôm xuất khẩu...); Nói thách*; Cân thiếu*; Không biết giữ gìn tài sản công; Ý thức kém về bảo vệ môi trường*; Giết mổ để ăn gây đau đớn cho động vật (đập đầu chó mèo, cắt cổ vịt...)*...

Thói xấu trong lề lối làm việc: Giải quyết vấn đề theo cảm tính chủ quan; Tham lợi nhỏ quên mất tai họa lớn; Chạy đua chỉ để phục vụ cho một sự kiện; Khúm núm với cấp trên, thượng đội hạ đạp; Làm việc gì cũng trước tạo mối "quan hệ" tốt; Tính cả nể và không công bằng; Thích ganh đua và chạy theo bệnh thành tích; Cái tôi đặt lên trên tập thể; Không dám chịu trách nhiệm những việc mình làm; Tinh thần hợp tác làm việc theo *team work* còn hạn chế; Giờ cao su (trễ giờ, trễ hẹn); Khi đi công tác, người Việt rất nặng nề chuyện mua bán, quà cáp cho người nhà và đồng nghiệp; Không có thói quen truyền đạt những thông tin cần thiết cho những người khác sau khi kết thúc công việc nào đó...

Thói xấu trong học tập, giáo dục - thi cử: Thi không trung thực (quay cóp, sử dụng "phao", mang tài liệu vào phòng thi…)*; Ai cũng muốn cho con vào đại học (coi thường ngành trung cấp/ cao đẳng chuyên môn)*; Học gạo nhưng kém thực hành; Ít khi học "đến đầu đến đũa" nên kiến thức không hệ thống, mất căn bản…

Tính cách chung ngăn cản sự tiến bộ (các mặt hạn chế): Hời hợt, không sâu sắc; Tự ti; Thích khen sợ chê; Trọng tình; Bảo thủ, cực đoan; Lãng phí; Không cơ bản, sống theo kiểu "lắp ghép"; Dĩ hòa vi quý; Nhu nhược, sợ quyền lực; Vừa thực tế, vừa mơ mộng, song lại không có ý thức nâng lên thành lý luận; Thiếu tự tin và óc phê phán; Tính rụt rè; Có tính chất đối phó, thiếu tầm tư duy dài hạn, chủ động; Không duy trì đến cùng (ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm); Óc vọng ngoại (sính dùng tiếng/ chữ nước ngoài, dùng hàng hiệu nước ngoài…)*; Bệnh hình thức; Thiếu trách nhiệm cá nhân, thừa trách nhiệm tập thể; Thiếu thực tế; Thiếu tính liên kết để tạo ra sức mạnh (cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng); Không biết mình xấu (có nhiều tật xấu, trong đó tật xấu nhất là… không ý thức được đó là những tật xấu, thấy xấu không sửa)…

Trên đây, qua nhiều nguồn tổng hợp từ các diễn đàn truyền thông, có lẽ chúng ta đã liệt kê chưa hết nhưng gần hết những thói hư tật xấu/ tính xấu/ khuyết tật/ căn bệnh tinh thần… bao gồm các mặt hạn chế đủ loại của người Việt nói chung, hay người Việt thường dân. Tuy nhiên, sẽ là rất thiếu sót nếu

chúng ta không tách riêng ra để kể thêm về những thói xấu/ khuyết tật đặc biệt của "người Việt công quyền" gồm hết thảy những cán bộ công nhân viên chức làm việc trong các cơ quan ban ngành đoàn thể thuộc Đảng, Nhà nước, cũng như trong các tổ chức kinh tế tập thể - quốc doanh, các tập đoàn kinh tế quốc doanh và tổng công ty,... vốn chịu sự chi phối cũng của chính các cơ quan ban ngành đoàn thể ấy. Bởi vì thói xấu người Việt nói chung (hay người Việt thường dân) không thể nào không ảnh hưởng hay phản chiếu trực tiếp vào cung cách, tác phong, thái độ làm việc của người Việt công quyền, bao gồm cả các nhà lãnh đạo kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội ở mọi cấp, bởi tất cả họ cũng đều "từ nhân dân mà ra", chứ chẳng phải ai khác. Như thói gia trưởng chẳng hạn, khởi đầu từ gia đình, sau ảnh hưởng tới tác phong lãnh đạo của người cán bộ...

Kể về thói xấu/ khuyết tật đặc biệt của "người Việt công quyền" thì có lẽ số lượng không nhiều hơn so với của người Việt thường dân, nhưng thói xấu/ khuyết tật mà nằm trong số những kẻ có chức có quyền thì mức tác hại của chúng chắc chắn phải cao hơn. Đó chính là nguyên do tạo nên mọi thứ trì trệ làm cho đất nước phải bị kìm hãm lâu dài trong vòng chậm tiến. Hay nói một cách công bằng và chính xác hơn, cả hai hệ thói xấu/ khuyết tật nêu trên đã cộng hưởng lẫn nhau để phát huy tác dụng tiêu cực.

Căn bệnh nặng nhất của người Việt công quyền là bệnh xơ cứng giáo điều cả về mặt tư tưởng lẫn hành động, khiến

hầu hết những người làm việc trong bộ máy công quyền các cấp đều không dám công khai nói thẳng sự thật hay mở mũi đột phá khi cần thiết cho công việc vì luôn sợ bị chụp mũ về quan điểm lập trường, dẫn tới tình trạng ai cũng nhếch nhác rụt rè, giữ gìn ý tứ, từ đó triệt tiêu tất cả mọi sự thông minh và độc lập sáng tạo của cá nhân.

Phương thức quyết định tập thể dẫn đến tình trạng vô trách nhiệm tập thể. Khi có sự vụ gì hư hỏng xảy ra thì người ta cứ đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, rốt cuộc không có ai là người đứng ra chịu trách nhiệm cụ thể cả, hoặc chỉ chịu trách nhiệm dưới hình thức "xin lỗi", rồi xử lý nội bộ cho qua.

Kinh tế tập thể và nguyên tắc "quốc doanh chủ đạo" dẫn đến việc biến tài sản của chung thành "của chùa" mạnh ai nấy xà xẻo, từ đó cũng gây nên tình trạng vô trách nhiệm kiểu "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa", "cha chung không ai khóc", vốn là gốc nguồn căn bản của tệ nạn vun quén cá nhân biểu hiện dưới hình thức ăn cắp của công, tham ô lãng phí, tham nhũng hối lộ ngày càng tăng và vô phương cứu chữa.

Bộ máy hành chính công quyền để quản lý xã hội hoạt động kém hiệu quả, trong điều kiện việc thực thi luật pháp thiếu minh bạch, đã gây nên quốc nạn tham nhũng gồm cả tham nhũng lớn lẫn tham nhũng vặt. Tham nhũng lớn liên quan số tiền hoặc tài sản trị giá hàng chục/ hàng trăm tỉ đồng, thường do các nhóm quan chức đặc quyền tương đối lớn câu kết với nhau; tham nhũng vặt phổ biến tại mọi tỉnh thành trên cả nước làm cho cả dân tộc hèn đi, được thực hiện dưới

hình thức "lót tay", "phong bì", "bồi dưỡng",... chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực hành chính, đặc biệt với cơ chế hành chính "xin - cho", khi người dân có những việc cần xin phải đụng tới thủ tục, như xin việc làm ở cơ quan nhà nước, "xin" khám-chữa bệnh ở bệnh viện công, xin nhập/ chuyển hộ khẩu, xin giấy khai sinh/ khai tử, xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin giấy phép xây dựng, xin đi học...

Ngoài những thói xấu/ khuyết tật/ chứng bệnh nặng nêu trên, ở "người Việt công quyền", còn có nhiều thứ đáng kể khác, rất phổ biến, tuy có phần ít "căn bản" hơn đôi chút nhưng tác hại của chúng hội tụ lại cũng vô cùng to lớn. Có thể kể ra hàng loạt: Thói giữ bí mật (không công khai nói ra cho dân biết, che giấu những sự thật không tốt); Chủ nghĩa lý lịch - thành phần; Bổ nhiệm nhân sự theo quan hệ người thân (họ hàng, bạn bè, "một người làm quan cả họ được nhờ"...); Bệnh sùng bái cá nhân; Óc gia trưởng; Bệnh tham quyền cố vị; Không có văn hóa từ chức; Sợ tới tuổi về hưu; Tha hóa quyền lực (dân tốt khi có chức quyền trở thành quan xấu...); Bệnh kết bè kéo cánh (óc bè phái/ phe đảng); Thói nịnh trên nạt dưới; Phê bình tố cáo kẻ vạch nhau chuyện tủn mủn để tranh giành quyền lực/ quyền lợi (moi móc đời tư để hạ bệ nhau...); Óc cục bộ địa phương; Tư túi/ thu vén cá nhân; Sống giả dối hai mặt (ở cơ quan nói khác, về nhà nói khác...); Sử dụng bằng dỏm bằng giả; Bám sống theo cái nôi cơ quan nhà nước; Bệnh quan liêu hình thức; Thói quan liêu cửa quyền; Trấn áp dân chủ (không tôn trọng quyền tự do

ngôn luận, bài trừ "ý kiến khác"...); Đì kẻ có tài hoặc khác với mình về quan điểm; Can thiệp vào hoạt động tư pháp (chỉ đạo xét xử, gởi gắm...); Sử dụng nhiều thủ đoạn đôi khi cả với dân; Bao che, câu kết kiểu phủ huyện bênh nhau; Nghi kỵ, rình rập, vạch lỗi của nhau trong quan hệ công tác; Hô khẩu hiệu suông; Hội họp triền miên; Báo cáo láo; Bệnh thành tích; Xử lý nội bộ (không xử phạt dựa trên luật pháp); Ngụy biện (ưa dùng những cụm từ như "căn bản tốt", "hoàn thành căn bản", "nơi này nơi khác vẫn còn không ít khuyết điểm", "một số không nhỏ"...); Máu xôi thịt; Hám tổ chức những ngày lễ kỷ niệm và ăn theo cuộc lễ; Hám danh hão; Hám bằng khen, huân chương và các loại danh hiệu (thường xuyên tổ chức những cuộc thi đua khen thưởng); Sử dụng công quỹ bừa bãi sai mục đích; Thi hành công vụ/ giải quyết công việc trên bàn nhậu; Nhậu nhẹt trong giờ làm việc; Đãi đằng cấp trên (để mua chuộc tình cảm, vận động sự ủng hộ, giúp đỡ...); Quà cáp cho cấp trên (đặc biệt trong những ngày lễ tết)...

NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP CỨU VÃN

Về nguyên nhân và giải pháp cứu vãn những thói hư tật xấu của người Việt hiện đại, chúng tôi cũng chỉ xin tóm thuật bằng cách ghi lại một số ý kiến đã được phát biểu trên hai diễn đàn liên quan chủ đề này do báo *Tiền Phong* (online) và báo *Tuổi Trẻ* tổ chức trong khoảng cuối tháng 3 đầu tháng

4.2014 vừa qua. Chúng tôi tin cách làm này tuy có vẻ đơn giản nhưng lại nhiều khả năng đạt được tính khách quan cao, nhờ thu thập được ý kiến từ nhiều phía của mọi thành phần dân Việt cũng như của vài người ngoại quốc có quá trình sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

1. Về nguyên nhân những thói hư tật xấu, có những ý kiến đáng chú ý như sau:

- Đào Duy Anh khẳng định trong sách *Việt Nam văn hóa sử cương* (Quan Hải Tùng Thư, Huế, năm 1938) rằng: "Cái văn hóa của tổ tiên ta đã gây dựng trong hai nghìn năm để sinh trưởng giữa những điều kiện tự nhiên ác liệt ở xứ này, tất phải có sinh khí mạnh mẽ lắm". Song, ông cũng nhận rõ đấy là "sinh khí mạnh" của nền văn hóa nông nghiệp Việt, với văn minh lúa nước cổ truyền, vốn là "xã hội bế tỏa, đến khi xã hội ấy gặp tình thế bắt phải khai thông thì nó lộ ngay ra hết mọi nhược điểm. Cái bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột của những giá trị cổ truyền của văn hóa cũ ấy với những điều mới lạ của văn hóa Tây phương. Cuộc xung đột sẽ giải quyết thế nào, đó là một vấn đề quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta vậy" (theo Nguyễn Thị Minh Thái, "Tính xấu người Việt: Cần soi gương…", *Tuổi Trẻ*, 8.4.2014). Có thể nói thói hư tật xấu của người Việt Nam ta nó xuất phát từ lối sống, lối làm việc, tập tục văn hóa tích lũy từ bao đời mà hình thành… (*Tiền Phong online*). "Cái xấu" mà người Việt hiện đang mắc phải nó rất biện chứng và là hệ quả của một thời gian dài ít hòa nhập với thế giới, ta chỉ thường ca ngợi

ta "anh hùng, cần cù, thông minh..." như là khỏa lấp những vấn đề yếu kém vẫn đang tồn tại trong xã hội. "Cái xấu" ở đây không phải sinh ra là đã thế mà nó bị ảnh hưởng của cách giáo dục, từ thực tế cuộc sống, từ những "bài học sinh tồn" mà cha ông ta dặn lại; nó chỉ thuần túy là khả năng chống chọi với thiên nhiên, ngoại xâm, với các thế lực muốn thôn tính ta. Khi ta hội nhập thì cái mặt bằng ngàn năm đó cũng cần được nhìn nhận theo "tiêu chuẩn quốc tế" và điều đó dân Việt ta cũng phải suy nghĩ! (*Tiền Phong online*).

- Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn thay đổi, tức vẫn non trẻ. Trong xã hội chưa được thiết lập một tiêu chuẩn về lối sống có tính đạo đức một cách vững vàng (*Tuổi Trẻ*, 31.3.2014).

- Do ở trình độ dân trí của mọi người, do trình độ văn hóa chung của toàn xã hội... (*Tiền Phong online*). Những thói xấu mà người Việt thể hiện như mọi người đã chỉ ra chỉ là sản phẩm của một nền văn hóa hiện nay. Văn hóa được định hình bởi các giá trị... Vấn nạn đối với người Việt hiện nay là những "giá trị" ngầm rất tệ hại đã và đang là kim chỉ nam cho những hành vi hằng ngày của rất nhiều người... (*Tuổi Trẻ*, 12.4.2014).

- Do hiệu quả của hệ thống pháp luật, do kỷ cương phép nước, do cơ chế quản lý xã hội... Hơn nữa, việc coi thường pháp luật và việc chế tài xử phạt không nghiêm cũng góp phần làm trì trệ thêm tình hình... Cơ chế quản lý xã hội (thông qua hệ thống luật pháp chính thống của Nhà nước, các quy

định của các cấp chính quyền, đoàn thể) còn những chỗ chưa chặt chẽ (*Tiền Phong online*).

- Do khuyết tật của nền giáo dục, do chất lượng thực chất của nền giáo dục phổ thông. Chúng ta đang chú trọng việc "dạy chữ" mà xem nhẹ việc "dạy làm người". Lòng nhân ái, tính khoan dung, tình yêu thương gia đình, đồng loại, tính cộng đồng… là những bài học sơ đẳng để hoàn thiện nhân cách một con người và nó phải được thường xuyên nuôi dưỡng trong một môi trường xã hội lành mạnh. Đây là điều mà nền giáo dục hiện nay khiếm khuyết (*Tiền Phong online*). Sự khủng hoảng của nền giáo dục ở các cấp đã có ảnh hưởng tức thời đến hiện tượng "người Việt xấu xí" đang có chiều hướng gia tăng - một bộ phận trẻ em hư hỏng, bất cần đời đi bụi, thanh niên đua xe, nghiện ma túy rồi phạm pháp v.v.. Giáo trình môn đạo đức học trong nhà trường rất thiếu những bài giảng sinh động mang tính thực tiễn để cập thẳng thắn tới những thói hư tật xấu hay gặp nhất của người Việt trong bối cảnh của hội nhập quốc tế. Chẳng có tiết giảng nào răn dạy các em không nên ngoáy mũi hay nói to nơi công cộng… Và đáng thất vọng hơn là xã hội chưa có chế tài xử phạt những hành vi thiếu văn hóa trên quy mô cả nước (Phạm Gia Minh, tlđd.).

- Điểm xuất phát của chặng đường tự sửa mình gian nan đó phải được bắt đầu từ gia đình - tế bào của xã hội, cụ thể là hình thành và gìn giữ gia phong hay còn gọi là "văn hóa gia đình". Nhưng cái văn hóa gia đình ấy gắn liền với chữ "lễ" lẽ ra cần được ưu tiên thấm nhuần, để dẫn truyền kiến

thức văn hóa, trên thực tế đã bị coi thường, là nguyên nhân gây ra những biểu hiện ứng xử thiếu văn hóa. "*Trong thực tế người ta đã nhồi nhét tới mức quá tải những mái đầu còn non nớt bằng bao tiết học chính khóa lẫn học thêm các môn Toán, Lý, Hóa, Văn, v.v.. trong khi đó giáo dục thể chất và tinh thần chưa bao giờ được đầu tư đúng mức. Rút cuộc, chúng ta đã tạo ra một nền giáo dục đầy bức xúc và stress, có nguy cơ sản sinh ra những thế hệ công dân tư duy thụ động theo lối mòn, xơ cứng giáo điều, nghèo nàn và 'cục súc' trong văn hóa giao tiếp, yếu ớt về thể chất và dị biệt với các bạn đồng lứa trên thế giới*" (Phạm Gia Minh, tlđd.).

- "Nhân chi sơ tính bản thiện", tính xấu là do hoàn cảnh bên ngoài tạo nên: Những đứa trẻ sống giữa những người phê phán thì học thói hay lên án; những đứa trẻ sống trong bầu không khí thù địch thì hay đánh nhau; những đứa trẻ sống trong sự hãi hùng thì học được thói sợ sệt… (*Tiền Phong online*).

- Tiền lương của người lao động còn thấp nên không có tác dụng khích lệ tính tốt (như nhân viên phục vụ cửa hàng không biết tươi cười với khách…) (*Tiền Phong online*).

- Cách quản lý xã hội lỏng lẻo, bất hợp lý đã vô tình tạo điều kiện cho tính xấu ngày càng bành trướng, tính tốt càng bị chèn ép mất hút. Đầu tiên là một số ít lợi dụng sự lỏng lẻo để lách, rồi họ thu được lợi thay vì bị phạt, vậy là số đông hùa theo, làm theo, hành vi xấu nhanh chóng nhân rộng. Một người không xếp hàng nhưng vẫn được bán vé trước,

vào trước, số còn lại sẽ không xếp hàng nữa. Một số ít hay đi trễ nhưng vẫn được chờ đợi, số người đi đúng giờ sẽ rút kinh nghiệm không đúng giờ nữa, làm thành một tập thể trễ nải, như chuyện đi đám cưới. Anh đút lót, mọi sự dễ dàng hơn thì tôi dại gì đi đường chính vòng vèo… Không có sự nghiêm minh, công bằng thì người ta sẽ tìm cách đạt lợi ích bằng hành vi xấu. Lâu dần lan dần thành thói quen, thói xấu của cả cộng đồng (*Tuổi Trẻ*, 31.3.2014).

- Bốn nguyên nhân của xấu xí: (1) *Di sản đạo đức không kết thành một khối từ quá khứ đến hiện tại*. "Một triều đại mới bắt đầu là một sự thay đổi tận gốc rễ, nhiều 'nguyên khí quốc gia', nhiều tư tưởng lớn bị phế bỏ chỉ vì không cùng 'nhóm', có phải vậy mà giá trị, chuẩn mực đạo đức truyền thống truyền đến hôm nay chỉ còn là những mảnh ghép rời rạc"; (2) *Không trải qua những hình thái lịch sử hình thành nên tính cách cộng đồng*… Kỷ luật roi vọt của chiếm hữu nô lệ và kỷ luật đói rét của lao động công nghiệp tư bản buộc các quốc gia - dân tộc phải trở thành một dân tộc có một kỷ luật. Do không trải qua hai hình thái này mà chúng ta không có thói quen tôn trọng và thực thi pháp luật, là những người lề mề, thất tín, hời hợt, đại khái, ngẫu hứng, kém kỷ luật, trung thành thấp… Việt Nam cũng không trải qua một phương thức sản xuất nào trọn vẹn từ đầu đến cuối, do vậy mà các chủ thể xã hội không đạt đến độ chín muồi về đạo đức, tư tưởng và triết học; (3) *Không được chuẩn bị cho kinh tế thị trường*. Sau gần 20 năm đói khát bởi cấm vận, khủng hoảng kinh tế,

cuộc sống khốn khó đến mức làm bất cứ cái gì để tồn tại, khi xã hội chuyển từ nền kinh tế bao cấp (cũng là một trạng thái bất bình thường) sang kinh tế thị trường thì xã hội phải đối mặt với trạng thái phát triển quá đột ngột, không ai từ lãnh đạo đến người dân được chuẩn bị về tâm thế nên rơi ngay vào trạng thái bất bình thường khác. Tăng trưởng GDP lên hai con số thành mục tiêu quan trọng nhất, người dân giẫm đạp lên mọi đạo lý để kiếm tiền. Sự hoang dại của thời đói kém cộng với thứ kinh tế thị trường non yếu đã làm đậm hơn lên những tính cách xù xì, méo mó vốn có, và được bổ sung thêm những cái gớm ghiếc từ bên ngoài tràn vào. Phàm cái gì nôn nóng thì dễ hỏng, bằng chứng cho thấy tiền của nhiều hơn nhưng đạo đức suy thoái, đời sống tinh thần bị chao đảo khủng khiếp. Không ở đâu có chuyện thay vì cứu người bị nạn thì lại lao vào hôi của, nhặt tiền với một tinh thần man dại; (4) *Hệ thống quản trị quốc gia chưa phải là tấm gương*. Muốn hay không cũng phải nhìn nhận rằng dân tình trong một quốc gia có ra sao thì người đóng vai trò quản lý, dẫn dắt phải chịu trách nhiệm. Có một sự thật là bên cạnh những thành tựu nhất định, bộ máy quản lý nhà nước hoạt động ở một số nơi còn kém hiệu quả, vận hành làm sao mà khoảng cách giàu nghèo ngày một lớn, tham nhũng, quan quyền hưởng lợi trên sự thiệt của dân, oan sai còn nhiều, gây bất bình… Niềm tin đạo đức, công bằng, đạo lý sa sút. Phản ứng xã hội chuyển sang thành những tiêu cực như trộm cắp, tham nhũng vặt, lập băng đảng, bóp cổ khách du lịch, chích hút ma túy… "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", hiển nhiên là như vậy, bởi thiết

chế xã hội như khuôn đúc nên con người. Nhưng hình như cái khuôn của chúng ta có vấn đề (TVC nhấn mạnh) cho nên nhiều sản phẩm không dài, không tròn mà lại dị dạng (ý kiến của Nguyễn Minh Hòa, *Tuổi Trẻ*, 15.4.2014).

2. Về giải pháp cứu vãn những thói hư tật xấu, có những ý kiến tóm tắt như sau:

- Phải có một nền giáo dục tốt, phải giáo dục thế hệ trẻ ngay từ lúc này, mà trước tiên nhà trường và gia đình là những tấm gương... Sửa dần thói xấu vặt từ thế hệ 8X. Đối với người Việt Nam ta, người lớn đã sống theo quán tính rồi, sửa những thói xấu vặt như chúng ta thường nói một cách hiệu quả là khó... Nhưng nếu nhà trường có môn học làm người, dạy các em từ lời ăn tiếng nói, dáng đi, tác phong ăn uống, tiếp bạn, chung sức học tập và làm việc, biết ganh đua nhau để tiến lên, tôn vinh những thành tích thực sự, ai, nhóm nào cũng có thể nổi tiếng đúng nghĩa... thì có lẽ hiệu quả hơn... Vấn đề là ở hệ thống chương trình giáo dục (*Tiền Phong online*). Nhà trường luôn đóng vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục ý thức cho dân chúng... Người nước ngoài cũng không hơn gì ta cả, chẳng qua họ được giáo dục tốt, từ trong nhà trường ra tới ngoài xã hội... Dù có nói gì đi nữa, nếu không có sự cải cách thì khó hi vọng có một thay đổi lớn ở ý thức xã hội trong những năm tới (*Tuổi Trẻ*, 12.4.2014). Trong cải cách giáo dục, nên chăng chúng ta hãy có hẳn một bài lên án nạn "ăn cắp vặt" của người Việt. Đồng thời đưa ra bài học đạo đức "không nên ăn cắp vặt", "không nên tham vặt"... Hãy dạy

một cách thẳng thắn, nêu đúng tội, dẫn chứng đúng chuyện để học sinh lấy đó làm bài học. Đừng đưa ra những lý luận, những học thuyết hay danh từ cao siêu... Một khi tính tham vặt không tồn tại sẽ không còn tham của công, tham nhũng và những cái tham khác... (*Tuổi Trẻ*, 13.4.2014).

- Điểm xuất phát của chặng đường tự sửa mình gian nan đó phải được bắt đầu từ gia đình - tế bào của xã hội, cụ thể là hình thành và gìn giữ gia phong hay còn gọi là văn hóa gia đình (Phạm Gia Minh, tlđd.).

- Nên chủ động kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng khác, kết hợp với các nhà nghiên cứu văn hóa xã hội, các đoàn thể quần chúng và kết hợp với đông đảo độc giả xa gần trong và ngoài nước để phát động một phong trào sâu rộng bài trừ thói hư tật xấu của người Việt chúng ta (*Tiền Phong online*).

- Nên khuyến khích mọi người sưu tầm thơ, ca dao, tục ngữ nói về thói hư tật xấu, về tệ nạn lãng phí, tham nhũng. Đó cũng là cách thu hút mọi người quan tâm đọc, góp ý kiến và giải pháp (*Tiền Phong online*).

- Xử phạt để răn đe, cảnh cáo hành vi phạm lỗi... (*Tiền Phong online*). Tuyên truyền, giáo dục là cần thiết nhưng thiết nghĩ cũng cần có biện pháp xử lý khi có người cố ý coi thường các quy tắc chung (*Tuổi Trẻ*, 11.4.2014).

- Cách trước mắt để loại bỏ thói hư tật xấu tạm thời, đó là: - Làm gương cho người khác từ chính mình từ việc nhỏ

nhất. - Hãy có một lòng tin vào thế hệ trẻ, vào tương lai ngày mai sẽ khác (*Tiền Phong online*).

TẠM KẾT

Qua sự khảo sát tìm hiểu tương đối toàn diện vấn đề thói hư tật xấu người Việt như trên, bao gồm cả việc phân tích nguyên nhân và đề nghị giải pháp khắc phục, chúng tôi xin phép được đưa ra một số nhận xét riêng có tính chung nhất như sau để thay cho lời tạm kết:

- Không phải người Việt nào cũng có đủ những thói hư tật xấu như đã được nêu ra trong các phần trên, mà con người có sự khác nhau tùy theo tư chất bẩm sinh và điều kiện hấp thụ văn hóa (gia đình, học đường, xã hội). Đối với không ít người chú trọng việc rèn luyện bản thân, thói hư tật xấu sẽ ngày càng ít đi. Một số thói hư tật xấu trên thực tế cũng là khuyết tật chung của loài người, đâu đâu cũng có, ít hoặc nhiều. Vì thế chúng tôi rất chia sẻ với ý kiến của một tác giả tham gia diễn đàn trên *TPO*: "*Người Việt có tính xấu chung của thế giới, có tính tốt rất riêng và rất đặc thù. Người Việt ở đâu cũng vậy, vẫn giữ những nét xấu riêng của mình, để đi đến đâu họ cũng bị nhận ra rằng: Đó chính là người Việt! Nhưng người Việt không bao giờ chỉ có tính xấu, người Việt cũng có rất nhiều cái tốt như mọi người đã biết! Tính xấu và tính tốt của người Việt hình như là bằng nhau*".

Một số ý kiến táo bạo như của Bá Dương trong *Người Trung Quốc xấu xí*, hoặc những lời phê phán mạnh mẽ của một số trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX đối với thói hư tật xấu người Việt, đôi khi cũng có chỗ khó tránh khỏi rơi vào cực đoan mà chúng ta ngày nay cần phải thận trọng xem xét. Việc trung thực vạch ra những thói xấu/ khuyết tật nhiều như vậy là cần thiết để cầu tiến bộ, song cũng cần khẳng định những tính cách/ đức tính tốt cơ bản của người dân Việt, miễn đừng tự hào quá đáng, bởi nếu không, sẽ rất dễ rơi vào hướng ngược lại là tình trạng tự ti mặc cảm, bất lợi cho sự phát triển mọi mặt của dân tộc trong tương lai.

- Một số tính cách được ghi nhận bị cho là xấu/ tiêu cực nhưng đôi khi không hẳn là tính xấu/ tiêu cực thật sự (như: lười biếng, không thiết việc đời, thích an nhàn, dĩ hòa vi quý, trung dung, an phận thủ thường...). Có trường hợp bị coi là xấu chỉ vì nó hạn chế sự tiến bộ theo kiểu văn minh vật chất phương Tây, nhưng lối sống cực đoan theo các nước tiên tiến phương Tây cũng gặp phải nhiều vấn nạn và chưa hẳn đã là mô hình phát triển tuyệt vời đáng để cho mọi quốc gia khác trên thế giới noi theo. Một nước Nhật noi gương phương Tây thành công, ai cũng khâm phục, giàu có nhờ khả năng phát triển thần tốc của khoa học - kỹ thuật và kinh tế với thu nhập đầu người tính bằng tiền rất cao, tính cách của người Nhật cũng có những mặt thay đổi tích cực phù hợp theo hướng kinh tế thị trường, nhưng trong đó con người luôn phải tất bật căng thẳng trong cuộc sống liên tục bị dồn nén, bệnh tật

cũng nhiều theo do ăn uống quá thừa mứa, để xảy ra nhiều trục trặc trong đời sống tâm lý khiến hạnh phúc bị giới hạn,... nếu xét kỹ, chưa chắc xứng đáng là mô hình gương mẫu của nền văn minh hiện đại. Hình ảnh ngược lại với một số cường quốc đang ngông cuồng chạy theo nền văn minh vật chất là các nước Lào, Campuchia, Myanmar (Miến Điện)... Trước đây, theo truyền thống, nhờ nền kinh tế Phật giáo (Buddhist Economy), họ có được cuộc sống tương đối bình ổn, nhưng bây giờ thì đã khác rồi, và ngày càng giống với Trung Quốc, Việt Nam... hơn do bị cuốn hút vào trào lưu công nghiệp hóa hiện đại hóa. Họ vì thế đang phải đứng trước những thách thức thật sự đáng lo ngại trong việc phải đối đầu với hiểm họa môi trường từ các dự án xây dựng gây ra, kèm theo là hiện tượng tiêu cực tham nhũng, hố ngăn cách giàu nghèo ngày một gia tăng...

Một xã hội "tiêu cực" có nhiều người làm thơ, uống rượu, đi tu,... coi thường của cải vật chất, chắc chắn chậm phát triển nhưng cũng sẽ ít có sự giành giật, cướp bóc, và nhất là chiến tranh. Một xã hội ít dùng luật pháp theo kiểu "dĩ hòa vi quý" cũng sẽ giảm bớt được nạn kiện tụng... Nói chung, trong lối sống tiêu cực vẫn có mặt tích cực, và ngược lại. Vì vậy người Việt Nam hiện nay tuy vẫn phải tự điều chỉnh tính cách của mình theo hướng tích cực để phát triển kinh tế - xã hội nhưng chỉ nên tham khảo học hỏi theo lối sống văn minh để xây dựng riêng cho đất nước dân tộc mình cuộc sống ấm no hạnh phúc trong sự hài hòa vừa phải chứ không nên nhất nhất đều rập khuôn chạy theo các nước tiên tiến Âu Mỹ.

- Thói hư tật xấu của người Việt thường dân và người Việt công quyền đã thật sự tăng lên khá nhiều trong khoảng nửa thế kỷ nay. Đó là sản phẩm của môi trường văn hóa đạo đức xuống cấp ngày càng trầm trọng trong một bối cảnh chuyển biến hết sức đặc thù của lịch sử. Về mức độ trầm trọng, "*mật độ lỗi văn hóa trong ứng xử của người Việt hôm nay đang thành vấn nạn, bởi sự dày đặc đáng lo ngại của nó đang được thông tin hằng ngày trên báo chí truyền thông*" (Nguyễn Thị Minh Thái, tlđd.).

Một độc giả tham dự diễn đàn "Người Việt - Phẩm chất và thói hư tật xấu" trên *TPO* thừa nhận "*Chúng ta cứ ca ngợi văn hóa của người Hà Nội nhưng thực tế văn hóa đó không còn nữa rồi*". Ý nói người Hà Nội đã không còn thanh lịch so với trước đây khoảng 50 - 60 năm. Trong bài viết "Chỉ tên những tật xấu của người Việt thời nay" (*Tuanvietnam.net*, tlđd.), tác giả Phạm Gia Minh, người gốc Bắc, cũng đưa ra nhận định: "*Chắc nhiều người còn nhớ thời kỳ sau năm 1975, ai đi Nam về cũng có chung một nhận định: trẻ con trong đó hầu như rất ít nói bậy và viết những điều tục tĩu lên tường nơi công cộng, đi đâu về nhà thì lễ phép cung kính chắp hai tay thưa gửi người bề trên. Đặc biệt, chẳng may ra đường có bị đụng xe thì người ta cũng không mấy khi nổi khùng cãi vã dẫn tới xô xát như bây giờ. Trẻ em ở vùng bà con theo Thiên Chúa giáo cũng có những nét sinh hoạt như vậy, và nhiều bậc cha chú cho tới nay vẫn còn giữ những hoài niệm đẹp về người Tràng An thuở trước thanh lịch, tế nhị mà rất đỗi phong lưu*".

Những sự thay đổi theo hướng ác hóa (xấu đi) như vừa nêu trên cho thấy xã hội đã và đang "có vấn đề". Mà vấn đề chỉ là ở chỗ các loại thói hư tật xấu biểu hiện đa dạng đã tăng mạnh trong một không gian - môi trường xã hội hoặc bối cảnh lịch sử cụ thể nhất định nào đó. Trong trường hợp này, thói hư tật xấu có những nguồn cội phát triển rõ ràng từ sự suy thoái chung của cả một thời kỳ lịch sử - xã hội trong đó các yếu tố tiêu cực tác động làm tha hóa con người có thể được tìm thấy nhiều hơn so với những thời kỳ khác trước đó…

[…]

Trong hệ giải pháp được đề nghị trên kia để khắc phục thói hư tật xấu, giải pháp chỉnh đốn nền giáo dục và củng cố luật pháp xem ra có tầm quan trọng hơn cả. Ngoài ra, còn có vai trò tích cực của các phương tiện truyền thông qua việc góp phần phê phán, như từ trước tới nay vẫn làm, để đẩy lùi những thói hư tật xấu ra khỏi đời sống hiện đại của người Việt, ngành báo chí - xuất bản vì thế cũng tỏ ra hết sức quan trọng. Nhưng trong điều kiện hiện nay mọi nỗ lực cải cách trong nhiều năm nay đều chỉ được tiến hành một cách nửa vời, không đưa đến những hiệu quả thực tế như mong muốn. Thí dụ nói về bệnh giả dối đang rất phổ biến trong xã hội hiện nay, có ý kiến chính đáng cho rằng, muốn chữa được, "*cần phải có một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh… đòi hỏi sự trung thực và can đảm của hệ thống chính trị*" (xem *Tuổi Trẻ*, 10.10.2012).

Cho nên có thể nói đổi mới tư duy lãnh đạo cũng là tiền đề của cải cách văn hóa, giáo dục, lối sống, cũng như của mọi

công cuộc cải cách khác. Không có cái nền đó thì bao nhiêu tiếng nói, đề án của giới nhân sĩ trí thức văn hóa giáo dục rốt cuộc cũng chỉ trở thành những tiếng kêu gào vô vọng!

Người dân Việt Nam lâu nay đã quen sống ì với những thói xấu/ khuyết tật của mình, không chịu "cải hóa tự tân" vì thiếu cả lòng tin lẫn động lực thúc đẩy đổi mới, cho nên vấn đề bức thiết cốt lõi hiện nay vẫn là cần tiến hành sớm việc cải cách thể chế, như một cách để phà vào xã hội một luồng không khí mới tươi mát, có tác dụng kích hoạt mạnh mẽ, tương tự như phong trào Tân văn hóa ở Trung Quốc hay Duy tân ở Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX vậy.

Nhưng công cuộc cải tạo văn hóa thông qua quá trình giáo dục công dân là một quá trình của lượng biến thành chất, đòi hỏi thời gian lâu dài. Để có được bước đột phá, nhằm thúc đẩy nhanh các quá trình thực hiện, điều kiện tiên quyết vẫn là phải can đảm thừa nhận các thói xấu/ khuyết tật, và trung thực chỉ ra những sự thật nào là nguyên nhân cơ bản làm phát sinh ra chúng, không chút úy kỵ.

Về đổi mới tư duy lãnh đạo và cải cách kinh tế, điều kiện cơ bản để xây dựng đạo đức - văn hóa - giáo dục, chúng ta đã bắt đầu thấy được vài tín hiệu lạc quan hơn rồi. Đặc biệt, với bản thông điệp tuyên bố vào đầu năm nay, người đứng đầu Chính phủ đã bàn trúng vấn đề cơ bản nhất: phải cải cách thể chế, mở rộng mạnh mẽ dân quyền và dân chủ.

15.5.2014

Mục lục

NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH

THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG CON MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Vương Trí Nhàn
(Sưu tầm và Biên soạn)

Trần Văn Chánh
(Tổng thuật và Luận giải)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập : **TRẦN THỊ ANH**
Sửa bản in : **BÁ KỲ**
Trình bày : **HOÀNG VÂN**
Bìa : **NGỌC KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38256713 - 028.38223637 - 028.38247225
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ◆ **ĐT: 028.38256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ◆ **ĐT: 028.39433 868**

GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH TP. HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP. HCM

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm
Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
510 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
XNĐKXB: 4077-2018/CXBIPH/02-335/THTPHCM cấp ngày 9/11/2018
QĐXB số: 1448/QĐ-THTPHCM-2018 ngày 17/12/2018
ISBN: 978-604-58-8418-8
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2018

ISBN 978-604-58-8418-8


Công cuộc cải tạo văn hóa thông qua quá trình giáo dục công dân là một quá trình của lượng biến thành chất, đòi hỏi thời gian lâu dài. Để có được bước đột phá, nhằm thúc đẩy nhanh các quá trình thực hiện, điều kiện tiên quyết vẫn là phải can đảm thừa nhận các thói xấu/ khuyết tật, và trung thực chỉ ra những sự thật nào là nguyên nhân cơ bản làm phát sinh ra chúng, không chút úy kỵ.

TRẦN VĂN CHÁNH



Thông thường thì gọi là thói hư tật xấu của người Việt Nam, nhưng thực ra nó là trình độ sống, trình độ làm người của người Việt Nam... Điều quan trọng bây giờ là tự nhận thức mình xem anh là người thế nào, anh là ai. Tất cả tương lai của dân tộc nằm trong hành động này... Một trong những thói xấu của người Việt Nam là rất sợ nói đến thói xấu... Cả xã hội đóng băng trong sự tự khen thưởng... Nhưng thói xấu lớn nhất vẫn là sợ người khác nói xấu mình. Làm ăn với nước ngoài mà cứ lấy tinh vặt (ranh ma, khôn vặt) làm kế sinh lãi...

VƯƠNG TRÍ NHÀN

(Trích bài trả lời phỏng vấn *báo Tiền Phong*, 21.9.2006)

Cuốn **NGƯỜI XƯA CẢNH TỈNH** này chính là một bản tổng hợp có hệ thống của Vương Trí Nhàn ý kiến phát biểu trên sách báo của các vị tiền bối đầu thế kỷ XX mà anh Nhàn đã cố công sưu tập được trong nhiều năm từ trong đống sách báo cũ... Có thể coi đây là một việc làm công phu, độc đáo, góp phần rất lớn vào việc "xét tật mình", mà người Việt thời nay, đặc biệt thế hệ trẻ có quan tâm tới tiền đồ dân tộc, nên coi là một tập cẩm nang xây dựng đất nước.

TRẦN VĂN CHÁNH

(Trích *Tựa*)

